

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH



ISO 9001:2015

PHẠM VĂN PHƯƠNG

**TÍN NGƯỠNG THỜ ANH HÙNG DÂN TỘC
TRẦN VĂN THÀNH Ở TỈNH AN GIANG**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH VĂN HÓA HỌC

Mã ngành: 9229040

TRÀ VINH, NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

PHẠM VĂN PHƯƠNG

TÍN NGƯỠNG THỜ ANH HÙNG DÂN TỘC
TRẦN VĂN THÀNH Ở TỈNH AN GIANG

Ngành: Văn hóa học

Mã ngành: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS Nguyễn Chí Bền**

TRÀ VINH, NĂM 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là luận án do chính tôi nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của GS.TS Nguyễn Chí Bền.

Kết quả nghiên cứu, số liệu, hình ảnh trong luận án chính xác, trung thực và có trích nguồn rõ ràng.

Trà Vinh, ngày ... tháng... năm 2023

Nghiên cứu sinh

Phạm Văn Phương

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu Trường Đại học Trà Vinh và tập thể Phòng Đào tạo Sau đại học; Trường Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ và Nhân văn đã tạo điều kiện và giúp đỡ trong quá trình học tập tại trường.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn **GS.TS Nguyễn Chí Bền** đã tận tình hướng dẫn, giúp tôi hoàn thành được luận án của mình. Tôi xin chân thành cảm ơn tập thể giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong khóa học. Tôi cũng xin cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn ủng hộ, động viên, tạo điều kiện và giúp đỡ trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận án.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
2.1 Mục đích nghiên cứu.....	2
2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
3.1 Đối tượng nghiên cứu.....	3
3.2 Phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.....	4
4.1. Câu hỏi nghiên cứu	4
4.2. Giả thuyết nghiên cứu	4
5. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....	5
5.1. Hướng tiếp cận liên ngành	5
5.2. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Điểm mới của luận án	7
7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	7
8. Cấu trúc của luận án	8
PHẦN NỘI DUNG	9
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU, KHÁI LƯỢC ĐẤT - NGƯỜI AN GIANG VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	9
1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	9
1.1.1. Nhóm công trình về lịch sử, văn hóa và con người Nam Bộ.....	9
1.1.2. Nhóm công trình về tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội Nam Bộ.....	11
1.1.3. Nhóm công trình về tỉnh An Giang và nhân vật lịch sử Trần Văn Thành.....	13
1.1.4. Đánh giá chung	16

1.2. KHÁI LƯỢC VỀ ĐẤT VÀ NGƯỜI AN GIANG	17
1.2.1. An Giang - vùng đất hội tụ những nét đặc trưng của Tây Nam Bộ	17
1.2.2. Người An Giang - một khối dân tộc đồng cư cộng cảm	19
1.3. CƠ SỞ LÝ LUẬN	21
1.3.1. Một số khái niệm nghiên cứu	21
1.3.2. Lý thuyết nghiên cứu đề tài luận án	25
1.3.3. Cách tiếp cận	27
Tiểu kết chương 1	30
CHƯƠNG 2: CÁC THÀNH TỐ CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH... 31	
2.1. CHÂN DUNG ANH HÙNG DÂN TỘC TRẦN VĂN THÀNH..... 31	
2.1.1. Đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp	31
2.1.2. Những truyền thuyết liên quan..... 33	
2.2. CƠ SỞ THỜ TỰ TRẦN VĂN THÀNH..... 42	
2.2.1. Đền thờ Trần Văn Thành	42
2.2.2. Các dinh thờ Trần Văn Thành..... 47	
2.3. LỄ HỘI TRẦN VĂN THÀNH..... 62	
2.3.1. Công tác chuẩn bị cho lễ hội Trần Văn Thành	62
2.3.2. Lễ hội tại đền thờ Trần Văn Thành	64
2.3.3. Lễ hội Trần Văn Thành tại Dinh Sơn Trung..... 72	
2.3.4. Lễ hội tại các Dinh Ông Thê	76
Tiểu kết chương 2..... 79	
CHƯƠNG 3: BÀN LUẬN VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH Ở TỈNH AN GIANG..... 81	
3.1. SO SÁNH TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH VỚI TÍN NGƯỠNG THỜ CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ Ở TỈNH AN GIANG..... 81	
3.1.1. Những nét tương đồng trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với tín ngưỡng thờ các vị anh hùng ở tỉnh An Giang..... 81	
3.1.2. Những nét dị biệt trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với tín ngưỡng thờ các vị anh hùng ở tỉnh An Giang..... 84	

3.2. SỰ DUNG HỢP ĐẠO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH	99
3.2.1. Sự dung hợp quan niệm Đạo và Đồi	99
3.2.2. Sự dung hợp quan niệm về học Phật và tu Nhân	103
3.2.3. Sự dung hợp quan niệm về Tứ ân	104
3.3. VAI TRÒ CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN TỈNH AN GIANG	107
3.3.1. Xây dựng niềm tin và điều chỉnh hành vi của người dân	107
3.3.2. Giáo dục tinh thần yêu nước	114
3.3.3. Củng cố sự đoàn kết cộng đồng	117
3.3.4. Giữ gìn văn hóa truyền thống của địa phương	119
Tiểu kết chương 3	124
KẾT LUẬN	126
TÀI LIỆU THAM KHẢO	129
PHỤ LỤC 1. HÌNH ẢNH	1
PHỤ LỤC 2. CÂU HỎI PHỎNG VẤN	20
PHỤ LỤC 3. TRÍCH BIÊN BẢN LIÊN QUAN NỘI DUNG LUẬN ÁN	23
PHỤ LỤC 4. MỘT SỐ CƠ SỞ THỜ TRẦN VĂN THÀNH	37
PHỤ LỤC 5. CÁC BÀI VĂN CÚNG	38

CÁC BẢNG BIỂU THỊ TRONG LUẬN ÁN

Bảng 1.1: Khung lý thuyết của luận án	29
Bảng 2.1: Hệ thống các ngôi thờ trong đền Trần Văn Thành	45
Bảng 3.1: Nghi thức thực hành tín ngưỡng Nguyễn Hữu Cảnh và Trần Văn Thành ..	86
Bảng 3.2: Nghi thức thực hành tín ngưỡng Thoại Ngọc Hầu và Trần Văn Thành	91
Bảng 3.3: Nghi thức thực hành tín ngưỡng Nguyễn Trung Trực và Trần Văn Thành	95

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Truyền thống “*uống nước nhớ nguồn*”, “*ăn quả nhớ người trồng cây*” là dấu khắc trong tâm thức văn hóa của người Việt Nam, được hun đúc mạnh mẽ và sâu sắc trong giai đoạn khốn hoang lập ấp ở Tây Nam Bộ. Đặc biệt là sự tri ân và tôn vinh đối với những bậc tiền nhân đã đem trí tuệ, tài năng, lòng dũng cảm, đức hy sinh để bảo vệ đất nước và xây dựng xóm làng. Đối với nhân dân họ đã trở thành hình tượng đẹp, sự đấu tranh dũng cảm, kiên cường chống xâm lược sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa của họ là những tấm gương sáng cần được tôn thờ để đời sau noi theo. Cho đến hôm nay, chiến công và sự hy sinh của các vị anh hùng: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Tú Kiệt, Thiên Hộ Dương, ... là hình tượng bất tử trong niềm tin của cộng đồng người Tây Nam Bộ. Những cơ sở thờ tự với một quy trình lễ hội có tính quy chuẩn và phổ biến ở các tỉnh thành là minh chứng sống động, hùng hồn cho sức mạnh niềm tin của con người đối với nhân vật được tôn thờ.

An Giang là một tỉnh thuộc Tây Nam Bộ, nơi được xem là vùng đất đa dân tộc, đa tôn giáo. Trên địa bàn của tỉnh một mạng lưới dày đặc các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo cùng với đền thờ các nhân vật lịch sử có công với đất nước được sinh ra trên đất An Giang, trong đó có Anh hùng dân tộc Trần Văn Thành (xin viết gọn là Trần Văn Thành). Ông có công giúp dân khốn hoang, xây dựng xóm làng, khởi nghĩa chống giặc Pháp xâm lược bảo vệ quê hương, đã được người dân kính trọng, tin yêu và tôn thờ. Ngoài ra, Trần Văn Thành còn là thủ lĩnh của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương - một tôn giáo bản địa đã thu hút được nhiều tín đồ ở các tỉnh Tây Nam Bộ.

Trong kháng chiến chống Pháp Trần Văn Thành đã hy sinh và trở thành một tấm gương anh dũng trong tâm thức của người dân. Với quan niệm “*sinh vi tướng tử vi thần*” người dân An Giang lập đền thờ và tôn kính gọi ông là Đức Cố Quán. Đền thờ Quán cơ Trần Văn Thành đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là *Di tích Lịch sử cấp Quốc gia* (quyết định số 235/VH-QĐ ngày 12 tháng 12 năm 1986). Hiện nay, tín ngưỡng này lan rộng trong đời sống tinh thần người dân không chỉ ở An Giang.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã trở thành tập quán văn hóa tốt đẹp trong đời sống tinh thần của người dân An Giang và biểu hiện rõ nét trong lễ hội được tổ chức ở các cơ sở thờ tự. Qua lễ hội, những giá trị văn hóa như: đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, lòng yêu nước thương dân, tinh đoàn kết cộng đồng vượt qua gian khổ để đi

đến thành công; đồng thời giáo dục các thế hệ hiện tại một ý chí mạnh mẽ để bảo vệ thành quả mà các bậc tiền nhân đã đem trí tuệ, lòng dũng cảm, sự sáng tạo để đấu tranh, gầy dựng và vun đắp. Đó là những giá trị văn hóa truyền thống to lớn được hình thành, phát triển trên vùng đất An Giang và tích tụ trong tục thờ Anh hùng dân tộc của người dân; trong đó tín ngưỡng Trần Văn Thành đã góp phần quan trọng trong việc kiến tạo diện mạo văn hóa của tỉnh. Việc nghiên cứu tín ngưỡng Trần Văn Thành dưới góc nhìn Văn hóa học có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn. Nhất là trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc như: lòng yêu nước thương dân, ý thức bảo vệ tổ quốc, trách nhiệm xây dựng và phát triển quê hương là những các giá trị rất cần thiết và quan trọng đối với thế hệ trẻ tỉnh An Giang trong giai đoạn hiện nay.

Do đó, chúng tôi chọn đề tài ***Tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang*** làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành Văn hóa học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Luận án làm rõ nguồn gốc, đặc điểm, vai trò, giá trị văn hóa, sự đóng góp của tín ngưỡng Trần Văn Thành trong mối tương quan với các tín ngưỡng tôn giáo khác ở tỉnh An Giang.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu nêu trên, chúng tôi sẽ tập trung vào các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Làm rõ một số khái niệm công cụ, ứng dụng luận điểm của các lý thuyết tiếp cận để làm rõ đối tượng nghiên cứu và cung cấp một cái nhìn khái quát về đất - người An Giang.

- Khảo sát hiện trạng vận hành tín ngưỡng Trần Văn Thành trong đời sống cộng đồng cư dân ở An Giang: trình bày quá trình “thiên hóa” Trần Văn Thành qua truyền thuyết và cơ sở thờ tự; trình bày đặc điểm nghi lễ và cách thức tổ chức lễ hội của người dân địa phương.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng và so sánh tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với tín ngưỡng thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu và Nguyễn Trung Trực ở An Giang.

- Luận giải vai trò, ý nghĩa của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành ở trong đời sống tinh thần của người dân An Giang.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành về đặc điểm nghi lễ, không gian thờ tự, cách thức vận hành tín ngưỡng này trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân ở tỉnh An Giang.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Không gian nghiên cứu: khi nghiên cứu tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành chúng tôi xác định có ba không gian nghiên cứu về địa lý liên quan đến nguồn tài liệu tham khảo sử dụng trong nội dung đề tài, đó là: Nam Bộ, Tây Nam Bộ và tỉnh An Giang. Vì trên thực tế, đã có những nghiên cứu trước đây tuy tên sách, đề tựa, tiêu đề là nghiên cứu văn hóa Nam Bộ song nội dung chủ yếu đề cập đến Tây Nam Bộ (hay còn gọi Đồng bằng sông Cửu Long).

Địa bàn khảo sát: tập trung nghiên cứu tại tỉnh An Giang ở hai cơ sở thờ tự chính, như: 1/ Đền thờ Trần Văn Thành tại xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; 2/ Dinh Sơn Trung ở xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Ngoài ra, chúng tôi còn mở rộng nghiên cứu sự phối thờ Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang ở các cơ sở thờ tự khác, như: Dinh Ông Thè ở xã Cần Đăng, huyện Châu Thành; đình làng Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú; đình phường Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc.

Các cơ sở thờ tự ở những địa điểm được chọn đảm bảo tính đại diện đặc thù trong nghiên cứu cũng là trung tâm hình thành tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành. Hiện nay, các cơ sở thờ tự và thực hành nghi lễ thờ Trần Văn Thành tại các địa điểm trên được Nhà nước và cộng đồng dân cư bảo tồn và phát huy.

Thời gian nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang từ năm 2014 đến nay. Năm 2014, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh An Giang và huyện Châu Phú đã tổ chức Hội thảo khoa học “Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành”. Đây là mốc thời gian cho thấy sự quan tâm của các cấp chính quyền ở An Giang về tín ngưỡng tôn giáo và nhân vật lịch sử Trần Văn Thành được nghiên cứu rõ nét và sâu sắc ở góc độ lịch sử và văn hóa. Qua đó, khẳng định vai trò của Trần Văn Thành trong lịch sử chống ngoại xâm và những đóng góp to lớn của ông đã được người dân Láng Linh – Bảy Thưa nói riêng, tỉnh An Giang nói chung tôn vinh và kính trọng. Hội thảo cùng dư luận xã hội đã tác động đến chủ trương xây dựng tượng đài Trần Văn Thành (Sở Văn hóa Thể thao - Du lịch An Giang

đã cấp phép xây dựng ngày 27/ 10/ 2015) tại Dinh Chánh Quán cơ Trần Văn Thành ở Cồn Nhỏ, huyện Châu Phú và hoàn thành vào ngày 19 / 12/ 2015, đáp ứng được nguyện vọng của người dân An Giang. Khoảng thời gian trên đã trải qua hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và XIII của Đảng. Chúng ta thấy được sự chuyển biến trong quản lý và bảo tồn các di tích văn hóa. Chiến lược phát triển văn hóa mà Chính phủ ban hành là quan tâm và triển khai những chính sách giúp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của các dân tộc; đồng thời tác động rất lớn đến lộ trình quản lý văn hóa ở các địa phương, trong đó có tỉnh An Giang.

Với thời gian xác định nghiên cứu trên, luận án còn sử dụng nghiên cứu lịch đại qua các tài liệu, dã sử, lời kể của các bậc cao niên, các vị thủ từ,... để có thể tái hiện tín ngưỡng một cách hoàn chỉnh và hệ thống.

Phạm vi tài liệu: chúng tôi tổng hợp, kế thừa các kết quả nghiên cứu đi trước có liên quan đến đề tài và sử dụng kết quả nghiên cứu thực địa tại cơ sở thờ tự Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang. Các nội dung phân tích, đánh giá cũng như ý nghĩa văn hóa của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành còn được mở rộng theo tầm nhìn phát triển văn hóa - xã hội của địa phương (đến năm 2030).

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để làm rõ mục đích nghiên cứu đã được đề ra ở trên, chúng tôi đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu chính như sau:

Câu hỏi 1: Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành ra đời khi nào, ở đâu và diễn biến như thế nào?

Câu hỏi 2: Các thành tố của tín ngưỡng Trần Văn Thành biểu hiện như thế nào và có vai trò gì đối với đời sống tinh thần của người dân An Giang?

Câu hỏi 3: Tín ngưỡng thờ nhân vật lịch sử Trần Văn Thành có gì khác với tín ngưỡng thờ các nhân vật lịch sử: Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Trung Trực ở An Giang?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Để trả lời ba câu hỏi nghiên cứu trên, chúng tôi đưa ra ba giả thuyết sau:

- Giả thuyết thứ nhất: Khi tham gia chống Pháp, Trần Văn Thành được sự tín nhiệm và ủng hộ của người dân. Khi Trần Văn Thành không còn nữa, người dân lập đền thờ ở An Giang và tổ chức lễ hội hàng năm. Người dân An Giang đã thiêng hóa

một nhân vật lịch sử thành một nhân vật tín ngưỡng. Tín ngưỡng Trần Văn Thành đã trở thành tín ngưỡng dân gian và mang lại nhiều tầng ý nghĩa cho người dân địa phương. Trong suốt thời gian 150 năm, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được hình thành và diễn ra cùng niềm tin đón nhận của người dân ngày càng được bền vững.

- Giả thuyết thứ hai: Trong mùa lễ hội, các thành tố văn hóa được người dân quan tâm cùng với các hoạt động của lễ hội. Người dân tự nguyện làm mới yếu tố văn hóa tín ngưỡng thể hiện qua: cơ sở thờ tự, các lễ vật trưng bày và dâng cúng; Văn hóa tinh thần trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành thể hiện qua: Truyền thuyết, nghi lễ, niềm tin của người dân và mối quan hệ giữa Trần Văn Thành với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Trên phương diện văn hóa, tín ngưỡng Trần Văn Thành gìn giữ niềm tin tín ngưỡng trong sự sáng tạo truyền thống cũng như tâm lý và ý thức của người dân nơi đây. Hình tượng Trần Văn Thành trong tâm thức của người dân cùng với các nghi thức biểu đạt của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã quy định hành vi và vai trò của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với người dân An Giang.

- Giả thuyết thứ ba: Tín ngưỡng Trần Văn Thành được sự ngưỡng mộ của người dân An Giang. Tín ngưỡng này không ngừng lan tỏa trong vùng đất An Giang cùng với tín ngưỡng thờ các nhân vật lịch sử: Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu và Nguyễn Trung Trực. Đặc điểm của tín ngưỡng Trần Văn Thành là gắn với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (Trần Văn Thành là người kế thừa và tiếp quản Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thay cho Đoàn Minh Huyên). Hiện nay, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã tạo được sức mạnh trong lòng người dân An Giang.

5. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Hướng tiếp cận liên ngành

Văn hóa học là một ngành khoa học nghiên cứu về văn hóa. Cách tiếp cận văn hóa học theo hướng liên ngành để tiếp cận đối tượng nghiên cứu dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Vì vậy, nghiên cứu tín ngưỡng Trần Văn Thành chúng tôi thực hiện tiếp cận liên ngành: sử học, văn hóa dân gian, tôn giáo học, xã hội học. Hướng tiếp cận liên ngành cùng với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu đặc thù của mỗi ngành, giúp chúng tôi làm rõ những vấn đề về lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng liên quan đến Trần Văn Thành - nhân vật được người dân An Giang tin thờ nhưng hiện nay có rất ít tài liệu đề cập đến. Cụ thể: vận dụng Sử học để biết được quá trình phát triển tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trong bối cảnh lịch sử xã hội nhất định; vận dụng ngành Tôn giáo

học để biết được mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương; vận dụng ngành Xã hội học để xây dựng nội dung liên quan đến đối tượng và mục đích nghiên cứu. Từ đó, chúng tôi thành lập nội dung gắn với luận án và phiếu phỏng vấn sâu. Đồng thời, chúng tôi khám phá văn hóa của người dân địa phương và khách du lịch trong ngày lễ hội tưởng nhớ Trần Văn Thành.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Phương pháp phân tích tổng hợp

Trên cơ sở các tài liệu đã có sẵn của các nhà nghiên cứu đi trước đã công bố chính thức ở thư viện, internet,... Các tài liệu đó có thể là sách, đề tài khoa học, tạp chí, công trình chuyên khảo được chúng tôi thu thập, tổng hợp và chắt lọc ra tài liệu có nội dung gắn với đề tài làm căn cứ khoa học cho việc nghiên cứu. Qua đó, phân tích dữ liệu xem các công trình này đã nghiên cứu đến đề tài này chưa và nếu có thì nghiên cứu đến mức độ nào để có thể góp phần làm rõ trong luận án.

5.2.2 Phương pháp nghiên cứu xã hội học

Phỏng vấn sâu: Nghiên cứu sinh dùng phương pháp này để phỏng vấn một số nhà quản lý văn hóa, ban quản lý đền, dinh về nội dung liên quan đến ông Trần Văn Thành. Phỏng vấn người dân tham dự lễ hội tại cơ sở thờ tự. Đối tượng phỏng vấn cho nội dung nghiên cứu của luận án đa dạng về giới, lứa tuổi, nghề nghiệp nhưng có đối tượng chủ đích và có đối tượng ngẫu nhiên. Chính phương pháp này đem lại nhiều thông tin có ích cho luận án để nhận diện quá trình hình thành tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và đời sống tâm linh của người dân ở An Giang.

Quan sát tham dự: Chúng tôi đi đến địa bàn có cơ sở thờ tự ông Trần Văn Thành và tham dự chương trình lễ hội, nghi thức thờ cúng Trần Văn Thành ở đền thờ. Khi đi tham dự, tôi dùng nhiều thao tác để lưu trữ dữ liệu như: quay phim, chụp hình, ghi chép, quan sát, phát phiếu... Từ đó, chúng tôi khảo tả ngôi đền, dinh nơi thực hành tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và không gian thiêng của tín ngưỡng thông qua lễ hội. Luận án đặc tả một số hoạt động thực hành tín ngưỡng tiêu biểu của Ban Tổ chức, người dân và khách hành hương đến tham dự tại cơ sở thờ tự.

So sánh, đối chiếu: Dựa vào phương pháp này để so sánh sự khác biệt và tương đồng của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với các nhân vật lịch sử Nguyễn Trung Trực, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Hữu Cảnh trong cùng một địa bàn là tỉnh An Giang. Dựa trên những cứ liệu đã thu thập để tìm ra cái chung và cái riêng của tín ngưỡng thờ

Trần Văn Thành nhằm hoàn thiện mục đích nghiên cứu mà luận án đã đề ra. Chính nhờ phương pháp so sánh đã phát hiện ra tính tích hợp và kế thừa của tín ngưỡng trong đời sống tâm linh và trở thành tài sản tinh thần chung cho người dân An Giang.

6. Điểm mới của luận án

Luận án hệ thống hóa nguồn tài liệu về tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành, đồng thời vận dụng các lý thuyết nghiên cứu văn hóa (lý thuyết cấu trúc chức năng, lý thuyết vùng văn hóa), kết hợp với kết quả khảo sát thực địa làm sáng tỏ thân thế, sự nghiệp, quá trình thiên hóa, nguồn gốc hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ Anh hùng dân tộc Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang.

Luận án tập hợp những truyền thuyết về nhân vật tôn thờ; làm rõ đặc điểm kiến trúc, quy trình thực hành lễ hội, tinh thần tự quản, thái độ tôn kính của người dân ở các cơ sở thờ tự Anh hùng dân tộc Trần Văn Thành. Sự hình thành lễ hội Trần Văn Thành ở các cơ sở thờ tự là kết quả của đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, tinh thần yêu nước, còn là niềm tin mạnh mẽ của cư dân An Giang đối với những người có công lớn trong lịch sử khẩn hoang và chiến đấu chống ngoại xâm bảo vệ đất nước ở Tây Nam Bộ.

Luận án làm rõ tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành có nét đặc thù so với tín ngưỡng thờ Nguyễn Trung Trực, Thoại Ngọc Hầu và Nguyễn Hữu Cảnh. Sự dung hợp đạo Bửu Sơn kỳ hương trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành chứng minh sự đúng đắn của phương châm “tốt đời đẹp đạo”, phù hợp với chủ trương phát triển văn hóa ở tỉnh An Giang.

Luận án phân tích, đánh giá ý nghĩa, vai trò quan trọng của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân tỉnh An Giang.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

7.1. Ý nghĩa khoa học: Luận án cung cấp cứ liệu khoa học cho việc nghiên cứu tín ngưỡng tôn thờ những nhân vật có công với đất nước ở Tây Nam Bộ Nam Bộ (khu vực Đồng bằng sông Cửu Long): luận án góp phần lý giải vai trò và ý nghĩa của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành (nhân vật trong thời kỳ khởi nghĩa chống Thực dân Pháp xâm lược) trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng và trở thành tín ngưỡng chung của người dân An Giang; luận án góp phần làm cơ sở khoa học cho việc nhận thức về bản chất và vai trò của tín ngưỡng trong đời sống tâm linh của người dân; luận án làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với những người có công với đất nước trong truyền thống văn hóa của người An Giang.

Ngoài ra, luận án cũng đề cập đến sự tác động của yếu tố địa văn hóa và tín ngưỡng dân gian của vùng bán sơn địa An Giang góp phần hình thành tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trong tri thức bản địa của người dân. Việc thực hành tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành mang yếu tố văn hóa bản địa trong mối liên hệ với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp thêm tư liệu cho người đọc hiểu biết đầy đủ hơn về tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành ở An Giang. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu đề tài sẽ là nguồn tài liệu có độ tin cậy, đóng góp cho các tổ chức, cá nhân trong việc nghiên cứu, giảng dạy và thực hành về văn hóa tín ngưỡng góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa địa phương. Luận án góp vào nguồn tài liệu tham khảo giúp các nhà nghiên cứu, quản lý văn hóa, chính quyền địa phương hiểu rõ hơn những yếu tố khoa học và tích cực làm nên giá trị văn hóa của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành; qua đó, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động để bảo tồn, phát huy và khai thác đúng hướng loại hình du lịch văn hóa tâm linh ở tỉnh An Giang.

8. Cấu trúc của luận án

Luận án gồm hai phần: Chính văn và Phụ lục. Phần Chính văn, ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, nội dung luận án có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tài liệu, khái lược đất - người An Giang và cơ sở lý luận

Chương 2: Các thành tố của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành

Chương 3: Bàn luận về tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang

Phần phụ lục gồm: Ảnh, cơ sở thờ Trần Văn Thành, câu hỏi phỏng vấn, mẫu trích biên bản phỏng vấn.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU, KHÁI LƯỢC ĐẤT

- NGƯỜI AN GIANG VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Nhìn nhận nghiên cứu về tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc Trần Văn Thành, cần đặt các công trình nghiên cứu trong tổng thể :

- Nhóm các công trình về lịch sử, văn hóa và con người Nam Bộ
- Nhóm các công trình về tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội Nam Bộ
- Nhóm các công trình về tỉnh An Giang và tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành

Dưới đây chúng tôi xin đi vào từng nhóm:

1.1.1. Nhóm công trình về lịch sử, văn hóa và con người Nam Bộ

Từ trước đến nay đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về Nam Bộ; trước tiên là tập bút ký *Đồng bằng sông Cửu Long* (1981) của tác giả Phan Quang, miêu tả sống động một vùng đất giàu tiềm năng. Trên cơ sở nghiên cứu và trải nghiệm, tác giả đã khắc họa những nét đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long - một vùng sinh thái tự nhiên đa dạng ẩn tàng nhiều điều kỳ bí. Đối với tác giả, đây là một vùng đất có lịch sử được viết bằng máu, nước mắt và mồ hôi của lưu dân. Trên hành trình định hình và phát triển có vai trò của sông Mẹ (Cửu Long) cùng sự hào phóng ban tặng phẩm vật của thiên nhiên đã tác động rất lớn đến đời sống vật chất và tinh thần con người; tác động đến tư duy, tập quán làm ăn và lối sống con người nơi đây. Tất cả là cơ sở hình thành một tính cách đặc trưng của người Tây Nam Bộ: “Lòng yêu nước nồng nàn và kiên định; dũng cảm, ngang tàng, phóng khoáng; hiếu khách, trọng nghĩa khinh tài; sẵn sàng tiếp thu cái mới; bộc trực, ăn nói thẳng thắn, ít khi văn hoa, rào đón” (Phan Quang, trang 463 - 477). Cũng ở phương diện này là bút ký biên khảo của nhà văn Sơn Nam. Cuốn *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* (tái bản 1994) phản ánh quá trình thích nghi và lao động của con người khi đến khai phá vùng đất Nam Bộ: chinh phục thiên nhiên, cải tạo đất đai, xây dựng làng xóm, sinh cơ lập nghiệp, đồng cư cộng cảm với các dân tộc khác của người Việt trong mấy thế kỷ qua. Đề cập đến văn hóa dân gian Nam Bộ, phải kể đến cuốn *Văn hóa dân gian Nam Bộ - Những phác thảo* (1997) của tác giả Nguyễn Phương Thảo gồm 16 tiểu luận nghiên cứu cơ sở hình thành một nền văn hóa dân gian đặc trưng, như: làng Việt ở Nam Bộ; điều kiện tự nhiên và văn hóa

miệt vườn Bến Tre, lễ hội dân gian của người Việt, tục thờ cúng thần hoàng làng gắn với không gian đình miếu. Tác giả đã chỉ ra được những nét đặc thù của làng Việt Nam Bộ, thiếu chất kết dính về không gian địa lý và xã hội như làng Bắc Bộ, nơi xuất hiện những tôn giáo bản địa như: Cao Đài, Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Dưới góc nhìn lịch sử, tác giả Huỳnh Lứa đã viết về cuộc di cư của các lớp cư dân và lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ qua cuốn *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX* (2000). Tác giả đã chứng minh vùng Nam Bộ “không trẻ” bởi những lớp văn hóa xếp chồng và đan xen nhau qua từng thời kỳ lịch sử. Văn hóa Phương Nam là văn hóa mang tính cộng đồng, mang màu sắc tín ngưỡng bản địa và dấu ấn của Phật giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, tạo nên tính đa dạng và phong phú. Đặc trưng của văn hóa Nam Bộ không tĩnh tại mà luôn thích nghi và biến đổi. Đây chính là phương thức tồn tại và phát triển của văn hóa phương Nam. Cuốn bút ký *Dấu xưa Nam Bộ* (2006) của Hồng Hạnh là những bài sưu khảo và ghi chép của một phóng viên qua những chuyến chiêm nghiệm ở Tây Nam Bộ, Nam Bộ. Nội dung viết về những câu chuyện xưa, không đi sâu phân tích có tính học thuật, song qua đó đã giúp người đọc rút ra được những nét văn hóa và tính cách đặc trưng của người Nam Bộ. Đi sâu nghiên cứu về tính cách Nam Bộ, tác giả Trần Ngọc Thêm trong bài viết *Tính cách văn hóa Nam Bộ như một hệ thống* (2013). Tác giả phân tích về tính cách Nam Bộ thông qua những biểu hiện cụ thể trong ngôn ngữ, phương thức sinh tồn, cách ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Chẳng hạn khi nói về *Tính trọng nghĩa* - 1 trong 5 đặc trưng về tính cách Nam Bộ, tác giả nhận định: “Nam Bộ là đất của dân tứ xứ, con người không quen biết nhau nhưng cũng có nhu cầu tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, do vậy cơ sở của quan hệ giữa họ ở đây không phải tình mà là nghĩa”. Hay, khi phân tích *Tính năng động*: “Hệ quả thứ tư của tính năng động là khả năng dám làm ăn lớn. Đây là nơi tiếp nhận kinh tế thị trường đầu tiên, là nơi "xé rào" "bung ra" đầu tiên. Phần lớn những chủ trương lớn trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đều xuất phát từ Thành phố Hồ Chí Minh và Nam Bộ”. Đi sâu nghiên cứu về lịch sử, văn hóa vùng Tây Nam Bộ, cuốn *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ* (2014) do tác giả Trần Ngọc Thêm chủ biên đã tập hợp nhiều bài viết tiếp cận văn hóa người Việt dưới các góc độ khác nhau. Từ nội dung cuốn sách, người đọc có cơ sở để phân biệt được những nét riêng biệt của văn hóa người Việt ở Tây Nam Bộ và nhìn nhận lại quan điểm phiến diện “gộp chung” khi nghiên cứu về văn hóa Nam Bộ trước đây. Công trình đã đạt

được 4 mục tiêu đề ra được tác giả đề cập đến trong phần mở đầu: 1/Nhận diện tổng quan về cấu trúc văn hóa của người Việt Tây Nam Bộ; 2/ Tính cách văn hóa người Việt - những điểm mạnh, yếu trong bối cảnh hiện nay; 3/ Trình bày và luận giải những hiện tượng văn hóa - xã hội ở Tây Nam Bộ nảy sinh trong quá trình chuyển đổi đường lối kinh tế và mở cửa giao lưu hội nhập quốc tế; 4/ Công trình đóng góp vào Đề án nghiên cứu khoa học trọng điểm của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về “Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập ở khu vực Nam Bộ”. Cuốn sách là tài liệu quan trọng giúp chúng tôi nhận diện rõ hơn đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án. Cùng với chủ đề nghiên cứu về lịch sử - văn hóa Nam Bộ, tác giả Trần Thuận đã công bố 2 công trình: *Nam Bộ - Vài nét lịch sử văn hóa (tập I)* (2014) và *Nam Bộ - Vài nét lịch sử văn hóa (tập II)* (2016). Ở tập I, tác giả khái quát vùng Đồng bằng sông Cửu Long hình thành trong quá trình phát triển của lịch sử. Một vùng đất có nhiều tiềm năng kinh tế với vai trò của người Việt trong cuộc khẩn hoang lập ấp. Ở tập II, tác giả đặt Nam Bộ trong mối quan hệ với khu vực Phía Nam và cả nước trong thời kỳ hội nhập. Theo tác giả, vùng Nam Bộ được tích hợp văn hóa Đại Việt vào thế kỉ XVII – XVIII cùng với văn hóa bản địa và hội nhập khu vực, quốc tế, là nơi dung hợp văn hóa nội sinh và ngoại sinh. Chính sự cộng hưởng này đã tạo ra một vùng đất Nam Bộ có lịch sử và văn hóa rất riêng so với cả nước. Cùng với các công trình kể trên, cuốn *Nam Bộ Đất và Người* (tập XI - 2016) do tác giả Võ Văn Sen chủ biên tập hợp nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu cả nước về lịch sử hình thành vùng đất Nam Bộ, đặc trưng tính cách con người Nam Bộ cùng với những dạng thức sinh hoạt văn hóa độc đáo và “đậm chất Nam Bộ”.

1.1.2. Nhóm công trình về tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội Nam Bộ

Tác giả Phan An trong bài viết *Người Việt Nam Bộ từ góc nhìn tôn giáo* (2009) từ góc độ tín ngưỡng tôn giáo đã phân tích về tư duy và tính cách người Việt được hình thành trên nền cảnh lịch sử, tự nhiên và xã hội ở Nam Bộ, biểu hiện rõ nét nhất ở vùng Tây Nam Bộ. Tác giả đưa ra nhận định: “Sự giản dị trong tín ngưỡng, tôn giáo đã tác động vào nếp sống, tính cách của người Việt ở Nam Bộ, tạo nét riêng của cộng đồng cư dân này về mặt văn hóa. ... Sự chấp nhận, hoặc dung nạp một lúc nhiều hình thái tín ngưỡng, tôn giáo cá nhân hay cộng đồng người Việt Nam Bộ đã cho thấy một nét riêng của văn hóa Việt Nam Bộ, một tính cách của người Việt Nam Bộ”. Đề tài khoa học cấp Bộ *Đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của các cộng*

đồng cư dân Nam Bộ (2010) do tác giả Ngô Văn Lệ chủ biên đã trình bày thực trạng cùng với những hình thức sinh hoạt văn hóa liên quan đến tín ngưỡng và tôn giáo của người dân Nam Bộ. Ở góc độ quản lý văn hóa và tôn giáo học, công trình *Tín ngưỡng tôn giáo và thực hiện chính sách tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* (2013) do Nguyễn Minh Khải chủ biên trình bày những vấn đề lý luận chung và hệ thống các tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam. Các chính sách về tín ngưỡng tôn giáo được đã đạt được thành tựu cũng như hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, tác giả đã tổng kết được những vấn đề có tính lý luận cơ bản nhằm định hướng sự phát triển tôn giáo tín ngưỡng trong bối cảnh Việt Nam. Để làm rõ được ranh giới giữa niềm tin và mê tín, công trình *Tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan* (2015) của hai tác giả Phạm Minh Thảo và Phạm Lan Oanh đã làm rõ một số khái niệm về tôn giáo, tín ngưỡng, mê tín dị đoan. Tác giả còn giới thiệu, phân tích sâu sắc thực trạng hoạt động tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như các biện pháp bài trừ mê tín dị đoan.

Tín ngưỡng mang trên mình vai trò, ý nghĩa xã hội to lớn, thông qua các hoạt động tưởng niệm và tôn vinh các anh hùng dân tộc có công với đất nước. Việc tôn thờ các vị có công với đất nước là tâm thức hướng về cội nguồn, gắn kết quá khứ với hiện tại và tương lai, tạo thành sức mạnh của mỗi cộng đồng, dân tộc. Cuốn *Tín ngưỡng thờ ông Địa – ông Tà của người Việt ở An Giang* (2017) của Mai Thị Minh Thuy (2017) chỉ ra vùng đất An Giang có nhiều tín ngưỡng dân gian hình thành như: tín ngưỡng thờ thiên thần, tín ngưỡng thờ nhân thần,... Trong các tín ngưỡng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ danh nhân, anh hùng dân tộc (Trần Văn Thành, Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu,...), thờ liệt sĩ cách mạng rất phổ biến. Tác giả còn cho thấy An Giang là vùng đất có nhiều tôn giáo bản địa như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa,...cùng với vai trò “các ông Đạo” trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt ở tỉnh An Giang.

Tác giả Phạm Lan Oanh đã viết về tưởng niệm các nhân vật lịch sử Nam Bộ như Thiên hộ Võ Duy Dương, Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều (Phạm Lan Oanh, 2020), Phạm Lan Oanh (2021) xem *Lễ hội thờ nhân vật lịch sử, trường hợp lễ hội Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp*, tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 3 và *Tưởng niệm nhân vật lịch sử Thiên hộ Võ Duy Dương và Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều ở Nam Bộ*, tạp chí Văn hóa

và nguồn lực, số 1 (25). Việc nghiên cứu này giúp cho nghiên cứu sinh xem xét quá trình tưởng niệm một nhân vật lịch sử ở một tỉnh trong khu vực Tây Nam Bộ.

1.1.3. Nhóm công trình về tỉnh An Giang và nhân vật lịch sử Trần Văn Thành

Dưới góc nhìn lịch sử văn hóa các tác giả đã theo dòng lịch sử miêu tả sự hình thành vùng đất An Giang, sự phát triển đô thị và các trung tâm hành chính theo từng giai đoạn thành lập tỉnh. An Giang nằm trong khu vực “Tứ giác Long Xuyên”, là vùng đất bán sơn địa có địa hình phức hợp: đồng bằng rộng lớn, vùng trũng bưng biền, hệ thống sông rạch, kinh đào chằng chịt, những ngọn núi ở Tịnh Biên, Tri Tôn và Thoại Sơn (các huyện, thị xã thuộc tỉnh). Đặc biệt, An Giang còn là miền “biên viễn” có tính chất chiến lược về quốc phòng và ngoại giao từ lịch sử khẩn hoang Nam Bộ đến ngày nay. Đây là vùng đất “địa linh nhân kiệt” đã nuôi dưỡng nhiều anh hùng, nghĩa sĩ đã hi sinh của cải, tính mạng để chống giặc ngoại xâm, tiêu biểu là ông Trần Văn Thành. Cuộc khởi nghĩa của ông ở An Giang đã được người dân ủng hộ, đi theo và qua đó khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, chống giặc giữ quê hương của nhân dân An Giang.

Các công trình nghiên cứu nhân vật lịch sử Trần Văn Thành đến nay còn quá ít, nếu không nói còn nhiều khoảng trống trong nghiên cứu Khoa học xã hội nhân văn về tín ngưỡng thờ người có công ở vùng đất An Giang. Chúng tôi lọc ra từ những nghiên cứu ít ỏi đó và nhận thấy các tác giả miêu tả cuộc đời, sự nghiệp khai hoang và chiến công của ông Trần Văn Thành ở vùng đất Láng Linh – Bảy Thưa dưới góc nhìn lịch sử (tuy vậy, năm mất của ông vẫn còn nhiều giả thiết chưa được chứng minh). Một số bài viết dưới góc độ quản lý văn hóa du lịch cũng lặp lại các nghiên cứu về lịch sử liên quan đến tín ngưỡng Trần Văn Thành và thêm vào đó nội dung nói lên đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người dân An Giang. Còn thiếu vắng rất nhiều những nghiên cứu Trần Văn Thành ở góc độ văn hóa dân gian như: các chuyện kể, truyền thuyết về nhân vật và những hành động “vượt lên sự thông thường phổ biến” của ông để làm cho nhân vật “tỏa hào quang” như thường thấy trong các nhân vật tôn thờ ở Miền Bắc. Còn thiếu những câu chuyện xoay quanh lễ vật, lễ nghi phản ánh sự cao cả, tập quán sinh hoạt, hành động cảm quân ... làm nên sự khác biệt và độc đáo trong thực hành tín ngưỡng Trần Văn Thành ở các cơ sở thờ tự. Tuy các công trình nghiên cứu về Trần Văn Thành và cuộc khởi nghĩa của ông tiếp cận theo hướng liên ngành văn hóa học cũng rất hạn chế, song qua các công

trình nêu trên, chúng tôi đã khắc họa được chân dung của “nhân vật” Trần Văn Thành trên nền cảnh lịch sử văn hóa của tỉnh An Giang - vùng đất “địa linh nhơn kiệt”.

Tỉnh An Giang là vùng đất nằm trong dòng chảy của văn hóa Việt, là nơi hội tụ nhiều tín ngưỡng, tôn giáo, đặc biệt là tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc chống ngoại xâm được hình thành trong thời Pháp thuộc, trong đó có tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành. Nguyễn Văn Hầu (viết và tự xuất bản) cuốn *Đức Cố Quân hay là cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa* (1956), nội dung đề cập đến thân thế, sự nghiệp chống Pháp của ông Trần Văn Thành, vai trò của Phật Thầy Tây An và binh sĩ Gia Nghị trong cuộc khởi nghĩa. Tuy công trình chỉ dừng ở góc độ miêu thuật lịch sử song đã cho chúng tôi cái nhìn khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của ông Trần Văn Thành trong bối cảnh lịch sử xã hội nhất định. Trong xu hướng thực hiện “địa phương chí” ở các tỉnh thành trong cả nước, Phan Văn Kiến và Võ Thành Phương (đồng chủ biên) đã thực hiện công trình *Lịch sử địa phương An Giang* (2009) giai đoạn từ trước 1867 (thời điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa - Láng Linh do Trần Văn Thành lãnh đạo) cho đến thập niên đầu thế kỷ XXI. Nội dung cuốn sách đề cập chủ yếu lịch sử tỉnh An Giang, giai đoạn hình thành, phân chia địa giới hành chính; quá trình khẩn hoang lập làng của chúa Nguyễn, sự hình thành và phát triển nông nghiệp trồng lúa của người Việt; sự đồng cư cộng cảm của 4 dân tộc trên vùng đất An Giang. Trong các công trình nghiên cứu về An Giang, luận án: *Tín ngưỡng thờ anh hùng Nguyễn Trung Trực trong đời sống văn hóa cư dân Nam Bộ* (2020) của Võ Hoàng Khải. Nội dung luận án tập trung khảo sát, nghiên cứu không gian thờ tự, các nghi thức tế lễ, tổ chức hội của các đình Nguyễn Trung Trực ở Nam Bộ, từ đó, xác định bản chất, giá trị và những ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực trong đời sống văn hóa của cư dân Nam Bộ. Đặc biệt, cuốn sách đã có một dung lượng nhất định miêu thuật các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp gắn với vai trò sĩ phu, nông dân yêu nước như Lê Văn Sanh, Đỗ Đăng Tàu, Trần Văn Thành ...Cuốn *Truyện thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ 1858 – 1918* (2011) của tác giả Võ Phúc Châu. Đây là công trình nghiên cứu văn học, đã sưu tập những câu chuyện dân gian về những nhân vật lịch sử tiêu biểu dấy binh khởi nghĩa chống Pháp, như: Trần Văn Thành, Nguyễn Trung Trực, Trương Định, Tú Kiệt...phản ánh niềm tin, lòng ngưỡng mộ của người dân về đức tài và sự hi sinh của họ. Từ đó, cùng với các hình thức nghi lễ cúng tế tạ ơn, người dân Tây Nam Bộ đã hình tượng hóa, thiêng

liêng hóa các nhân vật anh hùng thông qua các truyền thuyết, giai thoại. Nhân vật Trần Văn Thành chiếm số lượng trang không nhiều trong toàn bộ công trình song đã cung cấp cho chúng tôi một góc độ tiếp cận khác, góp phần làm sáng tỏ cuộc đời và sự nghiệp của ông trong bối cảnh lịch sử - xã hội của vùng đất An Giang. Cuốn *Di tích lịch sử - Văn hóa An Giang* (2012) của Bảo tàng tỉnh An Giang biên soạn. Tài liệu cho biết Trần Văn Thành sinh vào cuối triều Gia Long, được phong chức Quản cơ và có quá trình tham gia đánh Pháp kiên cường trên mảnh đất An Giang. Ông đã chọn Láng Linh – Bảy Thưa làm căn cứ địa chiến đấu với quân Pháp. Theo đó, vào giữa thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX Láng Linh vẫn còn hoang dã, mịt mù lau sậy, cỏ hoang và những loại cây đặc chủng như bằng lăng, gạo, mù u, các loại chim rừng và thú dữ. Láng Linh được chọn làm căn cứ nghĩa quân bởi các yếu tố địa lý tự nhiên và đi vào lịch sử chống Pháp ở Nam Bộ. Tác giả Vũ Thanh Sơn trong cuốn *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* (quyển 2 - 2013) đã khái quát phong trào đấu tranh gắn với vai trò của các nhân vật lịch sử như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt, Trần Văn Thành,... Trong phong trào khởi nghĩa đó, cuộc đấu tranh chống Pháp của Trần Văn Thành ở Láng Linh – Bảy Thưa đã để lại dấu ấn sâu sắc trong niềm tin và khát vọng độc lập của người dân An Giang bấy giờ.

Năm 2014, để làm rõ cuộc đời và những cống hiến của người anh hùng trong lịch sử khởi nghĩa chống thực dân Pháp, Hội Khoa học lịch sử tỉnh An Giang và Huyện ủy Châu Phú tổ chức Hội thảo khoa học về *Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành*. Lần đầu tiên, “nhân vật Trần Văn Thành” được nghiên cứu dưới nhiều góc độ: lịch sử, văn hóa, xã hội. Kỷ yếu hội thảo đã đăng 32 tham luận, phân thành 4 nhóm nội dung: 1/ Làm rõ nhân thân và vị thế của Quản cơ Trần Văn Thành trong lịch sử khởi nghĩa chống Pháp. Trong nội dung này, tài liệu có 12 bài nghiên cứu về thân thế, sự nghiệp, những công lao đóng góp của Trần Văn Thành trên vùng đất An Giang. 2/ Đánh giá sự đóng góp của Quản cơ Trần Văn Thành trong việc khẩn hoang mở đất trên vùng đất An Giang xưa, gồm có 6 bài viết về công cuộc khẩn hoang ở một số vùng đất An Giang gắn với vai trò của ông Trần Văn Thành. 3/ Nhận định, đánh giá cuộc khởi nghĩa Láng Linh – Bảy Thưa ở An Giang (1867 – 1783) chống thực dân Pháp xâm lược do Quản cơ Trần Văn Thành lãnh đạo, gồm có 8 bài viết về cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Trần Văn Thành. 4/ Sự tôn vinh và ngưỡng mộ của nhân dân đối với Quản cơ Trần Văn Thành, gồm có 8 bài viết về lòng biết ơn của người dân đối với ông

Trần Văn Thành. Các bài viết ca ngợi công lao to lớn của Trần Văn Thành trong công cuộc khẩn hoang và xây dựng căn cứ Láng Linh – Bảy Thưa chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp. Đây là tài liệu quan trọng, khắc họa rõ nét cuộc đời, sự nghiệp và thái độ của nhân dân đối với Quân cơ Trần Văn Thành. Đây còn là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng trong bối cảnh có quá ít những nghiên cứu trước đây về nhân vật lịch sử này. Công trình *Những vùng địa linh nhân kiệt - miền Nam* (2014) do các nhà nghiên cứu lịch sử tổng hợp tài liệu để vẽ nên chân dung khái quát về những anh hùng dân tộc trong thời kỳ khởi nghĩa chống Pháp ở Miền Nam. Mỗi bài viết tuy không dài (4 – 6 trang) nhưng đã mô tả thân thế và sự nghiệp của mỗi anh hùng dân tộc như Nguyễn Trung Trực, Trần Văn Thành,... Tuy có sự trùng lặp trong nội dung miêu tả so với các tài liệu xuất bản trước, song cuốn sách giúp chúng tôi tìm ra những điểm chung, riêng về nhân vật Trần Văn Thành ở công trình này và các tác giả khác. Cuốn *Tìm hiểu đất Hậu Giang & lịch sử đất An Giang* (2015) của tác giả Sơn Nam đã viết về cuộc khởi nghĩa của Trần Văn Thành được đồng bào vùng Núi Sập tích cực hưởng ứng khi giặc Pháp tái chiếm tỉnh lỵ Rạch Giá. Theo chúng tôi, đây là tài liệu có giá trị về lịch sử, xã hội - văn hóa của vùng An Giang trong thế kỷ XIX, đầu XX; nêu bật vai trò của Quân cơ Trần Văn Thành cùng các vị anh hùng khác trong công cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm của người dân Miền Nam

1.1.4. Đánh giá chung

Cụ thể hơn, chúng tôi quan tâm đến luận điểm, luận cứ của các tác giả sau: Nguyễn Chí Bền, Trần Ngọc Thêm, Ngô Đức Thịnh, tài liệu hội thảo về nhân vật lịch sử Trần Văn Thành ở An Giang, những tài liệu lưu hành nội bộ tại đền thờ Trần Văn Thành và những tài liệu bàn về con người, văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội ở vùng đất An Giang. Mỗi tác giả có góc nhìn khác nhau nên đưa ra những luận điểm, luận cứ nghiên cứu chặt chẽ giúp cho nghiên cứu sinh có cơ sở khoa học khi thực hiện nghiên cứu đề tài của luận án. Nội dung nghiên cứu của tác giả đã góp phần cho luận án hiểu biết thêm về tôn giáo bản địa. Việc hình thành các tôn giáo này có vai trò của cá nhân, gia đình và cộng đồng cư dân rất to lớn và quan trọng. Vì yếu tố gia đình và cộng đồng là tài sản lớn nhất để tạo tính kế thừa của con người cho thế hệ kế tiếp. Với tính cách văn hóa của người Việt ở nơi đây, tác giả Trần Ngọc Thêm đã đúc kết được 6 tính cách dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn. Người Việt vùng Tây Nam Bộ giao lưu tiếp biến một số tôn giáo trên thế giới. Từ đó, chúng tôi nhận diện được yếu tố văn hóa tín ngưỡng trong sự phát triển. Nhất là, tín

ngưỡng bản địa gắn với hình ảnh anh hùng có công chống giặc giữ nước. Trong số các anh hùng dân tộc được tôn vinh, thờ phụng ở An Giang, Trần Văn Thành là hình tượng tập trung rõ nét nhất tính cách con người, tính cách văn hóa vùng miền; là sự kết nối chặt chẽ giữa truyền thống văn hóa cội nguồn với những sáng tạo trên những điều kiện thực tiễn của tỉnh An Giang.

1.2. KHÁI LƯỢC VỀ ĐẤT VÀ NGƯỜI AN GIANG

Văn học dân gian Miền Tây có câu: “Đất An Giang phù sa màu mỡ / Người An Giang muôn thuở hiền lành”, “Người An Giang thật thà chất phác/ Cảnh An Giang man mác hữu tình”, “Núi Sam nổi tiếng mắm kho/ Châu Đốc nổi tiếng cá kho bằm xoài”, hay “Đi ngang qua cảnh núi Sam/ Thấy lăng Ông Lớn¹ hai hàng lệ rơi”. Những câu ca dao được truyền tụng đến ngày nay đã gợi sự tìm tòi, khám phá về vùng đất An Giang ở các nhà nghiên cứu. Là người đi sau, chúng tôi tổng hợp một số tài liệu và cô đọng lại những nét khái quát nhất về tỉnh An Giang, được xem là địa phương có nhiều nét đặc thù về tự nhiên, lịch sử xã hội và văn hóa trong sự phát triển chung của Tây Nam Bộ.

1.2.1. An Giang - vùng đất hội tụ những nét đặc trưng của Tây Nam Bộ

Tỉnh An Giang trong lịch sử khẩn hoang được xem là vùng biên viễn, có đường biên giới ở phía Bắc dài gần 104 km, là nơi thường xảy ra những tranh chấp về quân sự với Chân Lạp và Xiêm La. Giữa thế kỷ XVIII, ngay từ khi tiếp nhận vùng đất này, tuy các Chúa Nguyễn rất chú tâm xây dựng quốc phòng, song đến khi vua Gia Long lên ngôi mới đưa binh sĩ và chiêu mộ dân nghèo đến khai hoang và định cư. Từ đó, Trần Vĩnh Thanh (tên Việt ban đầu của An Giang) được nhập vào Gia Định thành. Năm 1834, vua Minh Mạng cải tổ lại bộ máy hành chính ở xứ Đàng trong, chia 5 trấn của Gia Định thành “Lục tỉnh Nam Kỳ” (Pháp gọi Basse Cochinchine): gồm Biên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

Lịch sử An Giang trải qua các giai đoạn có nhiều biến động. Đây là vùng đất không trẻ vì qua khai quật di chỉ khảo cổ Ốc Eo ở núi Ba Thê huyện Thoại Sơn vào năm 1944 đã cho thấy lịch sử lâu đời của vùng đất và những lớp văn hóa chồng lên nhau, tích tụ, tích hợp và phức hợp văn hóa của An Giang. Việc phân chia địa vực hành chính cũng thay đổi theo từng giai đoạn qua các tên gọi khác nhau. Từ vùng

¹ Lăng Ông Lớn: nơi thờ ông Thoại Ngọc Hầu (Nguyễn Văn Thoại: 1761-1829) người có công lớn trong việc khai hoang lập ấp, đào kinh, đắp đường phát triển và bảo vệ vùng đất Tây Nam Bộ. Lăng của ông phường Núi Sam, thành Phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Tầm Phong Long, đến trấn Vĩnh Thanh rồi An Giang, địa giới của tỉnh thay đổi sau bao lần tách và sáp nhập. Đến nay, An Giang có diện tích là 3.536,76 km², rộng lớn xếp thứ 4/13 tỉnh thuộc Tây Nam Bộ. Tỉnh có 11 đơn vị hành chính gồm: 02 thành phố (Long Xuyên, Châu Đốc); 01 thị xã (Tân Châu) và 08 huyện (An Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Phú, Châu Thành, Thoại Sơn, Chợ Mới, Phú Tân), tỉnh lỵ là thành phố Long Xuyên. Đến 2023, tỉnh An Giang có 2.413.000 người, dân số đứng đầu các tỉnh thuộc Tây Nam Bộ.

An Giang hội đủ các điều kiện tự nhiên của Tây Nam Bộ: đồng ruộng tươi xanh, sông ngòi mênh mông, kinh rạch chằng chịt, núi non thâm u, rừng tràm bát ngát,... tạo nên phong cảnh hữu tình nhưng cũng không kém phần kỳ vĩ. Với nguồn nước dự trữ dồi dào (nước ngầm, nước mặt), thêm 2 dòng sông Tiền, sông Hậu (2 nhánh lớn của sông Mekong) đều chảy trên đất An Giang. Hàng năm nước từ sông Mekong ở Campuchia tràn qua trên một vùng đồng bằng rộng lớn tuy có gây thiệt hại ở mức độ nhất định song một khối lượng phù sa dồi dào phủ đều trên bề mặt đồng ruộng, vườn cây ăn trái đã “hồi phục chất dinh dưỡng cho đất”, tạo nên thành quả to lớn trong phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh. Năm 1819 (Kỷ Mão) vua Gia Long ra lệnh đào kinh Vĩnh Tế: “Công trình đào sông ấy rất khó, việc Nhà nước và cách phòng giữ bờ cõi quan hệ rất lớn. Các người tuy khó nhọc một lần, mà ích lợi cho muôn đời ngày sau; dân người phải báo cho nhau biết chớ nên sợ nhọc” (Cao Xuân Dục, 2020, trang 140). Công trình thực hiện từ 1819 đến 1824, rộng 30m, dài 87,340 km nối từ Châu Đốc đến Hà Tiên, chạy dọc theo đường biên giới Việt Nam - Campuchia. Cùng với sông Tiền, sông Hậu, kinh Vĩnh Tế có vai trò chiến lược rất quan trọng và to lớn trong sự phát triển kinh tế, văn hóa và an ninh quốc phòng của An Giang và các tỉnh phía bắc, tây bắc của vùng Tây Nam Bộ.

Sự dồi dào về lưu lượng nước của các dòng chảy đã đem lại cho An Giang nguồn sản vật tự nhiên phong phú, phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, nghề chế biến thủy sản và các loại “đặc sản” nổi tiếng: mắm, khô, cá đóng hộp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Với diện tích trồng lúa rộng lớn, hàng năm An Giang đứng đầu cả nước về sản lượng (trên 2 triệu tấn). Do đa dạng về đất đai (37 loại), dồi dào về thổ nhưỡng nên ngoài cây lúa là cây lương thực chính, tỉnh còn phát triển cây hoa màu và rừng tự nhiên. Nguồn nguyên liệu nông nghiệp phong phú là nền tảng để phát triển các nghề truyền thống như: nghề dệt lụa ở Tân Châu, nghề làm mắm ở Châu

Độc, nghề chế biến cá khô ở Chợ Mới, Thoại Sơn, nghề làm đường ở Tịnh Biên, Tri Tôn ...Đặc biệt, nghề dệt lụa thủ công của người Chăm, nghề làm đường thốt nốt của người Khmer không tỉnh nào ở Tây Nam Bộ có được.

An Giang hội tụ các loại khoáng sản thiên nhiên quan trọng, như: đá granit (đá hoa cương), đất sét trắng (kaolin), puzolan (một trong những loại vật liệu làm xi măng), fenspat (còn gọi là tràng thạch - vật liệu thô dùng làm gốm sứ, bánh, bột tẩy rửa), bentonite (là loại sét khoáng có tính trương nở, giúp cải tạo đất và tăng khả năng giữ ẩm cho đất vào mùa khô, được sử dụng trên lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, môi trường), cát sỏi,...Nguồn khoáng sản phong phú này còn là điều kiện thuận lợi thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến vật liệu và xây dựng của An Giang phát triển mạnh.

“Đất An Giang rừng tràm bát ngát/ Đồng mênh mông tiếp sát chân trời/ Núi non trú ẩn đạo - đời/ Hai dòng Tiền - Hậu muôn đời phù sa” (Ca dao). Hay: “Anh đi anh nhớ quê nhà/ Nhớ kinh Vĩnh Tế, vía Bà núi Sam” (Ca dao). Câu ca dao nói lên một phần diện mạo của vùng đất An Giang - nơi hội tụ những nét đặc trưng về sinh thái tự nhiên và nhân văn của Tây Nam Bộ. Lịch sử phát triển nền kinh tế giao thương ở Nam Bộ ghi nhận vai trò tiên phong của An Giang, nơi sớm đi vào nền kinh tế hàng hoá nông nghiệp nhờ quy mô sản xuất lớn nằm trong tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên. Và khi đất nước chuẩn bị chuyển mình, thay đổi đường lối kinh tế cho phù hợp thì: “Vùng đất này là một trong những nơi “phá rào” đi trước đổi mới, góp phần đưa đất nước tiến vào nền kinh tế thị trường”, bắt đầu từ phá bỏ cơ chế “hai giá” chỉ còn “một giá” phù hợp quy luật cung cầu” (Nguyễn Minh Hoan, 2023).

1.2.2. Người An Giang - một khối dân tộc đồng cư cộng cảm

An Giang là vùng đất hội tụ bốn tộc người: Việt, Hoa, Khmer, Chăm, trong đó người Việt đóng vai trò chủ thể văn hóa. Người Việt chiếm 95%, người Khmer chiếm khoảng 3,8%, người Hoa chiếm 0,6% và người Chăm chiếm 0,6% toàn tỉnh (số liệu năm 2013). Dù lịch sử đã trải qua bao thăng trầm, biến chuyển trong mối quan hệ “đồng cư cộng cảm” của 4 dân tộc vẫn duy trì hơn 300 năm qua (tính từ khi người Việt đến khẩn hoang) (Nguyễn Minh Hoan, 2023). Người Việt đến đây từ thế kỷ XVII, cùng người Khmer, Hoa, Chăm cải tạo thiên nhiên, biến những vùng đầm lầy hoang vu thành những cánh đồng lúa phì nhiêu, những giống đất cao thành thị tứ mua bán nhộn nhịp. Các dân tộc (gọi chung là người dân An Giang) đã cùng nhau chống giặc ngoại xâm kiên cường để bảo vệ quê hương. Trải qua những giai đoạn lịch sử nhiều thử

thách nên: “người dân An Giang yêu sự thật thà, ghét thói dối trá, yêu người trung, ghét kẻ nịnh là những tính cách mãnh liệt của người dân An Giang nói riêng và người dân Nam Bộ nói chung trong những ngày đầu mở mang bờ cõi.” (Phan Văn Kiến, Võ Thành Phương, 2013, trang 9). Khi đến vùng đất này, người dân An Giang gặp khó khăn, trở ngại từ thiên nhiên như điều kiện khí hậu khắc nghiệt, thú dữ và chịu mùa nước nổi nhiều tháng trời,... Những bất lợi đó có thể cướp đi sinh mạng và tài sản của người dân nên họ nương tựa vào nhau, cầu xin các thế lực siêu nhiên phù hộ. Với tâm lí sợ hãi, e dè của người dân cộng với vùng đất địa - văn hóa đặc thù, An Giang là tỉnh đa dạng nhất về tôn giáo và tín ngưỡng ở Tây Nam Bộ. Tín ngưỡng có “tín ngưỡng thờ cúng thiên thần: Thành Hoàng, Sơn Thần, Bà Chúa Xứ, Ngọc Hoàng,... Tín ngưỡng thờ cúng nhân thần: Thờ cúng gia tiên, danh nhân – anh hùng dân tộc như Trần Văn Thành, Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu,...”. (Mai Thị Minh Thuy, 2017, trang 46,47). Tôn giáo có “Tôn giáo địa phương: Phật giáo Hòa Hảo, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đạo Cao Đài, hệ phái Bửu Sơn Kỳ Hương, Huỳnh Đạo. Tôn giáo thế giới: Phật giáo Bắc Tông, Thiên Chúa giáo, Tin Lành,...”. (Mai Thị Minh Thuy, 2017, trang 47). Đời sống vật chất và tinh thần của người dân An Giang gắn với văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo và chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Hằng ngày, mọi sinh hoạt đều có yếu tố tín ngưỡng và tôn giáo và sự giao lưu giữa con người với thần thánh. “An Giang nổi tiếng là vùng đất mang đậm tính tâm linh, không có địa phương nào không có một cơ sở thờ tự của một tôn giáo nào đó, thậm chí trong một gia đình việc thờ 5 – 7, thậm chí hơn 20 tran thờ (tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa) là việc không lạ” (Mai Thị Minh Thuy, 2017, trang 48).

Khi công cuộc khẩn hoang cơ bản hoàn thành, làng xóm, phố chợ, đình miếu được xây dựng, người dân An Giang chung tay ra sức xây dựng cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế. Họ trở nên rộng rãi trong sinh hoạt và hiếu khách nên hình thành tâm lý giao lưu để tiếp thu cái mới ứng dụng vào đời sống lao động. Câu nhận định về tính cách Nam Bộ “Trọng nghĩa, khinh tài, khí khái, hào phóng, dám nghĩ dám làm, ham vui, thích tụ tập kết bạn ...” tập trung rõ nét trong tính cách người An Giang, như một giá trị văn hóa cá nhân có tính phổ biến. Có thể nói, văn hóa An Giang được hình thành là kết quả tích hợp của quá trình đồng cư cộng cảm của bốn tộc người: Việt, Khmer, Hoa, Chăm trên vùng đất “địa linh nhen kiệt”.

Hiện nay, trên nền cảnh địa lịch sử, địa văn hóa tỉnh An Giang đã và đang nỗ lực khai thác, khơi dậy những giá trị tự nhiên, giá trị nhân văn để đưa An Giang lên một tầm cao mới trong bối cảnh giao lưu hội nhập thế giới của Việt Nam hiện nay. “Người An Giang đang viết tiếp câu chuyện đổi mới bằng cách tiếp cận mới, tư duy mới” (Nguyễn Minh Hoan, 2023) để An Giang xứng đáng với lịch sử - văn hóa của nó, xứng đáng với công lao của các tiền nhân khai phá, xứng đáng với sự đoàn kết “đồng cư cộng cảm” mà cộng đồng 4 dân tộc Việt, Khmer, Hoa, Chăm đã duy trì bền vững suốt mấy thế kỷ qua.

1.3. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.3.1. Một số khái niệm nghiên cứu

Tín ngưỡng: định nghĩa về tín ngưỡng khá phong phú dưới nhiều góc độ khác nhau. Trên cơ sở giải nghĩa từ thì: “Tín ngưỡng, theo nghĩa ban đầu, xuất phát từ chữ “tín” là lòng tin, “ngưỡng” là sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một cái gì đó. Như vậy, tín ngưỡng là niềm tin vào một cá nhân, một chủ thuyết, một lực lượng siêu nhiên nào đó” (Nguyễn Minh Khai, 2013, trang 12). Ở góc độ pháp lý, Luật tín ngưỡng, tôn giáo đưa ra định nghĩa: “Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng” (Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016, trang 1). Luật cũng nêu các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo như: hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, tín đồ, tổ chức tôn giáo ... Không chỉ là niềm tin vào tôn giáo mà “Tín ngưỡng là lòng ngưỡng mộ mê tín đối với một tôn giáo hay một chủ nghĩa” (Đào Duy Anh, 1996, trang 238).

Trong cuốn *tín ngưỡng và văn hóa, tín ngưỡng ở Việt Nam* của tác giả Ngô Đức Thịnh đã giải thích chi tiết hơn về khái niệm tín ngưỡng. Theo ông: “Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin của con người vào cái gì đó thiêng liêng, cao cả, siêu nhiên hay nói gọn lại là niềm tin ngưỡng vọng vào cái “thiên liêng”, đối lập với cái trần tục hiện hữu mà ta có thể sờ mó, quan sát được. Có nhiều loại niềm tin nhưng ở đây là niềm tin của tín ngưỡng, niềm tin vào cái thiêng liêng. Do vậy niềm tin vào cái thiêng liêng thuộc về bản chất con người, nó là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người, cũng giống như đời sống vật chất, đời sống xã hội tinh thần, tư tưởng, đời sống tình cảm” (Ngô Đức Thịnh, 2001, trang 16). Với Patrick B. Mullen thì ngoài định nghĩa ông còn nêu ra những kiểu thức liên quan đến tín ngưỡng: “Tín ngưỡng dân gian là một thể loại lớn lao bao gồm sự biểu cảm và cách

ứng xử mà người ta gọi là mê tín, tín ngưỡng bình dân, làm phép, các hiện tượng siêu nhiên, các lời khẩn cầu, tụng niệm, người hay vật mang đồ rui, những điều tốt hay điều xấu, các chuyện yêu ma và điều cấm kỵ” (sđd, Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan, 2015, trang 273).

Tóm lại, khái niệm tín ngưỡng được các nhà nghiên cứu nhìn dưới nhiều góc độ khác nhau. Cũng có thể xem tín ngưỡng là một sản phẩm văn hóa do con người quan hệ với tự nhiên, xã hội và chính bản thân mà hình thành. Con người ngưỡng mộ và thiêng hóa một nhân vật, một hiện tượng rồi gửi gắm niềm xác tín vào đó. Qua một số khái niệm trình bày trên, định nghĩa của Ngô Đức Thịnh mang tính bao quát của tín ngưỡng và chứa đựng niềm tin của con người vào cái thiên tạo nên đời sống tâm linh của con người. Với tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành, một anh hùng dân tộc của đất An Giang con người thể hiện lòng biết ơn và mong oai linh của ông sẽ tiếp tục giúp dân, giúp nước.

Trên cơ sở khái niệm về tín ngưỡng đã trình bày ở trên, chúng tôi xác định cách hiểu về tín ngưỡng: “Tín ngưỡng là niềm tin của con người vào cái phi thường, thiêng liêng bằng nhiều hoạt động lễ nghi thông qua việc thờ cúng nhằm đáp ứng nhu cầu của con người ở cuộc sống hiện tại”.

Tín ngưỡng dân gian (folk beliefs) là thuật ngữ phái sinh của khái niệm tín ngưỡng. Trong nghiên cứu về văn hóa dân gian, người ta nhận thấy tín ngưỡng dân gian thể hiện trong phong tục tập quán, ẩm thực, ca dao tục ngữ, diễn xướng nghi lễ ... Bởi vì:

“Tín ngưỡng dân gian Việt Nam là niềm tin, sự tôn sùng, ngưỡng mộ với các đối tượng thiêng có tác động, chi phối đời sống sinh hoạt người Việt Nam. Tín ngưỡng này ra đời và phát triển cùng với đời sống con người từ thuở sơ khai và biến đổi theo mỗi một trình độ phát triển khác nhau của đời sống xã hội, tâm linh” (Đặng Minh Châu, 2016, trang 94). Do đó:

Tín ngưỡng dân gian có thể và cần được xem là một yếu tố, một bộ phận văn hóa dân gian. Từ quan niệm đó, nếu văn hóa dân gian (folklore) được hiểu là loại hình văn hóa ra đời nhờ sự sáng tạo của chính nhân dân, thì tín ngưỡng dân gian cũng có thể xem là loại hình tín ngưỡng tôn giáo do chính nhân dân - trước hết là những người lao động - sáng tạo ra trên cơ sở những tri thức phản ánh sai lạc dưới dạng kinh nghiệm cảm tính từ cuộc sống thường nhật của bản thân mình (Nguyễn Đức Lữ, 2005, trang 8).

Đối chiếu nội hàm khái niệm, chúng tôi nhận thấy tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là tín ngưỡng dân gian, ra đời nhờ sự sáng tạo của người dân tỉnh An Giang nhằm tôn vinh công trạng của ông, làm tấm gương để đời sau noi theo.

Lễ hội: là nét sinh hoạt văn hóa gắn với đời sống tinh thần của cư dân sống trên dải đất Việt Nam hàng ngàn năm nay, dù ở núi cao, đồng bằng hay hải đảo,... Mỗi khi cộng đồng tổ chức lễ hội là dịp mọi người náo nức đón chờ và hưởng ứng. Lễ hội truyền thống là hiện tượng lịch sử, hiện tượng văn hóa có mặt ở Việt Nam từ lâu đời và có vai trò không nhỏ trong đời sống xã hội. Hiện tại, lễ hội được nhiều nhà nghiên cứu văn hóa quan tâm. Tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng: “Lễ hội là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể, được hình thành trên cơ sở một nghi lễ, tín ngưỡng nào đó, được tiến hành theo định kỳ, mang tính cộng đồng, thường là cộng đồng làng” (Ngô Đức Thịnh, 2007, trang 12). Như vậy, lễ hội còn là hoạt động văn hóa chung của một cộng đồng, thông thường liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Từ lễ hội người ta phân làm 2 loại: lễ hội truyền thống và lễ hội hiện đại (còn gọi lễ hội mới). Theo Khoản 1 Điều 3 Nghị định 110/2018/NĐ-CP về quản lý và tổ chức lễ hội thì lễ hội truyền thống được định nghĩa như sau: “Lễ hội truyền thống (bao gồm cả lễ hội tại các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội dân gian) là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức theo nghi lễ truyền thống, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân”.

Về cơ bản, một lễ hội truyền thống bao gồm phần lễ và phần hội. Nơi diễn ra phần lễ là những vị trí trang trọng như trong đình hoặc trước cửa đình, đền miếu, chùa,... mục đích là để giao tiếp với thần linh sông núi, các vị thần tổ nghề, anh linh các vị anh hùng dân tộc, mời tổ tiên các dòng họ về dự hội với dân làng. Lễ hội làng hội tụ sức mạnh thiêng liêng của cả trời đất, non sông, tổ tiên và con cháu. Bởi thế, trong lễ hội, thông qua các nghi thức tín ngưỡng tôn giáo để ước mong nối sợi dây giao cảm giữa Thần - Người - Cộng đồng và thể hiện nguyện vọng của họ trong không gian và thời gian thiêng liêng. Khi đó, phần hội về cơ bản diễn ra nhằm thỏa mãn nhu cầu vui chơi giải trí và sáng tạo văn hóa của con người thông qua các trò chơi dân gian, nghệ thuật dân gian, địa điểm thường diễn ra ở những bãi đất trống, vạt rừng, trên mặt nước ao, hồ, sông, những nơi rộng rãi. Lễ hội rất có ý nghĩa trong đời sống xã hội. Thông qua lễ hội, các giá trị truyền thống của làng quê như ý thức về cội nguồn, tổ tiên dân tộc, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc,... ý thức về đồng loại, cố kết con người trong cộng đồng, ý thức giữ gìn nét đẹp thuần phong mỹ tục của cộng đồng được gia tăng, củng cố. Bên cạnh đó, lễ hội cũng góp phần

thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, là sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo thu hút du khách gần xa.

Dựa vào khái niệm lễ hội của các nhà nghiên cứu trên, chúng tôi hiểu khái niệm lễ hội như sau: “Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa đông người theo chu kỳ của thời gian nhằm tái dựng lại một sự kiện hay thực hành một nghi thức lễ nghi có ý nghĩa với cộng đồng và có khả năng lan rộng trong không gian văn hóa đó”.

Anh hùng dân tộc

Khi dân tộc được hình thành sẽ sản sinh ra ý thức dân tộc. Ý thức dân tộc trước hết chính là ý thức về cội nguồn dân tộc để trả lời câu hỏi muôn thuở “Tôi từ đâu đến” của mỗi con người; sau đó là ý thức về quyền dân tộc, tức là quyền làm chủ lãnh thổ, làm chủ đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc mình.

Quá trình lao động, sáng tạo, đấu tranh qua nhiều thế hệ như một sức mạnh tinh thần giúp cho dân tộc tồn tại và phát triển. Cũng quá trình đó mỗi dân tộc sáng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần hợp thành nền văn hóa dân tộc, vừa có bản sắc riêng, vừa là bộ phận hợp thành nền văn hóa chung của nhân loại. Chính vì có ý thức dân tộc mới củng cố được lòng yêu nước của con người. Và cũng chính những anh hùng dân tộc - người kiệt xuất về trí tuệ, lòng dũng cảm và tinh thần yêu nước mạnh mẽ cùng với khả năng đặc biệt đã tác động, ảnh hưởng đến nhiều người khác trong bối cảnh lịch sử nhất định.

Muốn làm rõ khái niệm anh hùng dân tộc, trước tiên phải hiểu anh hùng là gì?

Khái niệm anh hùng (hero) xuất phát từ tiếng Hi Lạp là *hērōs* (ἥρως), có nghĩa là “người bảo vệ” (protector hay defender). Một anh hùng (hero) hay nữ anh hùng (heroine) là một khái niệm có thể được tìm thấy trong văn học cổ điển. Đó là nhân vật tiêu biểu, được tôn kính thông qua sử thi anh hùng của các dân tộc. Định nghĩa về anh hùng được thay đổi qua thời gian. Anh hùng dân tộc được mọi người ngưỡng mộ vì những hành động vĩ đại và phẩm chất tốt đẹp.

Theo nghĩa hẹp, anh hùng dân tộc (national hero) là nhân vật dũng cảm, không sợ hi sinh, có cống hiến kiệt xuất trong cuộc đấu tranh của dân tộc chống lại sự xâm lược của thế lực ngoại bang. Đây là những con người được ngưỡng mộ và thừa nhận vì lòng dũng cảm, thành tích nổi bật và phẩm chất cao quý của họ. Ví dụ ở nước Pháp có nữ anh hùng Jeanne d’Arc, người chống lại cuộc xâm lược của Anh trong chiến tranh trăm năm Anh-Pháp, được coi là anh hùng dân tộc của quốc gia Pháp. Định nghĩa của

một anh hùng dân tộc theo nghĩa rộng là một người có đóng góp xuất sắc cho quốc gia dù trong thời kỳ chiến tranh hay hòa bình để làm cho đất nước trở nên giàu mạnh phồn vinh. Theo định nghĩa này, những cá nhân như Napoléon với những cải cách cho nước Pháp hay Tôn Trung Sơn với Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc đều phù hợp với nghĩa anh hùng dân tộc của các quốc gia đó. Thậm chí những nhà khoa học, những nhà trí thức lỗi lạc cống hiến ra những phát minh, những học thuyết làm cho dân tộc được lợi hay làm cho dân tộc vẻ vang đều có thể được tôn xưng là anh hùng dân tộc. Như vậy, anh hùng dân tộc là những người xuất hiện ở bước ngoặt lịch sử, góp phần thay đổi vận mệnh của dân tộc, đồng thời là biểu tượng, niềm tự hào bất diệt của dân tộc đó.

Tóm lại, anh hùng dân tộc là những người có phẩm chất cao đẹp, có những đóng góp quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, được cộng đồng ngưỡng mộ và noi gương. Như vậy, anh hùng dân tộc Việt Nam bao gồm các nhân vật thần thoại như Thánh Gióng, Đam San,... cũng có thể là nhân vật lịch sử như Lý Thường Kiệt, Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trung Trực,... Người có công lớn với đất nước và cũng là vị cha già của dân tộc Việt Nam là Hồ Chí Minh. Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành hội đủ những “tiêu chí” về người anh hùng mà chúng tôi đề cập đến qua các định nghĩa nêu trên. Với cách hiểu của đại đa số thì Trần Văn Thành là anh hùng dân tộc được hiểu theo nghĩa hẹp, tương đương với khái niệm national hero của văn hóa phương Tây.

1.3.2. Lý thuyết nghiên cứu đề tài luận án

Lý thuyết cấu trúc chức năng

Lý thuyết cấu trúc chức năng ra đời là một bước tiến quan trọng trong nghiên cứu của ngành Xã hội học. Từ quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm, các nhà xã hội học đã rút ra luận điểm làm nền tảng xây dựng lý thuyết, đó là: xét về bản chất xã hội là sự gắn kết các phương diện của đời sống con người theo một hệ thống nhất định, tương ứng để xã hội đó tồn tại và phát triển. Muốn vậy, mỗi bộ phận cấu thành hệ thống cấu trúc đó phải thực hiện các chức năng của chúng. Ban đầu, lý thuyết này nhằm cố gắng giải thích các thiết chế xã hội như là các phương tiện chọn lọc để đáp ứng nhu cầu sinh học của cá nhân. Sau đó tập trung vào những cách thức thiết chế xã hội đáp ứng các nhu cầu xã hội của con người (niềm tin, tín ngưỡng, tôn giáo, tình cảm, lợi ích,...). Hai nội dung trên tác dụng vào một thành phần, bộ phận tạo ra hay thực hiện đều đảm bảo sự tồn tại, vận động của các mối quan hệ

trong xã hội. Người có công đầu tiên đưa ra khái niệm chức năng một cách có hệ thống và áp dụng vào nghiên cứu khoa học là Emile Durkheim.

Thuyết chức năng nhằm làm thỏa mãn những nhu cầu nhất định của xã hội. Lý thuyết này nối tiếp quan điểm của các nhà chức năng luận như: Bronislaw Malinowski (1884 -142) và Radcliff Brown (1881- 1955) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của phân tích thiết chế và đưa ra khung phân tích thiết chế. Mỗi một thiết chế xã hội như nhà nước, tôn giáo, gia đình,... đều giữ chức năng nhất định nhưng có liên kết với nhau mật thiết nhằm tạo sự cân bằng trong hoạt động.

Với việc vận dụng lý thuyết cấu trúc chức năng vào đề tài: “*Tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang*”, chúng tôi thấy có những chức năng trong đời sống xã hội và hướng tới nhu cầu của con người có trật tự, ổn định. Trên cơ sở của lý thuyết đó, việc thờ cúng Trần Văn Thành thỏa mãn niềm tin tín ngưỡng một cách hợp lý, có trật tự và xã hội ổn định hơn. Đồng thời, vận dụng lý thuyết cấu trúc chức năng vào phân tích và lý giải quá trình thiêng hóa “nhân vật” Trần Văn Thành và các yếu tố gắn với sự thiêng hóa đó (di tích, truyền thuyết, huyền thoại,...). Những ứng xử của người dân đối với “nhân vật” Trần Văn Thành trong ngày lễ hội và ngày thường. Từ đó, chúng tôi đưa ra bàn luận về tín ngưỡng thờ ông Trần Văn Thành qua lý thuyết cấu trúc chức năng để thấy được vai trò và giá trị văn hóa của tín ngưỡng trong đời sống của người dân.

Lý thuyết vùng văn hóa

Theo Ngô Đức Thịnh, thuyết vùng văn hóa ra đời vào nửa đầu thế kỷ XX, những nhà nghiên cứu, khoa học có công tiên phong là F. Boas, O.T.Mason, CL. Wisler, A.L.Kroeber. Lý thuyết này cho rằng văn hóa của từng tộc người được hình thành và phát triển gắn liền với môi trường xã hội và điều kiện lịch sử cụ thể (Ngô Đức Thịnh, 2019, trang, 38 - 39). Lý thuyết vùng văn hóa này được đưa ra như là một sự lựa chọn những hình thái văn hóa với môi trường tạo ra nó. Mỗi vùng văn hóa có một môi trường văn hóa tương thích để tồn tại và biến đổi sao cho phù hợp với một giai đoạn văn hóa, lịch sử của từng vùng và từng địa phương mà các chủ thể văn hóa sáng tạo ra. Từ đó, thuyết vùng văn hóa được xem là một địa phận văn hóa hay vùng lãnh thổ mà con người sinh sống, định cư, sinh hoạt và giao lưu văn hóa tạo ra giá trị văn hóa cho cộng đồng. Các giá trị văn hóa này được tồn tại trong quá trình cộng cư đã trở thành đặc điểm chung của văn hóa được thể hiện qua văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Vùng văn hóa là bầu sữa mẹ nuôi

đương văn hóa tộc người khôn lớn trong cái tổng thể văn hóa của cộng đồng. Bởi vì, mỗi tộc người sinh sống trong một vùng lãnh thổ điều chịu sự chi phối của tự nhiên, lịch sử, xã hội, văn hóa và sự giao lưu với nhau giữa con người – con người, cộng đồng cư dân – cộng đồng cư dân và mở rộng giao lưu bên ngoài. Vì vậy, vùng lãnh thổ là môi trường thuận lợi để con người sáng tạo văn hóa phù hợp với cộng đồng dân cư và hưởng thụ các giá trị văn hóa đó. Nhờ đó, văn hóa có sự lựa chọn những giá trị văn hóa tiên tiến góp phần làm phong phú văn hóa vùng lãnh thổ của cộng đồng cư dân.

Thuyết vùng văn hóa giúp cho con người hôm nay thấy rõ hơn mối quan hệ gắn bó giữa vùng đất sinh sống – con người bản địa – con người du nhập. Mỗi một cá nhân, cộng đồng trong một vùng lãnh thổ có nhiều yếu tố khác nhau như: ngôn ngữ, phong tục, chữ viết,... những mối quan hệ tổng thể luôn có cái chung về sinh hoạt, lối sống. Vận dụng lý thuyết vùng văn hóa và nghiên cứu luận án để thấy được những đặc trưng của vùng văn hóa Nam Bộ. An Giang là vùng đất phía Nam của tổ quốc nhưng địa thế vừa có núi và đồng bằng. Vùng đất này có âm dương tương hợp, địa linh nhân kiệt sinh ra nhân tài. Trần Văn Thành là nhân kiệt được sinh ra trên mảnh đất An Giang và đã tạo ra nhiều chiến công cho quê hương. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành mang bản sắc văn hóa dân tộc và có nét văn hóa riêng của vùng đất Nam Bộ. Lý thuyết này còn cho chúng ta thấy được ứng xử của người dân với tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành. Người dân An Giang hay khách ở vùng khác đến viếng cũng thể hiện sự kính trọng và thực hành nghi lễ như xá, thắp nhang,... Sự đồng thuận này của người dân trong cộng đồng cho thấy tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã lan tỏa và tác động đến đời sống tinh thần.

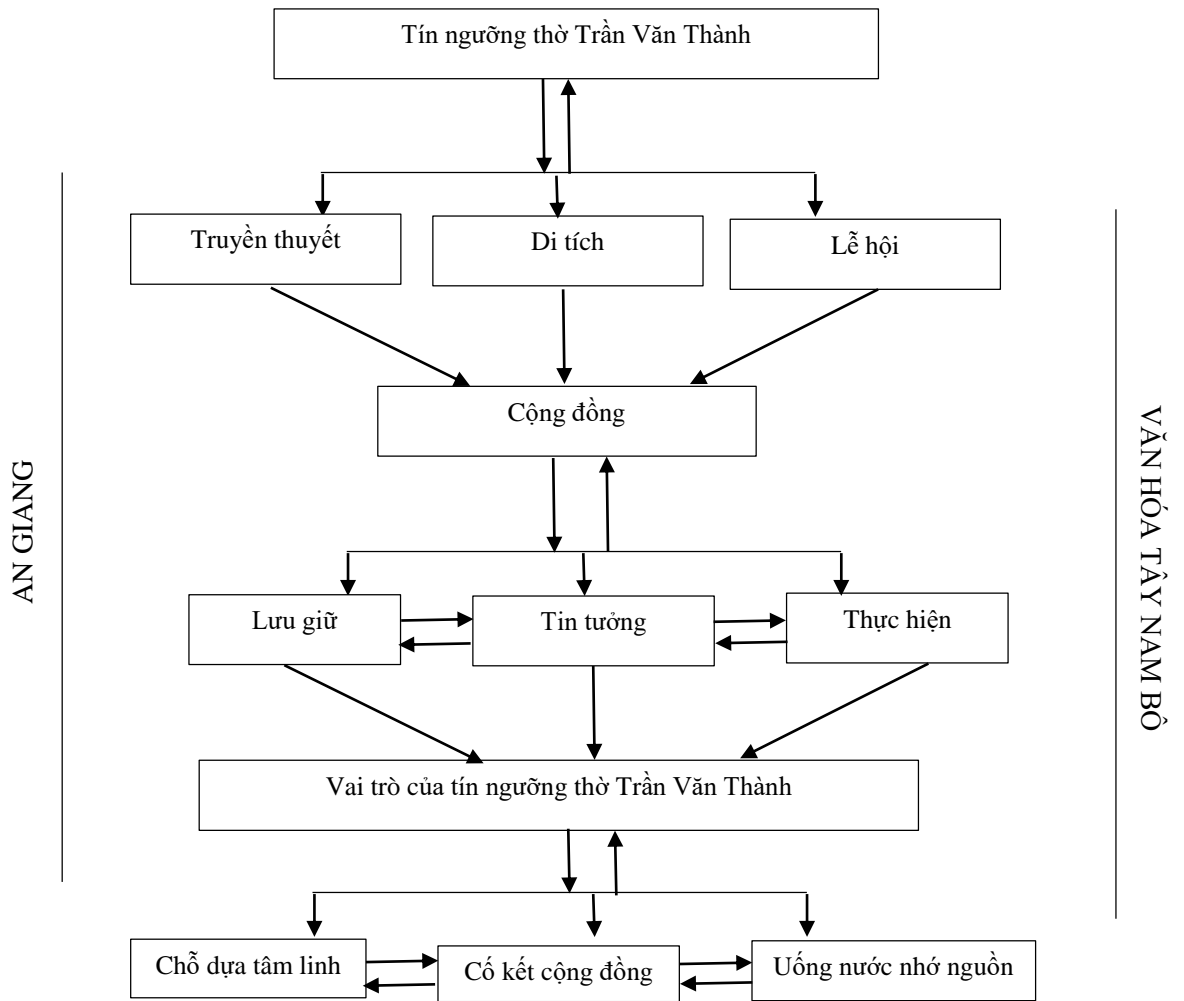
1.3.3. Cách tiếp cận

Nghiên cứu lễ hội cổ truyền của người Việt, tác giả Nguyễn Chí Bền đề cập đến cấu trúc của lễ hội với quan niệm rất mới. Cái mới của tác giả là nhận ra cấu trúc của lễ hội không phải hai yếu tố như nhiều nhà nghiên cứu đã công bố là: lễ và hội. Ở đây, tác giả Nguyễn Chí Bền đưa ra cấu trúc lễ hội gồm 3 yếu tố tạo thành là: nhân vật phụng thờ, các thành tố hiện hữu, các thành tố tàng ẩn nhưng hiện hữu trong thời gian thiêng. Quan niệm này của tác giả Nguyễn Chí Bền đã giúp cho nghiên cứu sinh có cái so sánh lễ hội gồm 2 yếu tố với lễ hội gồm 3 yếu tố. Qua đó, chúng tôi nhận diện được lễ hội Trần Văn Thành gồm 3 yếu tố như nhân vật phụng thờ, các thành tố hiện hữu và các thành tố tàng ẩn. Các yếu tố, thành tố này có vai

trò quan trọng trong việc hình thành, duy trì và thực hành tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành. “Cái tàng ẩn” trong tín ngưỡng Trần Văn Thành là sự ra đi của ông trong trận đánh cuối cùng với Pháp vào năm 1873. Chính sự “thiên hóa” sự kiện này làm cho việc tôn thờ người anh hùng càng mạnh mẽ và sâu sắc trong niềm xác tín của người dân An Giang. Điều này cho thấy, giữa “cái thiêng” và “cái thế tục” tuy khác nhau trên phương diện nghiên cứu khoa học song lại không có ranh giới hay hình ảnh rõ ràng trong niềm tin của con người. Con người sống trong hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh, hay lúc gặp những việc không may họ thường có niềm tin vào các thế lực siêu nhiên và những nhân vật có sức mạnh phi thường về trí tuệ và thể chất. Tác giả còn cho thấy tín ngưỡng rất đa dạng và có đặc điểm riêng mang màu sắc của tín ngưỡng đó. Những luận điểm trên đã giúp cho chúng tôi luận giải được tính thiêng của “nhân vật” Trần Văn Thành và tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành thuộc thành tố tín ngưỡng dân gian. Tín ngưỡng này chịu sự chi phối chuẩn mực đạo đức, phong tục của người dân vùng An Giang trong việc tổ chức và thực hành nghi lễ. Những luận điểm trên còn cho thấy tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã đáp ứng nhu cầu niềm tin và tác động đến đời sống tinh thần của người dân An Giang. Cộng đồng đến với tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành tự nguyện, đoàn kết, tin tưởng với lợi ích tinh thần và ổn định cuộc sống. Do đó, sự tiếp nhận tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành của người dân An Giang có cơ sở lý luận và thực tiễn thông qua luận cứ khoa học mà chúng tôi rút ra từ những công trình của các tác giả nêu trên. Nội dung này sẽ được kế thừa và lý giải rõ ràng hơn trong phần nội dung của luận án. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu về Trần Văn Thành của các tác giả không nhiều. Đặc biệt, có quá ít những nghiên cứu về mối liên hệ giữa tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành gắn với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương; về các truyền thuyết, giai thoại tôn vinh tài năng, sức mạnh, mưu trí của ông Trần Văn Thành lưu truyền trong dân gian.

Trên cơ sở các lý thuyết cũng như cách tiếp cận mà nghiên cứu sinh lựa chọn, nghiên cứu sinh trình bày khung lý thuyết của luận án như sau:

Bảng 1.1 Khung lý thuyết của luận án



(Nguồn: Nghiên cứu sinh)

Trên cơ sở khung lý thuyết này, chúng tôi xây dựng khung phân tích của luận án theo các bước sau:

Bước 1: Phân tích tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành qua các thành tố của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành .

Bước 2: Phân tích vai trò của cộng đồng đối với tín ngưỡng: cộng đồng lưu giữ ,tin tưởng và thực hiện các công việc thể hiện niềm tin tưởng với nhân vật lịch sử Trần Văn Thành

Bước 3: Khẳng định vai trò của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trên các phương diện giá trị : cổ kết cộng đồng; chỗ dựa tâm linh và thái độ uống nước nhớ nguồn.

Các bước phân tích này đặt trong bối cảnh tỉnh An Giang và tiểu vùng văn hóa Tây Nam Bộ, tức là khung lý thuyết mà nghiên cứu sinh đã lựa chọn.

Tiểu kết chương 1

Trần Văn Thành là một nhân vật lịch sử đã chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp. Trong lịch sử, Trần Văn Thành đã lãnh đạo một cuộc kháng chiến chống Pháp oanh liệt. Hình ảnh đó của Trần Văn Thành vẫn giữ một vị thế quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân. Nó lan tỏa và không ngừng phát triển theo quy luật vận động của văn hóa. Vì thế, những năm qua, công trình nghiên cứu về Trần Văn Thành được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Giá trị khoa học của các công trình là gợi mở khoa học để nghiên cứu tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành. Đối với tín ngưỡng này, người dân An Giang đã phát triển thành một giá trị văn hóa tâm linh đáp ứng nhu cầu của con người.

Qua tổng quan tài liệu đã hé mở về mối quan hệ của cuộc đời và sự nghiệp Trần Văn Thành với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Ông được các tín đồ tôn là “Đại đệ tử” của tôn giáo này và có lẽ những chiến công của ông tạo ra có hậu thuẫn của tôn giáo. Đây là khoảng trống rất lớn trong các tài liệu ít ỏi viết về Trần Văn Thành. Như vậy, Trần Văn Thành đã cùng lúc thực hành hai nhiệm vụ: Cứu nước, giúp dân và phát dương vai trò của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược. Và đó cũng là điều mà chúng tôi sẽ nỗ lực để làm rõ hơn ở các chương tiếp theo. Dù ở vai trò nào, Trần Văn Thành được người dân An Giang kính trọng, tôn thờ và xem như một vị thần bảo hộ của cộng đồng.

Chúng tôi vận dụng lý thuyết cấu trúc chức năng, lý thuyết vùng văn hóa để nghiên cứu đề tài và xây dựng khung phân tích cho luận án. Đồng thời, trên cơ sở nội hàm các khái niệm liên quan chúng tôi sử dụng như một loại công cụ để làm rõ cơ sở lý luận của đề tài.

Cuộc đời và sự nghiệp của một con người là kết quả “nhào nặn” bởi một hoàn cảnh lịch sử, xã hội nhất định. Đặc biệt, môi trường tự nhiên và nhân văn cũng góp phần hun đúc tính cách, phẩm chất con người ở mỗi vùng đất. Chúng tôi khái lược những nét đặc trưng nhất của Đất và Người An Giang để nhận diện rõ hơn nhân vật lịch sử Trần Văn Thành trên nền cảnh của vùng Tây Nam Bộ.

CHƯƠNG 2

CÁC THÀNH TỐ CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH

2.1. CHÂN DUNG AN HÙNG DÂN TỘC TRẦN VĂN THÀNH

2.1.1. Đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp

Mảnh đất An Giang không còn thanh bình bởi sự xâm lược của thực dân Pháp. Người dân An Giang bị đẩy vào vòng nô lệ nhưng quyết tâm giữ mảnh đất của cha ông để lại. Khi quân Pháp chiếm thành An Giang (1867), Trần Văn Thành quê ở Bình Thạnh Đông, tổng An Lương, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ông cùng với lực lượng vũ trang, người dân và tín đồ của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương làm bè để cản ngăn tàu chiến của giặc tại Cồn Nhỏ (Phú Bình, Tân Phú). Sau đó, Trần Văn Thành tổ chức đánh phá các đồn lẻ của giặc Pháp và tấn công thành Châu Đốc không thành. Trước tình thế đó, Trần Văn Thành cùng gia đình, nghĩa quân rút vào rừng Bảy Thưa – Láng Linh phòng thủ và xem đây là căn cứ kháng chiến đặc địa. Tại đây, Trần Văn Thành xây dựng đội binh Gia Nghị, đồn Hờ, xây dựng căn cứ, tổ chức sản xuất chuẩn bị lực lượng đánh giặc với mục đích kháng chiến lâu dài. Để khởi nghĩa chống Pháp thành công, binh Gia Nghị được trang bị xưởng đúc, chế tạo vũ khí thủ công ở Bảy Thưa nhưng kỹ thuật vẫn còn thô sơ. Các chiến binh được trang bị gọn nhẹ với đao, kiếm, dao găm, súng điều thương, tác chiến theo lối du kích, đột kích. Nghĩa quân binh Gia Nghị lấy tinh thần yêu nước, sự dũng cảm, dựa vào lực lượng nông dân, tôn giáo để đánh địch.

Nhờ sự ủng hộ của nông dân yêu nước khắp Nam Kỳ lục tỉnh, Trần Văn Thành có một đội binh Gia Nghị hùng hậu hơn (1200 nghĩa quân). Với lực lượng này, Trần Văn Thành khởi nghĩa chống Pháp có nhiều thuận lợi. Ông cho xây dựng căn cứ đồn lũy kiên cố phòng thủ giặc Pháp tấn công.

Căn cứ chính của ông đặt tại Hưng Trung (gần Nam Long Tự, xã Đào Hữu Cảnh, Châu Phú), xung quanh thiết lập các đồn “Hờ” làm tuyến ngăn giặc. Đồn Cái Môn (Cái Dầu), đồn Giồng Nghệ (Mặc Cần Dung), trạm canh Ông Tà (Tri Tôn), đồn Hàng Tràm (Bình Thạnh Đông),... Mỗi đồn được trang bị súng thần công, súng điều thương, hỏa hổ với 150 nghĩa quân phụ trách phòng thủ (Nguyễn Văn Hậu, 1956, trang 85).

Mỗi đội, Trần Văn Thành chỉ đạo một người chỉ huy như: đội Nhất có Nguyễn Văn Năng, Lê Văn Vang, đội Nhì chỉ huy là Nhiều (Lượng),... Người Thân trong gia đình

cùng Trần Văn Thành khởi nghĩa là bà Nguyễn Thị Thạnh (vợ) cùng các con Trần Văn Nhu, Trần Văn Chái,... Pháp hay tin vội mở cuộc tiến công vào Bảy Thưa (6/1872) bằng xuồng nhỏ từ Long Xuyên vào rạch Mắc Cần Dung và chiếm được đồn Giồng Nghệ nhưng không lâu thì quân Pháp rút lui. Đầu năm 1873, giặc Pháp cho Tôn Thọ Tường mang thư đến bản doanh, khuyên Trần Văn Thành quy thuận sẽ được trọng đãi bằng vàng bạc, chức tước, nhưng ông cương quyết không chấp thuận. Thất bại kế hoạch mua chuộc, thực dân Pháp phải dùng đến vũ lực đàn áp.

Đến tháng 3 năm 1873, thực dân Pháp dồn sức tiêu diệt cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa. Quân Pháp được sự giúp sức của E.Puech, đại úy Gayen, Tri huyện Trần Bá Tường và phó quản Hiêm.E.Puech cùng hành quân vào Bảy Thưa. Mỗi lính mã tà mang theo bốn ngày lương thực và 40 viên đạn. Tàu chiến Pháp đậu tại rạch Mắc Cần Dung, rồi cho quân lính dùng xuồng nhỏ tiến vào Bảy Thưa. Trước tiên, thực dân Pháp cho quân đánh chiếm đồn Giồng Nghệ, đồn Hàng Tràm và đẩy lùi nghĩa quân ở đồn Hồ rạch Cái Dầu (Châu Phú). Quân Pháp nã đại bác liên tục về phía trước và bắt dân dọn đường. Quân Bảy Thưa chiến đấu rất anh dũng nhưng do vũ khí địch quá mạnh nên chống giữ không nổi. Cuối cùng, đồn Hưng Trung thất thủ, đội Chín Văn tử trận, đội nhất Năng tự sát và Trần Văn Chái bị giặc bắt.

Ngày 20/3/1873, căn cứ chính Hưng Trung bị tấn công. Trần Văn Thành bình tĩnh đối phó và trực tiếp chỉ huy nghĩa quân chống giặc. Cuộc chiến diễn ra ác liệt từ sáng cho đến tối. Cũng trong trận này, Trần Văn Thành hy sinh anh dũng trước mũi súng của kẻ thù. Nhân dân thương tiếc gọi ông là Đức Cố Quân và lập đền thờ ở Láng Linh. Trần Văn Thành như một ngôi sao sáng, xứng đáng được nhân dân ca ngợi và tôn thờ như bài thơ của nho sĩ Cao Văn Cảo cùng thời:

“Non sông Hồng Lạc giặc xâm lăng,
Thẳng thẳng Trần Công cố sức ngăn.
Trời đất biết cho lòng sốt sắng,
Kiếp đời ghi mãi chí thù hằn.
Đền thờ tỏ dấu dân trong nước,
Thơ vịnh nêu tình khách viết văn.
Những đứa phản thần qua đến cửa,
Gục đầu, run mật, cặp mày nhăn”

Vì thế, trong tâm thức người dân An Giang, Trần Văn Thành là một anh hùng dân tộc. Các thế hệ người dân An Giang, 150 năm qua, tưởng niệm lịch sử vị anh hùng dân tộc này.

2.1.2. Những truyền thuyết liên quan

Theo tác giả Nguyễn Chí Bền: “có ba biện pháp mà người dân thường hay sử dụng để làm cho nhân vật phụng thờ trở nên thiêng liêng: huyền thoại hóa, lịch sử hóa và địa phương hóa. Có thể cả ba quá trình ấy diễn ra đồng thời với nhân vật phụng thờ, nhưng cũng có thể với nhân vật phụng thờ nào đó chỉ diễn ra một quá trình”. (Nguyễn Chí Bền, 2013, trang 149, 150). Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng Quán cơ Trần Văn Thành đã được nhân dân An Giang huyền thoại hóa, lịch sử hóa và địa phương hóa qua các câu chuyện truyền thuyết liên quan đến ông như sau:

Truyền thuyết về chiếc ghe Sáu Bỏ

Chiếc ghe Sáu Bỏ không biết có từ bao giờ và cũng không rõ thợ nào đóng nhưng nó thuộc sở hữu của ông Sãi Xà Lam (ở Tam Giang). Một hôm, ông đi ghe cùng với sáu người Miên xuống Láng Linh để gặp Trần Văn Thành. Mục đích của cuộc gặp gỡ này là để so tài với Trần Văn Thành xem ai hơn vì ông Sãi Xà Lam đã nghe danh Trần Văn Thành là người có tài, ghe ông Sãi Xà Lam đến nơi và Trần Văn Thành ra gặp mặt và buộc mũi ghe vào cọc. Ngay lúc đó, một người Miên trong đoàn “thur” Trần Văn Thành làm cho ông rùng mình. Khi đoàn được Trần Văn Thành mời lên uống trà ở lán trại, Trần Văn Thành bị “thur” một lần nữa và cũng rùng mình. Ăn xong, Trần Văn Thành rùng mình một lần nữa biết là mình bị “thur” lần thứ ba. Sau ba lần “thur”, Trần Văn Thành vẫn bình thường nên ông Sãi Xà Lam thấy lạ quá liền hỏi: “Tôi đã “thur” Ngài ba lần sao thấy Ngài không bị gì?”. Trần Văn Thành nói một cách nhẹ nhàng là “không có gì qua phép Phật”. Ông Sãi Xà Lam nghe thế trong lòng bái phục Trần Văn Thành là một cao nhân nên vội vàng quỳ xuống xin làm đệ tử và hiến ghe Sáu Bỏ (Hình 30, phụ lục 1, trang 10) cho Trần Văn Thành để đánh trận.

Chiếc ghe Sáu Bỏ có chiều dài hơn 10 mét và chiều ngang khoảng 2 mét. Ghe có hai mắt ở hai bên và có sáu bả nên có sáu người chèo. Dây đai được lấy ở cọc ông Tư và sợi dây giống dây bó. Chiếc ghe làm bằng cây sao và được trang trí hoa văn rất tinh xảo. Trên ghe xây một buồng ở bả thứ ba cũng là nơi Trần Văn Thành làm việc và bàn chuyện quân cơ nên chiếc ghe có nhiều ý nghĩa với Trần Văn Thành.

Hiện nay, chiếc ghe Sáu Bỏ được thờ ở Bửu Hương Tự và tồn tại hơn một trăm năm. Chiếc ghe được người dân tôn trọng vì sự linh thiêng nên làm việc gì họ cũng đến ghe xin phép và mong mọi việc tốt lành. Đặc biệt, bánh lái của ghe giống như một bài thuốc trị bá bệnh nên người dân bị bệnh là đến xin ghe và vạt một miếng về nấu nước uống. Điều kì lạ là người dân uống nước nấu từ bánh lái của chiếc ghe đều hết bệnh. Từ đó, người dân càng tin tưởng vào Trần Văn Thành đã phù hộ cho người dân và giúp người dân vượt qua mọi khó khăn. Theo thời gian, sự kính trọng và tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành của người dân ngày càng sâu sắc.

Chiếc ghe Sáu Bỏ có khả năng chống chọi được đạn của giặc vì thân ghe được bao bọc bằng một lớp gỗ dày và cứng chống lại súng đạn. Bao nhiêu đạn, ghe đều tránh được và che chở Quân cơ Trần Văn Thành đánh giặc đem lại hòa bình cho người dân An Giang. Ngày nay, ghe trừng phạt những ai xem thường và ứng xử với ghe không tốt. Một hôm, anh thợ đến làm lại mũi ghe bị mục và chệch ghe không có khoan nạo vét. Người thợ lại lấy mũi khoan để làm khoan nạo vét nhưng vạy được hai tua thì ngã lăn ra chết ngay trên ghe. Vì trong quá trình làm, người thợ không xin phép ghe và chưa nhận được sự cho phép của ghe nên người thợ bị trừng phạt. Chính sự linh thiêng này, người dân muốn làm gì liên quan đến ghe phải xin phép trước. Ghe Sáu Bỏ là ghe linh thiêng không giống như những chiếc ghe bình thường của người nông dân đi ruộng. Ghe Sáu Bỏ trở thành vật thiêng nên được thờ cúng và đặt trong không gian thiêng.

Ghe Sáu Bỏ còn có tục lệ là 5 năm cho ghe uống dầu một lần để làm mới khoan. Đội cho ghe uống dầu có hai người. Mỗi lần cho uống là phải xin keo, ghe cho keo ai thì người đó cho uống. Đến kỳ cho ghe uống dầu, một người xin keo không được nhưng vẫn lấy dầu cho ghe uống nên bị ghe phạt chết. Theo lời ông Ba (chủ từ) kể lại là gần đây có anh ba Kheo vào nơi thờ tự ghe và khi bước ra đi không nổi. Mọi người thấy hỏi vì sao đi không nổi vậy? Anh ba Kheo nói: “quét bụi và bị ghe phạt vì không xin keo”.

Các câu chuyện về sự trừng phạt của ghe làm cho người dân càng thấy sự linh thiêng của ghe. Từ đó, sự tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành ở người dân càng cao. Mọi người tin Trần Văn Thành vẫn còn đó, vẫn phù hộ cho người dân gặp may mắn và có một cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc. Ông T.T.D (32 tuổi), làm ruộng, quê ở Châu Phú An Giang cho biết: “Tôi thuộc thế hệ hậu bối nên không biết hết về những câu chuyện các vật linh thiêng mà ông Trần Văn Thành sử dụng trong khởi nghĩa. Tôi có nghe ông

bà kể về sự huyền bí của chiếc ghe chừ cũng không biết là có đúng như vậy không? Khi tôi tham gia lễ hội, tôi mới thấy người dân tín ngưỡng ông Trần Văn Thành quá lớn. Tôi mới nghĩ về những điều ông bà tôi kể lại và tôi tin vào sự huyền bí của ghe cũng giống như bao người đi lễ hội đây” (Biên bản số 9, trang 36).

Truyện thuyết về xây dựng Dinh Sơn Trung

Vào năm 1939, nhà nước tiến hành đào sông từ Vàm Sáng Cây Dương tới Sóc Xoài. Sau khi con sông hoàn thành, ông Lê Quốc Lập đưa dân xuống Tấn Mỹ huyện chợ mới ngày nay để khai hoang và lập ấp. Ông mang trâu bò đến để khai thác, làm ăn trên vùng đất này. Tuy nhiên, trâu bò đến gò cao tại cầu số 5, làng Vĩnh Hanh thì một số con bỏ chạy và một số con còn lại không đi đứng được nên nằm lại tại chỗ. Điều này làm cho việc làm ăn của ông Lê Quốc Lập gặp khó khăn. Ông Lập đem câu chuyện này kể lại với những người lớn tuổi tại quê nhà. Khi nghe xong câu chuyện, một vị lớn tuổi trong làng cho rằng ông Lập đã dựng nhà trên căn cứ quân sự trước đây của ông Trần Văn Thành và khuyên ông Lập nên khẩn bái ông Trần Văn Thành để ông Trần Văn Thành cho việc làm ăn được suôn sẻ, thuận lợi và làm ăn gặp nhiều may mắn. Làm theo lời chỉ dẫn của các bậc tiền bối, ông Lập chuẩn bị cho việc cúng xin ông Trần Văn Thành rất chu đáo và thành ý. Khi chuẩn bị lễ vật cúng đầy đủ, ông Lê Quốc Lập chọn nơi cao ráo, sạch sẽ và đặt bàn hương án cầu xin ông Trần Văn Thành phù hộ cho việc khai khẩn của mình được thuận buồm, xuôi gió. Khi lễ cúng xong, ông Lê Quốc Lập an tâm làm ăn trên khu đất này. Ông Lập cảm nhận được lời cầu xin của mình đã được ông Trần Văn Thành chấp nhận. Giữ lời hứa với Trần Văn Thành, ông Lập cho xây dựng nơi thờ Trần Văn Thành làm bằng cây lá vào năm 1940 và cúng Trần Văn Thành vào ngày 21 - 22 tháng 2 hàng năm. Trên nền đất gò cao đó, nơi thờ tự Trần Văn Thành đơn sơ, âm áp và niềm tin tín ngưỡng sâu sắc. Ông Trần Văn Thành ngày càng được người dân biết đến sự linh thiêng qua lời truyền miệng trong dân gian. Người dân đến viếng và cúng tế ông Trần Văn Thành ngày càng đông. Thông qua đó, ông Lê Quốc Lập thấy việc làm của mình có ý nghĩa với người dân nơi đây. Vì vậy, ông Lập đã để lại đất đai xây dựng cơ sở thờ tự ông Trần Văn Thành. Nhờ có đất đai, người dân nơi đây đã phát triển tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trên nền đất đó bằng hành động cụ thể là xây dựng một Dinh Sơn Trung đồ sộ, tráng lệ mang nét văn hóa truyền thống của dân tộc như hiện nay (Hình 5,6,7,8, phụ lục 1, trang 3, 4).

Truyện thuyết về xây dựng đền thờ Trần Văn Thành

Theo tài liệu của đền thờ Trần Văn Thành ghi lại truyền thuyết xây dựng đền với nhiều chi tiết kỳ ảo. Chúng tôi xin tóm lược câu chuyện xây dựng đền như sau: khi nhắc đến ông Trần Văn Thành mà người dân kính trọng và cũng không quên cây Thê số bốn còn thất lạc, tác giả Nguyễn Văn Hầu đã ghi chép lại trong sách. Hi vọng tìm được cây Thê số bốn này, nhóm người trong Hội Đông y xã Bình Thủy họp bàn và lên kế hoạch đi tìm. Đến mùa Thu năm 1997, nhóm thống nhất và được chú bầy Hồ Văn Quận người địa phương tài trợ tiền và phương tiện cho nhóm đi tìm cây Thê số bốn ở tận rừng Tràm Hà Tiên. Việc làm của nhóm táo bạo nhưng đã đem lại cho chúng ta một ngôi đền thờ Trần Văn Thành khang trang như hôm nay.

Kế hoạch đã xong, tiền tài trợ đã có, mọi người lên ghe tam bản vượt sông đi tìm cây Thê số bốn. Mọi người đi vào ngày 25 tháng 8 năm 1997 âm lịch. Nhóm có 11 người nhưng không biết tên của từng người, chỉ biết tên của chú bầy Hồ Văn Quận và cũng là người lớn tuổi nhất trong chuyến đi này. Khi đi, nhóm mang theo gạo, củi, rau củ, và lều bạt để che nắng cũng như một cuộc dã ngoại. Nhóm đi lúc 5 giờ sáng trên kinh Cây Dương đến Tri Tôn. Trời càng sáng, mặt trời càng lên cao và ánh nắng chói chang cũng là lúc nhóm chúng tôi đi đến Lò Gạch. Lúc này, đồng hồ chỉ 8 giờ, nhóm hỏi thăm người dân có biết chỗ nào có gò cao, cây cổ thụ hay nghe anh hùng Trần Văn Thành đến đây không? Người dân nào cũng không biết và cảnh vật ở đây thay đổi nhiều quá. Đặc biệt năm 1997, tỉnh Kiên Giang có kế hoạch múc kinh xả phèn nên cánh đồng tràm thành nông nghiệp. Dân cư ở đây thưa thớt nên càng khó cho việc tìm người hỏi thăm dấu vết của ông Trần Văn Thành. Đi được 15 cây số, trời đã xế chiều và gặp trại ruộng ở phía trước. Nhóm cho ghe dừng lại và gặp người phụ nữ bước ra, tay bung rổ rau đi xuống kinh rửa, gặp chúng tôi chị hỏi:

- Mấy anh, mấy chú đi đâu mà đông quá vậy?

Chú Bầy lớn tuổi nhưng nhanh miệng trả lời:

- Chúng tôi đi lãnh đất làm ruộng.

Nghe vậy, chị chủ trại rất mừng giới thiệu liền. Chị mời tất cả lên và nói:

- Có anh Ba Tho ở Đồng Cơ đến vận động bà con xa gần để anh cấp phát đất cho dân.

Khi nghe hai bên trao đổi, anh Ba bước ra khỏi trại tay bắt mặt mừng với chúng tôi. Anh liền hỏi chú Bầy:

Chú có lựa được vùng nào chưa?

Chú Bảy trả lời nửa hư, nửa thật:

- Nhờ chú lựa giùm cho tôi một gò đất cao, mùa nước nổi mà không ngập.

Anh Ba ngạc nhiên nói:

- Chú Bảy nói chơi, chớ làm ruộng thì lựa vùng đất có phù sa mới hợp với việc trồng lúa. Nếu có việc gì chú cứ nói, nếu giúp được gì tôi sẽ giúp.

Thế là chú Bảy cùng chúng tôi tâm sự với anh Ba việc đi tìm Ông Thê còn thất lạc.

Nghe qua anh Ba nói:

- Tôi theo Đạo Phật nhưng không phải Đạo “Bửu Sơn Kỳ Hương” nên không hiểu rành về Ông Thê, nhưng nghe qua sự việc thì ông Trần Văn Thành phải cấm Thê trên gò cao rồi.

Thế là anh Ba khẳng định:

- Cánh đồng này rất rộng lớn, qua năm năm tôi sống bằng nghề máy cày phá hoang cải tạo đất, tôi đã đi khắp nơi trên cánh đồng này nên tôi chỉ là chính xác nhất (1) Gò Giồng Tượng; (2) Gò Gộc Xây Nhỏ; (3) Gò Gộc Xây Lớn. Anh chỉ hướng cho chúng tôi đi và dặn: “Chú tìm ba cái gò đó không đúng thì đừng tìm nữa mất công sức uổng lắm, còn tìm được trở lại gặp tôi. Có thể, tôi giúp được chú”.

Nhóm dựng lều, nấu ăn và nghỉ qua đêm ở đây. Sáng hôm sau, nhóm ăn uống xong là lên đường tìm kiếm ba cái gò mà anh Ba đã chỉ. Nhóm vừa có niềm tin là tìm được nhưng cũng sợ thất vọng. Mọi người động viên nhau lấy nghị lực đi tìm. Khi đến, Gò Gộc Xây Nhỏ nhưng thất vọng vì không tìm được gì. Mọi người bối rối, chú Bảy nói: “Chúng ta hãy cố gắng tìm, nếu bỏ cuộc uổng công sức lắm”. Chú bảo chúng tôi quì xuống, chú đại diện nguyện vái: “Hôm nay ngày 26 - 8 - 1997 đoàn chúng con có đi tìm Ông Thê số bốn còn thất lạc. Nếu chúng con có duyên tìm được Ông Thê, kính nhờ Đức Ông Cố, các chư Thần ở cánh đồng này chỉ hướng cho chúng con” (Tài liệu đền thờ Trần Văn Thành, trang 24, 25).

Lời cầu nguyện của chú Bảy linh nghiệm quá. Trên bầu trời, một cặp chim rất lớn không biết từ đâu xuất hiện kêu la inh ỏi. Thấy vậy, Hai Tuấn lớn tiếng nói: “Nếu các ông có đến chỉ đường thì hai ông bay đi chúng tôi theo”. Nói xong cặp chim bay về hướng Bắc, nhóm vui mừng đi theo hướng chim bay và mong gặp được Ông Thê. Đi hơn một giờ, nhóm đến vùng đất có một gò cao rất rộng lớn và có nhiều cây me nước, cây sung to lớn như cổ thụ. Đặc biệt ở giữa gò có một khoảng công đất không có

cây, chính giữa là vùng đất trắng mịn. Chung quanh có nhiều gạch xưa. Ở dưới mé triền có một đám ớt của một nông dân từ Ba Chúc vào trồng, cách gò khoảng 200 mét có một trại của vợ chồng anh Năm Sớm. Khi thấy có nhiều người đến, anh Hòa chủ đám ớt có đến hỏi thăm và trò chuyện. Nhóm nói thật mọi việc là đi tìm di tích của ông Trần Văn Thành ngày xưa có đến vùng đất này xây đồn đánh giặc. Nghe xong câu chuyện, anh Hòa vào trại lấy ra một lon ghi gô, mở nắp trong đó toàn đồng tiền xưa có chữ Hán “Thái Bình Thông Bảo”, anh Hòa nói: “Cô bác có đến đây bòn vàng đã đào được rất nhiều đồng tiền khoảng 20 ký, thấy vậy tôi xin một lon làm kỷ niệm, nay xin tặng lại cho đoàn coi có giúp gì được không”.

Trong lúc nhóm nhận túi tiền, một anh say rượu đi đến hỏi với giọng lớn tiếng, nhóm chưa biết ứng xử như thế nào, anh Hoàn nhanh nhạy nói: “Anh này là Tám Tăng làm ruộng gần đây anh thích uống rượu chớ hiền lắm”. Xoay qua anh Tám, anh Hòa nói: “Các chú các anh từ An Giang đến đây tìm di tích đánh giặc của ông Trần Văn Thành”.

Anh Tám Tăng liền nói: “Ông Trần Văn Thành là ai tôi không biết, nhưng nói đến đánh giặc, thì các ông cho người theo tôi, tôi sẽ tặng cho một thanh gươm”.

Mọi người rất hồi hộp chờ xem thanh gươm ra sao. Về đến trại anh rút trên nóc trại một thanh gươm đã bị rỉ sét, nhưng chúng tôi vô cùng mừng rỡ, thanh gươm anh Tám Tăng rất giống với thanh gươm được trưng bày trong tủ khai quật ở vùng Láng Linh. Thế là chúng tôi có đủ tự tin vì nơi đây có dấu chân của ông Trần Văn Thành hoặc quân binh Gia Nghị. Mọi người trong nhóm mặc đồ lớn vào (áo dài khăn đóng) dâng bông hoa, bánh nước để làm lễ. Làm lễ xong, vợ chồng anh Năm Sớm có đến kể cho chúng tôi nghe về cái gò này rất linh thiêng: “Vợ chồng tôi không dám cho trâu, bò lên gò. Những năm nước lớn, vợ chồng tôi có dắt trâu, bò lên gò buộc không sao. Nhưng sự nhớ ra điều gì, Chị Đỗ Thị Mai vợ anh Năm Sớm nói: “Có một việc lạ là tại khu vực này có một cây cổ thụ trên 100 năm tuổi, đặc biệt ở dưới gốc có rất nhiều vàng, người đi bòn vàng moi móc nên cây đã ngã rất ưỡng”.

Nghe chị Mai nói thế, nhóm chúng tôi đi tìm Ông Thử rất vui vì đã tìm được vật chứng. Sau đó, Chú Bảy tiếp lời kể thêm: “Hồi lúc chú tôi được 10 tuổi cùng ông nội vào đây săn bắn heo rừng, khi lên gò ngồi nghỉ được ông nội chỉ nơi đây chắc có quân binh ở đây hay sao mà cột cờ bị cháy chỉ còn gốc đó con”. Khi lớn lên, ông vào đây bòn vàng nhưng đào được bốn thùng gươm giáo bị rỉ sét nên

không mang về. Nhóm chúng tôi gợi ý muốn cát miếu ở đây thì anh Ba Tho nói: “Nếu muốn cát miếu phải hỏi mới được, vì đất này của Trung Đoàn quản lý, mà anh Trương Thanh Hồng hiện là trung đoàn trưởng”. Nghe xong, chúng tôi chia tay nhau và nhóm về Châu Phú kết thúc hành trình.

Khi về đến nơi, chúng tôi bàn tính và quyết định cát miếu thờ để không có lỗi với các chiến sĩ đã bỏ mình. Thế là, nhóm người cử Hai Tuấn, Chú Bảy, Sáu Gòn,... đi xin phép xây cất đền. Chúng tôi đến cầu Mệt Lung gửi xe mượn xuống chạy vô đồng tìm anh Ba Thọ, nhờ anh giới thiệu với anh Năm Hồng. Năm người đi tới Trung Đoàn gặp lúc cơ quan đang tổ chức liên hoan, nhưng gặp chúng tôi anh Trung Đoàn Trưởng vẫn vui vẻ tiếp khách. Qua trao đổi anh đã hiểu sự việc, anh Năm nói: “Trên bờ có Thổ Công dưới sông có Hà Bá. Và lại tại gò Cát này là chỗ dừng chân của tuyến đường 1C, đường dây 195 của Quân Khu từng đánh nhau ác liệt với Mỹ, Ngụy, phía ta tiêu diệt hàng trăm tên giặc. Tuy nhiên không ít chiến sĩ đã nằm lại chiến trường này, cho nên chú và các anh đây cất miếu thờ chiến sĩ là tôi đồng ý liền”.

Được sự đồng ý của anh Năm, chúng tôi xin phép ra về và trên đường về ghé qua nhà chú Bảy On ở Vĩnh Gia để xin cát miếu trên phần đất chú thiêm. Nghe vậy, Thiêm Bảy vui vẻ nói: “Tôi nghe nói có di tích trên phần đất của vợ chồng tôi, vợ chồng tôi rất mừng. Tôi xin hiến một công đất”. Nói xong, chú thiêm lấy giấy ra viết liền. Thật là nghĩa cử cao đẹp!

Việc xin đất cát miếu đã xong, chúng tôi chia tay với gia đình và trở về lo công việc cần thiết để xây cất ngôi đền. “Đúng một tháng sau, chúng tôi quay trở lại xây cất ngôi đền nhỏ tại Gò có chiều dài 50 mét, ngang 2 mét và Sáu Gòn có trồng một cây bồ đề thay cho cây đa năm xưa” (Tài liệu đền thờ Trần Văn Thành, trang 29, 30). Thời gian trôi qua 19 năm, vào mùa Thu năm 2016 được chính quyền cho phép sửa chữa tôn tạo lại, ngôi miếu nhỏ ngày nào đã trở thành ngôi đền khang trang thờ Trần Văn Thành.

Truyện thuyết về cái chết của ông Trần Văn Thành

Trước khi Pháp nổ súng ở cửa biển Vũng Tàu, cho đến lúc lục tỉnh Nam Kỳ hoàn toàn mất hẳn, các cuộc khởi nghĩa nổi lên chống lại quân Pháp diễn ra liên tục. Trong các cuộc khởi nghĩa đó, cuộc khởi nghĩa của ông Trần Văn Thành ở vùng đất Bảy Thưa của tỉnh An Giang nêu cao tinh thần chống giặc cứu nước trong giai đoạn này. Trần Văn Thành đã nhiều lần chống trả sự tấn công của Pháp vào An Giang và

làm cho chúng nhiều lần bị thất bại nên ông trở thành vì sao sáng trong cuộc khởi nghĩa này. Cuộc khởi nghĩa ở Láng Linh - Bảy Thưa do ông lãnh đạo đã gắn liền với tên tuổi Trần Văn Thành. Chính từ cuộc khởi nghĩa này, Trần Văn Thành đã trở thành anh hùng của dân tộc và người dân An Giang vẫn tin tưởng ông còn đó không thể nào mất được. Vì vậy, sau trận đánh quyết liệt với Pháp, một bộ phận người dân An Giang tin ông đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ đất nước và trở thành người anh hùng bất tử. Câu chuyện về sự ra đi của ông Trần Văn Thành gắn với nhiều yếu tố lịch sử mà người dân, nhà nghiên cứu,... xây dựng cho ông đã trở thành câu chuyện truyền thuyết sống mãi trong lòng người dân An Giang. Mặc dù, câu chuyện về sự ra đi của ông Trần Văn Thành trong trận đánh Pháp năm 1973 có nhiều dị bản khác nhau nhưng điểm chung của các câu chuyện là ông không còn ở cõi trần thế này nữa và trở thành anh hùng, thủ lĩnh của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Câu chuyện đó như sau:

Vào năm 1867, quân Pháp đưa một đoàn tàu chiến do trung tá hải quân GaLey cầm đầu, tiến lên hãm thành Châu Đốc. Tổng đốc Phan Khắc Thận đầu hàng, An Giang thất thủ. Sau biến cố lịch sử đó, Trần Văn Thành tự tổ chức dân binh ở quê nhà (Cồn Nhỏ) để ngăn quân Pháp. Trần Văn Thành cho lập nhiều đồn Hờ để tạo thế phòng thủ kiên cố cho nghĩa quân. Đến tháng 3 năm 1873, thực dân Pháp cho quân đánh đồn Hờ ở rạch Cái Dầu (Châu Phú), và uy hiếp đồn Nghệ. Quân giặc nã đại bác vào trước và bắt dân dọn đường. Qua năm ngày chiến đấu, quân Bình Gia Nghị lui dần. Ngày 19/3/1873, hải quân Pháp từ Châu Đốc tiến vào đánh đồn Cái Môn (nay thuộc xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú). Bọn chúng chiếm được đồn. Cùng ngày, tàu chiến Pháp đậu tại vàm rạch Mắc Cần Dung (nay thuộc Châu Thành, An Giang) và cho quân dùng xuồng nhỏ vào ngọn rạch Mắc Cần Dung để tiến tới ngọn Hang Tra là nơi Trần Văn Thành đang chỉ huy chiến cuộc. Biết mình đang bị bao vây, nguy khốn, Trần Văn Thành và nghĩa quân vẫn cương quyết chiến đấu.

Khoảng 9 giờ ngày 19/3/1873 (21 tháng 2 năm Quý Dậu), quân Pháp bắt đầu xung phong đánh chiếm đồn Hưng Trung Doanh (đồn Bảy Thưa). Báo Le Courier de Saigon ra ngày 5/4/1873 tường thuật: “Tại Hưng Trung, Trần Văn Thành vẫn bình tĩnh đứng sau chiến lũy làm bằng những tấm ván và những bao gạo chồng lên nhau, để đốc thúc nghĩa binh chiến đấu. Nghĩa quân trong các chiến lũy thổi tù và, đánh trống và reo hò để tăng uy thế. Bên cạnh ông còn có con trai ông hỗ trợ cho ông bắn”... Mặc dù quân Bình Gia Nghị đã chống trả quyết liệt và dũng cảm nhưng trước hỏa lực áp đảo của giặc

Pháp thì đồn Hưng Trung Doanh cũng bị thất thủ. Trước sự uy dũng của nghĩa quân và sự hi sinh của Trần Văn Thành, Nhà văn Sơn Nam viết: “Tuy biết đang bị bao vây tứ phía và người Pháp có vũ khí hữu hiệu, nhưng nghĩa quân và Trần Văn Thành vẫn bình tĩnh, cương quyết đối phó. Đến phút quyết liệt, ông mặc áo màu đỏ sậm (màu tám Trần điều mà giáo phái đang thờ phượng) và cắt từng lọn tóc của mình phân phát cho nghĩa quân (một kiểu giống như phù phép, cốt để thuộc hạ lên tinh thần)”.

Sự hi sinh của Trần Văn Thành theo tác giả Nguyễn Quang Thắng và Nguyễn Bá Thế:

Sau khi Bản Hưng Trung Doanh bị tàn phá, thất bại nặng, Trần Văn Thành rút lui vào chiến khu và mất ngày 21 tháng 2 âm lịch năm 1873”. Còn theo Nguyễn Văn Hầu, trong quyển Đức Cố Quân viết: “Riêng Đức Cố Quân từ ấy bật vô âm tính không ai nghe thấy đâu nữa”. Những người tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương cho rằng: “Đức Cố Quân có phép ẩn thân nên khi Pháp chiếm đồn Hưng Trung, Ông đã hóa thân đi qua mắt quân đội Pháp và quy tiên (Kỷ yếu hội thảo khoa học, 2014, trang 11).

Tóm lại, các truyền thuyết về ông Trần Văn Thành cho chúng ta thấy rất rõ niềm tin tín ngưỡng của người dân đối với Trần Văn Thành. Những câu chuyện trên đã trải qua nhiều năm và được người dân đón nhận, truyền nhau trong dân gian về sự linh thiêng của Quán cơ Trần Văn Thành. Những truyền thuyết truyền miệng đến nay vẫn được nhân dân lưu truyền. Đặc biệt, chi tiết Trần Văn Thành không chết mà bay về trời đã cho thấy sự truyền thuyết hóa. Lịch sử hóa: Quán cơ Trần Văn Thành đã trở thành một phần không thể tách rời của lịch sử hình thành và giữ gìn, phát triển vùng đất An Giang hơn một trăm năm qua. Địa Phương hóa: Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang và lập nên chiến công trong kháng chiến ở địa phương, có công khai phá và phát triển vùng đất... Việc địa phương hóa Quán cơ Trần Văn Thành với mong muốn để ông gần gũi với nhân dân tỉnh An Giang và góp phần làm tăng thêm niềm tin linh thiêng về nhân vật phụng thờ này. Các truyền thuyết và chi tiết tạo ra truyền thuyết về Trần Văn Thành không nhiều yếu tố hoang đường, kỳ lạ. Nhưng Trần Văn Thành được sự kính trọng và ngưỡng mộ của người dân An Giang nói riêng và người miền Tây Nam Bộ nói chung trong kháng chiến chống Pháp cho đến nay. Sự hi sinh của Trần Văn Thành khi đánh giặc có nhiều truyền thuyết mang yếu tố phi thường. Vì vậy, người dân tín ngưỡng thờ

Trần Văn Thành và lập nhiều cơ sở thờ tự như một vị “Thần” là một việc làm mang yếu tố truyền thống của dân tộc với người có công với dân với nước.

2.2. CƠ SỞ THỜ TỰ TRẦN VĂN THÀNH

2.2.1. Đền thờ Trần Văn Thành

Sau khởi nghĩa Bảy Thưa thất bại, bà Nguyễn Thị Thạnh, vợ của Trần Văn Thành và các con về trú ngụ ở trại ruộng Láng Linh của Phật Thầy Tây An (Đoàn Minh Huyền) tại Long Châu. Đến năm 1897 (năm Đinh Dậu), bà Nguyễn Thị Thạnh và con trai trưởng Trần Văn Nhu (còn gọi là ông Hai Nhà Láng, 1847-1914), cho xây dựng một ngôi chùa tại đây. Đến năm 1903, ngôi chùa hoàn thành và được đặt tên là Bửu Hương tự để tưởng nhớ người cha và quân dân đã bỏ mình trong cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa. Cũng tại nơi đây, Trần Văn Nhu tiếp tục hốt thuốc chữa bệnh, trồng dâu nuôi tằm và phát triển Đạo.

Ngày 21- 22 tháng 2 âm lịch năm Quý Sửu (1913), các tín đồ cùng nhân dân đang làm lễ tưởng niệm Trần Văn Thành và binh Gia Nghị. Lúc này, quân Pháp từ Châu Đốc kéo vào Bửu Hương tự để bắt người và đốt phá cơ sở thờ tự này. Vì Pháp sợ diễn ra cuộc khởi nghĩa mới tại đây. Lúc loạn lạc, Trần Văn Nhu chạy trốn và bị Pháp truy nã. Trần Văn Nhu mất tại Trà Bang (Rạch Giá) ngày 25 tháng 3 âm lịch năm 1914 (67 tuổi). Về sau, di cốt Trần Văn Nhu được cải táng trong khu mộ của dòng họ trong Bửu Hương tự (nay là đền thờ Trần Văn Thành). Đến năm 1938, Trần Văn Tịnh là đệ tử của ông Nhu đã đứng ra vận động để xây dựng lại Bửu Hương tự trên nền cũ. Năm 1947, lực lượng kháng Pháp từ đền thờ Trần Văn Thành kéo ra tiêu diệt một đồn của Pháp tại xã này. Sau một năm (1948), quân Pháp kéo đến khủng bố và đốt đền thờ Trần Văn Thành một lần nữa. Đến năm 1952, nhân dân góp công sức và tiền của xây dựng lại ngôi đền khang trang. Hiện nay, đền thờ Trần Văn Thành, ngụ tại địa chỉ: ấp Long Châu I, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Từ Long Xuyên đến vòm kính sáng Vịnh Tre 39 ki – lô - mét đi theo quốc lộ 91, trên đường Long Xuyên – Châu Đốc. Từ Vòm kính sáng Vịnh Tre về phía tay trái vào đền thờ Trần Văn Thành khoảng 11 ki – lô - mét, phương tiện đường thủy, đường bộ đều thuận lợi.

Đền thờ Trần Văn Thành được xây dựng trên một khuôn viên rộng rãi giữa một vùng quê sông nước (Hình 1, 2, 3, 4, trang 1, 2, phụ lục 1). Xung quanh ngôi đền, cây xanh cổ thụ bao phủ cho bóng mát rượi và làm cho ngôi đền thêm uy nghi, cổ kính. Hàng rào bằng sắt kiên cố chạy quanh khuôn viên làm tăng thêm vẻ đồ sộ của

ngôi đền. Đền thờ Trần Văn Thành có một cửa cổng chính và một cửa cổng phụ để vào ngôi đền. Bước qua cửa cổng chính và đi về phía ngôi đền khoảng 200 mét, nhìn phía bên phải, các phần mộ người thân của Trần Văn Thành (bà Nguyễn Thị Thanh là vợ của Trần Văn Thành, các con Trần Văn Nhu, Trần Văn Chái,...) được xây dựng trong khuôn viên của ngôi đền. Mỗi phần mộ được xây dựng có mái che, có bậc tam cấp bước lên và xung quanh mộ là công viên có nhiều hoa tươi. Về giá trị lịch sử, phần mộ nằm trong tổng thể khu di tích thể hiện lòng tôn trọng người có công với nước. Ngày nay, người dân đến viếng đền và thắp hương cho các phần mộ này thường xuyên nên hương khói nghi ngút quanh năm.

Gần ngôi đền là nhà trưng bày giới thiệu thân thế và sự nghiệp của Trần Văn Thành, những vũ khí mà Trần Văn Thành đã sử dụng trong cuộc khởi nghĩa đánh Pháp. Những hình ảnh Trần Văn Thành khai phá vùng đất Láng Linh – Bảy Thưa sinh lầy. Các hiện vật và tư liệu chứng minh nhiều sự kiện lịch sử gắn với Trần Văn Thành. Cách trưng bày hài hòa tạo cảm giác dễ chịu và gây ấn tượng cho người tham quan.

Trong khu đất, ngôi đền khang trang chiếm một vị trí quan trọng. Đền thờ Trần Văn Thành gắn với nhiều sự kiện lịch sử trong kháng chiến chống Pháp như địa điểm hồ Bà, rạch mương Bờ Dâu, đồn Hưng Trung,... Vai trò quan trọng của ngôi đền với lịch sử, văn hóa là niềm tự hào của người dân An Giang. Với tầm quan trọng của ngôi đền thờ Trần Văn Thành, ngày 12/12/1986, ngôi đền thờ Trần Văn Thành được Bộ Văn hóa – Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo quyết định số 235/VH – QĐ. Từ đó, ngôi đền không ngừng được chính quyền địa phương, các ngành chức năng và nhân dân quan tâm đóng góp, nâng cấp và tu bổ cho xứng đáng với công lao của Trần Văn Thành. Ngôi đền là nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh của người dân nên việc chăm sóc và làm ngôi đền thêm đẹp là trách nhiệm của người dân An Giang.

Ngôi đền là một thành tố hiện hữu chứa đựng những giá trị vật chất quan trọng trong cấu trúc của ngày hội. Ngôi đền thờ Trần Văn Thành trở thành nơi tín ngưỡng chung của cộng đồng. Theo tác giả Nguyễn Chí Bền: “ngôi đền chỉ là nơi thờ tự các vị thánh hoặc các vị thần”. Vì vậy, ngoài việc xem Trần Văn Thành là anh hùng dân tộc, người dân còn tín ngưỡng ông như một vị thần hoặc thánh thờ trong đền. Các thành tố hiện hữu trong đền góp phần nâng cao vị thế linh thiêng của ông Trần Văn Thành. Các thành tố này là không gian thờ tự ông Trần Văn Thành.

... những thành tố hiện hữu này trầm mặc, dãi dầu trong mưa nắng, như một không gian thế tục nhưng ngày lễ hội, thời gian thiêng, chúng vụt lên trở thành những thành tố lung linh, sống động và thiêng liêng trong con mắt dân làng với tư cách không gian thiêng. (Nguyễn Chí Bền, 2013, trang 354).

Ngôi đền được xây dựng theo kiến trúc chữ tam gồm Chánh điện, Đông lang và Tây lang. Cửa cổng chính của ngôi đền có ba lối đi (đi ra – đi vào) theo kiến trúc dạng tam quan. Cổng đền chạm trổ hoa văn và hình rồng uốn lượn. Đặc biệt, nóc cổng chia làm ba phần. Phần trên cùng, nóc có hàng chữ “Bửu Hương tự” và những lá cờ bay phát phới giữa bầu trời trong xanh. Phần giữa có chữ to nhất tên là “Đền Thờ” được sơn son thiếp vàng. Phần dưới cùng là hàng chữ ghi tên “nhân vật” Trần Văn Thành được sơn màu đỏ tươi. Bốn cây cột cổng to thẳng đứng tạo ra thế uy nghiêm, bền vững của ngôi đền thờ Trần Văn Thành.

Kiến trúc ngôi đền thờ Trần Văn Thành được bao bọc trong khuôn viên đất rộng rãi, thoáng mát giữa một vùng quê sông nước bình dị. Đền có sân rộng được lát gạch tàu màu đỏ và trang trí bằng nhiều cây kiềng. Mỗi cây được cắt tỉa gọn gàng tạo nhiều hình ảnh khác nhau như: cây có hình cây dù, cây hình nấm làm tăng thêm vẻ đẹp kiến trúc của ngôi đền. Cuối sân, cây cột cờ được làm bằng sắt có màu vàng tươi. Phía trên ngọn, lá cờ đỏ sao vàng bay phát phới. Cột cờ có ba chân kiềng chắc chắn. Phía trước cột cờ, bàn thiên đặt thẳng đứng và có hai con hạc ở hai bên quay đầu vào nhau (Hình 36, trang 11, phụ lục 1). Cách bàn thiên khoảng 2 mét, hai ông hổ đứng trang nghiêm. Sân đền được trang trí nhiều đèn điện. Các hình ảnh đó làm cho kiến trúc sân đền thêm hấp dẫn, thu hút người dân đến tham viếng hay du lịch khám phá ngôi đền vào dịp lễ hội.

Đền thờ Trần Văn Thành được xây dựng theo kiến trúc triều Nguyễn mang nét văn hóa của dân tộc Việt Nam. Mái đền hai cấp lợp ngói đại ống và gắn các diềm ngói hình hoa cúc. Bờ nóc gắn bộ tượng lưỡng long tranh châu. Mặt dựng giữa các cấp mái là các khuôn tranh liên hoàn tái hiện lại hình ảnh Trần Văn Thành cùng quân binh Gia Nghị chiến đấu chống thực dân Pháp. Đầu các góc mái có trang trí hoa văn. Trung tâm của đền là chánh điện được xây dựng theo kiến trúc cổ lầu mái nhị cấp và hậu tổ hai mái bát dần. Đông lang và Tây lang hai bên được nối liền với gian nhà chính thuận lợi cho việc đi lại. Mái được kết nối với nhau theo kiểu kiến trúc chông rường giá chiêng tạo không gian rộng rãi, thoáng mát và đón lấy ánh sáng tự nhiên.

Với kiến trúc này, đền thờ Trần Văn Thành có không gian xanh và tạo ra sự linh thiêng cho cơ sở thờ tự đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân. Ngôi đền thờ Trần Văn Thành trở thành điểm tựa tinh thần của người dân An Giang.

Nội thất bên trong đền gồm có các hương án, bài vị, hoành phi, liễn đối đều được chạm khắc công phu sắc nét và sơn son thiếp vàng. Các bàn thờ được trang trí tranh sơn thủy về cảnh làng quê sông nước. Trung tâm là ngôi thờ đặt Long đình chạm lộng tứ linh và hoa cỏ. Kiến trúc đó đã tạo cho ngôi đền sang trọng và không gian rộng rãi.

Ngôi đền thờ Trần Văn Thành có bố cục hai phần (phần trước và phần sau). Tổng thể của bố cục này như sau:

Bảng 2.1 Hệ thống các ngôi thờ trong đền Trần Văn Thành



(Nguồn: Nghiên cứu sinh)

Sự sắp xếp, bài trí bên trong ngôi đền thờ Trần Văn Thành tạo không gian linh thiêng. Tính khoa học của sự sắp xếp là tạo cho người dân một không gian thực hành nghi lễ và cúng viếng đền. Nhân vật chủ thể của ngôi đền là Trần Văn Thành được đặt và trang trí đặc biệt. Với sự bày trí này, người dân đến viếng đền dễ dàng nhận biết ngôi thờ Trần Văn Thành.

Từ sân vào, bước lên bậc tam cấp là tới cửa vào bên trong ngôi đền (có 2 cửa chính), cửa làm bằng gỗ và bức tường giữa hai cửa chính có một bức tranh vẽ phong cảnh. Bước qua cánh cửa này là chính điện, chính điện được đặt bốn bàn thờ (bàn thờ Đức Phật Thầy Tây An là trung tâm, bàn thờ ông Hai, bà Hai Gò Sặc, bàn thờ ông Đội Nhứt Năng, bàn thờ ông Tư Trần Văn Chái). Hậu chính điện là một không gian rộng lớn được đặt tám bàn thờ (bàn thờ Quán cơ Trần Văn Thành ở trung tâm, bàn thờ Đức Ông Hai Nhà Láng Trần Văn Nhu, bàn thờ Đề Đốc Nguyễn Kế Trung, bàn thờ ông Đội Chín Văn, bàn thờ ông Đội Nhất Cảm, bàn thờ ông Đội Phạm Văn Khuê, bàn thờ ông Từ Ba Đinh Văn Sang, bàn thờ ông Đội Đinh Văn Hiệp).

Các bàn thờ được sắp xếp theo ba dãy để thấy được nhân vật thờ phụng ở giữa đóng vai trò trung tâm như: Đức Phật Thầy Tây An, Trần Văn Thành và hai bàn thờ còn lại là người thân của Trần Văn Thành. Do đó, các nhân vật phụng thờ ở dãy giữa là những người khai sáng đạo và phát dương Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đến ngày hôm nay. Các nhân vật phụng thờ ở dãy bên trái và bên phải là các ông Đội đóng vai trò quan trọng trong đồn Hờ để bảo vệ đồn trung tâm trong kháng chiến chống Pháp. Các ông Đội đã cùng Trần Văn Thành đấu tranh chống Pháp mang nhiều thắng lợi. Ngày nay, các ông được thờ trong đền cùng với Trần Văn Thành để được tiếp tục bảo vệ “chủ tướng” và quê hương luôn được thanh bình.

Chính sự giống nhau giữa các bàn thờ trong đền, chúng tôi xin phép mô tả chi tiết bàn thờ của Đức Phật Thầy Tây An và Trần Văn Thành là hai bàn thờ lớn nhất. Các bàn thờ còn lại xin phép được mô tả khái quát. Bàn thờ Đức Phật Thầy Tây An được đặt ngay giữa chính điện (phần trước) và là bàn thờ lớn nhất (Hình 18, trang 7, phụ lục 1). Bàn thờ có ba bậc, bậc thứ nhất để bát nhang và đỉnh đồng; bậc thứ hai để đôi đèn điện và lư đồng; bậc thứ ba là nơi thờ Đức Phật Thầy Tây An. Bàn thờ này có tám Trần điều màu đỏ trên vách tường và một bài vị được sơn son thiếp vàng. Hai bên tám Trần điều là hình hai bông sen đang nở rục rở làm cho bàn thờ thêm trang trọng và tôn nghiêm. Bát nhang được làm bằng đồng và bộ lư đồng làm bàn thờ uy nghiêm. Bàn thờ có đôi đèn điện được thắp mỗi ngày thêm ánh sáng cho không gian thờ tự. Một bình hoa bằng gốm có màu trắng cao khoảng 60 xăng - ti - mét, đường kính bình 20 xăng - ti - mét. Mỗi bông hoa cắm vào bình tỏa hương thơm ngào ngạt. Bàn thờ còn có ống nhang đặt hai bên để khách thăm viếng đốt nhang dâng cúng Đức Phật Thầy. Cách bày trí hiện vật trên bàn thờ Đức Phật Thầy Tây An làm sang trọng ngôi thờ.

Bàn thờ Trần Văn Thành được đặt ở hậu điện (phần sau). Bàn thờ được làm bằng gỗ và có ba bậc, bậc thứ nhất có bát nhang ba chân bằng đồng, một đỉnh đồng sau bát nhang, một bình hoa tươi hình trụ làm bằng sứ, màu trắng cao khoảng 60 xăng - ti - mét và một đôi đèn điện đang tỏa sáng; bậc thứ hai có một bát nhang bằng đồng, một đỉnh đồng, đôi đèn điện và hai ống nhang (Hình 22, trang 8, phụ lục 1). Cách sắp đặt này mang ý nghĩa tôn trọng Trần Văn Thành và làm kiến trúc ngai thờ thêm đẹp. Bậc thứ ba là bậc cao nhất cũng là nơi đặt bài vị thờ Trần Văn Thành trang nghiêm và tấm Trần điều màu đỏ trong khuôn hình chữ nhật được dát vàng. Trên bức tường hai bên bàn thờ, hai bình bông sen đua nhau nở màu sắc rực rỡ. Bàn thờ Trần Văn Thành có mái làm bằng gỗ được chạm trổ nhiều hoa văn tạo sự ấm áp và tôn nghiêm.

Các bàn thờ còn lại trong đền được làm bằng gỗ. Mặt bàn thờ làm bằng kiềng dạng hình chữ nhật. Bát nhang bằng đồng được đặt trên ghé gỗ ba chân. Bộ lư đồng nhỏ gọn phù hợp với bàn thờ. Bàn thờ không có bài vị mà chỉ có tấm Trần điều màu đỏ và hai bình bông sen hai bên. Các vật dụng thờ cúng ở các bàn thờ này đơn giản nhưng kiến trúc không đơn điệu mà có nhiều màu sắc, kiểu dáng, cách trang trí linh hoạt, hài hòa. Kiến trúc này được xây dựng để thể hiện lòng kính trọng đối với nhân vật phụng thờ và mang đậm nét văn hóa dân tộc.

Tóm lại, ngôi đền thờ Trần Văn Thành nằm trong cảnh quan thiên nhiên đẹp, mặt chính nhìn về phía hồ sen đón nhận từng cơn gió thổi vào hòa với hương sen ngọt lịm.

Đền thờ hình thành đã tô điểm thêm nét đẹp cho mảnh đất Thạnh Mỹ Tây, là tấm lòng người dân trong vùng, là một công trình mang ý nghĩa biểu trưng chung trong các địa điểm và công trình liên quan đến cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa – Láng Linh, là loại hình kiến trúc nghệ thuật đẹp đậm dấu ấn truyền thống và có giá trị cao về lịch sử văn hóa từ thời Nguyễn, là di sản văn hóa dân tộc phản ánh giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể... (Kỷ yếu hội thảo cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa và lễ hội văn hóa truyền thống huyện Châu Phú, 2010, trang 122)

2.2.2. Các dinh thờ Trần Văn Thành

Dinh Sơn Trung

Trong kháng chiến chống Pháp, Trần Văn Thành xây dựng lò rèn đúc vũ khí cho binh Gia Nghị phục vụ chiến đấu. Tại nơi sản xuất vũ khí này là Dinh Sơn Trung ngày nay, Dinh Sơn Trung tọa lạc tại ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh An, huyện Châu Thành.

Buổi đầu, dinh được xây cất bằng cây, mái lợp bằng lá của vùng đất Bảy Thưa và được đặt tên là dinh Hưng Trung. Để phục vụ cuộc khởi nghĩa chống Pháp, dinh được Trần Văn Thành làm đồn Hưng Trung và cũng là căn cứ quan trọng được bảo vệ bằng nhiều đồn Hờ. Vì vậy, dinh không chỉ gắn liền với Trần Văn Thành mà gắn với binh Gia Nghĩa và bà con làm công tác hậu phương giúp cho nghĩa binh. Dinh là niềm tự hào của người dân Láng Linh – Bảy Thưa về tinh thần kiên cường chống giặc cứu nước.

Dinh Sơn Trung được hình thành qua ba giai đoạn chính. Vào năm 1939, ông Lê Quốc Lập đến vùng đất này khai hoang, lập ấp và dựng nhà định cư. Ông biết đây là vùng đất của Trần Văn Thành và mong Trần Văn Thành phù hộ cho cuộc sống ấm no, luôn gặp may mắn trong cuộc sống. Ông Lê Quốc Lập dựng lên dinh thờ Trần Văn Thành để thờ tự hương khói. Dinh thờ lợp bằng lá và các cột kèo bằng cây gỗ của quê hương. Dinh thờ linh thiêng nên ngày càng thu hút người dân đến cúng viếng. Vì sự quan tâm của người dân và diện tích ngôi thờ cần mở rộng, ông Lê Quốc Lập đã hiến đất để xây dựng dinh thờ Trần Văn Thành. Đến năm 1946, dinh được sửa mới và mở rộng diện tích đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân. Lần sửa này, ông Lâm Thanh Nguyên kết hợp cùng với thân sinh của Đức Huỳnh Giáo Chủ là ông Huỳnh Công Bộ đứng ra sửa mới và được sự ủng hộ của người dân nơi đây. Dinh Sơn Trung thoáng mát nhưng vẫn là cây cối của quê nhà. Dinh thờ thu hút người dân đến viếng vào ngày cúng giỗ của Trần Văn Thành ngày càng đông hơn. Mọi người ủng hộ vật chất để Dinh Sơn Trung được khang trang. Đó là mong muốn của người dân và tấm lòng biết ơn của người dân đối với Trần Văn Thành. Đến năm 2004, Ban Quản lý Dinh Sơn Trung xin phép ông Trần Văn Thành và chính quyền địa phương xây cất lại bằng bê tông. Dinh Sơn Trung đã được xây mới khang trang như hiện nay (Hình 31, trang 10, phụ lục 1).

Hiện nay, kiến trúc dinh được thiết kế rất độc đáo. Đó là kiến trúc kết hợp với các quần thể khác được xây dựng chung trong khuôn viên. Dinh được xây dựng trên mảnh đất có diện tích tổng thể là bốn hecta, thoáng mát và khang trang. Dinh được bao bọc bởi kênh rạch và cánh đồng ruộng mênh mông bát ngát. Dinh có một cổng chính và một cổng phụ đi vào nhà giữ xe. Cổng dinh được thiết kế theo kiểu tam quan. Cổng chính được thiết kế hoa văn họa tiết theo văn hóa quê nhà. Hai bên cổng có rồng uốn lượn, chú rùa vàng đang nâng cao đầu như chào đón khách. Mái cổng có tượng lưỡng long triều nhật. Mặt cổng có dòng chữ “khu di tích” được đặt cao nhất và bên dưới có

dòng chữ “Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa - Đức Quán Cơ 1867 – 1873” (Hình 5,6,7,8, trang 3, 4). Bước vào trong, sân dinh được lát gạch sạch sẽ và nhiều cây bả đậu cổ thụ tỏa bóng mát. Trước chính điện, tượng Trần Văn Thành trong trang phục màu đen và tay cầm gươm dự định tuốt ra rất uy dũng. Hình ảnh này như muốn nói với con cháu là phải sẵn sàng bảo vệ đất nước khi có ngoại xâm. Sự hiên ngang, bất khuất của tượng thờ Trần Văn Thành làm cho không gian thờ tự thêm linh thiêng và uy tín của Trần Văn Thành ngày càng cao hơn trong lòng người dân đi lễ hội. Vào trong, chính điện thờ Trần Văn Thành có hai cửa thuận lợi cho người dân vào thắp nhang, thăm viếng. Bàn thờ Trần Văn Thành có ba bậc được làm bằng gỗ và có chạm trổ rồng phụng, hoa văn. Bậc một của gian thờ gồm các hiện vật bày trí trên bàn thờ như: bình hoa tươi, bát nhang, đôi đèn điện, tượng Trần Văn Thành vác thanh đao có dòng chữ Bửu Sơn Kỳ Hương và phía sau tượng là tám binh khí bằng đồng. Bậc hai có bộ lư đồng lớn, đèn điện, ống nhang, bậc ba cao nhất là thờ Trần Văn Thành và tám Trần điều màu đỏ (Hình 39, trang 12, phụ lục 1). Hai bên chánh điện có hai con rồng thể hiện sự linh thiêng, cao quý và hai câu thơ “Thà thua xuống ruộng, xuống bưng / Kéo ra đầu giặc lỗi chung quân thần”. Các chữ được sơn son thếp vàng đường nét uyển chuyển, sinh động và lấp lánh. Chính điện có một cặp kiếm và một chiếc ấn gậy chú ý cho người dân đến cúng viếng. Ông Nguyễn Ngọc Sanh quản lý trong Dinh Sơn Trung nói: “Án do Phật Thầy ban cho Trần Văn Thành lúc đến đây phá rừng để không bị sơn lâm chướng khí gây hại”. Cặp kiếm dài 1,8m, bề ngang rộng 20 xăng – ti – mét và nặng khoảng 7 ki- lô – gam được làm bằng thép rất bén. Cặp kiếm này được Bà Nguyễn Thị Thanh sử dụng trong chiến tranh còn Trần Văn Thành sử dụng thanh long đao. Chiếc ghe của Trần Văn Thành sử dụng được để ở chính điện. Cái giường Trần Văn Thành nằm nghỉ ngơi được phục dựng lại mới. Trên giường, các vật như mền, gối được gấp gọn gàng và màn (mùng) treo thẳng tắp. Theo người dân ở đây, chiếc giường của Trần Văn Thành làm theo kiểu giường Tòng nên giường có khung mái cao. Các chân giường được chạm rồng phụng và có hai câu thơ: “Chống phách hùng ca chí khí hào / Pháp quân nghe tiếng Trần Cơ Quán”. Các hiện vật ở chính điện gắn với sinh hoạt hàng ngày của Trần Văn Thành mang nét huyền bí và linh thiêng. Có lần, các ông trong ban thư ký dinh nói: “cặp kiếm nếu mở ra bất thường không phải ngày lễ hội cúng tế, người mở sẽ bị học máu. Mũi ghe nhiều người nói mài uống hết bịnh”. Các hiện vật đó được bỏ vào trong hộp cẩn thận và được người dân xem trọng vì sự linh

thiêng của các vật ấy. Trong chính điện, các bức tranh nghệ thuật vẽ trên tường dọc theo hai lối đi với nhiều chủ đề khác nhau như tranh về cuộc đấu tranh chống Pháp của Trần Văn Thành và binh Gia Nghi, tranh làm ruộng, tranh rèn vũ khí,... Những bức tranh nhìn có vẻ đơn giản nhưng có ý nghĩa rất lớn, nó nhắc nhở người dân về lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng giữ nước mà ra sức xây dựng đất nước. Tất cả, các hiện vật gắn liền với Trần Văn Thành trong sinh hoạt hàng ngày cũng như trong kháng chiến chống Pháp được người dân lưu giữ cẩn thận. Sự lưu giữ này thể hiện ý thức tôn kính của người dân đối với ông Trần Văn Thành. Người dân tôn kính ông Trần Văn Thành, tôn kính hiện vật như một giá trị tinh thần quý báu của cộng đồng. Sự quý trọng này ngày càng lan tỏa trong nhân dân và có sức phát triển bền vững. Bởi vì, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được người dân tin tưởng và lưu giữ ngày càng được nhiều người đến với tín ngưỡng này.

Sau chính điện, bảy bàn thờ bố trí thành hình chữ nhật. Trong đó, một bàn thờ ở giữa đóng vai trò trung tâm là bàn thờ của Nguyễn Trung Trực. Các bàn thờ xung quanh là: bàn thờ Tam Bảo và Phật Thầy Tây An, bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ, bàn thờ Cậu Hai và cậu Tư, bàn thờ Liệt Sĩ, bàn thờ ông cả Lê Quốc Lập và bàn thờ Các Vị Tử. Trong các bàn thờ đó, bàn thờ Tam Bảo và Phật Thầy Tây An, bàn thờ Nguyễn Trung Trực (Hình 42, trang 13, phụ lục 1) là có diện tích lớn và có nhiều vật thiêng bày trí theo thứ tự ba bậc. Hai bàn thờ này đều có: bậc một gồm bát nhang bằng đồng, đỉnh đồng và lưu đồng, hai đèn điện lớn hình bông hoa và hai chim hạc màu trắng, mỏ đỏ quay đầu vào nhau. Bậc hai gồm bộ lư đồng nhỏ, hai đèn điện, hai cái lọng lớn có thêu rồng phụng bay lượn. Bậc ba của bàn thờ Tam Bảo và Phật Thầy Tây An không có ảnh, tượng hay hình mà chỉ thờ tám Trần điều màu đỏ. Đối với Phật Thầy Tây An, Trần Văn Thành là đại đệ tử và là một cao đồ của Bửu Sơn Kỳ Hương. Đối với Nguyễn Trung Trực, Trần Văn Thành đã từng cùng ông đánh giặc Pháp. Vì vậy, kiến trúc dinh thiết kế bàn thờ Phật Thầy và Nguyễn Trung Trực có ý nghĩa đặc biệt với Trần Văn Thành.

Các bàn thờ còn lại trong dinh đều có ba bậc nhưng bậc một thường để trống hoặc để lễ vật dâng cúng. Bậc hai có bình bông, ly nước nhỏ và bậc ba có bát nhang, bộ lư đồng nhỏ và cũng là nơi thờ tự. Kiến trúc các bàn thờ này đơn giản. Cách bày trí linh hoạt nên bàn thờ dễ dàng tiếp nhận vật cúng khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được nét đẹp của kiến trúc dinh. Đó là kiến trúc tạo không gian thoáng mát, sang trọng.

Dinh nối với các quần thể kiến trúc khác được xây dựng trong khuôn viên là cầu long và cầu phụng. Hai chiếc cầu này có chiều dài 180 mét, chiều ngang 2,2 mét, chiều cao 2,5 mét được thiết kế mô phỏng theo hình cửa rồng và cửa chim phụng. Hai cái đầu rồng và phụng nhìn ra sân dinh và đó cũng chính là miệng cầu. Mỗi người dân thăm viếng hay thấp nhang cho các vị thần trong khu này phải đi qua hai cái cầu này. Đi hết chiếc cầu, quần thể kiến trúc hiện ra với nhiều ngôi thờ khác nhau. Các công trình này xây dựng có hoa văn, họa tiết hình ảnh rồng phụng, hổ, rùa,... rất đặc sắc thể hiện tài hoa của người thợ nhiều kinh nghiệm. Đặc biệt, khu quần thể kiến trúc (ngôi thờ Tổ Quốc, Lạc Long Quân, Âu Cơ, khu lò rèn sừng, Cửu Huyền, Tam Hoàng Ngũ Đế,...) có sân rộng được lát gạch sạch sẽ. Tất cả kết hợp với nhau hài hòa, trang nghiêm đầy yếu tố tâm linh. Đó là tấm lòng của người dân Láng Linh – Bảy Thưa đối với người có công khai phá vùng đất này. Vì vậy, đã hơn một thế kỉ, người dân trong vùng không ngớt hương khói để nhớ ông Trần Văn Thành và binh Gia Nghị.

Tóm lại, Dinh Sơn Trung là một khu di tích có kiến trúc nghệ thuật độc đáo mang dấu ấn lịch sử thời kỳ mở đất của ông Trần Văn Thành. Vì vậy, người dân trong vùng rất sùng kính, ngưỡng mộ và tự hào có khu di tích này.

Dinh Ông Thẻ số 1

Trong Chi La Bửu Tích của cậu Hai đã ghi:

Cắm bốn thẻ Đông, Tây, Nam, Bắc

Ta dạy chú làm cho đủ lễ

Ai gian tà có thể đón ngăn

Người hiền lương, kẻ giữ có ngân

Âm binh sẽ đón ngăn lừa lọc

Làm thẻ ấy, làm bằng gỗ mộc

Khi cặm rồi chú đọc tâm kinh

Thì tự nhiên thần thánh ngó nhìn

Và sẽ có âm binh trấn giữ

Thừa thiên mạn nên ta tiến cử

Cử sau này chú giữ đất linh

Mai về sau chú hãy rán gìn

Nơi hậu vận Láng Linh đô thị.

Trần Văn Thành chắm bốn cây thẻ để trấn giữ ranh giới vùng đất An Giang. Người dân phát hiện được cây thẻ số 1 và lập cơ sở thờ tự gọi là dinh Quan Thẻ số 1. Dinh quan thẻ này thuộc vùng đất Vĩnh Hòa, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Cây thẻ được làm bằng cây gỗ Lào Táo của vùng An Giang lúc bấy giờ. Cây có đặc điểm dẻo dai, có sức bền với thời gian. Thân cây thẳng làm Ông Thẻ rất thuận lợi. Đầu thẻ chắm búp sen và thân Ông Thẻ có khắc 4 chữ “Bửu Sơn Kỳ Hương”. Thẻ này được chắm ở phía Đông nên được gọi là Đông Phương Thanh Đế. Đây là một trong bốn cây thẻ được chắm để bảo vệ vùng đất An Giang, nó là động lực hun đúc hồn thiêng sông núi cho vùng đất chín con rồng bay lên. Theo truyền khẩu, khoảng hơn một trăm năm trước, ông Trần Văn Đính từ miệt Hậu Giang về vùng đất này khai hoang. Ông Đính đã phát hiện một cây gỗ tròn, đường kính 35 xăng – ti – mét, dài 1,5 mét, chôn thẳng đứng xuống đất và nhô lên phần có hình búp sen. Khi ông định cư ở khu đất này, ông mới thấy một điều hết sức kỳ lạ là cứ vào đêm khuya trụ gỗ phát ra tiếng trống thúc quân nhưng khi có người đến gần thì im lặng. Sự kỳ diệu của trụ gỗ này là chữa được bệnh hoặc những người gặp tai ương đến cầu xin, khẩn nguyện sẽ được trụ gỗ làm cho qua khỏi. Ông Đính nhận thấy trụ gỗ linh thiêng nên chôn sâu xuống lòng đất (ngày nay cho là Ông Thẻ ản) và cất ngôi miếu nhỏ thờ đặt là “Quan Thẻ”. Sự linh thiêng của Ông Quan Thẻ được nhiều người biết và đến cúng viếng ngày càng đông. Vào năm 1950, ông Cao Ngọc Châu xây dựng lại ngôi miếu lớn hơn, mái lợp bằng lá dừa để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân. Từ đó, ngôi miếu trở thành tài sản tinh thần chung của người dân. Tiếng lành đồn xa, người đến ngôi miếu từ nhiều vùng đất khác nhau ngày càng đông.

Hai mươi năm sau, vào năm 1970, ông Cao Minh Xuân đứng ra sửa chữa lại ngôi miếu. Mái được lợp kiên cố, chất lượng hơn trước kia. Không gian ngôi miếu mở rộng ra đủ cho người dân dâng lễ vật cúng tế. Đến năm 1988, bà Nguyễn Thị Tứ cùng Ban Quản trị và người dân làm mới lại ngôi miếu ở nhiều hạng mục. Các cột không còn làm bằng cây tràm mà làm bằng cột gỗ tròn, nền lát gạch. Miếu Quan Thẻ có người trông coi, có sự đóng góp của người dân. Vào năm 1998, ngôi miếu được làm mới hoàn toàn bằng bê tông, nền lát gạch bông và xây dựng nhiều khánh thờ khang trang. Từ đó, miếu được đổi tên thành dinh Quan Thẻ số 1. Người dân cho rằng vùng đất này là xứ sở của Ông Thẻ mà trước kia ông Trần Văn Thành đã đặt ở đây cây thẻ đầu tiên làm mốc giới giữ đất. Ông Thẻ này đánh dấu công lao của Trần Văn Thành

với đất nước và cơ duyên với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Chính bốn chữ “Bửu Sơn Kỳ Hương” trên cây thẻ làm cho người dân tin tưởng là “điềm lành” nên phụng thờ và xây dựng cơ sở thờ tự như hôm nay.

Về kiến trúc điện thân, dinh Ông Thẻ số 1 được xây dựng theo kiến trúc dân gian. Cổng dinh được thiết kế kiểu tam quan, có bốn trụ cột làm bằng đá granite, có hai cửa phụ và một cửa chính. Hai trụ cột giữa có đắp nổi liễn: “Tiền hưng thịnh thời trung quy tự/ Môn giang đồng đẳng thịnh thời an/ Cần tiếp thuận hành đồng an lạc/ Đăng quang tiếp rước khách quý bản”. Từ ngoài vào dinh, bên phải có một ngôi miếu Ông Tà nhỏ nằm sát cổng, một con chim phượng, bên trái có hình con rồng bằng bê tông có màu xanh lá đang vươn mình về phía trước. Mái nhị cấp lợp ngói âm dương có trang trí hoa sen. Đình công trang trí lưỡng long tranh châu. Nóc mái được gắn hình cá hóa long, kỳ lân và rồng uốn lượn. Vào bên trong, sân dinh rộng rãi và sạch sẽ. Giữa sân, cột cờ bằng sắt hình trụ tròn cao khoảng 12 mét, đầu cột hình rồng, thân cột tạo hình đoạn khúc hoa sen. Chân cột có bốn hình rồng mang màu sắc khác nhau trong dáng tứ long hội tụ. Kế bên cột cờ là hồ Sơn Thủy, hồ này được xác định là xây trên Trụ Thẻ. Việc xây dựng hồ này với hàm ý là thủy sinh mộc để cây thẻ có sức sống dồi dào. Hồ nước luôn đọng đầy như cây thẻ được tiếp thêm sức mạnh để đủ năng lượng ban phúc lành cho người dân. Cây thẻ và hồ nước tác động biện chứng tạo ra giá trị văn hóa tâm linh cho người dân.

Đi hết sân gặp bốn cột to có rồng quấn quanh và ba lối vào chính điện (hai lối phụ và một lối chính), chính điện kiểu cổ lầu, mái nhị cấp được lợp tôn, đỉnh nóc trang trí lưỡng long tranh châu. Các nóc mái có chạm rồng. Vách cổ lầu vẽ tranh cảnh tập binh của ông Trần Văn Thành, Trâu Sấm, Trâu Sét,... Mặt chính điện hình vòm, đắp nổi tên dinh Quan Thẻ và trang trí dây hoa leo vòng quanh. Tiền sảnh có bốn rồng quấn quanh trụ cột kê trên đế có hình lục giác đẽ hoa sen. Bốn mặt cột chính điện tạo bốn liễn ốp cột, mỗi liễn đắp nổi chữ Hán sơn nhũ vàng. Hệ thống kèo cột đổ bê tông kiên cố, các đòn tay làm bằng cây gỗ, vách xây tường tạo các cửa sổ xen kẽ với song thông gió và vẽ tranh với chủ đề về ông Trần Văn Thành ra trận cùng binh Gia Nghị và quá trình hành đạo của Phật Thầy Tây An. Dinh có ba gian nối tiếp nhau và được ngăn cách bằng một bức tường. Gian đầu thờ Bác Hồ và Nguyễn Trung Trực, gian giữa thờ Hội đồng trăm quan, bàn thờ Tam Bảo, bàn thờ Phật Thầy Tây An và tám Trần điều, gian cuối là bàn thờ Ông Bà Trần Văn Thành, bàn thờ 12 ông đạo, bàn thờ

Đức Huỳnh Giáo Chủ, bàn thờ Cửu huyền Thất tổ, bàn thờ Kế Nghiệp. Gian cuối của dinh hình vòm, đắp nổi cuốn thư với chữ Hán tự là dòng chữ “Bửu Sơn Kỳ Hương”. Vách vẽ nhiều tranh về Đức Phật Thầy Tây An thọ nạn, viên tịch, hình ảnh tiên ông câu cá và bảng vẽ hình ảnh các Ông Thê. Cách thiết kế thờ tự hợp lý và những bức tranh được vẽ tinh xảo làm cho không gian của dinh trang trọng. Những hình ảnh này cũng là nội dung của quá trình hoạt động của Phật Thầy Tây An và Trần Văn Thành để người dân đi lễ hội biết rõ hơn đối tượng thờ phụng. Từ đó, người dân sẽ có cái nhìn sâu sắc hơn về tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và tự hào về tín ngưỡng này. Qua hình ảnh đó, người dân đi lễ hội vừa uống trà hay vừa nhặt rau kể nhau nghe việc chữa bệnh của Phật Thầy Tây An lúc sinh thời; hay chuyện Trần Văn Thành đánh Pháp và bay về trời. Cứ như thế, người dân kể nhau nghe từ mùa lễ hội này đến mùa lễ hội khác và trở thành những câu chuyện sinh động thiêng liêng trong lòng người dân.

Tóm lại, dinh được nhiều lần trùng tu và xây mới vẫn giữ được sự linh thiêng trong lòng của người dân An Giang và khách bốn phương. Trần Văn Thành đã vượt qua khó khăn của không gian, địa lí đầy hiểm trở để cắm cây thẻ bảo vệ bờ cõi. Hôm nay, người dân có dinh Quan Thê số 1 là nhờ vào công đức hi sinh của Trần Văn Thành. Hàng năm, dinh có các lễ cúng: Tam nguyên, Cúng cơm sư vải Bán Khoai vào ngày 9 tháng 2 (âm lịch), vía Trần Văn Thành ngày 21/22 tháng 2 (âm lịch), vía Phật Thầy Tây An vào ngày 12 tháng 8 (âm lịch) và Đại lễ cầu an ngày 18/ 19 tháng 8 (âm lịch).

Dinh Ông Thê số 2

Con đường uốn lượn bên bờ rạch Cây Gáo là đường đến cây thẻ thứ 2 (tên là Bắc phương Hắc Đế) mà ông Trần Văn Thành đã cắm để giữ ranh giới. Cây thẻ này cùng với các cây thẻ khác của ông Trần Văn Thành đã cắm tạo thành “ngũ long trấn phục” để chống giặc giữ nước. Người dân phát hiện cây thẻ có hình dáng tròn, dài 1,2 mét, đầu thẻ chạm búp sen, thân thẻ khắc bốn chữ “Bửu Sơn Kỳ Hương”. Cũng giống như cây thẻ số 1, cây thẻ số 2 rất lạ mà trước giờ người dân mới thấy và tin tưởng là vật thiêng mang đến “điềm lành” cho dân, cho nước. Người dân đã lấy nón đội cho cây thẻ (ngày nay cho là Ông Thê lộ thiên) và trang trọng gọi là “Ông Thê” cho đến hôm nay (Hình 53, 54, 55, 56, trang 16, phụ lục 1). Mỗi ngày, người dân đến viếng Ông Thê và tín ngưỡng Ông Thê được thể hiện rõ qua hành động cúng tế. Vào năm 1870, ông hương cả làng Bình Long là Trần Văn Mỹ cho lập miếu thờ và cũng là di tích đánh dấu buổi đầu khai hoang của cha ông ở vùng

đất rừng thiêng nước độc ít người lui tới. Năm 1930, miếu Ông Thè được trùng tu mới hơn bằng tre lá. Năm 1956, miếu được xây dựng kiên cố với nhà Bát quái (8 cửa), chính điện và hậu điện. Đến năm 2016, miếu Ông Thè được trùng tu và đổi thành dinh Ông Thè. Dinh hiện tại tọa lạc ở ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Dinh tọa lạc trên vùng đất thiêng, không gian mang màu sắc tâm linh. Không gian này là một vị trí “long mạch” của vùng đất chín con rồng nên Ông Thè được đặt ở đây rất linh thiêng và huyền bí. Trần Văn Thành cảm Ông Thè theo lời Phật Thầy Tây An tại đây để phong định cương thổ luôn được thanh bình đem lại hạnh phúc cho người dân. Ông Thè này lộ thiên được quần lớp vải đỏ thờ rất nghiêm trang ở chính điện. Cổng dinh làm bằng xi măng theo kiểu tam quan. Mái cổng chính có hai cấp được lợp ngói ống, phía trên có hai con rồng đang tranh châu. Mặt cổng có dòng chữ “Dinh Ông Thè” (Hình 54, trang 16, phụ lục 1) Sân dinh được lát bằng gạch có màu đỏ, nhiều cây kiềng tạo không gian xanh và luôn có gió từ con kinh Bảy thổi vào. Bên tay trái là chính điện thờ Ông Thè, chính điện là một tòa nhà bát quái có 8 cửa mang nặng tính triết lý âm dương, tứ trụ tạo nên cổ lầu giữa hai cấp mái. Cổng chính của tòa nhà Bát quái có câu liễn đối: “Bát quái thiên chiều diệu càn nhân học đài trần / Quang minh Bát quái thiên môn lưu tồn khai hậu”. Ông Thè được quần bằng vải đỏ (màu của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương) được đặt trong tủ kiếng có tám cửa rất trang trọng. Bàn thờ Ông Thè có nhiều hiện vật cúng. Hai bên bàn thờ có binh khí đứng trang nghiêm. Mỗi hàng có 8 binh khí tôn thêm nét cổ kính của ngôi thờ. Kế bên, hai cái lộng đỏ có hoa văn cây cỏ và hình kỳ lân. Trước bàn thờ, hai chim hạc cao 1,2 mét đang đứng trên chú rùa, miệng ngậm bông sen màu đồng. Bát nhang miệng hình hoa sen làm bằng đồng và có hai chú rồng màu vàng đang bay lên. Trên bàn thờ, ánh sáng của hai bóng đèn dầu luôn tỏa sáng. Ngôi thờ Ông Thè có phù điêu rồng, phụng được sơn son thiếp vàng óng ánh. Kiến trúc dinh thờ Ông Thè này đặc biệt là tòa nhà Bát Quái có tám cửa tách riêng với các ngôi thờ khác, lồng kiếng thờ Ông Thè cũng hình Bát Quái. Người dân thường xuyên tới đây cúng tế Ông Thè để xin điều tốt lành cho cuộc sống. Ông Thè linh thiêng giúp người dân vượt qua khó khăn, bệnh tật và những bất an hàng ngày mà con người gặp phải. Cách sắp xếp ngôi thờ theo bố cục đó làm cho ngôi thờ trang trọng, hài hòa trong không gian thiêng của dinh thờ. Các đồ vật cúng được bày trí kết hợp với nhau chặt chẽ làm ngôi thờ thêm rực rỡ và tỏa hào quang linh thiêng.

Hình bát quái của ngôi thờ đầy vẻ huyền bí và tâm linh. Tám cửa phối hợp với nhau đem đến thuận lợi như trừ tà, xua đuổi những hung khí xấu,... Chính kiến trúc này của ngôi thờ làm tăng thêm tính tâm linh.

Qua khỏi bàn thờ Ông Thở (1) đi qua nhà vòm đến các bàn thờ như: Bàn thờ Bác Hồ và Nguyễn Trung Trực; bàn thờ Phật Thầy Tây An và Tam Bảo (2); bàn thờ Trần Văn Thành và Bà Nguyễn Thị Thạnh (3), con trai Đức Cố là Trần Văn Nhu (4), Cửu Huyền (5), bàn thờ các Vị Từ (6), đội binh Gia Nghị(7). Trong các bàn thờ trên, chúng tôi xin phép trình bày khái quát bàn thờ Trần Văn Thành và Bà Nguyễn Thị Thạnh (3). Các bàn thờ còn lại xin phép điểm qua hiện vật thờ một cách chung nhất. Bàn thờ Ông Bà Trần Văn Thành được làm khung trang. Các hiện vật thờ cúng trang trọng. Bát nhang bằng đồng, miệng tròn có hai con rồng bay lên. Hai đèn dầu lớn và hai đèn điện bằng bông sen luôn cho ánh sáng gian thờ. Bộ lư đồng và đỉnh đồng hiện đại có trang trí đèn chiếu sáng. Đặc biệt, hai thanh đao to, màu đen được để trên giá cẩn thận. Đao là vũ khí của Trần Văn Thành trong kháng chiến chống Pháp. Bức hình Trần Văn Thành đứng trên chiếc ghe được thờ cúng tôn nghiêm. Trần Văn Thành hiên ngang, oai vệ đầy khí thế chống Pháp. Phía sau Trần Văn Thành, tám Trần điều màu đỏ linh thiêng của Đạo Lành.

Các bàn thờ còn lại trong dinh đều có hai ngọn đèn dầu và một bộ lư đồng. Một bình hoa tô điểm cho bàn thờ thêm nhiều màu sắc và hương thơm. Bát nhang được làm bằng đồng là nơi để người dân thể hiện sự tôn kính, linh thiêng với nhân vật phụng thờ. Một ly nước trắng tinh khiết dâng lên các vị anh hùng và thần linh. Mặt bàn thờ được làm bằng kiếng để thuận lợi cho việc lau chùi, linh thiêng của nơi thờ. Mỗi bàn thờ có tám Trần điều màu đỏ trang trí đèn điện nhiều màu sắc xung quanh. Trong đó, bàn thờ Tổ Quốc và bàn thờ Nguyễn Trung Trực là không có tám Trần điều. Điều này cho thấy: “văn hóa của dinh là sự dung hợp hài hòa tạo không gian thiêng”. Mỗi cách bày trí trên bàn thờ tạo nét đa dạng của kiến trúc dinh và của không gian thờ tự.

Với kiến trúc này, các bàn thờ thể hiện sự tôn kính của người dân địa phương nhằm ghi nhớ công lao của các bậc tiền nhân đã có công cứu nước và giữ nước. Đó là nét văn hóa đẹp của người dân hội tụ trong nhà Bát Quái thờ Ông Thở thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn. Dinh mang giá trị văn hóa đặc sắc, các hình thức thờ tự mang sắc màu văn hóa cộng đồng làm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của từng lớp người sinh ra trên vùng đất An Giang.

Dinh Ông Thê số 2 có kiến trúc khác hẳn với các dinh khác. Một người dân (anh Nguyễn Văn Ba (45) quê ở Thành phố Hồ Chí Minh) đi lễ hội cho rằng: “ Cái lạ của Dinh Ông Thê số 2 này là kiến trúc rất độc đáo. Kiến trúc này có thể ẩn chứa nhiều bí ẩn linh thiêng mà người dân bình thường như tôi hiểu rất đơn giản là trừ tà ma chứ không giải thích được hết văn hóa của bát quái ấy. Với kiến trúc này, tôi thấy rất tâm linh. Phần lớn, người đi lễ hội ở đây cũng nghĩ như tôi. Ông Thê được thờ ở đây rất lạ. Đó là một vật hằng ngày người ta nhìn thấy nhưng có một sức mạnh vô biên là giúp người dân được bình an. Yếu tố tâm linh này đã thu hút được người dân như tôi” (Biên bản số 9, trang 39, phụ lục 3).

Ngôi thờ ông Trần Văn Thành ở đây có diện tích nhỏ hơn ở đền thờ Trần Văn Thành và Dinh Sơn Trung nhưng các hiện vật đấu tranh chống Pháp được bày trí đầy đủ. Điều đó cho thấy, Trần Văn Thành và hiện vật đấu tranh kháng chiến chống Pháp ở vùng đất Láng Linh – Bảy Thưa đã trở thành những hình ảnh tâm linh và có sức mạnh tạo ra kỳ tích.

Dinh Ông Thê số 3

Vào năm 1851, Đoàn Minh Huyền phân các đệ tử thành nhiều đoàn đi khẩn hoang ở những miền đất hoang vu và lập trại ruộng. Ông Phạm Thái Chung còn gọi là ông Đạo Lập đến vùng Bà Bài và phát hiện một tấm bia đá ẩn sâu dưới đất có khắc chữ Hán và dịch ra tiếng Việt là: “Cây ếm này chôn vào mùa thu, tháng 8, năm Càn Long, nhà Thanh thứ 57” (tức năm 1792). Đức Phật Thầy Tây An cũng phát hiện một tấm bia đá khác ẩn dưới gốc bồ đề cổ thụ trên núi Thủy Đài Sơn trong dãy Thất Sơn. Ông cho rằng: “đó là một trong những tấm bia trấn ếm của Cao Biền cắm trên lãnh thổ Việt Nam nhằm làm suy yếu thế”. Đoàn Minh Huyền cho các đệ tử khai quật tấm bia đá lên và sai Trần Văn Thành chôn cây thê số 3 ở Bà Bài để trấn và phá yểm của Cao Biền.

Cây thê số 3 có tên là Tây Phương Bạch Đế được cắm ở chùa Bồng Lai (Bồng Lai Cổ Tự) bên kinh Vĩnh Tế ở Châu Đốc, tỉnh An Giang. Bồng Lai tự với tên thường gọi là chùa Bà Bài đã trở thành nơi lui tới của đông đảo tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương. Chùa được xây dựng vào năm 1861 do ông Đạo Lập (một trong 12 đại đệ tử của Phật Thầy Tây An) được nhiều người biết đến bởi chùa gắn liền với việc khai phá vùng đất Thất Sơn và việc cặm thê của ông Trần Văn Thành. Ngôi chùa là nơi ông Đạo Lập dùng để thờ cây thê và chữa bệnh cho người dân trong vùng. Chùa tọa lạc bên bờ kinh Vĩnh Tế (phường Vĩnh Tế, Thành Phố Châu Đốc) có không gian rộng, mát mẻ và

tiếng nước của kinh Vĩnh Tế vỗ nhẹ vào bờ (Hình 57, trang 16, phụ lục 1). Không gian chùa có nhiều cây xanh cổ thụ tỏa bóng mát rượi. Mỗi sớm mai, tiếng chim hót trên cành cây làm cho ngôi chùa thêm vẻ hoang sơ giữa chốn núi rừng.

Ngôi chùa theo giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương nên ban đầu chỉ thờ tám Trần điều, Ông Thê và Trần Văn Thành. Sau đó, một sư cô đến xin ở tu hành được chùa và người dân chấp nhận. Sư cô xin mang tượng Phật về thờ. Do đó, chùa bắt đầu thờ Phật cùng với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Ông Thê. Đây là sự dung hợp giữa giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo. Sự dung hợp tích cực trong không gian của ngôi chùa mang nét văn hóa của vùng đất mới An Giang. Nói cách khác, người Việt đã Việt hóa Phật giáo, Phật giáo đã hòa nhập với các tín ngưỡng dân gian.

Có thể thấy điều ấy qua kiểu chùa “tiền Phật hậu Thánh” hay “tiền Phật hậu Thần”. Ở các chùa kiểu này, cùng với việc thờ Phật, người ta còn thờ một là các thành tố hiện hữu đã chi phối cấu trúc lễ hội cổ truyền của người Việt” (Nguyễn Chí Bền, 2013, trang 210).

Người dân trong vùng xem nơi đây là điểm sinh hoạt văn hóa tinh thần và những giá trị lịch sử giữ đất của cha ông (Trần Văn Thành). Chùa trải qua những thăng trầm của chiến tranh và thời gian bào mòn xuống cấp nên được trùng tu nhiều lần. Mỗi lần sửa, người dân góp kinh phí, góp công sức làm cho chùa khang trang hơn, không gian rộng hơn và Ông Thê cũng được thờ trang trọng hơn. Vào năm 1988, chùa Bà Bài được xây dựng mới rất đẹp. Ông Thê được thờ ở cơ sở mới xây cất rất trang nghiêm và được gọi là dinh Ông Thê. Ông Thê này lộ thiên được thờ trong không gian linh thiêng của ngôi chùa (Hình 62, 63, trang 18, phụ lục 1). Không gian của ngai thờ Ông Thê lớn hơn các ngai thờ khác trong chùa. Không gian thờ rộng lớn này cho thấy người dân rất kính trọng Ông Thê. Sự linh thiêng của Ông Thê sẽ lan rộng đáp ứng nhu cầu mong muốn của người dân. Người dân tin tưởng Ông Thê và cũng không quên công lao to lớn của người tạo ra Ông Thê (Trần Văn Thành) nên Trần Văn Thành được thờ ở hậu điện của dinh Ông Thê này.

Về kiến trúc điện thần, Dinh ông Thê số 3 là Chùa Bồng Lai. Trong tâm thức của người dân An Giang, chùa diễn ra lễ hội cúng Ông Thê mỗi năm một lần để đánh dấu công lao chống giặc và cảm tạ giữ bờ cõi quê hương của Trần Văn Thành. Kiến trúc chùa mang nét văn hóa Nam Bộ có tính hội nhập cao. Các thần được thờ tự trong chùa đa dạng và phong phú (thờ từ vật thiêng đến nhân thần và thần). Chùa được thiết

kế xây dựng cạnh dòng sông là motif của vùng Tây Nam Bộ. Với cách thiết kế này, người dân thuận lợi đi lại bằng đường thủy hay đường bộ. Vì thế, ngôi chùa là một thành tố hiện hữu có vị thế trong đời sống xã hội và tâm thức của người dân.

Chùa Bồng Lai được xây dựng hài hòa với môi trường tự nhiên nên thoáng mát, gần gũi với cảnh sông nước đã gắn với cuộc sống của người dân nơi đây. Chùa sử dụng kiến trúc họa cảnh tạo ra không gian xanh làm cho môi trường trong sạch, là chỗ lý tưởng cho người dân thể hiện nhu cầu tâm linh và thực hành nghi thức cúng tế. Chùa được thiết kế nhiều gian và mỗi gian có chức năng riêng. Trong đó, gian chính điện thờ Phật và gian thờ Ông Thê, Trần Văn Thành là linh hồn của chùa. Nó là nơi quan trọng và linh thiêng, đóng vai trò chính trong ngôi chùa. Các gian khác được thiết kế cộng hưởng bằng các lối đi tạo ra sự đa dạng văn hóa của chùa đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân. Chính kiến trúc này đã tạo ra giá trị lịch sử văn hóa độc đáo và tiêu biểu của chùa trong vùng đất bán sơn địa của An Giang.

Điều khắc của chùa và khu thờ Ông Thê mang nghệ thuật trang trí tô điểm thêm phần trang nghiêm của nơi thờ tự. Giá trị nghệ thuật điêu khắc điêu luyện, tinh tế từng đường nét chạm khắc. Những hình ảnh điêu khắc, chạm trổ theo xu hướng hiện thực và cách điệu. Các con rồng trên mái được đắp nổi và được sơn màu vàng rất nổi bật. Nhờ bàn tay điêu luyện đã thổi hồn vào mỗi con rồng nên nhìn sinh động. Câu đối trên cuốn thư được sơn màu đỏ và trang trí rồng phụng đang bay lên thu hút người dân. Các vì kèo, cột được làm bằng gỗ quý liên kết với nhau vững chắc. Khu vực dinh Ông Thê, mái được lợp bằng ngói đỏ, nền lát gạch bông. Nóc dinh được trang trí rồng vàng nhỏ nhắn đang bay lên. Dinh Ông Thê có nhiều cửa sổ đón lấy ánh sáng tự nhiên của mặt trời làm cho dinh thoát đặng, ấm áp.

Các gian thờ ở chùa đều được làm bằng xi măng và ốp gạch men bao quanh. Trên mỗi mặt bàn thờ, người dân lót đá hoa cương màu đen bóng sạch sẽ. Trên vách của mỗi bàn thờ, hình tám Trần điều màu đỏ có dạng hình chữ nhật, màu biểu tượng của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (sự đoàn kết, lòng yêu thương đồng bào và nhân loại), trang trí xung quanh là đèn nhiều màu sắc. Các bàn thờ đều có bát nhang, bộ lư đồng to nhỏ khác nhau. Bàn thờ Tổ Quốc (thờ Bác Hồ) thì phía sau không có tám Trần điều. Các bàn thờ có diện tích lớn là: Dinh Ông Thê, bàn thờ Phật Thích Ca, bàn thờ Ông Đạo Lập và bàn thờ Trần Văn Thành.

Trước sân chùa, một tấm biển lớn ghi dòng chữ “Di tích lịch sử cách mạng Chùa Bồng Lai (Chùa Bà Bài), được xếp hạng (theo quyết định số 2134/QĐ.UBND ngày 14 / 5 / 2007 của UBND tỉnh An Giang). Biển đặt trên bệ bê tông tam cấp lót đá hoa cương hình chữ nhật. Hai bên tấm biển có hình búp sen, hình hai con rồng quay đầu hướng vào tấm biển. Sân chùa lát gạch bông sáng bóng, có nhiều ghế đá để dưới gốc cây theo kiến trúc sân vườn. Chùa có hai cửa chính đi vào chính điện, giữa hai cửa có bức tường vẽ bức tranh hồ sen với nhiều màu sắc đỏ, xanh, vàng,... Xung quanh hồ, hoa cúc đua nhau nở. Nổi bật nhất là bốn câu thơ trên bức tranh: “Quyết trao thân tánh hạnh cho bền / Niềm ơn nghĩa toan đền dứt nợ / Ao sen báu Tây Phương đua nở / Chờ chúng sanh niệm Phật chí Tâm”. Hai câu liễn đối trên cột màu đỏ có nội dung: “Ma ha độ chúng thoát trần ai / Bát nhã thiên từ quy lạc quốc”.

Bước vào trong chính điện, ngôi tam bảo thờ Phật Thích Ca uy nghiêm. Tượng Phật Thích Ca đặt ngay chính điện tôn nghiêm, đối diện là bàn thờ Long thần Hộ pháp không có tượng cũng không có hình ảnh thờ, chỉ có bức Trần điều màu đỏ. Phía bên trái của chính điện có cái trống châu sơn màu đỏ, cái mõ được đặt trên một cái giá bao phủ bằng vải đỏ. Tiếp theo, bàn thờ Địa Tạng Bồ Tát đang đứng trên búp sen, tay cầm gậy, người khoác áo choàng màu đỏ. Đi thẳng vào bên trong, bàn thờ Quan Thế Âm Bồ Tát đứng trên tòa sen, khoác áo choàng màu trắng, cổ đeo nhiều tràng chuỗi. Cuối vách, bàn thờ Thủ Tự có bát nhang, không có tượng thờ, hình thờ rất giản dị.

Phía sau chính điện, bàn thờ Sư Ông Cử (Hình 59, trang 17, phụ lục 1) và bàn thờ Đức Phật Thầy Tây An có trang trí hoa văn tinh xảo. Đối diện là bàn thờ Cửu Huyền và bàn thờ Tổ Quốc, bàn thờ Tổ Quốc có tượng Bác Hồ bán thân bằng đồng. Bàn thờ bày trí đơn giản phù hợp với phong cách của Bác nhưng trang trọng. Kế bên là bàn thờ Sư Cố, bàn thờ có cây gậy quán vải màu đỏ trong tủ kiếng đặt chính giữa rất trang nghiêm. Một bài vị bằng chữ Hán đặt phía sau cây gậy cổ kính. Phía bên phải gồm có các bàn thờ như: bàn thờ Đạt Ma Tổ Sư có tượng Sư Tổ đang đứng cầm cây gậy, thiết kế đơn giản không có bộ lư đồng, không có bình hoa; bàn thờ Quan Thánh Đế có tượng Quan Công đang cưỡi ngựa, tay cầm đao và bàn thờ Chư Vị đơn giản không có tượng, không có hình nằm ở vách cuối của chùa. Các bàn thờ được thiết kế thành ba dãy (bên trái, bên phải và giữa) có lối đi thông nhau thuận lợi cho người dân thấp nhang.

Khu vực thờ Ông Thê có cái sân lót gạch bông, sân có cột cờ và đầu cột có hình búp sen. Chân cột cờ làm bằng bê tông màu vàng, có bốn con rồng quay đầu về bốn phương. Các con rồng có màu sắc khác nhau (trắng, đỏ, xanh, đen) tượng trưng cho mỗi phương. Mỗi phương mang nét văn hóa, địa lý đặc thù của vùng. Bốn con rồng với nhiều màu sắc mang nét văn hóa đa dạng của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Kế bên là bàn thiên, bàn thiên hình vuông có hai con rồng màu đồng hai bên quay đầu vào dinh. Dưới chân bàn thiên, Ông Thê được làm bằng bê tông cắm thẳng đứng cao bằng một nửa trụ bàn thiên và trên đầu có búp sen màu đỏ. Dinh xây bằng xi măng, mái ngói đỏ tươi. Dinh có ba cửa ra vào (hai cửa phụ và một cửa chính) được làm bằng gỗ. Cửa phụ bên trái có tên là Tây Phương, cửa phụ bên phải có tên là Bạch Đế. Mỗi cửa có bức tranh Trần Văn Thành chạm thê với bốn câu thơ “Làm thê ấy làm bằng gỗ mộc / Khi chạm rồi chú đọc tâm kinh / Thì tự nhiên thần thánh ngó nhìn / Và sẽ có Âm Binh trấn giữ”. Cửa chính có biển hiệu Dinh Ông Thê màu đỏ có chạm rồng xung quanh. Bước vào chính điện, bàn thờ Ông Thê sang trọng và trang nghiêm (Hình 60, trang 163, phụ lục 1). Bàn thờ làm bằng gỗ được chạm khắc rồng phụng tinh xảo và có hai chữ Ông Thê. Bàn thờ có một bát nhang màu đồng hình bông sen, bộ lư đồng bóng loáng và cái mõ màu trắng. Ông Thê quán tẩm vải màu đỏ và được bao bọc bằng kiếng. Ông Thê đã trải qua hơn một trăm năm nên hình búp sen trên đầu không còn. Thân gỗ đã cũ nhưng vẫn chắc chắn, linh thiêng trong lòng của người dân. Tín ngưỡng của người dân đối với Ông Thê theo thời gian vẫn nguyên giá trị.

Ông Thê được thờ trong long đình được thiết kế dạng cổ lầu mang nét cổ kính và tranh trí bằng đèn nhiều màu sắc. Hai cái lộng màu đỏ có rồng phụng bay lượn tạo cho nơi thờ tự thêm linh thiêng. Khung cảnh chính điện thêm đẹp và ý nghĩa bởi sự tô điểm của các bức tranh về Trần Văn Thành được Đức Phật Thầy giao cho các cây thê chạm giữ đất.

Sau chính điện, bàn thờ Trần Văn Thành trang trọng gồm bát nhang bằng đồng hình hoa sen, bộ lư đồng màu vàng nhạt và một cái mõ bằng đồng đặt trên mặt bàn làm bằng kiếng, khung làm bằng gỗ. Hai cây cột của bệ thờ Trần Văn Thành chạm hình hai con rồng. Hình Trần Văn Thành ở giữa bàn thờ đứng trên chiếc ghe và tay cầm gươm như đang tiến quân khởi nghĩa.

Sự kết hợp kiến trúc giữa Phật giáo và Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tạo ra văn hóa đa dạng, thống nhất giữ một vai trò mật thiết với người dân. Từ đó, hệ thống kiến trúc

làm tăng tính linh thiêng, trang trọng, tôn nghiêm của chùa và khu dinh thờ Ông Thê. Trần Văn Thành được thờ ở dinh trong chùa Bồng Lai tự với công chống giặc Pháp và cắm thê. Đối với người dân, kiến trúc này gắn với đời sống vật chất và tinh thần được xây dựng bằng niềm tin, tâm linh, hành động cụ thể như đóng góp xây dựng chùa, khu thờ Ông Thê. Họ chăm sóc ngôi chùa bằng lòng thành kính trong văn hóa bản địa của vùng đất An Giang. Các vị thần được phối thờ trong chùa đa dạng với hệ thống kiến trúc phong phú kết nối giá trị văn hóa truyền thống với hiện đại nhằm giáo dục thế hệ trẻ tinh thần “uống nước nhớ nguồn”. Đó là giá trị văn hóa giúp cho người dân bình yên về mặt tinh thần và bảo tồn văn hóa dân tộc.

Sự dung hợp này làm đa dạng tín ngưỡng các vị thần. Người dân đi chùa sẽ bắt gặp được tín ngưỡng thờ Phật, thờ thần, thờ anh hùng dân tộc,... tạo nét đặc sắc trong văn hóa tâm linh. Tính sông nước mềm dẻo, linh hoạt của người miền Tây Nam Bộ đã hội tụ trong ngôi chùa Bà Bài. Những giá trị văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng góp phần bảo tồn những nghi lễ, phong tục và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đó là ý thức về cội nguồn, về công lao của các bậc tiền nhân giữ đất như ông Trần Văn Thành. Những nét đẹp đó có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân, tạo nên bản sắc văn hóa của vùng đất An Giang. Vì vậy, sự dung hợp này đã góp phần giữ gìn, lưu truyền và phát huy những tinh hoa văn hóa tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành quan trọng đối với người dân.

2.3. LỄ HỘI TRẦN VĂN THÀNH

2.3.1. Công tác chuẩn bị cho lễ hội Trần Văn Thành

Mỗi mùa lễ hội đến, người dân miền Tây và khu vực lân cận về đền thờ Trần Văn Thành và một số cơ sở thờ tự ông để dự lễ hội. Ai cũng muốn đóng góp một ít công sức, tiền của vào việc tổ chức lễ hội. Vì vậy, trước khi lễ hội diễn ra, một số người dân tình nguyện làm công việc trang hoàng cờ xí, dọn dẹp sửa sang cơ sở thờ tự và những lễ vật dâng cúng ông Trần Văn Thành như: hoa, trà rượu, bánh, trái cây,... cho đến khâu tiếp khách và chiêu đãi ăn uống đều được người dân ủng hộ. Khi bắt tay vào công việc chuẩn bị cho lễ hội, người dân ai cũng thấy hồ hởi, vui vẻ nên quên đi mọi khó khăn, khổ cực của cuộc sống đời thường. Người dân như đang hòa nhập vào không khí thiêng liêng của lễ hội náo nhiệt đang diễn ra trước mắt. Vì người dân đi hội cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng hưởng thụ những thành quả lao động mà mình đã góp phần tổ chức lễ hội.

Vùng Tây Nam Bộ không phân biệt sang hèn nên mọi người cùng bình đẳng trong lễ hội “*Càng đi về phương Nam chất phong kiến nhạt dần, thay vào đó là tinh thần dân chủ, bình đẳng thể hiện ngay trong đời sống cộng đồng thôn xã cũng như đời sống của mỗi gia đình*” (Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lúa, Nguyễn Quang Vinh, 2012, trang 119). Ngày hội sắp đến, người dân mang lễ vật đến cúng và phục vụ cho lễ hội như: rau củ, hoa quả, nước đá, nước suối, nước mía, cà phê, thịt gà, thịt vịt, thịt heo, cá, gia vị, chất đốt, gạo, tiền mặt và thực phẩm cúng tế,... (Hình 43, trang 13, phụ lục 1). Ngoài ra, người dân còn đóng góp cây thuốc nam cho phòng cấp thuốc từ thiện phát cho người bệnh trong ba ngày lễ hội. Đồng thời, người dân đóng góp tiền trùng tu tôn tạo lại chính điện và khu nhà lưu niệm thêm khang trang. Mỗi cây kiềng ngoài sân được người dân cắt từng lá úa và tĩa từng cành cho gọn gàng, thoáng mát. Người dân thêm đất và bón phân cho từng chậu hoa, giúp cây giàu sức sống xanh tươi. Trước sân đền, người dân dựng rạp và xếp bàn ghế để phục vụ lễ hội. Ban Tổ chức phân công người ngăn chặn nạn ăn xin, trộm cướp, cờ bạc trong lễ hội.

Để người dân đến với lễ hội thuận lợi, lực lượng an ninh, công an đã lập kế hoạch phân luồng giao thông cho người đi bộ, người đi xe máy và người đi ô tô vào đền thờ Trần Văn Thành thuận lợi. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với công an, dân quân tự vệ và các đội dân phòng lập chốt chỉ đường cho người dân vào lễ hội nhằm đảm bảo an ninh trật tự. Đường phố được dọn dẹp sạch sẽ, trang trí nhiều màu sắc rực rỡ và treo cờ, lồng đèn, banrol... dọc các con đường lớn làm tăng thêm không khí của ngày hội. Phiên chợ đêm được Ban Tổ chức bố trí dọc theo các con đường cách đền thờ Trần Văn Thành vài trăm mét. Số lượng hàng hóa khắp nơi đem về đây rao bán nhộn nhịp và cảnh mua bán diễn ra tấp nập suốt cả đêm. Đặc biệt, các hàng hóa bán đúng giá hoặc thấp hơn so với thị trường để người dân yên tâm ủng hộ.

Các tiết mục văn nghệ phục vụ cho lễ hội được tập dợt và dàn dựng công phu. Các nghệ sĩ chuyên nghiệp biểu diễn những tiết mục chính của lễ hội như: Vở diễn tái dựng lại cuộc kháng chiến chống Pháp của ông Trần Văn Thành, tiết mục múa diễn tả đội binh Gia Nghị chiến đấu anh dũng. Đoàn văn nghệ của Trung tâm Văn hóa tỉnh tham gia nhiều tiết mục đờn ca tài tử có nội dung ca ngợi ông Trần Văn Thành. Mỗi tiết mục biểu diễn trong đêm lễ hội được chuẩn bị kỹ lưỡng, cẩn thận của các nghệ nhân và nghệ sĩ.

Các hoạt động cho lễ hội được sự giúp sức của người dân nên khâu tổ chức có lực lượng hùng hậu phục vụ người dân chu đáo. Sự chỉnh chu trong tổ chức lễ hội cũng được rút kinh nghiệm từ những lần tổ chức lễ hội trước đó. Vì vậy, lễ hội diễn ra nhịp nhàng theo một trình tự của Ban Tổ chức. Từng bộ phận phục vụ lễ hội được chuẩn bị và tập huấn kỹ lưỡng để mang tính chuyên nghiệp trong lễ hội. Mỗi bộ phận được giao công việc cụ thể như nấu ăn, xếp bàn ghế,... Các bộ phận phối hợp với nhau tạo ra sức mạnh cho công tác chuẩn bị.

Tóm lại, công tác chuẩn bị được tiến hành chu tất những gì cần cho lễ hội. Mọi người ý thức đóng góp công sức vào sự thành công của lễ hội là một niềm hạnh phúc. Sự chuẩn bị chu đáo làm cho lễ hội thành công tốt đẹp đáp ứng được nguyện vọng của người dân là tôn vinh ông Trần Văn Thành. Khi nói về tổ chức, chú Ba (Ban Quản lý đền thờ Trần Văn Thành) nhận định: “Đền thờ Trần Văn Thành ở An Giang này chuẩn bị rất kỹ cho lễ hội. Ban Tổ chức của chúng tôi họp nhiều lần để đưa ra phương án tốt cho lễ hội và cái hay ở lễ hội này là người dân trong vùng tự nguyện tham gia rất đông. Ai nấy cùng chung tay lo lễ hội còn hơn lo đám giỗ của người thân trong gia đình. Vì vậy, lễ hội tổ chức được thành công cao” (Biên bản số 5, trang 29).

2.3.2. Lễ hội tại đền thờ Trần Văn Thành

Ông Trần Văn Thành là người yêu nước và cũng là người mở đường chống Pháp ở An Giang. Với ý nghĩa đó, người dân tôn kính và tổ chức lễ hội để nhớ ơn ông Trần Văn Thành hàng năm tại đền hay còn gọi là Bửu Hương tự, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Lễ hội diễn ra trong không gian của đền thờ Trần Văn Thành mang nét văn hóa của vùng đất An Giang. Lễ hội này được diễn ra để nhớ lại kỉ niệm ngày mất của ông Trần Văn Thành. Trong lễ hội, người dân thiêng hóa ông Trần Văn Thành qua những câu chuyện truyền thuyết. Với tài năng phi thường, ông Trần Văn Thành đã trở thành một anh hùng bảo vệ đất nước. Những chiến công của ông Trần Văn Thành đem lại hạnh phúc cho người dân An Giang.

Lễ hội của ông Trần Văn Thành được diễn ra trong ba ngày (20, 21 và 22 tháng 2 âm lịch). Trong ba ngày đó, ngày chính hội là 21 và 22 diễn ra nhiều hoạt động của lễ hội. Mỗi hoạt động lễ hội có ý nghĩa riêng gắn liền với ông Trần Văn Thành. Sau đây là nội dung của lễ hội Trần Văn Thành (năm 2018) được diễn ra theo từng ngày như sau:

Ngày thứ nhất (ngày 20 tháng 2 theo lịch âm): Lễ hội diễn ra trong ngày này được gọi là Tiên thường. Các hoạt động tiêu biểu của ngày lễ hội thứ nhất là tổ chức các hội thi, đón các Ban ngành, các đoàn đến làm từ thiện và người dân đi lễ hội. Không khí lễ hội náo nhiệt, người dân tới đền tấp nập, cờ và hoa tràn ngập không gian lễ hội. Loa phát thanh ôn lại lịch sử hào hùng của Trần Văn Thành trong kháng chiến chống Pháp. Người dân đến đền thờ Trần Văn Thành thắp hương và hỗ trợ công việc phục vụ khách tham dự lễ hội ngày mai. Tiếp theo, người dân thắp hương, cúng tế và cầu nguyện tự do tại đền thờ Trần Văn Thành. Ngoài ra, người dân còn thắp hương khu mộ của người thân ông Trần Văn Thành trong khuôn viên của đền thờ. Các trang thờ gồm nhiều lễ vật dâng cúng và người dân cúng bái tự do.

Ngày thứ hai (ngày 21 tháng 2 theo lịch âm): Ban Quản lý đền Trần Văn Thành tổ chức khai mạc lễ hội Trần Văn Thành. Lễ khai mạc đón tiếp các Ban ngành, chính quyền các cấp, các lão thành cách mạng và người dân đi dự lễ hội. Đại diện Ủy ban Nhân dân huyện Châu Phú phát biểu khai mạc lễ hội và ôn lại cuộc khởi nghĩa chống Pháp của ông Trần Văn Thành và đội binh Gia Nghị thể hiện tinh thần quật khởi của dân tộc. Sau lễ khai mạc, đại diện Ủy ban Nhân dân huyện Châu Phú thắp hương cho ông Trần Văn Thành. Sau đó, các Ban ngành và người dân thắp hương (Hình 17, trang 7, phụ lục 1).

Lễ hội diễn ra với nhiều hoạt động lễ. Các nghi thức lễ được thực hiện để tôn vinh ông Trần Văn Thành diễn ra trang nghiêm. Đến 9 giờ cùng ngày, lễ cúng tiền giảng gồm có Ban tế lễ, học trò lễ, ban nhạc lễ, người dân đi hội. Ban quý tế (chú Mười Ly) điều khiển lễ hòa cùng dàn nhạc vừa cổ kính, vừa hiện đại. Không khí buổi lễ vừa tĩnh, vừa động (Hình 12, trang 5, phụ lục 1). Mọi người đứng trước ngôi thờ ông Trần Văn Thành thực hành nghi lễ: ba tuần rượu, một tuần trà, đọc sớ và cuối cùng là thắp hương, uống rượu lộc của ông Trần Văn Thành (phụ lục 5, trang 42, 43, 44). Mọi người tiếp nhận rượu lộc uống kính cẩn như đang nhận được phước lành của ông Trần Văn Thành. Từng đoàn người nối tiếp nhau thắp hương, lạy, xá trước ngôi thờ Trần Văn Thành một cách thành kính.

Đến 12 giờ đêm cùng ngày, Ban tế lễ thực hiện lễ cúng ngọt dâng lên ông Trần Văn Thành bằng những lễ vật như chè, xôi, trái cây,... Lễ cúng tế đêm khuya âm cúng. Dù là đêm khuya nhưng không gian lễ hội luôn nhộn nhịp bởi người dân vui chơi, trò chuyện thâu đêm, suốt sáng và kể lại những trận đánh của ông Trần Văn Thành. Đặc biệt, nghi thức lễ diễn ra được người dân tham gia tích cực bằng cả nhận thức về sự

kính trọng ông Trần Văn Thành (phụ lục 5, trang 42, 43). Chính sự tín ngưỡng này của người dân, lễ hội càng lớn mạnh và lan rộng đi nhiều nơi.

Trong ngày thứ hai của lễ hội, đền thờ Trần Văn Thành làm lễ rước linh vị và hương án của bà Nguyễn Thị Thạnh (vợ ông Trần Văn Thành (Hình 9,11, trang 5, phụ lục 1). Lễ rước diễn ra long trọng với sự tham gia của Ban Quản lý đền Trần Văn Thành, Ban Hội tề và người dân dự lễ hội. Ban rước linh vị, hương án của bà Nguyễn Thị Thạnh trang phục chỉnh tề, hoa quả và lộng kiệu đã chuẩn bị kỹ lưỡng. Đặc biệt, Long mã cùng đi rước Bà Nguyễn Thị Thạnh - một con vật mang nhiều ý nghĩa.(Hình 10, trang 5, phụ lục 1). Một con vật hữu dụng trong dân gian, di chuyển nhanh trên mặt đất theo đường thẳng, có sức bền bỉ, có nghĩa khí,... và sự tiến hóa của ngựa thành rồng mang ý nghĩa sang trọng, thanh cao. Đồng thời, Long mã tượng trưng cho thánh nhân.

Theo tác giả Nguyễn Chí Bền:

Một lễ hội cổ truyền của người Việt Nam hoàn hảo cần phải có các thành tố tiềm ẩn xuất hiện trong không gian thờ cúng linh thiêng như trò diễn, trò chơi, lễ vật, nghi thức thờ cúng, văn tế. Mỗi thành tố này có một vai trò khác nhau trong lễ hội cổ truyền của nhân dân ta. Trong các thành tố kể trên, trò diễn là thành tố quan trọng nhất (Nguyễn Chí Bền, 2013, trang 264).

Theo quan điểm này, chúng tôi thấy lễ hội Trần Văn Thành có xuất hiện trò diễn, rước kiệu bà Nguyễn Thị Thạnh (Hình 34, trang 11, phụ lục 1). Nó là motif theo những trò diễn xuất hiện trong các lễ hội cổ truyền của người Việt. Kiệu rước xuất hiện trong thời gian thiêng, không gian linh thiêng với sự uy nghi, trọng đại. Nó là một thành tố quan trọng trong cấu trúc lễ hội. Khi rước kiệu bà Nguyễn Thị Thạnh, Ban Tổ chức quy định về cờ, trang phục, sơ đồ di chuyển của các thành viên trong đội rước. Ngoài ra, đoàn rước trình diễn một số nghi thức đánh trống, chiêng,... trên đoạn đường rước kiệu (Hình 11, trang 5, phụ lục 1) . Tác giả Nguyễn Chí Bền đã nhận định:

Lễ hội truyền thống có các hình thức rước của người Việt Nam như: rước nước; rước lễ vật (bánh dày, bánh chưng, cỗ chay) rước sắc phong; rước kiệu, linh vị và hương án; rước tượng thánh; rước linh vật (nõ nường, lúa thần, hai ông lợn, lột hồ, rước trâu vào sới chọi; rước người thọ 80 tuổi ra đình làng...)” (Nguyễn Chí Bền, 2013, trang 264, 256).

Vì vậy, việc rước kiệu bà Nguyễn Thị Thạnh là một việc làm rất quen thuộc của dân tộc ta. Mỗi lễ hội có đối tượng rước và hình thức rước khác nhau góp phần làm

phong phú văn hóa lễ hội. Bà Nguyễn Thị Thạnh được rước kiệu làm tôn lên vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam, với truyền thống chống giặc anh dũng của bà Trưng, bà Triệu.

Hình ảnh rước kiệu bà Nguyễn Thị Thạnh về đền thờ ông Trần Văn Thành nhằm tưởng nhớ, tái hiện phần nào về cuộc đời, những chiến công, đóng góp của ông Trần Văn Thành và bà Nguyễn Thị Thạnh trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Vì vậy điểm mở đầu của lễ rước bà Nguyễn Thị Thạnh là nơi thờ vọng tại đền Láng Linh – Trại ruộng và điểm kết thúc là Bửu Hương tự - đền thờ ông Trần Văn Thành.

Gắn liền với trò diễn nghi lễ rước bà Nguyễn Thị Thạnh trong lễ hội truyền thống này là các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ như múa Lân đã góp phần cho lễ rước bà Nguyễn Thị Thạnh thêm phần trang trọng, trang nghiêm vừa có phần thư giãn, phấn khởi và nhộn nhịp của ngày hội. Theo quan sát của chúng tôi, rước kiệu bà Nguyễn Thị Thạnh được Ban Tổ chức thực hiện nghiêm túc. Các thành viên khiêng rước kiệu trang phục, dáng đi, điệu bộ, cử chỉ rất chuẩn mực. Kiệu rước bà Nguyễn Thị Thạnh trên đoạn đường không xa lắm (gần 1 ki – lô – mét) nhưng số lượng người dân tham gia đi kín cả đường. Qua đó cho thấy, sự tín ngưỡng của người dân đối với ông Trần Văn Thành và bà Nguyễn Thị Thạnh rất cao nên việc tham gia rước kiệu là bổn phận và trách nhiệm của mỗi người.

Khi đoàn rước đến nơi thờ bà Nguyễn Thị Thạnh, Ban Tổ chức khu di tích cử người đọc Văn Khấn trước bàn thờ bà Nguyễn Thị Thạnh tại đền Láng Linh – Bấy Thưa. Sau khi đọc văn khấn xong, Ban nhạc lễ thực hiện đánh hồi chuông, hồi trống, hòa tấu nhạc. Ban Quý tế, người dân quỳ lạy trước bàn thờ. Ban Tổ chức cử người thỉnh nhang cắm vào lư hương trong kiệu đã được chuẩn bị trước sân. Đội hình rước kiệu mở đường với cờ ngũ sắc và đi theo hàng lối rất trật tự. Đi đầu là đoàn lân, long mã múa biểu diễn chào mừng lễ rước kiệu. Một bô lão trong Ban Tổ chức có uy tín được người dân tín nhiệm dẫn đầu đoàn. Trên đường đi, Ban nhạc lễ liên tục thổi kèn, đánh trống, chiêng (Hình 14, trang 6, phụ lục 1). Sau đội hình rước kiệu là đoàn người trong ban hành lễ như bô lão, phụ nữ trung niên mặc áo có thắt lưng, bên ngoài khoác áo choàng rộng đủ màu sắc với hoa văn rồng phụng, đội mũ đỏ; đoàn người trai tráng mặc áo dài đen có thắt lưng, khăn đóng và sau cùng là người dân. Đến đền, người dẫn đoàn đại diện Ban Tổ chức thỉnh hương từ trong kiệu vào cắm tại bàn thờ. Nghi thức cúng tế rượu tại bàn thờ ông Trần Văn Thành. Các Ban Quý tế, ban nhạc lễ, lễ sinh hành lễ, việc cúng lạy của quan khách, khách mời, đại diện các đoàn là người dân

đứng hành lễ trang nghiêm tại điện thờ (phụ lục 5, trang 42, 43). Đại diện Ban Tổ chức đọc Văn Khấn trước bàn thờ ông Trần Văn Thành tại Bửu Hương tự (phụ lục 5, trang 39).

Các ban chia nhau từng đoàn (đoàn những bô lão trong Ban Tổ chức, đoàn người khiêng kiệu, đoàn khách thập phương...) đều lạy 4 lạy theo nghi thức cúng tế. Các đội nam nữ trong ban tế lễ mặc trang phục áo dài khăn đóng, xếp thành hai hàng nghiêm túc đi theo nhịp điệu dâng hoa, dâng hương và dâng rượu cúng tế.

Tiếp theo là nhiều phái đoàn ở các nơi, trong và ngoài tỉnh với trang phục áo dài khăn đóng, dâng hương, phẩm vật làm lễ cúng tế trước ngôi thờ ông Trần Văn Thành. Phẩm vật đủ loại (phần lớn là thức ăn mặn) được xếp ngay ngắn trước bàn thờ dâng cúng ông Trần Văn Thành. Người dân xếp hàng quỳ thành tâm cầu nguyện những điều tốt lành nhất cho gia đình, bản thân và xã hội. Họ không chỉ thấp nhang cầu khấn tại bàn thờ ông Trần Văn Thành mà còn lễ bái các bàn thờ được phối thờ trong đền. Việc tổ chức lễ bái cho mọi tầng lớp người dân thể hiện lòng tôn kính của người dân đối với ông Trần Văn Thành và những anh hùng đã hi sinh xương máu của mình để chúng ta có được cuộc sống bình yên hôm nay.

Sang qua ngày thứ ba của lễ hội (22 tháng 2 âm lịch): Lễ quan trọng của ngày thứ ba này là Lễ Chánh tế được thực hiện lúc 14 giờ. Những người thực hành nghi lễ cũng giống như những lần trước đó gồm có học trò lễ, nhạc lễ, và người điều khiển thực hành lễ. Các lễ vật có heo quay, trà rượu, hoa quả, bánh kẹo,... Thực hiện nghi thức lễ 3 tuần rượu, 1 tuần trà trong không gian thiêng. Các nghi thức này vừa đảm bảo tính chuẩn mực bài bản, vừa đảm bảo tính linh thiêng nhất định. Đây là lúc người dân và ông Trần Văn Thành giao tiếp với nhau tạo ra giá trị của văn hóa tín ngưỡng. Người dân mong ông Trần Văn Thành độ trì cho cuộc sống bình yên, công việc làm ăn được hanh thông, đạt được những thành tựu cao trong công việc.

Đến 17 giờ, lễ hội bé mạc để kết thúc một mùa lễ hội với nhiều ý nghĩa trong lòng của người dân. Ban quản trị đền đãi tiệc ăn uống cũng giống như những ngày trước đó. Các mâm cỗ đầy thịt heo, bò, gà, vịt,...với nhiều loại rau củ quả. Mọi người cùng nhau ăn uống, trò chuyện râm ran, không khí lễ hội vui vẻ. Ngày bé mạc lễ hội Thành Văn Thành đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng của người dân về một lễ hội văn minh, một ông Trần Văn Thành bất tử trong cộng đồng người dân Láng Linh – Bảy Thưa.

Ngoài hoạt động của phần lễ như đã trình bày ở trên, lễ hội Trần Văn Thành còn tổ chức phần hội gồm nhiều trò chơi thu hút người dân đến tham gia. Mỗi trò chơi đòi hỏi sự liên kết của các thành viên trong đội và sự hỗ trợ về mặt tinh thần của cộng đồng. Phần hội góp sức vào sự thành công của lễ hội như: các trò chơi dân gian, biểu diễn nghệ thuật, thi thể thao, cắm hoa diễn ra náo nhiệt. Ngoài ra, các trò chơi mang tính chuyên môn, nghệ thuật cao đòi hỏi phải có sự luyện tập như: đua xuống ba lá, cải lương, múa và đờn ca tài tử cũng được diễn ra ở lễ hội Trần Văn Thành thu hút hàng nghìn người xem. Đặc biệt, lễ hội còn có cuộc thi tìm hiểu về thân thế và sự nghiệp của Trần Văn Thành. Cuộc thi nhằm tạo điều kiện cho người dân nghiên cứu và hiểu rõ hơn về ông Trần Văn Thành. Cuộc thi còn khơi dậy truyền thống tri ân và tôn vinh công lao to lớn của ông Trần Văn Thành trong quá trình chống giặc cứu nước.

Ngoài phần lễ và phần hội được thực hành bằng động tác, điệu bộ của con người và sự cộng hưởng của các loại nhạc cụ thì trong lễ hội không thể thiếu lễ vật (phẩm vật) vừa mang yếu tố vật chất, vừa mang yếu tố tinh thần. Lễ vật thể hiện phong tục và thói quen sinh hoạt của người dân. Nó có ý nghĩa thiêng liêng và là biểu tượng của sự hạnh phúc.

Theo tác giả Nguyễn Chí Bền:

Trong các thành tố tàng ẩn thường ngày, nhưng hiện hữu trong thời gian thiêng, lễ vật dâng cúng là một thành tố đặc biệt, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa người phụng thờ và đối tượng được phụng thờ. Người phụng thờ ký gửi ước vọng, niềm tin, sự tin tưởng vào lễ vật dâng cúng, nhưng lễ vật dâng cúng cũng lại là thành tố gắn bó với nhân vật được thờ cúng (Nguyễn Chí Bền, 2013, trang 286).

Lễ vật cúng trong lễ hội rất quan trọng đối với người dân. Nó thể hiện thái độ, tình cảm của người dân đối với ông Trần Văn Thành. Mỗi người dân đến với lễ hội đều đem lễ vật dâng cúng ông Trần Văn Thành. Lễ vật to hay nhỏ không quan trọng nhưng quan trọng ở tấm lòng tôn kính đang hiện diện trong lòng mỗi người dân. Ông H quản lý đền cho biết: “Mỗi năm, ngày hội của ông Trần Văn Thành được người dân hưởng ứng rất đông. Bà con cô bác ai cũng tôn kính Trần Văn Thành nên đem vật phẩm dâng cúng. Ở đây, đền thờ Trần Văn Thành không phân biệt người cúng nhiều hay cúng ít mà chỉ quan tâm người dân đến lễ hội, đến với Trần Văn Thành bằng cả

tin thần, niềm tin và sự tôn kính. Vì vậy, ngày hội của Trần Văn Thành, người giàu hay nghèo có thể tham gia được hết không phân biệt vật chất to hay nhỏ” (Biên bản số 6, trang 31, phụ lục 3). Chính sự không phân biệt lễ vật cúng của người dân cúng ông Trần Văn Thành nên mọi người đến với ngày lễ hội trong tâm thế bình đẳng, thoải mái. Họ cùng mục đích chung là đi lễ hội và thể hiện sự ngưỡng mộ đối với ông Trần Văn Thành.

Lễ vật cúng của đền thờ ông Trần Văn Thành rất đa dạng mang giá trị vật chất và tinh thần. Hàng năm, lễ hội của ông Trần Văn Thành được người dân cho là tổ chức lớn được thông qua việc dâng cúng nhiều vật chất (đồ ăn, thức uống,...) (Hình 16, trang 6, phụ lục 1) và người đến tham dự, tham viếng đông. Các nguyên liệu chế biến thức ăn được người dân đóng góp cho đền phong phú. Các loại rau, củ, quả, thịt, gạo tẻ, gạo nếp, nước uống,... được người dân tự nguyện mang đến. Các nguyên liệu này chế biến ra những món ăn ngon, đẹp mắt để cúng và phục vụ người dân ăn uống. Các món ăn này được làm bởi đôi bàn tay khéo léo của người dân đi hội. Họ pha trộn mùi vị đến màu sắc, cách trang trí mang màu sắc của lễ hội Trần Văn Thành. Từ những hạt gạo tẻ và gạo nếp trắng tinh, người đầu bếp cho ra bát cơm ngon ngọt, thơm phức; những đòn bánh tét tròn trịa mang văn hóa ẩm thực truyền thống nông nghiệp của quê hương. Cái đẹp của hình thức trong món ăn này được người dân làm rất công phu và sáng tạo. Chính sự cẩn thận cho món ăn thể hiện lòng kính trọng của người dân với ông Trần Văn Thành, họ không dám làm cẩu thả vật phẩm dâng cúng ông Trần Văn Thành. Đó là nét văn hóa tôn trọng người có công giúp nước của dân tộc ta. Món ăn được kết tinh từ bàn tay lao động của người dân cộng với giá trị của bát cơm, miếng bánh xuất hiện trong thời gian thiêng của lễ hội đã cho một giá trị không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của cộng đồng, mà còn giúp tạo dựng giá trị truyền thống lịch sử trong bối cảnh văn hóa đương đại.

Nhờ sự đa dạng của nguyên liệu, người dân đã tạo ra nhiều món ăn hấp dẫn trong ngày hội của Trần Văn Thành như: bánh xèo, bánh ít, rau câu, bánh bông lan, bánh bò, bánh da lợn, bánh hỏi, heo quay, thịt nấu củ hành, cù lao, chả giò, chả lụa,... Một món ăn luôn có trong lễ hội của Trần Văn Thành mà người dân An Giang gọi là cù lao, cù lao là món ăn có nhiều nước được đựng trong một dụng cụ bằng nhôm và ở giữa có chỗ để than làm cho nước nóng hoặc sôi. Ngoài phần nước lèo ra, món ăn này còn có thịt heo hoặc bò, trứng cút, gan,... và nhiều loại rau khác nhau, có thể ăn với

bún tươi. Các món ăn trên chứa đựng tình cảm của người dân đi lễ hội dâng cúng ông Trần Văn Thành bằng tấm lòng thành kính và biết ơn. Các vật chỉ là cái bánh hay món ăn nhưng chứa đựng truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của người dân.

Lễ vật cúng ông Trần Văn Thành không thể thiếu trái tươi cây trên bàn thờ. Trái cây trong ngày hội được người dân bày trí cầu kỳ và tạo nhiều hình dáng đẹp mắt mang tính chất sang trọng. Vì vậy, trái cây được chọn trái đẹp, không bị hư hay có sâu rầy. Cô N.N.T (55 tuổi) nhà gần đền Trần Văn Thành làm ruộng nói rằng: “Nhà tôi có một mảnh vườn nhỏ trồng được một ít cây trái. Tôi chăm sóc từng trái một để không bị hư hay méo mó. Tôi lấy bao lưới sạch bọc từng trái cho côn trùng không đốt được. Khi đến ngày giỗ của ông Trần Văn Thành, tôi ra vườn chọn từng trái ngon hái bỏ vào giỏ cẩn thận rồi mang sang đền sắp lên mâm thấp nhang. Mặc dù, tôi thấy giá trị vật chất của giỏ trái cây không cao nhưng tôi thấy rất vui nên tôi làm việc này hàng năm” (Biên bản số 8, trang 34, phụ lục 3). Trái cây trong ngày lễ hội gồm rất nhiều loại như: chuối, mận, quýt, nhãn, xoài, măng cầu, đu đủ, táo, nho, cam, bưởi, thanh long,... Người dân đem trái cây sắp xếp trên đĩa hoặc trên mâm theo thứ tự từ trái lớn đến trái bé tạo sự liên kết chặt chẽ. Trái cây dâng cúng được kết hợp với văn hóa tạo hình (hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật...) trong cách sắp xếp tạo nên nét văn hóa của nghệ thuật tạo hình. Ngoài ra, người dân cùng các nghệ nhân (người có kinh nghiệm tạo hình) trong vùng vận dụng những hoa trái có ở địa phương (dừa, cà tím, thơm, cam, măng cụt, ớt,...) sáng tạo ra con rồng, con phụng, con chim hạc được làm tỉ mỉ, cầu kỳ (Hình 19, trang 7, phụ lục 1). Kết hợp với công nghệ, những ánh đèn lấp lánh trên mắt, thân và đuôi làm cho các con vật sinh động tạo sự hấp dẫn cho người dân đi hội. Các con vật làm cho không gian và khung cảnh nơi thờ tự ông Trần Văn Thành trong ngày lễ hội thêm hoành tráng, trang trọng, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Sự sáng tạo trong việc ứng dụng khoa học công nghệ và kỹ thuật vào nghệ thuật tạo hình mang giá trị văn hóa nghệ thuật cao. Qua đó, người dân sống hết mình với lễ hội và sẵn sàng tâm lý hưởng thụ văn hóa lễ hội. Đó là giá trị văn hóa truyền thống cộng hưởng với văn hóa hiện đại góp phần làm đẹp bản sắc văn hóa lễ hội dân tộc.

Đến với ngày lễ hội của ông Trần Văn Thành, các đoàn đến tham dự từ nhiều tỉnh khác nhau (Cà Mau, Kiên Giang, Hậu Giang,...) mang theo nhiều lễ vật dâng lên cho ông Trần Văn Thành. Các lễ vật của đoàn mang đi thường là trái cây, mâm bánh

hoặc có đoàn khiêng cả một con heo quay để cúng cùng với mâm xôi,... Tất cả lễ vật của các đoàn mang đến làm cho ngày lễ hội thêm long trọng nâng cao vai trò của Trần Văn Thành trong đời sống hiện tại của người dân. Vì vậy, chú P.V.T (Ban quản lý đền) cho rằng: “Các lễ vật người dân mang cúng cho ông Trần Văn Thành đa dạng lắm. Vì người dân khắp nơi đến thắp hương cho Trần Văn Thành, có người mang theo lễ vật của vùng quê họ, có người mua đem đến cúng. Trái cây, hoa tươi là đa dạng nhất. Họ tạo thành gió, thành mâm rất đẹp nhìn vào là biết vật cúng. Lễ vật có khi là heo quay hay heo trắng đem đến cúng. Lễ vật nhiều nhất là vào ngày lễ hội. Họ đi từng đoàn mang theo nhiều lễ vật cúng. Ngày bình thường thì lễ vật ít hơn, người dâng trong vùng đến cúng nhiều, khách phương xa có nhưng không nhiều. Tóm lại, lễ vật cúng rất phong phú”. (Biên bản số 5, trang 30, phụ lục 3).

Vì vậy, sự trải nghiệm của người đi lễ hội với văn hóa ẩm thực trong ngày hội tạo phần hấp dẫn thêm cho lễ hội và ăn uống được xem là yếu tố tâm linh (lộc của đền, lộc của thân,...). Đó là môi trường văn hóa đẹp được người dân xây dựng thành nếp sống cho việc mang lễ vật dâng cúng ông Trần Văn Thành và hưởng thụ giá trị văn hóa ẩm thực tâm linh, văn hóa hưởng lộc của thần trong ngày lễ hội.

Trong các ngày lễ tại đền thờ Trần Văn Thành, ngày lễ hội (lễ giỗ) được tổ chức lớn nhất, được sự quan tâm của đông đảo người dân trong vùng. Lễ vật cúng ông Trần Văn Thành nhiều nhất, đa dạng nhất và phong phú nhất từ hình thức đến nội dung. Đó là niềm tự hào của người dân An Giang để nhắc nhở con cháu nhớ về Trần Văn Thành, tri ân người mở cõi. Các món ăn, thức uống độc đáo vẫn tồn tại, hiện diện trong ngày lễ hội ông Trần Văn Thành để thấy được sự bảo lưu và khả năng vận dụng môi trường tự nhiên của người dân nơi đây rất tinh tế vào ẩm thực tâm linh của ngày hội. Sự giàu có lễ vật ở đền thờ Trần Văn Thành trong ngày lễ hội cho thấy nhân vật phụng thờ rất quan trọng đối với người dân. Đi lễ hội, người dân ăn mặc đẹp, lịch sự, tế nhị (áo dài, ào bà ba,...) giữ nét văn hóa truyền thống của vùng đất chín con rồng.

2.3.3. Lễ hội Trần Văn Thành tại Dinh Sơn Trung

Trần Văn Thành là người anh hùng của vùng đất An Giang được người dân yêu mến, kính trọng và tổ chức lễ hội để tưởng nhớ hàng năm. Trong lễ hội, hoạt động của phần lễ và hội được diễn ra trong ngày 20, 21 và 22 tháng 2 âm lịch. Phần lễ hội của các ngày được diễn ra theo trình tự như sau:

Ngày đầu tiên của lễ hội diễn ra vào ngày 20 tháng 2 âm lịch, các hoạt động chuẩn bị cho lễ hội tôn vinh Trần Văn Thành lần lượt được thực hiện theo quy trình tế lễ. Các nghi thức lễ ở dinh được thực hiện theo chương trình của lễ hội. Ngày đầu tiên của lễ hội thu hút nhiều người dân đến làm thiện nguyện để chuẩn bị hậu cầu cho tốt, sắp xếp công việc nấu ăn và các mâm lễ vật dâng cúng ông Trần Văn Thành. Mọi hoạt động của dinh được Ban Quản lý lên kế hoạch thực hiện. Vì vậy, ngày đầu của lễ hội diễn ra rất nhộn nhịp. Các vị khách phương xa đến sớm thắp nhang cho ông Trần Văn Thành và các vị anh hùng. Những vị khách này được dinh sắp xếp nơi nghỉ ngơi rất chu đáo. Ngày đầu tiên của lễ hội làm bước đệm cho sự thành công của chính lễ và hội vào ngày 21, 22 tháng 2 (âm lịch). Đây là ngày mở màn cho lễ hội Trần Văn Thành, Dinh Sơn Trung đón tiếp các cấp chính quyền địa phương, các đoàn từ thiện và người dân đi hội.

Lễ hội Trần Văn Thành tại Dinh Sơn Trung có chính lễ vào ngày 21 tháng 2 (âm lịch). Lễ hội diễn ra có nhiều hoạt động gắn với cuộc khởi nghĩa chống Pháp của ông Trần Văn Thành. Các hoạt động lễ diễn ra được Ban Quý tế tiến hành theo trình tự. Mỗi lễ, Ban Quý tế và học trò lễ bái lạy ông Trần Văn Thành và các anh hùng dân tộc rất trang nghiêm. Trên bàn thờ ông Trần Văn Thành và các anh hùng, người dân cúng nhiều hoa tươi, trái cây tạo thành mâm ngũ quả làm cho buổi lễ thêm long trọng. Từng đoàn người nối tiếp nhau dâng hương, lạy, xá trước bài vị và tượng của ông Trần Văn Thành một cách thành kính. Đi đầu là đoàn Cái Bè Tiền Giang, tiếp theo là đoàn Lai Vung Đồng Tháp,... cứ như thế hết đoàn này rồi đến đoàn khác rất trật tự. Đến giờ làm lễ, người dân tề tựu về chính điện để hưởng ứng các nghi thức lễ.

Lúc 6 giờ sáng ngày 21 tháng 2 (âm lịch), Ban Quản lý dinh đã có mặt đầy đủ để đón tiếp các quan khách về dự lễ hội. Sự đón tiếp diễn ra long trọng trong không khí của ngày hội. Đến 8 giờ 30 phút, dinh tổ chức chào cờ, tưởng niệm Hồ Chí Minh, đọc diễn văn khai mạc và tóm tắt tiểu sử Trần Văn Thành. Người dự lễ nghe tiểu sử Trần Văn Thành với lòng tôn kính. Thỉnh thoảng có người đọc theo những ngày tháng Trần Văn Thành đánh Pháp, họ có vẻ nghiên cứu Trần Văn Thành đã lâu. Điều đó cho thấy, Trần Văn Thành được người dân quan tâm tìm hiểu. Đến 9 giờ sáng cùng ngày, Ban Quản lý tổ chức khai mạc lễ hội Trần Văn Thành long trọng, ôn lại lịch sử chống giặc của ông Trần Văn Thành và đội binh Gia Nghị. Mọi người tham dự tưng bừng về

vùng đất An Giang có ông Trần Văn Thành góp phần làm sáng chói trang sử của quê hương.

Người dân trong không khí khai mạc vui tươi, cổ vũ bằng những tràng vỗ tay vang dội. Sau đó, người dân thả nhang tự do, ngắm cảnh đẹp của Dinh Sơn Trung và dùng cơm trưa. Vào lúc 14 giờ chiều, lễ tiên thường được diễn ra trước bàn thờ Trần Văn Thành. Ban Quý tế và dàn nhạc lễ đã tề tựu để chuẩn bị cho lễ. Kèn và dàn nhạc lễ từng hồi vang lên. Ban Quý tế cùng học trò lễ và người dân bái lạy trước chính điện thờ Trần Văn Thành. Từng động tác nghi lễ nhịp nhàng rất chuyên nghiệp của Ban cúng tế.

Đêm 21 tháng 2 và rạng sáng ngày 22 tháng 2 (âm lịch), vào lúc 0 giờ 30 làm lễ mang tính truyền thống quan trọng của lễ hội Trần Văn Thành, nhạc lễ vang lên sôi động. Ban Quý tế và học trò lễ đã chuẩn bị sẵn sàng cho buổi lễ. Sau 3 hồi trống, 3 hồi mõ là lễ được tiến hành, Ban Quý tế và học trò lễ ăn mặc gọn gàng, chu đáo đứng trước chính điện thực hiện động tác lễ như bái, lạy và khấn (phụ lục 5, trang 39, 43).

“Ném hương khấn nguyện Đức Quán Cơ

Cầu trên nhỏ phước cho dân nhờ

Xin dâng lễ vật trình cúng tế

Hàng năm đáo lệ đến một lần

Hôm nay là đêm 21 rạng sáng 22 tháng 2 năm Mậu Tuất (2018)

Chúng con nhân danh Ban Quý tế xin trang trọng tuyên cai hành sự đại lễ kỷ niệm di lần 145 năm của Trần Văn Thành tại Dinh Sơn Trung thuộc xã Vĩnh An, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Đến giờ hành lễ chánh tế, chúng con Ban Quý tế và các xã bạn cùng bá tánh chi phương đồng dâng hương kính nguyện ngay thiên thần, địa thần, nhân thần, Quan Thượng Đẳng Đại thần, trâm quan cự thần, Thành Hoàng bản cảnh, Trung Đẳng thần quan tả ban, hữu ban chi liệt vị, ngay Đức Bà Có, Cậu Hai, Cậu Tư, Phó Tướng chư liệt vị, thập nhị hiền thủ và các anh hùng liệt sĩ, tướng sĩ vì quốc vong thân trong đoàn binh Gia Nghị đồng về cảm ứng cung nghi Đức Có nhập điện an vị tỏa hương án tiền xin nhận các lễ vật do nhân dân cúng trước bàn linh, chúng con cầu xin ơn trên gia hộ độ cho quốc thái, dân an, phước đại vinh quang, mưa thuận gió hòa khắp trong bá tánh, nhà nhà ấm no, cung kính tạ lễ, kính nguyện dâng hương đồng xá.”

Đến phần lễ thỉnh và lau kiếm: Ban Quý tế lấy kiếm từ trên bàn thờ xuống chính điện để lau. Khi mang kiếm xuống chính điện, Ban Quý tế xếp thành hàng ngang và dơ kiếm lên cao khỏi đầu. Một người cầm chai nước thơm xịt vào kiếm và một người dùng khăn lau. Cảnh lau kiếm diễn ra nhịp nhàng trong bầu không khí nhộn nhịp của người dân đi hội đang hướng về vật linh thiêng. Lau kiếm xong, Ban Quý tế và học trò lễ cầm kiếm đi nhiều vòng từ chính điện ra sân và ngược lại. Trên sân, bàn thờ được lập để làm lễ rửa kiếm. Bàn thờ có nhang đèn, hoa quả được bày trí rất đẹp. Hai bên bàn thờ, mỗi bên có sáu chú hạc và trên lưng mỗi chú hạc được cắm nến tỏa sáng. Ánh sáng nến nhỏ nhỏ nhưng có sức thu hút người dân dự hội rất lớn. Mọi người tập trung về vùng ánh sáng của nến để xem lễ lau kiếm. Lễ lau kiếm để làm mới lại thanh gươm của Trần Văn Thành. Một thanh gươm đã cùng Trần Văn Thành chinh chiến chống Pháp và làm cho Pháp nhiều phen khiếp sợ. Kiếm đã giết giặc bảo vệ đất nước và được người dân thiêng hóa trở thành vật linh thiêng. Vì vậy, người dân nhớ ơn Trần Văn Thành và vũ khí chiến đấu (kiếm) của ông nên phụng thờ, lau kiếm bằng cả sự tôn kính. Không khí lau kiếm chìm trong đêm khuya vắng vẻ, người dân như đang tận hưởng những phút giây tâm linh tràn đầy (Hình 45, 46, trang 14, phụ lục 1). Giây phút linh thiêng nhất là được làm lễ trước điện thờ Trần Văn Thành, người dân nghiêm trang trong không khí linh thiêng và cầu nguyện những gì may mắn nhất cho gia đình và xã hội.

Sang qua ngày thứ ba (ngày 22 tháng 2 âm lịch), lễ hội chỉ tổ chức buổi sáng với các nghi lễ đơn giản và cúng bái tự do. Đến 16 giờ, lễ hội tuyên bố bế mạc. Mọi người thấy vui vẻ, phấn khởi tham gia một lễ hội có ý nghĩa và giáo dục thế hệ trẻ về lòng yêu nước. Thông qua lễ hội, người dân thấy được tấm gương của các anh hùng dân tộc trong chiến tranh. Qua đó, người dân hiểu thêm về lịch sử quê hương An Giang và truyền thống đấu tranh hào hùng của dân tộc và khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước cho con người hôm nay.

Ngoài phần lễ đã trình bày ở trên, Ban Quản lý tổ chức các trò chơi dân gian như: kéo co, nhảy bao bố, chọi gà tre,... Chương trình nghệ thuật chuyên nghiệp như cải lương, đờn ca tài tử,... Tham gia văn nghệ có dân địa phương, Đoàn Văn công của huyện và tỉnh. Chính sự đa dạng của các loại hình nghệ thuật đã tạo ra sức hút cho lễ hội và người dân tham dự lễ hội. Các hoạt động này là môi trường thuận lợi để người dân sáng tạo, lựa chọn và bổ sung các nội dung mới theo tính chu kỳ của lễ hội.

Tóm lại, lễ hội diễn ra giúp cho:

Các thế hệ được sống trong những không gian lịch đại dường như không có điểm bắt đầu. Các rung cảm và nhận biết cùng với quá khứ qua mọi khía cạnh: tâm linh, kế sinh tồn, lối sinh tồn, cái ăn, mặc, ở,... trong thời điểm không gian và thời gian chập làm một (Cao Đức Hải, 2010, trang 72).

2.3.4. Lễ hội tại các Dinh Ông Thờ

Ở các dinh Ông Thờ, lễ hội tổ chức cúng Ông Thờ là chính (vì Ông Thờ là chủ thể ở dinh). Vì vậy, chúng tôi gộp lễ hội của ba dinh lại trong mục này và chọn những chi tiết tiêu biểu để mô tả lễ hội Trần Văn Thành tại các dinh Ông Thờ. Ông Trần Văn Thành là người có công cặm các Ông Thờ và được phối thờ trong dinh. Khi đến ngày giỗ (lễ hội) ông Trần Văn Thành, các dinh Ông Thờ tổ chức lễ hội cúng tế Trần Văn Thành. Mọi người xung quanh vùng đất Ông Thờ đến tham dự lễ giỗ (lễ hội) để nhớ ơn ông Trần Văn Thành. Mặc dù, các dinh Ông Thờ tổ chức lễ hội Trần Văn Thành quy mô nhỏ hơn đền thờ Trần Văn Thành nhưng ý nghĩa và sự tôn kính của người dân đối với người anh hùng không vì thế mà giảm sút.

Phần lễ cúng ông Trần Văn Thành tại các dinh Ông Thờ đơn giản hơn lễ hội Bửu Hương tự xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú và ở Dinh Sơn Trung xã Vĩnh An, huyện Châu Thành nhưng không kém phần tôn nghiêm, trang trọng. Chương trình lễ cúng như sau:

- Ngày đầu tiên: Tiếp đón bà con về dự lễ.

- Ngày thứ hai: Cúng tiền giáng vào lúc 10 giờ diễn ra tại ngôi thờ các Ông Thờ.

Với các nghi thức: văn, lễ, nhạc. Đánh ba hồi mõ, ba hồi chiêng và ba hồi trống.

- Ngày thứ ba: Sáng 10 giờ, Ban Tổ chức làm lễ cúng Trần Văn Thành với nghi thức: văn, lễ, nhạc. Đánh ba hồi mõ, ba hồi chiêng và ba hồi trống. Sau đó đọc văn tế, nội dung ca ngợi Trần Văn Thành. Đến 16 giờ, lễ hội bế mạc.

Trong lễ hội, dinh làm nhiều món ăn chay dâng cúng Trần Văn Thành và các vị thần phối tự trong dinh. Ngày lễ hội của Trần Văn Thành ở các dinh Ông Thờ giống như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Sự tiến hành lễ giỗ nhằm tưởng nhớ, kính trọng và bày tỏ lòng biết ơn đối với người quá cố. Vì vậy, ngày giỗ của Trần Văn Thành được nâng lên thành lễ hội cho tương xứng với niềm tin người dân trong cộng đồng. Với ý nghĩa đó, lễ giỗ của Trần Văn Thành trở thành lễ hội của quê hương. Nó “vừa là tình cảm thành kính thiêng liêng đối với tiền nhân, vừa là niềm tin ở chính bản thân mình

trong việc đền đáp công ơn tiên tổ” (Nguyễn Phan Quang, 2000, trang 150). Nó chính là chất kết dính, tạo nên màu sắc thỏa mãn niềm tin của chủ thể đi lễ hội.

Mặc dù, lễ hội ông Trần Văn Thành tại các dinh Ông Thở gọn nhẹ nhưng được người dân hết lòng ủng hộ. Mọi người cùng nhau nấu ăn, cắm hoa, xếp mâm ngũ quả dâng lên ông Trần Văn Thành. Không khí lễ hội tại dinh náo nhiệt, tấp nập kẻ ra người vô thấp hương cúng bái. Trong phần hội, các dinh Ông Thở tổ chức trò chơi dân gian, ca hát nhưng ở quy mô nhỏ. Múa lân được diễn ra trong thời gian thiêng của lễ hội do người dân địa phương tổ chức. Mọi hoạt động người dân thực hiện trong lễ hội góp phần vào không gian thiêng, thời gian thiêng sinh động và sự thành công của lễ hội.

Các vật phẩm của dinh và người dân mang đến Ông Thở và Trần Văn Thành là trái cây, gạo, rau quả và hoa tươi. Mỗi loại phẩm vật dâng cúng được người dân chọn lựa rất kỹ lưỡng. Hoa dâng cúng phải tươi, màu sắc phải thật để tạo không gian thờ tự như một vườn hoa vào mùa nở rộ. Trái cây được bày trí trên bàn thờ ngăn nắp thành từng lớp. Mỗi loại trái cho một màu sắc và một vị ngon riêng. Hoa và trái tỏa hương thơm trong không gian thờ tự Ông Thở và Trần Văn Thành. Đây là hai vật phẩm không thể thiếu trong ngày lễ hội, thể hiện sự tôn kính nhân vật phụng thờ và làm nơi thờ tự trang trọng, thể hiện văn hóa tâm linh của người dâng cúng (mỗi loại hoa có ý nghĩa và mang văn hóa biểu tượng riêng từ màu sắc, hương thơm, tên gọi).

Ngoài hoa trái, ẩm thực của dinh đều là các món chay (rau, củ, quả,...) được chế biến thành đồ ăn, thức uống dâng lên Ông Thở và Trần Văn Thành. Các món chay này vô cùng phong phú và đa dạng không thua kém gì các món mặn được làm ở đền Trần Văn Thành. Tính văn hóa vật chất trong món chay vẫn mang nét văn hóa dân tộc của quê hương An Giang. Người dân vận dụng nguyên liệu của đất An Giang làm ra bánh ít chay, bánh tét chay, nem chay, giò lụa chay, thịt heo quay chay, cù lao chay,... mang phong vị của quê nhà. Tính đặc thù trong ẩm thực chay ở dinh trong ngày lễ hội cúng Ông Thở và Trần Văn Thành đã trở thành văn hóa ăn uống phù hợp với nhiều đối tượng đi lễ hội. Các món ăn chay được người nấu quan tâm đến cái ngon, cái đẹp và cái dinh dưỡng của món ăn. Mỗi món ăn chế biến phù hợp với môi trường tự nhiên và ẩm thực của con người nơi đây. Màu sắc của món ăn được chú trọng để tăng tính hấp dẫn và nét đẹp của văn hóa ăn uống. Việc cúng “thần” bằng các món chay với ý nghĩa làm cho cuộc sống an nhiên, an lạc nhưng vẫn đảm bảo yếu tố tâm linh trong ngày lễ hội của Trần Văn Thành ở các dinh.

Cách tạo hình để trang trí cho các món ăn chay mang lên cúng Ông Thê và Trần Văn Thành rất độc đáo. Người dân vận dụng hoa, quả, rau, củ,... làm chất liệu chính để cắt, tía, bào,... tạo thành hình thù nghệ thuật làm đẹp cho mâm cúng và bàn tiệc. Với bàn tay khéo léo, người dân đã vận dụng trái đu đủ non, củ cải trắng, củ cà rốt, ớt, hành lá,... làm thành đôi thiên nga bơi lội, đàn cò trắng tung bay, đôi chim đậu trên cành cây hay những bông hoa hồng tuyệt đẹp. Sự sáng tạo của người dân tinh tế, “khả năng tạo hình quả thật là phong phú, tất cả phụ thuộc óc tưởng tượng của người đầu bếp và sự khéo léo của đôi bàn tay giống như trong nghệ thuật điêu khắc vậy” (Lê Ngọc Canh, 1999, trang 53). Nhờ cách tạo hình này, các món ăn mang lên cúng Trần Văn Thành thêm sang trọng, quý phái. Giá trị vật chất của món ăn chay này là nguyên liệu đa dạng và cách trang trí món ăn công phu với nhiều hình dạng khác nhau. Đó là những yếu tố cần thiết làm cho món ăn trở thành trang trọng trên bàn thờ và đẹp mắt hơn trong không gian thờ tự.

Các món chay (bún xào, kiểng, canh chua,...) nhìn có vẻ đơn giản nhưng chứa đựng giá trị văn hóa ứng xử của người dân đối với Ông Thê và Trần Văn Thành. Việc cúng chay được chú N.V.S cho biết là: “Sở dĩ cúng chay là vì dinh được xem như là nhà của Trần Văn Thành và cũng giống như ngôi chùa mà Trần Văn Thành xây dựng Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Cúng chay từ trước đến giờ và được người dân ủng hộ nên hàng năm vào ngày lễ hội người dân mang nhiều rau củ quả đến chế biến món ăn chay dâng lên ông Trần Văn Thành. Mặc dù món chay nhưng các món ăn phong phú lắm” (Biên bản số 1, trang 24, 25 phụ lục 3). Nó đóng vai trò thể hiện lòng hiếu kính đối với ông Trần Văn Thành và một tình yêu quê hương ruộng đồng tha thiết. Vật phẩm cúng có giá trị vật chất không cao nhưng chứa đựng tục lễ của các dinh và người dân đất An Giang. Đó không chỉ là một mỹ tục mà còn là đạo lý dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, nhớ về Trần Văn Thành có công kháng Pháp.

Trong các dinh, Dinh Sơn Trung có số lượng người dân đến tham dự lễ hội đông nhất, vật phẩm đa dạng nhất. Theo lời kể của chú N.V.S “Ngày thường, dinh đã có nhiều người dân đến viếng. Ngày lễ hội, dinh đón tiếp lượng khách về đây cúng viếng, tham quan đông hơn khoảng 5000 lượt khách trong ba ngày diễn ra lễ hội (Biên bản số 1, trang 23, phụ lục 3). Trần Văn Thành nhận được sự cảm mến và lòng hiếu kính của người dân An Giang. Vì vậy, lễ hội Trần Văn Thành tổ chức ở Dinh Sơn Trung được người dân tham dự, thăm viếng rất đông. Tâm thức dân gian cho rằng: “Những người tuy đã khuất, nhưng linh hồn của họ vẫn “sống” cùng con cháu để dõi

theo phù hộ, độ trì cho con cháu. Nên phải dâng cúng người qua đời bằng đồ ăn thức uống như lúc còn sống” (Nguyễn Quang Lê, 2012, trang 64).

Thông qua vật phẩm, người dân đã hoàn thành nhiệm vụ với Trần Văn Thành. Đó là nhiệm vụ của thế hệ sau đối với người có công với nước và với dân. Lễ hội Trần Văn Thành ở các dinh Ông Thờ đáp ứng được nhu cầu tâm linh của người dân. Vì các dinh Ông Thờ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng dân gian phổ biến liên quan đến quá trình khai hoang của Trần Văn Thành. Đồng thời, giá trị văn hóa lịch sử của vùng đất hiện diện trong lễ hội được đề cao trong lòng của người dân.

Các lễ vật cúng tế Trần Văn Thành tại các dinh Ông Thờ phù hợp với thời đại. Các vật trang trí trên ngai thờ (đèn, nhang, bát hương,... và các lễ vật dâng cúng (xôi, chè, bún xào chay, tôm kho chay,...) được ứng dụng công nghệ làm rất đẹp và sang trọng. Sự biến đổi này phù hợp với nhu cầu sống hiện tại của con người. Nó làm cho cơ sở thờ tự và không gian thờ tự vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại. Nhận thức tâm linh truyền thống của con người hướng đến nhận thức văn minh khoa học hiện đại làm nâng tầm tính khoa học tâm linh. Từ đó, lễ hội Trần Văn Thành càng có ý nghĩa hơn trong đời sống tinh thần của người dân hôm nay.

Tiểu kết chương 2

Trần Văn Thành đã kêu gọi người dân khởi nghĩa chống Pháp xâm lược. Tài năng của ông đã được người dân An Giang thêu dệt lên thành những câu chuyện truyền thuyết. Mỗi câu chuyện truyền thuyết thể hiện một biệt tài của Trần Văn Thành. Đó chính là sự ngưỡng mộ và tình yêu của người dân đối với ông Trần Văn Thành. Vì vậy, người dân lập đền thờ ông Trần Văn Thành để thờ tự và cúng bái. Các cơ sở thờ tự Trần Văn Thành được xây khang trang và mang yếu tố văn hóa tâm linh. Đó là nơi hội tụ tinh hoa của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và cũng là nơi sinh hoạt văn hóa cho cộng đồng.

Hàng năm, lễ hội Trần Văn Thành được tổ chức tại các cơ sở thờ tự nhưng có hai nơi tổ chức với quy mô lớn là đền Trần Văn Thành và Dinh Sơn Trung. Các yếu tố văn hóa vật chất và tinh thần đóng vai trò quan trọng trong lễ hội. Trong đó, lễ vật dâng cúng ông Trần Văn Thành mang giá trị văn hóa tâm linh. Nó gắn liền với đời sống sinh hoạt của người dân. Các lễ vật thể hiện niềm tin tín ngưỡng của người dân với ông Trần Văn Thành. Vì vậy, người dân mang lễ vật dâng cúng ông Trần Văn Thành vào ngày lễ hội đã trở thành nếp sinh hoạt của cộng đồng người dân Tây Nam Bộ. Nó là sợi dây liên kết

cộng đồng và là phương pháp giáo dục thế hệ trẻ biết nhớ ơn những người có công với đất nước.

Mỗi một hình thức lễ và hội và hội dân lên ông Trần Văn Thành được thực hiện bằng tấm lòng thành kính. Nó được con người sáng tạo và lưu truyền qua nhiều thế hệ góp phần phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc trong cuộc sống đương đại.

CHƯƠNG 3

BÀN LUẬN VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH Ở TỈNH AN GIANG

3.1. SO SÁNH TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH VỚI TÍN NGƯỠNG THỜ CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ Ở TỈNH AN GIANG

Vùng đất An Giang được xem là "địa linh nhân kiệt", nơi hội tụ nhiều anh hùng hào kiệt, những người "dám nghĩ dám làm", những người tiên phong dung hợp và sáng tạo ra giá trị văn hóa mới làm phong phú các di sản văn hóa truyền thống của ông cha. Nhờ công lao của họ, vùng đất An Giang được khẳng định chủ quyền, người dân có cuộc sống bình yên và no ấm. Đặc biệt, đối với các nhân vật có công to lớn trong lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ quê hương và công cuộc khai hoang, lập làng, trị thủy, bảo vệ biên cương, đem lại cuộc sống "no cơm ấm áo" và thịnh vượng luôn được cộng đồng kính trọng, tri ân, tôn vinh gọi là "anh hùng dân tộc". Cuộc đời và công trạng của họ đã được huyền thoại hóa trở thành những con người phi thường. Họ là những người "sanh vi tướng, tử vi thần", công trạng và sự hi sinh của họ mãi mãi bất tử vì đã được "thiên hóa" trong niềm xác tín của người dân An Giang. Sự tôn thờ cũng thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" được hun đúc trong tâm thức ngàn đời của dân tộc Việt Nam. Từ niềm xác tín đó, các thành tố tàng ẩn của tín ngưỡng được hiện hữu trong "thời gian thiêng" thông qua nghi thức cúng tế của người dân hoặc các nghi thức được thực hiện trong lễ hội. Trong phần này, chúng tôi đặt tín ngưỡng Trần Văn Thành trong mối quan hệ với các nhân vật lịch sử khác được tôn thờ ở An Giang vốn được xây dựng trên cơ sở niềm tin và khát vọng bình an, hạnh phúc của con người Việt Nam.

3.1.1. Những nét tương đồng trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với tín ngưỡng thờ các vị anh hùng ở tỉnh An Giang

Từ xa xưa, trong đời sống xã hội, mối quan hệ giữa con người và thần là một mối quan hệ đặc biệt. Thần do con người xây dựng lên và con người tôn trọng, sùng bái và luôn muốn nương tựa vào thần, muốn được thần phò hộ để cuộc sống được bình yên. Đó là ý thức tôn trọng, sùng bái con người có công, con người có những yếu tố phi thường hơn người. Việc tôn thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Trần Văn Thành, Nguyễn Trung Trực (tôn gọi là Bốn vị anh hùng) của người dân An Giang được bắt nguồn từ truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ người trồng cây". Trong dòng chảy văn hóa truyền thống Việt Nam, người dân Miền Tây

Nam Bộ tôn vinh những người có công với dân, với nước bằng nhiều hình thức như: lưu danh trong lịch sử, in dấu trong các địa danh và một hình thức phổ biến là đi vào đời sống tín ngưỡng của người dân. Các hình thức đó đã được hội tụ trong việc thực hành tín ngưỡng thờ Bốn vị anh hùng; vừa bày tỏ lòng biết ơn của hậu thế, vừa thành tâm mong muốn nhận được sự phù trợ của các ngài trong công cuộc bảo vệ đất nước. Thông qua tín ngưỡng này, hậu thế có thể hiểu rõ hơn về công lao to lớn của các vị anh hùng, đồng thời thế hệ sau còn ý thức hơn về vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tiếp nối truyền thống tốt đẹp của dân tộc, học tập và rèn luyện để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Để tưởng nhớ và tri ân công trạng và sự hi sinh của mỗi vị anh hùng người dân An Giang đã lập cơ sở thờ tự ở các địa phương thuộc tỉnh và tổ chức lễ hội hàng năm. Bốn vị anh hùng này được người dân xem như “thần hộ mạng”, “thần bảo trợ” của cộng đồng. Đặc biệt, người dân có nhiều câu chuyện dân gian về bốn vị, đưa “cái thiêng”, cái “phi thường” vào cuộc đời và công trạng của các vị anh hùng đó. Từ đó, các vị trở thành “Thần”, sự tôn vinh công đức, tài năng được người dân xây dựng trên cơ sở niềm tin, biểu hiện thành những hành động cụ thể, như: xây đền, dinh, đúc tượng thờ ở nhiều nơi và lo chu đáo việc hương khói, tổ chức các nghi lễ trang nghiêm, thành kính vào các dịp giỗ hay kỷ niệm ngày sinh của Bốn vị anh hùng.

Việc thờ phụng Bốn vị anh hùng được tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác ở An Giang. Mỗi thế hệ kế thừa mong muốn phát dương tín ngưỡng ngày càng lớn mạnh: cơ sở thờ tự được xây dựng, tôn tạo khang trang, hiện đại hơn; hình thức, nội dung trong thực hành nghi lễ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; cách phục vụ nhu cầu ăn, ở, đi lại của người dân trong mùa lễ hội ngày càng tốt hơn ...

Cái hiện hữu của tín ngưỡng là mỗi địa danh mà Bốn vị anh hùng đi qua đều gắn liền với tên tuổi và công trạng của từng anh hùng. Mỗi địa danh là dấu ấn lừng lẫy của những chiến công, thắng lợi vẻ vang nhờ vào tài năng, trí tuệ và sự ủng hộ của người dân. Bốn anh hùng đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp từ người dân để khai khẩn vùng đất hoang và tập hợp lực lượng chống giặc. Sự giống nhau là cả bốn vị đều đem lại lòng tin tưởng cho người dân và lòng yêu mến, kính phục tài đức. Tên tuổi, công trạng của mỗi vị anh hùng được lưu truyền trong nhân dân từ thế hệ này qua thế hệ khác và đã trở thành một di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của vùng đất Miền Tây Nam Bộ. Ngày nay, lễ hội gắn với tín ngưỡng thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc

Hầu, Trần Văn Thành, Nguyễn Trung Trực được diễn ra ở nhiều nơi trên đất An Giang diễn lại thần tích, rước sắc, tế lễ,... để ghi nhớ công lao của tiền nhân và đem lại cho người dân ý thức hướng về cội nguồn, về quê cha đất tổ bằng những sinh hoạt văn hóa truyền thống. Lễ hội đã trở thành mỹ tục văn hóa của quê hương An Giang, thu hút người dân khắp mọi miền đất nước về tham dự.

Với tín ngưỡng và lễ hội của các anh hùng tại cơ sở thờ tự, chúng tôi thấy có điểm chung là được thể hiện qua hai giai đoạn. Giai đoạn gắn với dân gian, người dân tôn kính công trạng và lòng yêu nước quên thân mình của các anh hùng. Lòng tôn kính lớn dần theo thời gian trở thành tín ngưỡng lan rộng, hiện diện mạnh mẽ trong đời sống người dân mà đại diện là Ban quản lý điều hành (Ban tế tự, Ban hội đình đền, Ban quý tế) tại các cơ sở thờ tự. Mỗi cơ sở thờ tự trong vùng có giá trị tín ngưỡng với các tộc người cùng cộng cư trên đất An Giang. Theo lý thuyết cấu trúc chức năng và vùng văn hóa thì tín ngưỡng thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Trung Trực và Trần Văn Thành coi trọng sự ổn định, trật tự của hệ thống nghi lễ gắn liền với các bộ phận có liên quan, thể hiện chức năng đặc trưng văn hóa vùng Tây Nam Bộ trong tính đa dạng và thống nhất của văn hóa Việt Nam. Khởi thủy tín ngưỡng Bốn vị anh hùng trên nền cảnh Miền Tây, là vùng đất giao lưu tiếp biến văn hóa diễn ra mạnh mẽ, vì vậy, sự giao lưu và hội nhập giữa các tín ngưỡng này trong vùng góp phần làm phong phú cho tín ngưỡng của các anh hùng. Đặc biệt là sự chấp nhận của người dân với các tín ngưỡng này, họ tiếp nhận và “làm mới” để vừa giữ được thuần phong mỹ tục vừa phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại.

Lễ hội của Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Trung Trực và Trần Văn Thành có một số yếu tố khác nhau. Các lễ vật dâng cúng thần trong lễ hội như hoa quả, bánh kẹo, xôi, cơm cháo,... Một đoàn ở Đồng Tháp đi viếng Trần Văn Thành cho biết: “Chúng tôi đến lễ hội Trần Văn Thành mang theo hoa quả của quê nhà như thanh long, quýt, nhãn, xoài cát,... và một số loại bánh. Các loại này chúng tôi mua ở các cửa hàng hay ở chợ. Chúng tôi chọn loại quả ngon và gói lại thành từng túi và trang trí đẹp để dâng cúng cho trang trọng”. Việc đi lễ hội và mang hoa quả, bánh kẹo dâng cúng thần đã trở thành tục lệ ở đây. Mỗi món quà là tinh thần, niềm tin vào vị thần thờ tự.

Sự tương đồng giữa Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu với Trần Văn Thành được thể hiện ở hai phương diện: (1) Cả Ba anh hùng đều là người có công lao xây dựng kinh tế của vùng đất An Giang. Công cuộc khai hoang, mở đất, lấn đầm lầy, đào

kênh thủy lợi để thau chua rửa phèn biến vùng đất biên viễn hoang hóa thành vùng ruộng đồng phì nhiêu.... (2) Cả Ba anh hùng đều là người có công phát triển xã hội và tạo sự ổn định cho người dân. Công cuộc đưa dân đến lập làng, khai khẩn đất đai, xây dựng đời sống xã hội và khuyến khích người dân ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế. Việc làm này của Ba vị anh hùng tạo ra sức mạnh cộng đồng bảo vệ đất nước và phát triển xã hội.

Kế thừa và tiếp nối thành tựu xây dựng và bảo vệ đất nước của Nguyễn Hữu Cảnh và Thoại Ngọc Hầu trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở An Giang, Trần Văn Thành và Nguyễn Trung Trực đều là thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp xâm lược, được nhân dân hưởng ứng và đi theo dưới cờ nghĩa. Tuy nhiên, với triều đình nhà Nguyễn, cả Nguyễn Trung Trực và Trần Văn Thành đều bị coi là phản nghịch, loạn đảng và bị truy sát, tiêu diệt. Cả hai ông đều hy sinh anh dũng trên chiến trường, để lại niềm tiếc thương vô hạn trong lòng nhân dân.

Công lao của Bốn vị anh hùng đối với người dân và vùng đất An Giang rất lớn. Vì vậy, sau khi mất, Bốn vị đều được tôn Thần (phúc thần / thượng đẳng thần) hoặc Thánh sau khi mất. Các vị thần này được tôn thờ trong các cơ sở thờ tự (đình, đền, dinh, chùa,...); hàng năm tổ chức lễ giỗ (lễ hội) vào ngày mất. Việc thờ cúng đã lưu truyền hàng trăm năm nay gắn với đời sống văn hóa xã hội và trở thành một phong tục văn hóa đẹp của vùng An Giang cũng như khắp vùng Nam Bộ.

3.1.2. Những nét dị biệt trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với tín ngưỡng thờ các vị anh hùng ở tỉnh An Giang

Tín ngưỡng thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Trần Văn Thành và Nguyễn Trung Trực hình thành và tồn tại giúp con người vượt qua khó khăn để hướng về phía trước, khắc phục sự thiếu hụt về đời sống tinh thần. Xét về mặt đạo đức, ý thức tôn thờ anh hùng dân tộc có công với đất nước mang giá trị nhân văn sâu sắc, nó phát triển môi thiện tâm trong mỗi con người, trong cộng đồng xã hội. Tuy cùng là tín ngưỡng thờ người có công với đất nước trên cùng một khu vực địa lý song vẫn có những nét dị biệt cần làm rõ để thấy được ý nghĩa, vai trò và những nét đặc thù của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trong đời sống văn hóa của người dân An Giang.

3.1.2.1. Với tín ngưỡng thờ Nguyễn Hữu Cảnh

Nguyễn Hữu Cảnh sinh năm Canh Dần (1650) tại Quảng Bình. Chưa tròn 22 tuổi, Nguyễn Hữu Cảnh đã xông pha trận mạc, phò chúa, an dân và giữ yên bờ cõi. Qua những chiến công lập được, năm 1692 Chúa Nguyễn Phúc Chu tin dùng, phong chức Thống binh và cử ông vào kinh lược xứ Đồng Nai. Ông chiêu mộ binh sĩ, dân phiêu tán vào khai khẩn đất đai ở xứ Đàng Trong. Lúc này: “Nguyễn Hữu Cảnh với tài thao lược, trí thông minh và bản lĩnh hơn người, đã lập nhiều chiến công, góp phần đắc lực đánh đuổi giặc ngoài ra khỏi bờ cõi và nhanh chóng tổ chức khai hoang, mở mang đất đai miền Chân Lạp” (Kỷ yếu hội thảo, 1994, trang 49).

Trải qua mấy mươi năm cầm quân và khai khẩn đất đai, Nguyễn Hữu Cảnh đã đạt được thành tựu to lớn: lãnh thổ mở rộng, phò chúa đắc lực, tổ chức an dân, phát triển cơ nghiệp quốc gia ở Đàng Trong. Vào ngày 6 tháng 5 năm Canh Thìn (1700) ông bệnh nặng và qua đời tại Bãi Sao (nay là cù lao ông Chưởng), hưởng dương 51 tuổi. Với công lao vô cùng to lớn: mở ra vùng đất phía Nam, giữ yên bờ cõi, giúp dân khai hoang lập làng ... các lớp hậu thế đã lập đình, đền thờ, xây mộ, dựng bia tưởng niệm để tôn vinh và tri ân công đức của ông. Dòng chữ “*Khai quốc công thần Nguyễn Hữu Cảnh*” vẫn tươi màu, sắc nét trên đền thờ ở Châu Phú. Điều đó cho thấy, hình tượng uy nghiêm, hiển linh của ông sống trong ký ức, trái tim của người dân một cách sâu sắc và mạnh mẽ.

Thần phả của ông gắn với với những chiến công lừng lẫy để giữ yên và mở rộng bờ cõi, thiết lập hệ thống cai trị, tổ chức nhân dân khẩn hoang, ổn định cuộc sống. Nguyễn Hữu Cảnh có cách ứng xử nhân văn với người dân lúc bấy giờ, không phân biệt tộc người, chú trọng xây dựng sự đoàn kết nội bộ, bình ổn chính trị ngoại giao với lân bang song cũng rất cương quyết trong bảo vệ lãnh thổ. Cuộc đời và sự nghiệp của ông như một tấm gương sáng cho đời sau nói theo, vì vậy, ông được người dân tri ân, ngưỡng vọng và tôn kính như một vị thần.

Ở góc độ tín ngưỡng dân gian, Nguyễn Hữu Cảnh là vị phúc thần. Ở góc độ chính trị phong kiến, ông được phong sắc với mỹ hiệu là “Thượng đẳng thần” trải qua ba đời vua: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Dù nhìn ở góc độ nào, Nguyễn Hữu Cảnh là người có công trạng rất to lớn với người dân Miền Nam. Cuộc đời và sự nghiệp vì nước vì dân của ông được người dân thiêng hóa, được thờ phụng trong nhiều ngôi đình trên vùng đất An Giang hiện nay. Những chiến công gắn với truyền thuyết của Nguyễn Hữu Cảnh được người dân nhớ rõ từng chi tiết. Nhất là câu

chuyện về việc ông nằm mơ khi đến An Giang lần thứ 2 vào năm 1700, gặp lúc mưa to gió lớn, sấm chớp long trời, núi bị sạt lở. Đêm đó, Nguyễn Hữu Cảnh mơ thấy một người mặt đỏ, lông mày trắng khuyên ông:

- Tướng quân nên mau đem quân về, sợ đóng ở đây lâu sẽ thất bại.

Ông nhanh chóng đáp lại với tiếng nói đồng dục:

- Mệnh ở trời chớ có phải là ở đất này đâu?

Khi thức dậy, ông thấy mệt mỏi, bệnh trở nặng nhưng vẫn cười nói như thường để trấn an quân sĩ: “Ta những mong độc lòng báo đền ơn nước, nhưng số trời có hạn, sức người chẳng thể làm khác được”. Sau đó, ông rút quân về Sầm Giang thuộc Định Tường (nay là Rạch Gầm – Tiền Giang) thì mất. Nguyễn Hữu Cảnh ra đi để lại vùng đất Nam Bộ rộng lớn và tình cảm thiêng liêng của người dân các tỉnh thành giành cho ông: “*Công Lễ Thành Hầu đi mở đất/ Nghìn năm con cháu mãi ghi ơn*” (Huỳnh Lúa). Việc phụng thờ Nguyễn Hữu Cảnh đã trở thành giá trị văn hóa tâm linh của An Giang và là di sản văn hóa tinh thần chung của người dân Nam Bộ.

Trần Văn Thành kế thừa truyền thống khai khẩn của Nguyễn Hữu Cảnh. Ông đã biến vùng đầm lầy Láng Linh – Bảy Thưa thành nơi sản xuất nông nghiệp và là nơi phòng thủ kiên cố chống giặc Pháp. Tiếp nối sự nghiệp của vị tiền nhân và dành cả cuộc đời cho công cuộc chiến đấu chống xâm lược, khai điền lập ấp an dân, Trần Văn Thành đã được người dân An Giang sùng bái, tôn thờ.

Về mặt thời gian, tín ngưỡng thờ Nguyễn Hữu Cảnh có bề dày về mặt lịch sử còn tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được hình thành muộn hơn (từ 1873 đến nay). Mặt khác, Nguyễn Hữu Cảnh là danh tướng của Nhà Nguyễn, được phong sắc và mỹ hiệu “Thượng đẳng thần” qua 3 đời vua, nên nghi lễ cúng tế ông về cơ bản như Lễ kỳ yên ở đình thờ Thần hoàng khác với nghi lễ cúng tế (như một Lễ giỗ lớn) của ông Trần Văn Thành. Bảng liệt kê quy trình thực hành nghi lễ của 2 ông phần nào cho thấy sự khác biệt đó.

Bảng 3.1 Nghi thức thực hành tín ngưỡng Nguyễn Hữu Cảnh và Trần Văn Thành

Thời gian	Lễ hội Trần Văn Thành	Thời gian	Lễ hội Nguyễn Hữu Cảnh
Ngày 20 tháng 2 (âm lịch)	+ Tiên thường: Ban Quan trị đền Trần Văn Thành chuẩn bị cho khai mạc lễ hội. + Lễ vật cúng: Xôi, trái cây, trà rượu,...	7 giờ sáng, ngày 10 tháng 5 (âm lịch)	+ Lễ thỉnh sắc (Sắc thần Nguyễn Hữu Cảnh): gồm có học trò lễ, xe loa, chiêng trống,...

	+ Đón tiếp khách + Lễ bái tự do		
Ngày 21 Tháng 2 (âm lịch) 9 giờ cùng ngày 11 giờ cùng ngày 16 giờ đến 19 giờ cùng ngày 20 giờ cùng ngày 24 giờ cùng ngày	+ Lễ bái tự do + Chào đón quần chúng + Cúng tiền giảng: Chánh tế, học trò lễ, nhạc lễ, dâng trà rượu, đọc văn khấn và quần chúng cùng tham gia. + Lễ vật cúng: Hoa quả, trà rượu, bánh bò, bánh ít, bánh bông lan, bánh xèo, heo quay,... + Quý khách dùng cơm trưa và nghỉ ngơi tự do + Lễ bái tự do + Dùng cơm chiều tự do tại đền thờ + Lễ bái tự do + Dùng cơm tối tự do + Lễ cúng ngọt: chè, hoa quả	1 giờ đêm, Ngày 11 tháng 5 (âm lịch)	+ Lễ túc yết: Chịu trách nhiệm là ông Chánh tế. Lễ vật là con heo trắng, mâm xôi, trái cây, trầu cau, đĩa muối gạo,... + Dâng hương, dâng ba tuần rượu + Ban tế quỳ xuống và đọc văn tế + Lễ xây chầu trước chánh điện
Buổi sáng, Ngày 22 Tháng 2 (âm lịch) Buổi chiều (14 giờ)	+ Lễ bái tự do + Xem lân – sư – rồng + Chánh tế: Học trò lễ, nhạc lễ, lễ vật gồm nhiều lễ vật như heo quay, trà rượu, bánh kẹo, hoa quả,...	3 giờ sáng, ngày 12 tháng 5 (âm lịch)	+ Lễ chánh tế có thêm ẩm thực truyền thống
17 giờ cùng ngày	+ Ban Quản trị đền làm lễ bế mạc	13 giờ, ngày 12 tháng 5 (âm lịch)	+ Ban Quản trị đình làm lễ bế mạc

(Nguồn: Nghiên cứu sinh)

Qua bảng so sánh trên, chúng tôi nhận thấy văn hóa lễ hội của Nguyễn Hữu Cảnh và Trần Văn Thành gắn với văn hóa làng An Giang. Đó là tính cộng đồng và một chuỗi hành vi của con người thực hiện trong lễ hội tạo ra nét văn hóa độc đáo của vùng. Yếu tố văn hóa vùng trong lễ hội hay công trạng của nhân vật được thờ có đặc điểm riêng biệt khó lẫn vào nhau được hình dung qua quy trình nghi lễ và những câu chuyện truyền thuyết được người dân thêu dệt lên. Vì vậy, với Nguyễn Hữu Cảnh, người dân Nam Bộ biết ông với công cuộc mở đất xuống phương Nam. Với Trần Văn Thành, người dân biết ông với cuộc khởi nghĩa chống Pháp xâm lược và gắng với vùng đất Láng Linh – Bảy Thưa.

Dựa trên ý nghĩa lịch sử và văn hóa, lễ hội Nguyễn Hữu Cảnh được tổ chức ở phạm vi rộng hơn (khoảng 29 cơ sở thờ tự ở An Giang) lễ hội Trần Văn Thành. Các nghi thức lễ của lễ hội Nguyễn Hữu Cảnh theo quy định của triều đình và dân gian mang đậm nghi lễ cúng đình của Nam Bộ. Bởi vì, Nguyễn Hữu Cảnh là một công thần nên công trạng được triều đình ghi nhận và sau khi mất được triều đình sắc phong. Do đó, các nghi lễ diễn ra trong ba ngày của lễ hội Nguyễn Hữu Cảnh ảnh hưởng của triều đình. Các nghi lễ có nhiều nghi thức (lễ xây chầu đại bội trong lễ cúng đáo lệ kỳ yên gồm nhiều nghi thức: đánh trống, biểu diễn võ thuật, nghệ nhân múa,...) hơn nghi lễ của lễ hội Trần Văn Thành. Tuy vậy, lễ hội Trần Văn Thành vẫn đủ sức mạnh thu hút người dân đến với lễ hội. Đó là sức mạnh của một người anh dũng đứng lên chống Pháp đóng vai trò tiên phong ở đất An Giang. Một hình ảnh mang di sản của dân tộc là lòng yêu nước nồng nàn và sẵn sàng hi sinh vì dân vì nước. Yếu tố này Trần Văn Thành đã kế thừa truyền thống của bậc tiền nhân, mà cụ thể là Nguyễn Hữu Cảnh. Xét ở phạm vi ảnh hưởng thì tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và việc tổ chức lễ hội ở An Giang có quy mô nhỏ hơn so với tín ngưỡng thờ Nguyễn Hữu Cảnh, cơ sở thờ tự đơn giản, bài trí, cúng kiếng, lễ nghi ít và có hình thức phối tự trong cùng cơ sở thờ tự (phối thờ vợ, các con và những vị phó tá ông trong cuộc khởi nghĩa). Các câu chuyện truyền thuyết, huyền thoại về Trần Văn Thành phong phú hơn Nguyễn Hữu Cảnh. Dấu ấn văn hóa của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương lan tỏa ở các cơ sở thờ tự Trần Văn Thành. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành có tích hợp Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tạo nên cái riêng và đa dạng cho văn hóa An Giang.

Tóm lại, trong tâm thức của nhân dân, họ là những vị phúc thần được ngưỡng vọng, tôn kính. Nhân dân xây dựng nên những câu chuyện truyền thuyết giàu chất

hoang đường, kỳ ảo về cuộc đời và hành trạng của các ông. Lễ giỗ hàng năm là ngày hội lớn của cả vùng.

3.1.2.2. Với tín ngưỡng thờ Thoại Ngọc Hầu

Thoại Ngọc Hầu tên thật là Nguyễn Văn Thoại (1761 – 1829), tiếp nối sự nghiệp của Nguyễn Hữu Cảnh, khai khẩn vùng đất phía Tây Nam tổ quốc. Ông sinh ở Điện Bàn tỉnh Quảng Nam, cha là Nguyễn Văn Lượng, làm chức quan nhỏ lo về tế tự ở các đền miếu. Lánh nạn chiến tranh Trịnh - Nguyễn, ông và 2 em theo mẹ vào Nam sinh sống tại làng Thới Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Năm 16 tuổi, Thoại Ngọc Hầu xin đầu quân nhà Nguyễn tại đất Ba Giồng (Định Tường), được trọng dụng và lập được nhiều công lớn. Thoại Ngọc Hầu kinh qua nhiều chức vụ quan trọng, sau khi mất được tặng chức Đô thống chế.

Khi đến vùng đất An Giang, Thoại Ngọc Hầu đã cải tạo nhiên thiên đem lại nguồn sống cho người dân. Ông đã cho đào kênh Vĩnh Tế, Thoại Hà, mở đường, bắc cầu tạo điều kiện đi lại dễ dàng và cho mở rộng giao thương buôn bán. Thoại Ngọc Hầu đã có công mở đất, làm cho vùng đất trù phú, giàu sức sống, thu hút các tộc người đến đây sinh sống. Trong giai đoạn làm Trấn thủ trấn Vĩnh Thanh, ông bắt tay ngay vào việc khẩn hoang lập ấp, đào kinh đắp đường, phát triển kinh tế và bảo vệ vùng đất mới An Giang. Ông đã để lại hậu thế nhiều công trình quan trọng, làm thay đổi diện mạo kinh tế, xã hội và văn hóa Miền Tây lúc bấy giờ: kinh Thoại Hà, kinh Vĩnh Tế, con đường đi từ Núi Sam – Châu Đốc, lập 5 làng đư dân đến sinh sống dọc theo kinh Vĩnh Tế (Vĩnh Ngươn, Vĩnh Tế, Vĩnh Điều, Vĩnh Gia, Vĩnh Thông). Trong đó, con kinh Vĩnh Tế nối liền sông Đông Xuyên (Long Xuyên) đến Rạch Giá đã giúp cho đi lại, vận chuyển hàng hóa của trấn Vĩnh Thanh và trấn Hà Tiên không còn ngăn cách trong mùa khô hạn; đồng thời giúp cho việc xỏ phèn ở tứ giác Long Xuyên rất có hiệu quả, biến đổi bộ mặt hoang hóa ngàn đời của vùng này thành khu vực trồng lúa xanh tươi. Khi công trình hoàn thành, để ghi nhận công lao vua Gia Long lấy tên ông đặt cho khu vực quanh núi Sập là Thoại Sơn.

Những công trình này ngoài tài trí của Thoại Ngọc Hầu còn mang dấu ấn bàn tay lao động, mồ hôi và sự hi sinh của người Việt Nam (trong đó có người An Giang), được xem là cơ sở để khẳng định chủ quyền lâu dài trên vùng đất mới khai khẩn. Năm 1828, Thoại Ngọc Hầu cho dựng bia Vĩnh Tế Sơn, thu nhật và cải táng hài cốt của những sưu dân đã mất trong khi đào kinh Vĩnh Tế. Ngày 6 tháng 6 (âm lịch), năm Kỷ

Sửu (1829) Thoại Ngọc Hầu mất vì bệnh nặng, hưởng thọ 68 tuổi. Người dân An Giang đã chọn Núi Sam có địa thế quan trọng về tâm linh để an táng, lập lăng (và xây dựng nhiều cơ sở thờ tự trên ở các nơi khác) để tưởng niệm công đức và tôn ông như một vị thần bảo hộ cho cư dân trong vùng.

Trí tuệ, tài năng, công đức của Thoại Ngọc Hầu đã là dấu ấn văn hóa không phai qua nhiều thế hệ người dân An Giang. Vì đó là “*ân đức*” chứ không đơn thuần chỉ là “*công lao*” của một người anh hùng. Với quan niệm “*Sinh vi tướng, tử vi thân*”, Thoại Ngọc Hầu được người dân An Giang sùng bái tôn thần và thực hành nghi lễ cúng tế như vị Thần hoàng có công với đất nước. Ngày nay, ông được thờ trong đình Thoại Sơn hay còn gọi là đình thần Thoại Ngọc Hầu nằm trên triền núi Sam. Từ đó, tín ngưỡng Thoại Ngọc Hầu trở thành tài sản chung của cộng đồng và được cộng đồng chăm sóc, nuôi dưỡng bằng lễ hội hàng năm. Lễ hội của Thoại Ngọc Hầu đã trở thành một sinh hoạt văn hóa cộng đồng không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân vùng quê Miền Tây. Đặc biệt, lúc sinh thời Thoại Ngọc Hầu rất gần gũi với người dân nên tình cảm tôn kính của họ càng sâu sắc, hành vi ứng xử càng thiết thực. Hình tượng Thoại Ngọc Hầu sống mãi trong tâm thức văn hóa cộng đồng các tộc dân An Giang và hiện hữu qua các hình thức nghi lễ trong các lễ cúng đình, lễ hội Kỳ yên. Tín ngưỡng thờ ông là người anh hùng “*Từ thuở mang gươm đi mở cõi*” vùng đất Phương Nam. Trong quá trình khai cơ, Thoại Ngọc Hầu không chỉ giữ yên bờ cõi - di sản to lớn mà Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh để lại, mà còn làm cho những nơi ông đến cây tươi xanh, lúa chín vàng, xóm làng trù phú đông vui, cuộc sống no ấm.

Cùng được tôn thờ là phúc thần ở vùng đất An Giang nhưng Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu và Trần Văn Thành sinh ra ở hai giai đoạn lịch sử khác nhau và hoàn cảnh xã hội khác nhau. Nguyễn Hữu Cảnh và Thoại Ngọc Hầu là công thần của triều đình nhà Nguyễn, chiến đấu chống giặc xâm lược và mở mang bờ cõi. Trần Văn Thành chống giặc Pháp để giữ đất của cha ông nhưng dưới sự phán xét của triều đình nhà Nguyễn thì ông lại là “*loạn thần*” và bị truy lùng, tận diệt. Xét về công trạng, Nguyễn Hữu Cảnh và Thoại Ngọc Hầu đã có những công lao to lớn mang tầm vóc quốc gia, có nhiều công trình vĩ đại, vĩnh cửu để lại cho muôn đời sau. Trần Văn Thành gắn bó với vùng đất Láng Linh – Bảy Thưa chầm ngòi khởi nghĩa chống giặc Pháp, là tấm gương yêu nước thương dân đáng kính trọng trong lòng người dân An

Giang. Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của ông tuy thất bại song có tính tiên phong, mở đầu cho giai đoạn kháng chiến chống xâm lược sau đó trên vùng đất An Giang.

Thoại Ngọc Hầu được tôn làm phúc thần, thờ tự trong các đình, đền bắt nguồn từ lòng biết ơn, ghi nhận những công lao to lớn của các ông đối với dân, với nước và sự yêu quý, kính trọng của người dân. Thần tích của Thoại Ngọc Hầu đều là những sự kiện lịch sử, những công trạng thật. Những giai thoại, huyền thoại được dân gian thêu dệt xung quanh cuộc đời và những chiến công nhằm góp phần làm tăng thêm sự thiêng liêng của sự tôn sùng. Đối với Trần Văn Thành, cuộc đời và sự nghiệp của ông gắn với 3 vai trò quan trọng: bên cạnh công lao cùng người dân biến vùng đất trũng phèn thành đồng ruộng trù phú, ông còn là “đại đệ tử” của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và là lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược. Cuộc khởi nghĩa Láng Linh – Bảy Thưa dưới sự chỉ huy của ông đã nhiều lần làm cho Pháp phải kinh hoàng, bạt vía. Tuy nhiên, cũng như nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp cùng thời kỳ, cuộc khởi nghĩa do Trần Văn Thành lãnh đạo cũng thất bại, nhưng hình tượng vị anh hùng dũng cảm, bất khuất đã hóa thành thần, bất tử trong niềm tôn kính của người dân: “Đức cô quản trong bộ đồ màu điều đã biến mất trước mắt quân Pháp trong lần xung trận cuối cùng. Nhân dân đã huyền thoại hóa, xây dựng nhiều giai thoại, truyền thuyết xung quanh cuộc đời và sự hi sinh của Trần Văn Thành và các nghĩa quân. Những truyền thuyết về Trần Văn Thành là câu chuyện sinh động, tàng ẩn, nhưng hiện hữu trong tâm thức người dân và trong thời gian thiêng.

Theo lý thuyết vùng văn hóa, tín ngưỡng thờ Thoại Ngọc Hầu và Trần Văn Thành là sự lựa chọn hình thái tín ngưỡng của người dân phù hợp với văn hóa và môi trường định cư. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Thoại Ngọc Hầu và Trần Văn Thành trong không gian địa văn hóa tỉnh An Giang có nhiều yếu tố văn hóa khác nhau. Chúng tôi kết hợp lý thuyết vùng văn hóa với phương pháp so sánh, đối chiếu để đưa ra bảng khái quát quy trình lễ hội của Thoại Ngọc Hầu và Trần Văn Thành được khảo sát lần I vào năm 2018 như sau:

Bảng 3.2 Nghi thức thực hành tín ngưỡng Thoại Ngọc Hầu và Trần Văn Thành

Thời gian	Lễ hội Trần Văn Thành	Thời gian	Lễ hội Thoại Ngọc Hầu
Ngày 20, tháng 2 (âm lịch)	+ Tiên thưởng: Ban Quan trị đền Trần Văn Thành chuẩn bị cho khai mạc lễ hội. + Lễ vật cúng: Xôi, trái cây, trà rượu,...	Lúc 10 giờ 30 phút, Ngày 10, tháng 3 (âm lịch)	+ Lễ tuần sắc (vì sắc phong đặt ngay trong đình) + Lễ thỉnh sanh: lễ vật có heo cúng thần nông

	+ Đón tiếp khách + Lễ bái tự do		
Ngày 21 Tháng 2 (âm lịch) 9 giờ cùng ngày	+ Lễ bái tự do + Chào đón quần chúng + Cúng tiền giáng : Chánh tế, học trò lễ, nhạc lễ, dâng trà rượu, đọc văn khấn và quần chúng cùng tham gia. + Lễ vật cúng: Hoa quả, trà rượu, bánh bò, bánh ít, bánh bông lan, bánh xèo, heo quay,...	Rạng sáng, Ngày 11, tháng 3 (âm lịch)	+ Lễ túc yết: Lễ vật là con heo sống, trái cây, hoa tươi, xôi, nhang đèn + Ban Quý tế, nhạc lễ, đào thài,...
11 giờ cùng ngày	+ Quý khách dùng cơm trưa và nghỉ ngơi tự do + Lễ bái tự do		+ Lễ xây châu: cầu quốc thái dân an + Chánh bái hay Hương cả thực hành nghi lễ, dâng trà cau, rượu và cây dùi trống + Lễ đại bội nói lên lời cầu chúc trường thọ, phát đạt, mưa thuận gió hòa
16 giờ đến 19 giờ cùng ngày	+ Dùng cơm chiều tự do tại đền thờ + Lễ bái tự do + Xem chương trình văn nghệ		+ Lễ túc yết: Lễ vật là con heo sống, trái cây, hoa tươi, xôi, nhang đèn + Ban Quý tế, nhạc lễ, đào thài,...
20 giờ cùng ngày	+ Dùng cơm tối tự do		+ Lễ xây châu: cầu quốc thái dân an + Chánh bái hay Hương cả thực hành nghi lễ, dâng trà cau, rượu và cây dùi trống
24 giờ cùng ngày	+ Lễ cúng ngọt: chè, hoa quả		
Buổi sáng, Ngày 22 Tháng 2 (âm lịch) Buổi chiều (14 giờ)	+ Lễ bái tự do + Xem lân – sư – rồng + Chánh tế: Học trò lễ, nhạc lễ, lễ vật gồm nhiều lễ vật như heo quay, trà rượu, bánh kẹo, hoa quả,...	Đêm 11 rạng ngày 12, tháng 3 (âm lịch)	+ Lễ chánh tế: Với ý nghĩa tạ ơn. Chánh tế bung khay việc trình Thần, lạy 4 lạy, rồi bung khay việc vào lễ Tổ Hát bội, rước Tân Vương dâng ấn kiếm lên Thần
17 giờ cùng ngày	+ Ban Quản trị đền làm lễ bế mạc	Chiều cùng ngày	+ Ban Quản trị đình làm lễ tắt

(Nguồn: Nghiên cứu sinh)

Với bảng so sánh trên, chúng tôi thấy nghi thức thực hành nghi lễ của lễ hội Trần Văn Thành không phong phú bằng nghi thức lễ hội của Thoại Ngọc Hầu. Các nghi thức lễ hội của Thoại Ngọc Hầu gắn với Lễ kỳ yên (Túc yết, xây châu, đại bội,...)

ảnh hưởng nghi lễ triều đình. Bởi vì, Thoại Ngọc Hầu là công thần được triều đình công nhận và sắc phong thần. Các nghi thức lễ hội của Nguyễn Hữu Cảnh và Thoại Ngọc Hầu theo nghi thức cúng Thần hoàng ở đình Nam Bộ. Đó chính là sự tiếp nối văn hóa của người đi trước làm phong phú văn hóa hiện tại, chứa đựng giá trị văn hóa vật thể và giá trị văn hóa phi vật thể. Người dân thể hiện lòng biết ơn, tôn kính ông như vị thần bảo hộ cuộc sống của họ qua bài ca dao:

“Đi ngang qua cảnh núi Sam,
Thấy lăng ông lớn hai hàng lựu rơi.
Ông ngồi vì nước vì đời,
Hi sinh tài sản không rời nước non.
Nước kênh Vĩnh Tế lờ đờ,
Nhớ ông Bảo Hộ dựng cờ chiêu an.
Đồng An Trường chó ngáp,
Làng Quế Thiện trồng lát bốn mùa.
Nhớ ông Bảo Hộ ngày xưa,
Dựng làng, mở cõi nắng mưa dãi dầu”.

Người dân tưởng niệm và tôn vinh công lao của Thoại Ngọc Hầu không giống với Trần Văn Thành. Thoại Ngọc Hầu có vai trò là một danh tướng, nhà doanh điền, nhà quản lý hành chánh, nhà văn hóa và ngoại giao giỏi. Ngoài ra, Thoại Ngọc Hầu có tầm nhìn chiến lược xây dựng đất nước, phát triển kinh tế và hệ thống kênh là lá chắn để khẳng định chủ quyền đất nước. Hệ thống kênh đào lưu thông với các vùng lân cận để kinh tế An Giang có dịp giao thương và giao lưu văn hóa làm phát triển kinh tế, văn hóa An Giang. Khi Thoại Ngọc Hầu cho đào kênh Vĩnh Tế cũng là lúc Trần Văn Thành chào đời (năm 1818) (hình 67, trang 19, phụ lục 1). Từ nhỏ, những câu chuyện phi thường và tấm gương anh hùng của Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu đã tác động, ảnh hưởng đến Trần Văn Thành, kích thích chí khí và lý tưởng phụng sự ngày thêm lớn mạnh. Trong bối cảnh đất nước bị xâm lược, người dân khốn cùng Trần Văn Thành quy tụ người dân xây dựng căn cứ Láng Linh – Bảy Thưa, huấn luyện nghĩa quân, mở rộng đất đai phát triển sản xuất để phục vụ kháng chiến. Ông thấy vùng đất Láng Linh – Bảy Thưa có địa thế thuận lợi cho việc nuôi binh, rèn binh để tính kế lâu dài cho cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Do đó, niềm tôn kính của người dân về Trần Văn Thành khác với sự tôn kính Thoại Ngọc Hầu. Cụ thể:

Thứ nhất, một lòng trung thành với tổ quốc, với nhân dân, ông không màng danh lợi. Dù giặc dùng nhiều cách mua chuộc nhưng vẫn kiên định một lòng lãnh đạo nhân dân chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược.

Thứ hai, đoàn binh Gia Nghị do ông lãnh đạo đã liên kết chặt chẽ với nghĩa quân Nguyễn Trung Trực lập được nhiều chiến công lớn, tiêu diệt nhiều sinh lực của thực dân Pháp, nhất là việc ám sát tên Chủ tỉnh Vĩnh Long là Salicetti ở Vũng Liêm – Vĩnh Long, trong điều kiện chiến đấu không cân sức.

Thứ ba, dù là Quan cơ nhưng ông kháng lệnh triều đình đi bắt Võ Duy Dương – một lãnh đạo nghĩa quân kháng Pháp, mà liên kết để tạo sức mạnh tinh thần, tập trung xây dựng lực lượng nghĩa quân và hậu cần vững mạnh để chiến đấu chống kẻ thù.

Thứ tư, dù cuộc chiến sẽ dẫn đến hi sinh, mất mát nhưng ông và gia đình, vợ con vẫn quyết một lòng hi sinh đánh giặc đến cùng để tỏ rõ khí tiết anh dũng của mình. Công lao của ông với tổ quốc thật là to lớn, thật vĩ đại (Tài liệu hội thảo khoa học – Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành, 2014, trang 73)

Tóm lại, sự nghiệp và cuộc đời có những nét khác biệt nhưng tín ngưỡng thờ Thoại Ngọc Hầu và Trần Văn Thành đã trở thành một di sản văn hóa, là điểm tựa góp phần tăng thêm sức mạnh tinh thần giúp người dân An Giang vượt qua mọi khó khăn của cuộc sống đời thường.

3.1.2.3. Với tín ngưỡng thờ Nguyễn Trung Trực

Nguyễn Trung Trực sinh năm 1838 dưới thời Minh Mạng. Nguyên quán của Nguyễn Trung Trực ở thôn Vĩnh Hội, tổng Trung An, huyện Phù Cát, trấn Bình Định (ngày nay là thôn Vĩnh Hội, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Sau khi hải quân Pháp nhiều lần bắn phá duyên hải Trung Bộ, gia đình ông phải phiêu bạt vào Nam, định cư ở xóm Nghè (thuộc làng Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, Phủ Tân An, nay thuộc xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) và sinh sống bằng nghề chài lưới vùng hạ lưu sông Vàm Cỏ. Sau đó, gia đình ông lại dời xuống làng Tân Thuận, tổng An Xuyên (nay là xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau).

Ngay từ khi thực dân Pháp bắt đầu xâm lược nước ta, Nguyễn Trung Trực đã tham gia vào việc phòng thủ, bảo vệ đồn Chí Hòa dưới quyền của lãnh binh Trương Định. Từ đó, sự nghiệp kháng chiến của ông được biết đến qua hai chiến công lẫy lừng là *Hỏa Nhựt Tảo Thuyền* (còn gọi là *Hỏa hồng Nhựt Tảo*) và *Đồn Kiên Giang Lũy* (còn gọi là *Kiểm bạt Kiên Giang*). Dù cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Trung Trực cuối cùng bị thất bại, Nguyễn Trung Trực đã anh dũng hi sinh nhưng uy danh và khí phách lẫm liệt của ông khiến cho kẻ thù khiếp sợ. Cái chết của Nguyễn Trung Trực đã hóa thành bất tử không chỉ trong tâm thức nhân dân mà ngay cả đối với quân địch. Chính những yếu tố phi thường đó đã làm cho hình ảnh Nguyễn Trung Trực càng trở nên kỳ vĩ, huyền ảo trong quan niệm của dân gian. Các câu chuyện huyền thoại, truyền thuyết về Nguyễn Trung Trực đã biến nhân vật lịch sử này thành “Thần”. Những huyền thoại hay truyền thuyết đã trở thành môi trường xúc tác cho tín ngưỡng thờ Nguyễn Trung Trực được hình thành và phát triển.

Trên mảnh đất An Giang có nhiều nơi thờ Nguyễn Trung Trực như: Dinh thờ Nguyễn Trung Trực ở xã Long Giang huyện Chợ Mới, đình Nguyễn Trung Trực ở Thành phố Long Xuyên, đình Nguyễn Trung Trực ở xã Vĩnh Trạch huyện Thoại Sơn. Tại xã Long Giang huyện Chợ Mới người dân lập Dinh thờ Nguyễn Trung Trực, còn gọi là Dinh Quan Thượng đẳng đại thần, dùng để tổ chức cúng giỗ cho Nguyễn Trung Trực hàng năm vào ngày 27, 28 – 8 (âm lịch). Mỗi khi lễ hội đến, ký ức về người anh hùng Nguyễn Trung Trực được tái hiện, làm cho người dân nhớ đến thời oanh liệt chống Pháp của ông. Đặc biệt, những câu chuyện huyền thoại hay truyền thuyết về Nguyễn Trung Trực được hiện hữu trong thần tích lưu giữ ở Dinh thờ Nguyễn Trung Trực từ đời này qua đời khác. Đó là những câu chuyện về sự thông minh, lòng dũng cảm, ý chí và đức độ của ông được nâng lên mức phi thường bởi sự ngưỡng mộ, tôn vinh của người dân. Với cái lõi là sự thật lịch sử, người dân đã truyền thuyết, bao phủ lên đó một lớp màn kỳ ảo của trí tưởng tượng, hư cấu và sáng tạo khiến cho nhân vật trở nên lấp lánh, kỳ vĩ, thành “Thần”. Tín ngưỡng thờ Nguyễn Trung Trực gắn với các truyền thuyết về ông đã in sâu vào tâm thức của người dân, hòa vào dòng chảy của hệ thống các tín ngưỡng tôn thờ anh hùng dân tộc như Thánh Gióng, Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi... Do vậy, tín ngưỡng thờ Nguyễn Trung Trực trở thành tín ngưỡng chung cho người dân An Giang nói riêng và người dân Miền Tây nói chung.

Trong làn sóng chống Pháp, Nguyễn Trung Trực và Trần Văn Thành đã có sự hỗ trợ nhau cùng chống kẻ thù xâm lược. Với những chiến công của buổi đầu chống Pháp, hai ông đã tạo được niềm tin và sự ngưỡng mộ ở người dân. Vì vậy, người dân đã lập cơ sở thờ tự Nguyễn Trung Trực và Trần Văn Thành và tổ chức lễ hội hàng

năm. Qua khảo sát thực địa, chúng tôi đưa ra bảng so sánh lễ hội Nguyễn Trung Trực và lễ hội Trần Văn Thành như sau:

Bảng 3.3 Nghi thức thực hành tín ngưỡng Nguyễn Trung Trực và Trần Văn Thành

Thời gian	Lễ hội Trần Văn Thành	Thời gian	Lễ hội Nguyễn Trung Trực
Ngày 20, tháng 2 (âm lịch)	+ Tiên thường: Ban Quản trị đền Trần Văn Thành chuẩn bị cho khai mạc lễ hội. + Lễ vật cúng: Xôi, trái cây, trà rượu,... + Đón tiếp khách + Lễ bái tự do	14 giờ, ngày 26 tháng 8 (âm lịch)	+ Lập hương án: Ban Tế tự thắp hương khấn nguyện + Lễ viếng và dâng hương tại đình: Đại diện Tỉnh ủy, Ủy ban, cơ quan đoàn thể và nhân dân dâng hương.
Ngày 21 Tháng 2 (âm lịch) 9 giờ cùng ngày 11 giờ cùng ngày 16 giờ đến 19 giờ cùng ngày 20 giờ cùng ngày 24 giờ cùng ngày	+ Lễ bái tự do + Chào đón khách + Cúng tiền giảng : Chánh tế, học trò lễ, nhạc lễ, dâng trà rượu, đọc văn khấn và quần chúng cùng tham gia. + Lễ vật cúng: Hoa quả, trà rượu, bánh bò, bánh ít, bánh bông lan, bánh xèo, heo quay,... + Quý khách dùng cơm trưa và nghỉ ngơi tự do + Lễ bái tự do + Dùng cơm chiều tự do tại đền thờ + Lễ bái tự do + Xem văn nghệ + Dùng cơm tối tự do + Lễ cúng ngọt: chè, hoa quả	5 giờ đến 6 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 8 (âm lịch) Đến 8 giờ cùng ngày Đến 18 giờ cùng ngày	+ Lễ rước sắc và dâng hương, gồm xe hoa, di ảnh Nguyễn Trung Trực,... + Lễ thượng Đại kỳ: Chào cờ trong 2 phút. Khai mạc lễ hội + Lễ rước sắc và dâng hoa chánh điện: Rước sắc về đình. + Hương chức rót 3 tuần rượu trước bàn thờ chánh điện + Lễ phân hương: Chánh tế thắp hương nguyện
Buổi sáng, Ngày 22 Tháng 2 (âm lịch) Buổi chiều (14 giờ)	+ Lễ bái tự do + Xem lân – sư – rồng + Chánh tế: Học trò lễ, nhạc lễ, lễ vật gồm nhiều lễ vật như heo quay, trà rượu, bánh kẹo, hoa quả,...	Từ 0 – 3 giờ sáng, ngày 28 tháng 8 (âm lịch) 14 giờ cùng ngày	+ Lễ tế đàn cả: Mời các vị thần về dự lễ. Hương chức, hương sanh, học trò lễ, nghĩa quân,... + Đọc văn tế với các nghi thức: dâng hương, rượu, trà, heo quay, xôi, bánh,... + Lễ hậu tế: theo nghi thức cổ truyền. Lễ vật là mâm cơm cổ truyền: khoai lang, ốc, lươn, cá, cua đồng,...

17 giờ cùng ngày	+ Ban Quản trị đền làm lễ bé mạc	Từ 8 giờ sáng, ngày 29 tháng 8 (âm lịch) Chiều cùng ngày	+ Tiếp tục đón khách đến dâng hương + Đình làm lễ bé mạc
------------------	----------------------------------	--	---

(Nguồn: Nghiên cứu sinh)

Lễ hội Nguyễn Trung Trực được tổ chức trong đình và các nghi thức lễ theo nghi thức cúng đình. Các lễ bái được diễn ra tại đình như đã trình bày ở trên. Các học trò lễ và các nghi thức hành lễ theo quy định chặt chẽ của Ban Tổ chức. Người dân khắp nơi đến cúng viếng rất đông. Ban quý tế, các chấp sự viên, lễ sinh tiến hành nghi thức đều mặc lễ phục truyền thống. Theo tập quán, thi hành lễ bái trang nghiêm cần thiết phải có tấu nhạc. Trong đình, mỗi khi có đoàn khách vào cúng, Nhạc lễ lại được thổi lên làm tăng thêm sự trang trọng của các nghi thức cúng. “Ngày lễ giỗ cụ Nguyễn luôn tề chỉnh tôn nghiêm, vì đây là lễ cúng thần. Chủ hoặc khách đều biểu lộ sự thành khẩn. Cách thức tiến hành các nghi thức làm cho cuộc lễ hội có sức sống thiêng liêng, truyền cảm đến mọi người đang thành kính tưởng niệm đến vị anh hùng”. (Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa – lễ hội anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, 2010, trang 60 – 61)

Nếu như Lễ giỗ của ông Nguyễn Trung Trực được tiến hành trong đình như nghi lễ cúng tế Thần hoàng thì Lễ giỗ ông Trần Văn Thành được tổ chức trang trọng tại đền. Các nghi thức lễ được thực hiện trang nghiêm, gọn gàng nhưng không phong phú như nghi thức lễ hội Nguyễn Trung Trực. Đặc biệt, ngoài những lễ vật cúng truyền thống trong lễ tiệc ở Nam Bộ, còn cúng các món ăn dân dã mà lúc sinh thời Nguyễn Trung Trực yêu thích. Về mức độ, tầm ảnh hưởng và phạm vi lan tỏa thì Lễ hội Nguyễn Trung Trực lớn hơn rất nhiều:

“Dù ai buôn bán xa gần

Ngày giỗ cụ Nguyễn thì ta nhớ về”

Cái đặc sắc trong sự nghiệp chống Pháp của Trần Văn Thành là ông đã vừa chế tạo vũ khí vừa tổ chức các trận đánh Pháp. Trong khoảng thời gian khởi nghĩa chỉ có 7 năm, ông đã lập xưởng đúc vũ khí thủ công ở Láng Linh. Các binh sĩ được trang bị đao, kiếm, dao găm, súng điều thương,... tác chiến theo lối đánh du kích, đột kích

nhanh và gọn. Trong giai đoạn này, Trần Văn Thành đã xây dựng được đội binh có tính khoa học cao và sự sáng tạo ra vũ khí theo phương châm vừa sản xuất vừa chiến đấu tại chỗ. Chỉ yếu tố này, Trần Văn Thành được xem là nhà quân sự tài ba và tư duy ứng dụng khoa học công nghệ (tuy còn ở mức thủ công). Thực hiện phương pháp so sánh, đối chiếu với các anh hùng dân tộc cùng thời như Nguyễn Trung Trực, Trương Định,... thì chưa có anh hùng dân tộc nào đúc được vũ khí chiến đấu dù chỉ là thô sơ như ông.

Cái đặc sắc khác của Trần Văn Thành là biết vận dụng Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đánh vào lòng tin của con người để quy tụ quần chúng (tín đồ) vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Các tầng lớp nhân dân hết lòng ủng hộ nhưng không chỉ là thủ lĩnh quân khởi nghĩa (chiến đấu), Thành Văn Thành còn là thủ lĩnh tinh thần của một tôn giáo nội sinh (Phật giáo). Do đó, sự tin tưởng và tôn sùng của nhân dân đối với Trần Văn Thành còn là sự tin tưởng, tôn sùng của phật tử với một tôn giáo và người dẫn dắt tôn giáo đó, khi ông đang sống và cả khi đã hy sinh. Vì vậy, đội binh ngày càng thu hút được nhiều người tham gia. Điều nghiên địa hình rất kỹ nên ông đã tận dụng vùng đất Láng Linh – Bảy Thưa làm căn cứ chống giặc. Đồng thời, vùng đất này cũng là nguồn sản xuất lương thực, thực phẩm để nuôi các chiến sĩ chiến đấu. Có thể nói ông đã kết hợp ba yếu tố quan trọng mà các bậc trị quốc và các nhà quân sự tài ba đều áp dụng: Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa để tạo thành sức mạnh tổng lực chống thực dân Pháp. Sự nghiệp chiến đấu của ông không dài lâu, song mục đích của ông đã đại diện cho lý tưởng sống vì dân vì nước của người An Giang: 1/ Phải đuổi giặc ra khỏi bờ cõi thì cuộc sống mới ấm no, con người mới hạnh phúc. 2/ Muốn vậy phải chiến đấu đến cùng, nếu hi sinh thì phải hi sinh anh dũng.

Trần Văn Thành và Nguyễn Trung Trực sinh thời có mối quan hệ trong kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Trung Trực bốn ba kháng Pháp có nhiều lần đến vùng đất An Giang gặp Trần Văn Thành là đại đệ tử của Phật Thầy Tây An. Hai người cùng chung chí hướng nên khi hay tin Nguyễn Trung Trực bị Pháp hành hình tại Rạch Giá, Trần Văn Thành rất đau buồn cho lập bàn thờ cúng tế trong cơ sở thờ tự của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Một nhà nghiên cứu đã nhận định:

Từ đó đến nay, các chùa của hệ phái này đều lập bàn thờ thành tâm tôn kính Nguyễn Trung Trực. Bởi lẽ, Nguyễn Trung Trực là biểu tượng của hành động trung nghĩa với dân với nước, là hình ảnh tuyệt vời của sự đền ơn đáp

nghĩa đối với đất nước, đáp ứng được kỳ vọng “Tứ Ân” của giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương. Vì vậy, Nguyễn Trung Trực đã trở thành một vị thần được phụng thờ trang trọng của Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo Hòa Hảo sau này. (Võ Hoàng Khải, 2019, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, trang 87).

Như vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và Nguyễn Trung Trực có nhiều điểm tương đồng. Nét khác biệt ở đây tựu trung có 3 điểm: 1/ Mức độ lan tỏa của tín ngưỡng của Nguyễn Trung Trực rộng lớn hơn Trần Văn Thành (Nguyễn Trung Trực được thờ ở nhiều tỉnh thuộc Tây Nam Bộ; Trần Văn Thành chỉ có ở An Giang); 2/ Trước khi trở thành lãnh tụ nghĩa quân, Trần Văn Thành là một trong những chức sắc của một tôn giáo nội sinh: Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương; 3/ Lễ hội Trần Văn Thành mang tính chất địa phương, giới hạn hẹp hơn lễ hội Nguyễn Trung Trực.

3.2. SỰ DUNG HỢP ĐẠO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH

3.2.1. Sự dung hợp quan niệm Đạo và Đòi

Một tôn giáo ra đời trên nền tảng kết hợp 3 yếu tố: điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử xã hội và nhu cầu giải tỏa, cân bằng tâm lý của con người. Vùng đất An Giang ở Tây Nam Bộ là nơi dung nạp nhiều loại tín ngưỡng tôn giáo, đặc biệt còn là nơi xuất phát các tôn giáo bản địa đặc trưng ở Nam Bộ, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa ... gắn với vai trò các “ông đạo”, trong đó có Đoàn Minh Huyền - người sáng lập ra Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vào năm Kỷ Mão (1849) tại vùng núi Thất Sơn. Ông sinh năm 1807 (năm Gia Long thứ 8) ở làng Tòng Sơn, tổng An Tịnh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh thuộc Gia Định thành. Năm 1860, Đoàn Minh Huyền viên tịch được người dân tôn kính gọi là Đức Phật Thầy Tây An. Trong các đệ tử của Ngài, Trần Văn Thành được Phật Thầy chọn giao tâm “Ân” để tiếp nối con đường chính đạo của Bửu Sơn Kỳ Hương. Từ đó đến nay, vùng đất An Giang còn tồn tại bốn di tích của đức Phật Thầy Tây An được người dân thờ cúng trang trọng, như: Tây An Cổ Tự (Long Kiến), Thới Sơn (Nhà Bàn), Láng Linh (Châu Đốc) và chùa Tây An (núi Sam).

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt. Đó là những mâu thuẫn cơ bản giữa người nông dân Nam Bộ với tầng lớp thống trị triều Nguyễn được phản ánh qua nhiều cuộc khởi nghĩa của người nông dân. Các cuộc khởi nghĩa này có mang dấu ấn của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Vì vậy, không chỉ đem lại niềm hi vọng

cho con người về cuộc sống bình yên, công bằng, Đạo ngày càng mang đậm tính chất cứu thế theo tư tưởng của Đoàn Minh Huyền. Bên cạnh đó, khi đến khai phá vùng đất An Giang, con người phải đối mặt với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, lũ lụt kéo dài, thú dữ, luôn bị thiên tai, dịch bệnh đe dọa đến tính mạng ... nảy sinh tâm lý lo sợ, bất an nên thường dựa vào sự phù hộ của các thế lực siêu nhiên. Do đó, Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ra đời đã đáp ứng được sự thiếu hụt của đời sống tâm linh và làm điểm tựa của sức mạnh tinh thần để con người vượt qua khó khăn.

Với tinh thần tín ngưỡng hòa đồng, bao dung, linh hoạt, năng động thể hiện tính nhập thế, Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là:

... sự tiếp biến, dung hợp các quan niệm cũng như các đối tượng thờ cúng của Phật, Nho, Lão và tín ngưỡng dân gian tạo nên sự phong phú, thăng bằng trong đời sống tâm linh của nông dân Nam Bộ. Thấm đượm trong từng giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương, phảng phất hơi hướng triết lý đặc sắc Nam Bộ ở cách nhìn nhận, đánh giá pha lẫn giữa hư và thực về nguồn gốc hình thành thế giới. Mặc dù sự phản ánh thế giới hiện thực một cách hoang đường hư ảo, nhưng ẩn chứa đằng sau tính chất hư ảo ấy là khát vọng hướng đến một xã hội tốt đẹp của một bộ phận cư dân Nam Bộ thời kỳ khai thiên lập địa (Tôn Việt Thảo, 2018, trang 89).

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương theo cách tu đơn giản của Phật Thầy Tây An là thờ một tấm Trần điều (tấm vải màu nâu đỏ); trên bàn thờ có nhang đèn, hoa tươi, nước lạnh, đúng theo giáo Pháp vô vi của Đức Phật Thích Ca. Người theo đạo không cần phải ‘ly gia cắt ái’, vẫn lao động để sinh sống và phải rèn luyện tâm tính, làm lành, lánh dữ, tu nhân tích đức. Người tu đạo phải đạt được bốn Ân lớn: Ân tổ tiên cha mẹ, Ân đất nước, Ân tam bảo và Ân đồng bào nhân loại. Đồng thời, Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương xây dựng học thuyết “Lý tam ngươn” (thời kỳ thượng ngươn, thời kỳ trung ngươn, thời kỳ hạ ngươn). Cuộc đời con người xoay theo luật tam ngươn từ thượng ngươn → trung ngươn → hạ ngươn → thượng ngươn và cứ như thế theo cái vòng tuần hoàn không có hồi kết thúc. Hội Long Hoa khai mở do đức Phật Di Lặc chủ trì chọn người hiền đức lập thời thượng ngươn cho con người an lạc.

Khi tham gia Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Trần Văn Thành được đức Phật Thầy Tây An trao truyền cho *tấm ấn* kế thừa ông làm thủ lĩnh Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Lúc này, Trần Văn Thành gánh trên vai hai trách nhiệm lớn lao: 1/ bảo vệ quê hương đất

nước với vai trò Quân cơ; 2/ phát triển Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương mà đức Phật Thầy Tây An giao phó. Đối với đất nước, Trần Văn Thành thể hiện tình yêu nước nồng nàn, lấy “dân làm gốc”, quyết định chống lại lệnh vua, không chịu đầu hàng giặc, trở thành người không “trung quân” nhưng lại có một lòng “ái quốc” được người dân An Giang ủng hộ. Tinh thần yêu nước của ông thể hiện bằng hành động, chứ không phải bằng lời nói, trên cơ sở thấm nhuần Tứ đại trọng Ân của Bửu Sơn Kỳ Hương. Trong bốn Ân lớn đó, “Ân đất nước” và “Ân đồng bào” được thể hiện rõ nhất trong mục đích hành động của Trần Văn Thành:

Đó chính là tinh thần “vì dân, vì nước” mà hi sinh, là tinh thần nêu cao nghĩa khí vì Tổ quốc và dân tộc mà sống! Vận dụng triệt để tinh thần Tứ Ân của Đức Phật Thầy đưa ra, ông đã dùng nó như chiếc chìa khóa để khơi mở nhiều đức tính quý báu, là những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, đó chính là lòng yêu nước thương dân, tình thương yêu đồng loại, tinh thần đoàn kết,... Sự sáng tạo ấy còn được kết hợp với giáo lý vi diệu của Phật giáo để hành động tùy thời, tùy lúc. Đạo Phật gọi đó là “tùy duyên hóa độ (Tài liệu hội thảo khoa học – Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành, 2014, trang 53)

Đối với chiến tranh chống Pháp, Trần Văn Thành đã mưu trí và thông minh kết hợp giữa đạo và đời, kêu gọi các chiến sĩ khắp Nam Kỳ lục tỉnh để hợp tác chống quân xâm lược. Chẳng bao lâu, đội Binh Gia Nghịch của ông đã lên đến 1.200 người, trong đó tén đồ của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương chiếm hơn một nửa. Trần Văn Thành chia thành nhiều đội để canh gác, sản xuất chế tạo vũ khí chiến đấu và xây dựng các tuyến phòng thủ. Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Trần Văn Thành không cân sức nên ông chuẩn bị hết sức chu đáo để quyết giành lấy phần thắng lợi. Mặc dù, Trần Văn Thành rất thận trọng nhưng quân Pháp vẫn tìm được căn cứ Láng Linh – Bảy Thưa. Thực dân Pháp nhiều lần tấn công nhưng đều bị thất bại. Vào ngày 20 tháng 3 năm 1873, quân Pháp tấn công hòng tiêu diệt căn cứ. Đứng trước tình cảnh đó, Trần Văn Thành bình tĩnh quyết định phản công đánh Pháp. Ông cất từng lọn tóc nhỏ của mình mà phân phát cho các tén đồ để động viên mọi người tin vào ơn thiêng. Trần Văn Thành đã khoác lên người chiếc áo màu Trần điều, màu thiêng của lá cờ biểu tượng của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Nguyên nhân của hành động trên được giải nghĩa là:

Ông muốn dùng hình ảnh, màu sắc ẩn dụ (noi theo tinh thần chung nhất), vì chỉ hình ảnh lá cờ ấy mới có đầy đủ quyền năng nhất để nhắc nhở toàn thể

nghĩa quân về một bậc thầy vĩ đại, người khai sáng ra nền Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương” (Tài liệu hội thảo khoa học – Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành, 2014, trang 25).

Trong giờ phút nguy nan nhất, ông cắt tóc, mặc áo Đạo màu điều tiên phong xung trận để động viên tinh thần chiến đấu chống kẻ thù chung. Sự kết hợp giữa *đạo* và *đời* trong con người Trần Văn Thành nhẹ nhàng và linh hoạt. Ông đã phát huy vai trò của đạo trong đời sống sinh hoạt của người dân và trong chiến tranh. Nhất là trong những ngày tham gia kháng chiến chống Pháp, ông đã đưa Tứ Ân, cuộc khởi nghĩa đến với người dân và được người dân ủng hộ rất nhiệt tình. Người dân tin tưởng, sẵn sàng giúp đỡ, cung cấp cho đội Binh một phần về lương thực, quần áo cho các binh sĩ và phần còn lại phải tự cung tự cấp. Vì vậy, mọi người trong đội binh vừa sản xuất, vừa chiến đấu và vừa phát huy vai trò của tín đồ Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Nhờ vậy, Trần Văn Thành đã làm cho vùng đất Láng Linh – Bảy Thưa đầm lầy, khắc nghiệt trở thành đất đai màu mỡ, đồng lúa xanh tốt quanh năm. Các hoạt động của Trần Văn Thành chủ yếu là khẩn hoang và chống Pháp. Căn cứ Láng Linh – Bảy Thưa rất hiểm địa, thuận lợi cho việc tiến thoái công thủ mà Phật Thầy Tây An đã chọn cho Trần Văn Thành. Căn cứ địa này gắn bó cuộc đời người con ưu tú của dân tộc với những giá trị lịch sử, văn hóa, tôn giáo hết sức sâu sắc. Đó là quá trình “nhập thế” của Trần Văn Thành theo tư tưởng của Đoàn Minh Huyên. “Tính nhập thế trong tín ngưỡng tôn giáo của cư dân Miền Tây được biểu hiện rõ nét nhất qua yếu tố cứu thế trong các tôn giáo bản địa” (Tài liệu hội thảo khoa học – Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành, 2014, trang 63).

Trải qua 6 năm chiến đấu gian khổ (1867 – 1873), Trần Văn Thành đã để lại trong lòng người dân hình ảnh cao đẹp của một người yêu nước thương dân và một thủ lĩnh Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương “nhập thế” gắn với hoàn cảnh sống thực tế của người dân Tây Nam Bộ. Ông đã lèo lái con thuyền Đạo – Đời đầy gian nan trong bối cảnh đất nước đói nghèo, bị xâm lược. Các hành động của ông Trần Văn Thành là sự dung hợp giữa Đạo – Đời tạo nên uy tín đối với nhân dân và đạo hạnh cao thâm được người dân ngưỡng mộ. Tôn danh: *Đức Cố Quán Trần Văn Thành - Đại đệ tử Bửu Sơn Kỳ Hương* đã trở thành điểm tựa tinh thần cho người dân, người yêu nước và tín đồ của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương hiện nay.

3.2.2. Sự dung hợp quan niệm về học Phật và tu Nhân

Đức Phật Thầy Tây An chọn hình thức tu theo Phật giáo và nghi thức cổ truyền là lập chùa chiền làm nơi thờ tự cho người dân đến cúng bái và gửi gắm niềm tin. Phật Thầy Tây An chọn hình thức tu đơn giản, không có nhiều lễ thức cầu kỳ nên rất gần gũi với người dân. Đức Phật Thầy Tây An lấy cái đơn giản để đạt được cái cao siêu qua biểu tượng là tấm Trần điều trên ngôi tam bảo. Tấm Trần điều đó tiêu biểu cho lòng từ bi bác ái, yêu mến con người và giúp con người vượt qua cái bản ngã đến với cái vô – vi. Để đạt được nội dung trên, Phật Thầy Tây An xây dựng giáo lý cho Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương rất đơn giản để người dân dễ hiểu, dễ thấm thấu mà xây dựng, tu chỉnh bản thân. Đó là phương pháp học Phật và tu Nhân, gắn cuộc đời hành đạo với bốn phận xã hội.

Về học Phật: Với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, học Phật được giải thích là học những điều Đức Phật đã dạy và làm những điều Đức Phật đã làm. Để học Phật, các tín đồ Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương phải hành trì theo phép tu của Đức Phật. Mục đích của việc học Phật là giúp tín đồ quay về cái thiện, lánh xa cái ác, thực hành lối sống giản dị để mong cầu giải thoát (Nguyễn Phước Tài, Nguyễn Thuận Quý, 2013, trang 101). Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã dung hợp được nội dung của học Phật và thể hiện trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Đó là xa lánh điều ác, rèn luyện tâm lành (không hại người hại vật, không tham lam, không dâm dục, không mê tín dị đoan), có lối sống giản dị, hài hòa và yêu thương con người. Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy tín ngưỡng Trần Văn Thành biểu hiện rõ sự dung hợp trong xây dựng đền thờ, biểu tượng thờ cúng, cách thức bài trí trong đền, sự phối tự cùng với nghi thức và lễ bái được kế thừa và cải tiến từ Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương

Về tu Nhân: Với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, tu Nhân là cơ sở của đạo làm người, là tiền đề giúp con người rèn luyện phẩm chất, đức hạnh. Tu Nhân là yêu cầu bắt buộc đối với tín đồ của tôn giáo này. Về tu Nhân đặc đạo, ông Đoàn Minh Huyền luôn khuyến khích tín đồ và dân chúng “thực hành Tứ Ân để khơi dậy lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ; lòng yêu quê hương đất nước; lòng biết ơn Tam Bảo; lòng yêu thương giữa con người với con người trong xã hội, và mục đích cuối cùng của việc tu hành là sự giải thoát”. (Nguyễn Phước Tài, Nguyễn Thuận Quý, 2013, trang 101). Như vậy, tu Nhân là khuyên con người sống có đạo đức, luân lý và chuẩn mực, là làm tròn trách nhiệm của mình đối với gia đình, đất nước, xã hội và nhân loại.

Với cách rèn luyện con người theo hình thức tu Nhân, con người sẽ hoàn thiện được mình và góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn. Thiết nghĩ, đây cũng là những giá trị rất cần gìn giữ trong bối cảnh xã hội hiện nay.

3.2.3. Sự dung hợp quan niệm về Tứ ân

Tứ Ân (Ân tổ tiên cha mẹ, Ân đất nước, Ân Tam bảo, Ân đồng bào nhân loại) là căn cốt giáo lý của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Quan niệm Tứ Ân được ông Đoàn Minh Huyền kế thừa từ Phật giáo, nhưng đã Việt hóa nội dung và tên gọi để cho người dân hiểu rõ hơn.

Ân tổ tiên cha mẹ: Tổ tiên và cha mẹ là những người có công lao to lớn trong việc sinh thành và nuôi dưỡng con cháu của mình. Họ đã giáo dục cho con cháu của mình lối sống tốt và ý thức về cội nguồn của dân tộc. Theo truyền thống đó, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành thể hiện lòng biết ơn của người dân. Nó là nét văn hóa đẹp khẳng định tính cộng đồng đoàn kết bảo tồn truyền thống *cây có cội, nước có nguồn*. Người dân muốn đền ơn Trần Văn Thành như công ơn của cha mẹ đã cho sự sống bình yên, đất nước phát triển và con người yêu thương nhau cùng xây dựng đất nước. Sự dung hợp Ân tổ tiên trong tín ngưỡng Trần Văn Thành đã tồn tại hơn một trăm năm qua và ngày càng sâu sắc hơn. Bác Hai 68 tuổi quê ở Thoại Sơn An Giang nói về Ân tổ tiên cha mẹ trong tín ngưỡng Trần Văn Thành khi tham dự lễ giỗ lần thứ 148 năm.

Đối với chúng tôi, việc thờ Đức Cố quản giống như thờ tổ tiên, cha mẹ. Là lòng biết ơn đối với người đã cho mình thân xác, tâm hồn, được sống áo ấm cơm no, bình yên và hạnh phúc. Việc tôn thờ Đức cố quản là thể hiện tứ đại ân mà bất cứ tín đồ hay người dân An Giang bình thường đều rất coi trọng. Hàng năm, tới ngày giỗ, người dân chúng tôi đều gác công việc làm ăn để đi dự. Gia đình nào không đi được thì làm Lễ giỗ tại nhà để tỏ lòng biết ơn và noi gương tốt của ông (Biên bản số 9, trang 35, phụ lục 3).

Còn với cô Út ở Tân Châu có đồng quan điểm như sau:

Đức Cố là thần hộ mạng của người dân nơi đây. Mỗi khi có điều gì khó khăn chúng tôi cầu nguyện ông phò hộ để vượt qua. Đối với chúng tôi, ông vừa là thần vừa cũng rất gần gũi như ông bà, cha mẹ. Cho nên ngày giỗ hàng năm những người tụ về làm giỗ tự xem mình là “con cháu” của ông. Tôi lấy làm vui

vì mỗi năm tổ chức Lễ giỗ, các “con cháu” của ông về dự rất đông, năm sau đông hơn năm trước (Biên bản số 9, trang 35, phụ lục 3) .

Ân đất nước: Đất nước (tổ quốc, quê hương) là hai từ thiêng liêng trong mỗi con người. Đất nước đã gắn kết những con người đơn lẻ thành khối sức mạnh đoàn kết để bảo vệ lãnh thổ, độc lập, hòa bình và xây dựng cuộc sống tốt đẹp. Mỗi người được sinh ra đều phải có nghĩa vụ làm đất nước vững mạnh, trường tồn, phải bảo vệ khi có kẻ thù xâm phạm. Thấm nhuần Ân đất nước, Trần Văn Thành đã đứng lên khởi nghĩa lúc nước nhà bị giặc Pháp xâm lược bằng những hành động cụ thể như: 1/ Cầm thê trấn yểm và phân định cương thổ giữ nước theo chỉ dẫn của Phật Thầy Tây An, Trần Văn Thành đã hoàn thành nhiệm vụ và ảnh hưởng lớn đến người dân An Giang. Từ đó, ý thức yêu nước và bảo vệ đất đai ở người dân được nâng cao. 2/ Trần Văn Thành đã huy động người đến vùng Láng Linh để tổ chức khai hoang, làm ruộng. Vùng Láng Linh trở thành căn cứ chống Pháp của Quân cơ Trần Văn Thành. Một nhà nghiên cứu đã nhận xét:

Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách là sự lựa chọn đầu tiên trong cuộc đời Trần Văn Thành. Sự chọn lựa này, âu cũng là triết lý “trung Quân ái Quốc” của Nho giáo chi phối chung trong đời sống xã hội thời bấy giờ. Nhưng xuất phát điểm của Trần Văn Thành là tình yêu quê hương nồng nàn, đó mới là yếu tố chủ đạo (Tài liệu hội thảo khoa học – Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành, 2014, trang 44)

Ân Tam bảo: quan điểm Ân tam bảo của Bửu Sơn Kỳ Hương xuất phát từ Ân tam bảo của Phật giáo gồm: ân Phật bảo – ân Pháp bảo – ân Tăng bảo nhưng được cụ thể hóa với hiện thực trên vùng đất An Giang qua hai phương diện vật chất và tinh thần. *Trên phương diện vật chất:* con người được sinh ra, nuôi dưỡng nhờ tổ tiên cha mẹ; được sống, tồn tại và phát triển là nhờ quê hương đất nước. *Trên phương diện tinh thần:* có được trí tuệ sáng suốt, làm những điều tốt đẹp cho cuộc đời là nhờ Ân tam bảo tức là ân Phật bảo, ân Pháp bảo và ân Tăng bảo. Để thực hiện Ân tam bảo bản phận của tín đồ là phải noi theo chí đức của các bậc tiền nhân, sống và hành đạo theo đúng tinh thần của giáo lý, tiếp tục phát huy tinh thần đó để mở mang trí tuệ. Ngoài ra, con người phải biết yêu thương, đoàn kết xây dựng một cộng đồng trên tình nhân ái và tiếp cận văn minh của nhân loại. Mọi cái con người hưởng thụ phải biết công lao của người tạo ra và có cách cư xử văn hóa. Con người hướng về tam bảo làm những điều

Phật dạy sống hiền lành, tích đức và xây dựng một xã hội công bằng. Lòng hướng Phật, hành động theo Phật làm cho con người có tâm lành hướng thiện và nhận thức được về vũ trụ, từ đó phân biệt được chính tà. Ân tam bảo của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã được kế thừa trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và được người dân thể hiện rất rõ thông qua lễ vật dâng cúng, nghi thức hành lễ trang trọng, cách ứng xử qua ngôn ngữ, hành vi hòa nhã, khoan dung của những người tham dự.

Ân Pháp bảo: được các tín đồ Phật giáo và Bửu Sơn Kỳ Hương bảo tồn và lưu truyền từ đời này sang đời khác nhằm xiển dương Phật pháp, làm cho Phật pháp ngày một dương minh. Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã dung hợp giáo pháp của Bửu Sơn Kỳ Hương thông qua các bài kinh kệ, sám giảng (viết bằng thể thơ lục bát); thông qua các hình thức lễ nghi ... để giáo dục luân lý, đạo đức, lòng yêu đất nước và bổn phận làm người. Anh Ba (38 tuổi) quê ở thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang nhận xét như sau:

Tôi có tìm hiểu và đọc sách về giáo lý của một số tôn giáo khác như: Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành,... Tôi thấy giáo lý (Sám Giảng) của Phật Thầy Tây An để lại cho đời sau rất lạ và hay. Đó là cách viết giáo lý theo thể thơ lục bát. Thơ luôn có vần điệu dễ nhớ, dễ thuộc trao truyền nhau rất dễ. Tôi thấy đây là sự thành công của Phật Thầy Tây An mà Trần Văn Thành đã xiển dương thành công đó đến với người dân An Giang (Biên bản số 9, trang 37, phụ lục 3).

Ngày nay, trong tín đồ vẫn thuộc lòng các câu dạy của ông Đoàn Minh Huyền: “Sanh tại thiên hiếu song thân/ Một hậu vi nghĩa ân cần sớm mai/ Khá khuyên cải dữ làm lành/ Sùng tu Tam Bảo học hành cho thông” (Sám truyền của Đoàn Minh Huyền).

Ân Tăng bảo: được dung hợp trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là sự hoan hỷ và phát sinh thiện – tâm nhằm nhận được phước thanh cao và có cuộc sống an lạc. Vì vậy, các cơ sở thờ tự Trần Văn Thành vào dịp lễ tết người dân đến cúng tế và làm từ thiện mong nhận được may mắn tốt nhất cho cuộc sống. Chú Hai (40 tuổi) đại diện cho đoàn làm từ thiện đến từ huyện Châu Thành tỉnh An Giang nói về việc làm của đoàn như sau:

Mỗi năm, mùa lễ hội về là chúng tôi họp nhau và đưa ra kết hoạch làm từ thiện, coi như là một loại lễ vật dâng cúng Đức cô quản. Chúng tôi phải góp công sức, tiền của lại và tính toán nấu món ăn, nước uống. Như năm nay, đoàn của chúng tôi làm bánh xèo chay trước để cúng Đức cố, sau phục vụ bà con đi

lễ hội. Làm được chúng tôi vui lắm! Chúng tôi nguyện cầu Đức cố linh thiêng ban cho phước lành, khỏe mạnh, làm ăn thành công có chút tiền và mỗi năm được làm từ thiện như thế này (Biên bản số 9, trang 36, phụ lục 3).

Ân Tăng bảo trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được thực hiện từ nhận thức của người dân, mong gieo phước thiện dù ít hay nhiều, mong nhận được công đức vô lượng cho kiếp hiện tại và kiếp sau. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là môi trường để con người gieo duyên và gặt hái thành quả của duyên ấy.

Ân đồng bào nhân loại: Con người làm tròn Ân đồng bào nhân loại sẽ được nhiều lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương giải thích Ân đồng bào nhân loại như sau:

Con người lúc mới lọt lòng mẹ phải chịu ơn nhiều người xung quanh mình. Khi lớn lên, đi học, đi làm, tham gia các hoạt động xã hội, sự chịu ơn của con người cũng lớn dần theo năm tháng. Ít nhiều trong xã hội, chúng ta đều hưởng thành quả lao động của đồng bào, rộng hơn nữa là nhân loại. Do đó, trong cuộc sống, chúng ta phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Bởi vì chúng ta có cùng màu da, cùng tiếng nói, cùng tồn tại trên quê hương đất nước. Như thế mới gọi là đền đáp ân đồng bào nhân loại. (Nguyễn Phước Tài, Nguyễn Thuận Quý, 2013, trang 105, 106).

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành của người dân An Giang đã thể hiện rõ nét sự tri ân đồng bào nhân loại; đã lồng ghép giá trị văn hóa truyền thống của tín ngưỡng vào niềm tin của người dân: có cách sống chân thành, mưu cầu hạnh phúc, hòa bình, không phân biệt chủng tộc, màu da, tôn giáo. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn của hai yếu tố đạo và đời. Hai yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ, song song cùng phát triển và tác động lẫn nhau.

3.3. VAI TRÒ CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ TRẦN VĂN THÀNH ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN TỈNH AN GIANG

3.3.1. Xây dựng niềm tin và điều chỉnh hành vi của người dân

Sự tôn trọng, sùng bái con người là một trong những nét đặc trưng của tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Việc thờ cúng thể hiện lòng tri ân đối với các anh hùng dân tộc, những người có công với quê hương, đất nước và thể hiện niềm tự hào về dân tộc đã là một truyền thống gắn với bản sắc văn hóa Việt. Trong tâm thức của người dân An Giang, các tín ngưỡng dân gian thờ các vị thần, thánh, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch

sử chiếm vị trí rất quan trọng trong đời sống tâm linh. Hệ thống cơ sở thờ tự với các tên gọi khác nhau (dinh, đền, chùa, ..) được dân lập ở các địa phương thuộc tỉnh An Giang là những chứng minh cụ thể và sinh động (Hình 55, 56, trang 16, phụ lục 1) .

Những nơi thờ Trần Văn Thành đều có phối thờ đức Phật thầy Tây An, những người thân của ông như vợ, con, bằng hữu, những người trông coi khu di tích (ông từ), những binh sĩ tử trận trong cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa do ông chỉ huy. Hiện tượng phối tự này còn thể hiện rất rõ mối quan hệ giữa tín ngưỡng Trần Văn Thành với Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và truyền thống đạo lý ngàn đời của dân tộc Việt. Từ niềm tin vào Trần Văn Thành, con người thường biểu hiện bằng nhiều cách thức, thông qua các lễ vật dâng cúng, các lời cầu khẩn,... các hành vi thực hành tín ngưỡng được hình thành. Từ đó, con người có những tình cảm với nhân vật phụng thờ và tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành tồn tại như một tập quán tốt đẹp trong đời sống tinh thần của cộng đồng.

Để nhận biết niềm tin của người dân chúng tôi đã tiến hành thăm dò ý kiến của người dân đi tham dự lễ hội về việc lý do tôn thờ Đức cố quân Trần Văn Thành, đức Phật thầy Tây An; bà Nguyễn Thị Thạnh (vợ Trần Văn Thành), các ông Trần Văn Nhu, Trần Văn Chái (con Trần Văn Thành), các nghĩa binh là bạn bè, bằng hữu từng tham gia khởi nghĩa, cho đến các vị thủ từ ở hầu hết cơ sở thờ tự... thì một số người dân được hỏi đều có những ý kiến chung: 1/ Ông Trần Văn Thành và các vị đều rất linh thiêng. 2/ Làm việc gì thấy khó khăn, trắc trở thì đến nơi thờ ông để xin phép và mong được giúp đỡ. 3/ Khi có niềm tin vào sự che chở, phù hộ của ông thì thấy công việc thuận lợi, sức khỏe tốt, gia đình yêu thương nhau, hạnh phúc và vui vẻ.

Niềm tin vào sự linh thiêng của các nhân vật phụng thờ tại các cơ sở thờ Trần Văn Thành thể hiện qua những mục đích cụ thể của người dân khi lễ bái. Lễ bái là cách thức thể hiện niềm tin của đông đảo quần chúng nhân dân vào các đối tượng mà họ cho là linh thiêng với những mong ước cụ thể, thiết thực cho cuộc sống thực tại của bản thân, gia đình và cộng đồng. Với Trần Văn Thành, việc lễ bái trước hết là để tưởng nhớ công ơn và tôn vinh công đức của Trần Văn Thành, người đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa chống thực dân Pháp. Sau đó, ông là người đã có công khởi xướng Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, góp công khai khẩn vùng đất mới An Giang, Cho nên việc lễ bái, thờ cúng thể hiện lòng tri ân của người dân đối với tiền nhân, người có công với quê hương, đất nước. Mục đích này đã được người dân thực hiện khi đến lễ

hội Trần Văn Thành nhằm lễ bái Phật Thầy Tây An, Trần Văn Thành, Bà Nguyễn Thị Thanh và các nhân vật phụng thờ khác.

Điều đáng chú ý, một bộ phận nhỏ người dân tham gia lễ hội cho rằng sự cầu xin của họ đã được ông Trần Văn Thành, bà Nguyễn Thị Thanh phù hộ cho toại nguyện nên đến ngày lễ kỷ niệm họ về đền cúng bái theo nghi thức nơi này. Các nghi thức thực hành mang yếu tố văn hóa của vùng đất An Giang. Tác giả Lê Thị Thanh Thảo nhận xét về sự không ngừng phát triển của các loại tín ngưỡng dân gian ở nước ta, trong đó có tín ngưỡng thờ cúng nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc:

Dù đời sống vật chất và tinh thần của con người ngày càng được nâng cao, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề bí ẩn mà con người chưa giải thích được một cách thấu đáo... Những rủi may trong cuộc sống như tình trạng tai nạn giao thông xảy ra ngày càng nhiều, bệnh tật, thất nghiệp, đói nghèo và cả những vấn đề lớn hơn như thiên tai, ô nhiễm môi trường, nguy cơ chiến tranh, tệ nạn xã hội, suy thoái về đạo đức. Đây là những vấn đề mà không chỉ dựa vào sự cố gắng, năng lực của bản thân mà con người còn cầu mong ở sự hỗ trợ, giúp đỡ của các thế lực như Phật, trời, thần, thánh. Trước những áp lực của cuộc sống hiện đại, một số người có vẻ thiếu tự tin vào chính mình vì vậy họ tìm đến chỗ dựa tâm linh ngày càng nhiều (Nguyễn Thị Thanh Thảo, 2021, trang 131).

Niềm tin của người dân vào Trần Văn Thành còn được thể hiện qua sự sáng tạo biểu tượng văn hóa Trần Văn Thành. Trên cơ sở đó, người dân sinh hoạt chuẩn mực theo đạo đức, theo luật lệ của đền thờ Trần Văn Thành, theo pháp luật,... để không bị Trần Văn Thành trừng phạt. Người dân mong nhận được phước lành của Trần Văn Thành ban cho. Từ đó, người dân ký gửi ước vọng, niềm tin, sự tin tưởng vào lễ vật và lễ thức cúng để được bình an, tài lộc và cuộc sống sung túc hơn. Mỗi lễ vật và lễ thức có giá trị khác nhau nhưng con người sáng tạo ra nhằm thể hiện lòng thành kính và tri ân sâu sắc.

Cô Bốn ngụ ở Chợ Mới tham dự lễ giỗ ở Dinh Ông Thờ 2 khảng định:

Tôi rất tin vào sự linh thiêng của ông. Hằng năm giỗ ông, tôi đều làm mấy mâm xôi, trái cây dâng cúng để cầu bình an, khỏe mạnh. Tôi đã lớn tuổi rồi nên không mong tiền tài mà chỉ mong có sức khỏe để năm nào cũng dự lễ cúng Ông. Muốn được Ông chứng giám phải có thiện tâm, về nhà làm được

nhieu chuyện tốt đẹp. Làm chuyện tốt đẹp theo Ông là tích phúc cho con cháu. Chú thấy đó, nếu bà con không có niềm tin sao đi đông dữ vậy! (Biên bản số 9, trang 36, phụ lục 3).

Với niềm tin ấy, Trần Văn Thành trước mặt người dân là hình ảnh oai phong凛冽 của một nhân kiệt vùng Thất sơn linh thiêng. Với lối tư duy tổng hợp và tượng tượng phong phú, người dân đã thần thánh hóa Trần Văn Thành bằng những câu chuyện truyền miệng về cuộc đời, chiến công mang màu sắc linh thiêng, huyền bí. Nhờ vậy, cuộc đời và hành trạng của Trần Văn Thành có nhiều yếu tố phi thường vượt xa hình ảnh thông thường của con người. Các câu chuyện này đã làm tăng niềm tin của người dân với Trần Văn Thành. Theo Nguyễn Chí Bền “Thiên hóa nhân vật phụng thờ là công việc tất yếu, để gửi gắm niềm tin của con người, để vật chất hóa niềm tin tín ngưỡng” (Nguyễn Chí Bền, 2013, trang 149).

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã góp phần điều chỉnh hành vi của con người. Nhất là cuộc sống có nhiều khó khăn, bất ổn, con người luôn đứng trước nguy cơ, thử thách, bẽ tắc mà họ phải đối mặt và giải quyết trong sự giới hạn của mình. Do vậy, hướng niềm tin đến thần thánh là cách tìm “chỗ dựa tinh thần” là biện pháp tốt nhất trong mọi hoàn cảnh. “Chỗ dựa tinh thần” mang đến cho họ sự an ủi khi thất bại, bất hạnh, những xui rủi xảy ra liên tục trong cuộc đời hay những may mắn bất ngờ ... mà họ không thể lý giải được. Và “chỗ dựa tinh thần” được tô điểm bằng hào quang linh thiêng, sáng chiếu, soi rọi và dẫn lối cho niềm tin của con người. Từ đó, con người tự lý giải nguyên nhân của những rủi ro, bất hạnh, tự điều chỉnh nhận thức, hành vi theo quan niệm “có thờ có thiêng, có kiêng có lành” còn được xem là phương châm hành động của những ai có niềm tin vào thần thánh. Lễ hội Trần Văn Thành là nơi tập trung niềm tin của cộng đồng đối với người anh hùng mà họ tôn thờ như một vị thần. Ngưỡng mộ tài đức và những chiến công của ông, cầu khẩn những điều tốt đẹp trong cuộc sống cũng đồng thời người dân tìm ra cách giải quyết những khó khăn trong cuộc sống của họ theo 2 hướng: chấp nhận vì đó là số phận; hoặc cố gắng để vượt qua vì có sự phù hộ. Trên cơ sở đó, việc tham dự lễ hội hàng năm được xem như một sự bảo hiểm cuộc sống cho mỗi con người trong xã hội công nghiệp nhiều thách thức này. Những ý kiến người dân mà chúng tôi thu thập qua các chuyến khảo sát đã chứng minh phần nào nhận định trên:

Mỗi lần đi Lễ giỗ tôi thấy mấy chuyện đau buồn của gia đình tôi không là gì cả so với cuộc đời và sự hi sinh của Đức cố quân. Khi tôi lạy và nguyện trước bàn thờ của ông, tự nhiên tôi thấy có sức mạnh, đầu óc sáng suốt, tinh thần thoải mái. Sau đó làm ăn đỡ hơn, gia đình vợ con cũng vui vẻ hơn. Nên năm nào tôi kẹt không đi được thì vợ con tôi cũng phải đi cúng ông (Biên bản số 9, trang 36, phụ lục 3).

Và một ý kiến của ông Chín (70 tuổi) ở huyện Chợ Mới An Giang: “nhà tôi làm ruộng, chỗ đất đó không tốt, hay bị mất mùa. Con cái học hành không giỏi, chưa tới lớp 5 đã nghỉ rồi! Cả đời tôi và bà xã quần quật mà vẫn không dư dả. Hồi đó nhiều lúc nghĩ quần tôi muốn bỏ đi tu cho rồi. Bí bách quá tôi đến cầu xin Đức cố phò hộ cho tôi. Ngày nào đi ngang chùa tôi đều ghé đốt nhang cầu nguyện. Từ đó, dần dần gia đình tôi bớt khó khăn. Mấy đứa nhỏ lớn lên cũng sống đàng hoàng, tử tế, có công ăn việc làm. Tất cả đều nhờ Đức cố phò hộ. Cho nên, năm nào tôi cũng đi Lễ giỗ của ông. Tính đến nay cũng hơn 40 năm rồi! (Biên bản số 9, trang 36, phụ lục 3).

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành có khả năng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của đông đảo công chúng, đồng thời có tác động tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị của đất nước. Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là một hiện tượng văn hóa xã hội đang tồn tại và vận hành theo chiều hướng tích cực. Các hành vi thực hành tín ngưỡng được tổ chức long trọng và văn minh. Mọi người hành lễ ở vị trí nào của chánh điện cũng cảm nhận được ông Trần Văn Thành chứng kiến và đón nhận sự thành tâm. Xuất phát từ nhu cầu thực hành tín ngưỡng ngày càng cao của xã hội đương đại, nhu cầu hành hương, chiêm bái hay đơn giản chỉ là tham quan, tham dự vào các sự kiện tín ngưỡng, lễ hội ngày càng trở nên sôi nổi trong dân chúng. Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành tạo nên xu hướng, một thực tế xã hội không thể phủ nhận trong bức tranh văn hóa cả nước hiện nay. Các hành vi tín ngưỡng theo truyền thống hòa quyện vào mục đích tuyên truyền, giáo dục các giá trị nhân văn cao cả, phát huy tinh thần yêu nước, lòng biết ơn với các vị anh hùng của dân tộc,... Các cấp chính quyền cùng với những người dân Miền Tây, nơi có đền thờ Trần Văn Thành đã không quản ngày đêm trông nom, gìn giữ, tôn tạo cho khang trang. Người dân và các cấp chính quyền khu vực Miền Tây xem việc tổ chức lễ hội và thờ Trần Văn Thành như là một phong tục tập quán phổ biến gắn bó với đời sống hàng ngày của người dân và còn xem là sự vinh dự của địa phương, của quê hương.

Ngày nay, môi trường sống và môi trường văn hóa cộng đồng bị ảnh hưởng nhiều yếu tố như: ô nhiễm môi trường, suy giảm tài nguyên, hiệu ứng nhà kính, rác thải, biến đổi khí hậu, thảm họa thiên tai, rồi tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, bệnh tật, thực phẩm độc hại,... Trong bối cảnh xã hội như vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với vai trò giúp đỡ con người về mặt tinh thần và nhận thức thế giới xung quanh điều chỉnh hành vi thích ứng với văn hóa mới. Đồng thời, người dân có hành vi ứng xử với sinh hoạt văn hóa cộng đồng theo hướng bảo tồn văn hóa đặc trưng của vùng, nơi hình thành, lưu giữ và trao truyền bản sắc văn hóa với những nét đẹp của thuần phong mỹ tục, của lối ứng xử đậm chất nhân văn và cũng là nét văn hóa phân biệt làng này với làng khác, vùng này với vùng khác, quốc gia này với quốc gia khác; đáp ứng được nhu cầu về văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh, nhu cầu du lịch, nhu cầu về nguồn, nhu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc,... và trở thành nét văn hóa truyền thống được con người ngày càng quan tâm và lưu giữ.

Ngoài những yếu tố thu hút thuộc về niềm tin tâm linh, tín ngưỡng..., thì việc người dân được tự định ra, tổ chức, cũng như tham gia, vừa với tư cách là người phụ diễn, vừa là người thương thức... chính là nguyên nhân tạo nên tính hấp dẫn của tín ngưỡng. Cơ sở tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là nơi giao lưu tình cảm, văn hóa, thể thao, các hoạt động khác, thông qua đó người dân hướng tới những sinh hoạt lành mạnh, phấn khởi, tích cực hăng hái thi đua lao động sản xuất, thắt chặt thêm tình làng nghĩa xóm. Những doanh nghiệp đóng góp kinh phí cho lễ hội Trần Văn Thành vừa là nghĩa cử tốt đẹp vì cộng đồng, song cũng là dịp quảng bá hình ảnh hiệu quả, thiết thực của người dân. Tuy nhiên, dù với lợi ích nào, thì quan trọng nhất, mục tiêu xã hội hóa làm thay đổi hành vi hướng tới phục vụ người dân tốt hơn và tạo cơ hội tham gia lễ hội tới mọi đối tượng. Đó là cách suy nghĩ và hành vi thay đổi tích cực làm cho lễ hội Trần Văn Thành đẹp hơn.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành giúp con người nhận thức hành vi có ích của mình cho cơ sở thờ tự như: Người dân rất vinh dự là người được chăm sóc đền thờ Trần Văn Thành. Ngôi đền Trần Văn Thành luôn được người dân dọn dẹp sạch sẽ cho mới, cho trang trọng. Người dân mang những đặc sản, vật ngon của quê hương mình dâng lên Trần Văn Thành, nghĩa sĩ trong ngày cúng giỗ và ngày thường. Đó là những món ăn, đồ uống, sản vật địa phương tuy nhỏ bé, nhưng nó chứa đựng ân tình, tấm lòng và cả sự kính trọng của người dân nơi đây đối với các vị thần. Động thái này đã

khiến cho các đền thờ Trần Văn Thành vừa đảm nhiệm chức năng văn hóa, nghi lễ, tạo ra tính đặc trưng cho các không gian thờ tự. Các động thái liên quan đến kinh tế ở đền thờ Trần Văn Thành như: việc thực hành nghi lễ tưởng niệm hay tổ chức các hoạt động lễ hội văn hóa tốn nhiều kinh phí, việc kêu gọi công đức của người dân vào việc trùng tu, sửa chữa, nâng cấp đền thờ Trần Văn Thành. Điều này có thể giải thích bằng nhiều lý do khác nhau:

Thứ nhất, vấn đề về niềm tin, con người khi sống luôn bám vào một niềm tin hay một điều gì đó để tồn tại. Tín ngưỡng Trần Văn Thành sẽ giúp cho con người có được niềm tin ấy trong cuộc sống. Chính vì thế, người dân vẫn tiếp tục bị cuốn vào những niềm tin tín ngưỡng, khi họ phải đối mặt với những cái chết bất thường do đủ loại tai ương trong cuộc sống hằng ngày đem lại cho họ, không có cách tránh rủi ro, không ai biết trước điều gì, cuộc sống trở nên quá mong manh.

Thứ hai, vấn đề về sự công bằng và bảo hiểm cuộc sống. Trong quá trình đất nước chuyển đổi từ cơ chế này sang cơ chế khác, nhằm phát triển nền kinh tế thị trường, chắc chắn sẽ có không ít người được lợi và cũng khá nhiều người bị thiệt thòi. Kinh tế thị trường khiến cho xã hội phân hóa ngày một cao, một số người do sự may mắn hay ngẫu nhiên nào đó trở thành người có thu nhập nhiều hơn người khác gấp bội, hoặc do mảnh khố của cuộc sống, vốn xuất phát từ mặt trái của thị trường, làm cho không ít người từ tay không trở nên giàu có bất thường. Các tiêu chuẩn đạo đức, khả năng chuyên môn và năng lực bị xem nhẹ, khiến cho mọi người càng tin vào số phận, may mắn hoặc không may mắn, rồi tìm đến niềm tin tín ngưỡng ở đình, đền, chùa để cầu cúng, lễ bái, mong thay đổi vận mệnh cho mình. Vấn đề an sinh xã hội, chăm sóc y tế, bảo hiểm rủi ro,... trong cuộc sống còn chưa làm tốt, thì việc con người cần đến hình thức “bảo hiểm” về tâm linh để tự an ủi, động viên chính mình, để họ cảm thấy an tâm, yên bình là điều có thể hiểu được và cần thiết trong nhịp sống đương đại hiện nay.

Thứ ba, vấn đề giữ gìn truyền thống và phục hồi truyền thống, với tâm thức “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”, con người thường hành động theo truyền thống, cha ông làm thế nào, ngày nay phải làm thế, nếu không sẽ có lỗi với tổ tiên. Điều đó đã thấm sâu trong tư duy người Việt nên việc thờ cúng Trần Văn Thành như một nhu cầu tự thân và là một phần tất yếu của cuộc sống. Đó chính là cơ sở hình thành niềm tin tín ngưỡng Trần Văn Thành và là đạo lý của người Việt.

Thứ tư, Nhà nước tôn trọng tự do tín ngưỡng của người dân, khuyến khích mọi người gìn giữ các giá trị của mình. Tín ngưỡng Trần Văn Thành là tín ngưỡng dân gian thể hiện bản sắc văn hóa của vùng đất An Giang. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành cần được phát triển thành tài sản của du lịch tâm linh.

Thứ năm, vấn đề ý thức và hành vi có ý thức của cộng đồng trong việc bảo vệ, giữ gìn cảnh quan, môi trường tự nhiên, góp phần làm tăng không gian thiêng của tín ngưỡng, tác động và làm ảnh hưởng đến nét đẹp vốn có của dân tộc. Vì thế, để phát dương mạnh mẽ tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành, hoạt động lễ hội Trần Văn Thành vẫn còn nhiều khó khăn về vật chất rất cần được sự hỗ trợ.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành hiện nay được thực hành trong sự gắn kết chặt chẽ với các nhu cầu cuộc sống hằng ngày của người dân. Nhiều người dân đi lễ hội Trần Văn Thành có thể vì sự tôn kính dành cho vị thần hoặc cũng có nhiều người đi hội, nhưng không có đủ tri thức cần thiết về lễ hội mà đơn giản chỉ muốn cầu xin những điều thiết thực hoặc chỉ muốn hòa vào không khí tâm linh, cũng có những người với mục đích lấy lễ hội làm không gian gặp gỡ, tụ họp,... một số khác thì rõ ràng xác định mục đích là được đi lễ nhưng không hề hiểu biết gì về trình tự nghi lễ, lễ vật, cách thức dâng cúng,... Nhiều nghi lễ có khi được người dân thực hành trong sự hồn nhiên với mong muốn và niềm tin “kéo” thần về gần với cuộc sống đời thường để phục vụ cho những nhu cầu hết sức đời thường của người dân.

3.3.2. Giáo dục tinh thần yêu nước

Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào về dân tộc sẽ được khơi gợi trong mỗi chúng ta khi có dịp tìm hiểu về lịch sử hào hùng của dân tộc qua các di tích lịch sử, trong đó có di tích lịch sử đền thờ Trần Văn Thành. Tham dự lễ hội Trần Văn Thành, người dân có cơ hội hiểu biết thêm về lịch sử đấu tranh chống Pháp kiên cường, bất khuất của các thế hệ người dân vùng đất An Giang mà tiêu biểu là Quân cơ Trần Văn Thành.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành lưu truyền nhiều truyền thuyết tôn vinh sự anh dũng, lòng yêu nước và căm thù giặc. Ngày nay, truyền thuyết về Trần Văn Thành vẫn còn lưu truyền trong dân gian. Đơn cử, chỉ riêng chi tiết Trần Văn Thành mặc áo màu đỏ của Phật Thầy Tây An trước giờ đánh giặc được người dân nhớ mãi. Vì đây là chiếc áo Trần Văn Thành mặc lần cuối cùng trong trận chiến với Pháp ở Bảy Thưa, Người và áo cùng bay về trời. Người dân An Giang thờ Trần Văn Thành như Phúc

thần gắn với những ước muốn rất thế tục, đời thường: cầu mong sự bình an, khỏe mạnh, làm ăn phát đạt, vượt qua đói nghèo,...Đó là đời sống của con người hướng về cái cao cả thiêng liêng chân – thiện – mỹ, cái mà con người ngưỡng mộ, ước vọng, tôn thờ. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được người dân ủng hộ vừa là sự tôn vinh một anh hùng dân tộc, vừa là một hình thức thờ cúng tổ tiên, được chính quyền đồng thuận quan tâm. Theo thời gian, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã trở thành một tập tục có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tinh thần của người dân An Giang. Tác giả Nguyễn Minh Khải nhận định: “tín ngưỡng tôn giáo cũng là một trong các yếu tố cấu thành văn hóa dân tộc, cấu thành đời sống tinh thần xã hội. Sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo là một biểu hiện của sinh hoạt văn hóa xã hội, đã trở thành nhu cầu tinh thần thiết yếu của nhiều người” (Nguyễn Minh Khải, 2013, trang 243).

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã bù đắp những thiếu thốn, mong muốn và ước vọng của những người dân chất phác, đó là sự bù đắp về niềm tin và đời sống tâm linh. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi xã hội càng hiện đại, các giá trị đạo đức của con người càng được đề cao, có một thứ không có gì có thể bào mòn đi được, đó chính là biết gìn giữ lòng tin, niềm tin của người dân và yếu tố thiêng liêng thực sự là một giá trị văn hóa trong đời sống tinh thần của con người. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trong giai đoạn hiện nay lại càng mang ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Lễ hội xuất hiện trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành, người dân có thể hiểu hơn nhân vật lịch sử mà mình phụng thờ, bằng việc tham dự, ít hay nhiều có thể biết được chỗ này thờ ai, lai lịch của vị thần được thờ như thế nào, công trạng của họ ra sao, họ đã làm được những gì cho quê hương đất nước. Với người dân An Giang, lễ hội còn là nơi họ được gặp gỡ, thăm hỏi quan tâm lẫn nhau, họ gạt bỏ mọi bận bịu trong cuộc sống thường ngày, những lo toan, bon chen và toan tính. Họ đến với lễ hội với tâm thế người trần mong muốn được “on trên” “chúng giám” lòng thành mà ban phước cho họ, họ tạm thời quên đi mọi âu lo, cực nhọc thường ngày để hòa nhập vào không khí thiêng liêng của lễ hội.

Trong nhiều năm qua như chúng ta biết, những ngày 20, 21 và 22 tháng hai âm lịch hàng năm, người dân An Giang nói riêng và người dân vùng sông nước Tây Nam Bộ nói chung háo hức chờ đón ngày cúng giỗ của ông Trần Văn Thành hay gọi là lễ hội Trần Văn Thành. Trong không gian tín ngưỡng tại đền thờ Trần Văn Thành, lễ hội được tổ chức đã mang đến cho người tham gia một không gian mới, một cuộc sống

mới thông qua các diễn xướng, trò chơi dân gian truyền thống, từ những trang phục đẹp trong lễ hội, đến cách giao tiếp văn hóa mang lại cho con người sự thăng hoa, giúp họ có niềm tin, tạo nên động lực, sức mạnh để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất và trong cuộc sống. Các ngày diễn ra cúng giỗ Trần Văn Thành diễn ra nhiều hoạt động nhằm tuyên truyền thân thể, sự nghiệp và những đóng góp của Trần Văn Thành trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, tinh thần yêu nước, chiến đấu anh dũng của nghĩa binh Gia Nghị; Triển lãm trưng bày hiện vật cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa - Láng Linh và thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện Châu Phú; Hội thi tìm hiểu lịch sử truyền thống “*Tuổi trẻ Châu Phú tìm về cội nguồn*”, cùng nhiều hoạt động văn hóa, thể thao sôi nổi.

Vào ngày sinh của Trần Văn Thành, người dân An Giang đến đền thắp nén nhang cho Trần Văn Thành đã trở thành thói quen và thành nếp trong đời sống của họ. Tại đền, người dân tham gia sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng vì nơi đây là “một tổng thể gồm nhiều yếu tố, mang nhiều ý nghĩa,... có phần linh thiêng và cả phần đời thường, có cả ước mong và hiện thực, có tính chất văn nghệ giải trí và có cả tinh thần thương võ” (Nguyễn Xuân Kính, 2013, trang 448).

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành cho thấy ý nghĩa giáo dục truyền thống, là giá trị quan trọng trong một cuộc lễ hội, nhằm giúp người dân tưởng nhớ đến sự chiến đấu hi sinh anh dũng của các nghĩa sĩ đối với đất nước. Việc giáo dục truyền thống không thể chỉ qua sách vở, giáo điều, mà tín ngưỡng cũng là môi trường được học trực tiếp, cụ thể, được thấy, được nghe những câu chuyện về cuộc chiến đấu anh dũng của nghĩa quân, bằng các hình tượng, biểu tượng nghệ thuật, bằng các nghi thức cúng tế,... Lễ hội là kết quả quá trình sân khấu hóa đời sống xã hội, là sự mô phỏng, tái hiện lại hình ảnh hoạt động của Quân cơ Trần Văn Thành trong chiến đấu, các nghĩa sĩ hết lòng chiến đấu cho đất nước. Thông qua kịch bản, những hiện vật trưng bày, giúp cho mọi người ý thức sâu sắc hơn về giá trị của cuộc sống độc lập, tự chủ trong một quốc gia. Từ đó, bồi dưỡng truyền thống yêu nước, tinh thần chiến đấu sẵn sàng hi sinh khi đất nước cần, mang ý nghĩa giáo dục thế hệ trẻ hôm nay và mai sau với tinh thần quyết cường chống ngoại xâm, bảo vệ thành quả của cha ông để lại.

Vai trò chủ thể của người dân trong hoạt động tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và tổ chức lễ hội đã được xã hội hóa rộng rãi, huy động được nguồn lực lớn từ nhân dân, nguồn tài trợ, nguồn thu qua công đức, lệ phí, dịch vụ và những đóng góp của

người dân được sử dụng cho tôn tạo di tích đền thờ Trần Văn Thành, tổ chức lễ hội nhằm bảo tồn các phong tục, tập quán truyền thống và hoạt động phúc lợi công cộng.

Quản cơ Trần Văn Thành là người bình thường nhưng đã làm ra việc phi thường là đã đứng lên chống giặc Pháp và có sức ảnh hưởng lan rộng trong nhân dân. Để thế hệ sau biết đến, Ban Tổ chức xây dựng chương trình sân khấu hóa trong lễ hội một cách sinh động, chân thật về Trần Văn Thành, tưởng như đang có trận đánh chống Pháp của Trần Văn Thành diễn ra trước mắt người dân, cũng chiến trường, cũng khói lửa, cũng súng ống, cũng những khó khăn gian khổ của nghĩa quân khi bị giặc Pháp bao vây ... và những người lính anh dũng đã chiến đấu, hi sinh vì đại nghĩa. Chính nhờ hình thức tái hiện này, người dân cảm nhận được một cách chân thực, đầy đủ về sự anh dũng của Trần Văn Thành. Ông Trần Văn Thành đã làm “tỏa sáng” trang sử vàng Việt Nam. Lễ hội Trần Văn Thành đã đánh thức tâm thức của con người về nguồn cội mà ông cha ta thường nhắc nhở con cháu qua những câu tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Giá trị về nguồn của lễ hội Trần Văn Thành đã đóng góp một phần tích cực vào việc tìm hiểu lịch sử của đất nước, con người và dân tộc Việt Nam. Từ đó, mỗi người cảm thấy tự hào về một vùng đất anh hùng và sẵn sàng đóng góp xây dựng quê hương, làm cho quê hương giàu mạnh. Đặc biệt là tín ngưỡng và lễ hội Trần Văn Thành giáo dục cho thế hệ trẻ về truyền thống yêu nước và chống giặc ngoại xâm của cha ông ta. Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành xây dựng hình con người yêu nước cho thế hệ trẻ và làm cho giới trẻ cảm nhận được khổ cực, hi sinh của các anh hùng dân tộc làm nhiệm vụ cứu nước mà người dân tin tưởng giao phó.

3.3.3. Củng cố sự đoàn kết cộng đồng

Cộng đồng người có mối quan hệ với nhau trong quá trình sinh hoạt lao động, văn hóa, lễ hội,... Một hoạt động bất kỳ nào của con người dù chủ quan hay khách quan trong sinh hoạt đều ảnh hưởng đến cộng đồng. Vì tính đặc thù này, mỗi cộng đồng hình thành và tồn tại trên cơ sở của những gắn kết. Sự gắn kết của cộng đồng trên nhiều mặt của đời sống xã hội như: Họ cùng sống chung trên một lãnh thổ, một khu vực, một vùng,... Họ cùng nhau sáng tạo ra văn hóa và không ngừng làm cho các sản phẩm văn hóa đó ngày càng “sáng” trở thành phong tục, tập quán, lễ hội,... làm thành một hệ các giá trị văn hóa mang bản sắc tộc dân, vùng, miền, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành có vai trò rất lớn trong việc gìn

giữ tính cộng đồng gắn kết nhau. Điều này đã được chứng minh trong thực tế, người dân cùng đi hội, cùng đóng góp và cùng gìn giữ văn hóa thờ Trần Văn Thành. Ở An Giang, lễ hội Trần Văn Thành là một sản phẩm văn hóa tinh thần được cộng đồng dân cư tạo nên nhằm khẳng định, ngợi ca truyền thống đấu tranh chống giặc của người dân An Giang. Đồng thời, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành có ý nghĩa rèn đức nên bản lĩnh, nhân cách và tâm hồn con người vừa mang tính dân tộc và vừa hiện đại. Các giá trị văn hóa tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành của cộng đồng được gìn giữ và bảo tồn truyền từ đời này sang đời khác. Mỗi người chịu sự chi phối của cộng đồng, tạo ra sự liên kết giữa các thành viên cùng hưởng thụ văn hóa sáng tạo đó. Để các giá trị văn hóa phát triển bền vững, cộng đồng phải liên kết lại cùng bảo tồn, lưu truyền và phát triển. Họ chia sẻ với cộng đồng những thuận lợi và khó khăn trong cuộc sống để tìm đường đến hạnh phúc. Đồng thời, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là tổng hợp tính cộng đồng về sức mạnh và nét đẹp trong văn hóa đánh giặc của người An Giang.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là điểm tựa cho người dân An Giang. Tín ngưỡng này giúp con người có tấm lòng tương thân tương ái, giúp đỡ, đùm bọc nhau, cùng chia ngọt sẻ bùi và khó khăn có nhau trong cuộc sống. Tính cộng đồng này được dân gian đúc kết thành câu tục ngữ: “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”. Trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành, tính cố kết cộng đồng còn biểu hiện qua mọi người cùng chung một vị “thần” là ông Trần Văn Thành. Người dân yêu thương, tin tưởng vào tài năng đánh giặc của Quán cơ Trần Văn Thành. Ngoài ra, Trần Văn Thành có vai trò quan trọng trong Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương nên được mọi người trong đạo kính trọng. Đặc biệt, người dân xã Thạnh Mỹ Tây tôn kính và có niềm tin sâu sắc vào Trần Văn Thành. Đây là chất kết dính cộng đồng được lan rộng trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành.

Đến với tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành, người dân tin tưởng Trần Văn Thành cho cuộc sống thanh bình, hạnh phúc, được bình an và tài lộc đầy nhà. Cộng đồng đóng góp lễ vật hay lương thực, tiền của để dâng cúng Trần Văn Thành để lễ hội được diễn ra tốt đẹp và mong gia đình gặp nhiều may mắn, làm ăn được thuận lợi. Chính ý thức tự quản của cộng đồng làm cho tín ngưỡng, lễ hội Trần Văn Thành diễn ra ngày càng lớn và sức lan tỏa ngày càng nhanh. Những người được sinh ra ở vùng đất An Giang đi định cư ở nước ngoài, đến mùa lễ hội vẫn quay về cúng tế hoặc góp ít vật chất để thắp hương cho anh hùng của quê hương. Văn hóa cộng đồng trong lễ hội giúp

các cá nhân, tổ chức hiểu nhau hơn và có thái độ tích cực trong việc giải quyết các mối quan hệ xã hội giữa con người với con người, giữa các cá nhân trong gia đình, dòng họ và làng xóm. Nó được thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau, từ cấp độ giao tiếp, liên hệ xã hội đến quan hệ xã hội. Qua đó, mỗi cá nhân trong cộng đồng được nâng cao ý thức trách nhiệm hơn và thể hiện bằng những việc làm thiết thực có ích cho xã hội như góp sức dựng rạp, quản lý trật tự, dọn dẹp khi lễ hội đã kết thúc và ngăn chặn các hiện tượng mê tín dị đoan trong lễ hội,...

Chính từ lễ hội và nhờ lễ hội của Trần Văn Thành nên cộng đồng dân cư miền Tây gắn kết với nhau hơn trong cuộc sống, sinh hoạt, làm ăn. Cũng chính nhờ có tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành mà cư dân ở đây mở rộng được mối quan hệ giao lưu với người dân các vùng khác, gần gũi nhau hơn, tạo cơ hội trong phát triển tình cảm, kinh tế, văn hóa... Khi đến lễ hội, người dân thêm yêu vùng đất và con người An Giang và Kiên Giang thân thiện, mến khách. Vì vậy, tính cộng đồng và sự đoàn kết mà lễ hội mang đến đã tạo ra giá trị là sức mạnh, trách nhiệm và cách ứng xử văn minh của con người trong dịp đến đền thờ Trần Văn Thành. Người dân tiếp thu những tinh hoa của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành và đặt niềm tin vào vị thần mình đã ngưỡng mộ. Đặc biệt, Trần Văn Thành được tôn thờ rất gần gũi với người dân nên tình cảm càng sâu sắc, hành vi ứng xử càng thiết thực. Niềm tin càng sâu đậm, sự hài lòng của người dân càng cao nên đáp ứng được nhu cầu của con người trong xã hội đương đại.

3.3.4. Giữ gìn văn hóa truyền thống của địa phương

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là một sinh hoạt văn hóa lâu đời của người dân An Giang. Nó có sức hấp dẫn, lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội và đã trở thành một nhu cầu, một khát vọng của người dân qua nhiều thế hệ. Vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành ở An Giang mang ý nghĩa như thế nào về văn hóa - xã hội? Có giá trị và tác động như thế nào đối với đời sống văn hóa tinh thần của người dân và sự phát triển của xã hội?

Hướng về cội nguồn, từ xưa đã là truyền thống đạo đức Việt Nam “*Uống nước nhớ nguồn*” hay “*Ăn quả nhớ người trồng cây*” không chỉ là câu nói cửa miệng mà còn là phương châm sống và ứng xử của người Việt Nam trong cuộc sống hằng ngày, đều được thể hiện trong các nội dung của tín ngưỡng. Đó là nguồn cội tự nhiên mà con người vốn từ đó sinh ra và nay vẫn là một bộ phận hữu cơ, nó bảo lưu được những di sản văn hóa truyền thống, nhằm trao truyền lại cho các thế hệ sau. Vì vậy, hướng về

nguồn đã trở thành tâm thức của con người và xã hội Việt Nam. Đến với tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành, mọi người như được trở về với nguồn cội, với lòng thành kính, biết ơn của thế hệ những người còn sống, thế hệ con cháu đối với những người đã ngã xuống vì hòa bình, no ấm cho hôm nay. Tín ngưỡng là hoạt động văn hóa tinh thần, giúp con người thể hiện tình cảm với tổ tiên và các bậc tiền nhân. Các nghi lễ được tổ chức nhằm tôn vinh các anh hùng nghĩa sĩ và nhắc nhở thế hệ sau phải biết công lao và sự hi sinh to lớn của cha ông.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành thể hiện lòng biết ơn và sự tôn thờ của các thế hệ người dân An Giang hôm nay đối với Trần Văn Thành và những nhân vật được phối thờ. Trong cuộc kháng chiến chống ách đô hộ của thực dân Pháp ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX, Trần Văn Thành là một thủ lĩnh rất được người dân yêu kính. Không chỉ lo đánh giặc, ông còn khao khát mong muốn người dân có một đời sống ấm no hạnh phúc, binh lính no đủ “thực túc, binh cường” để có thể chiến đấu và chiến thắng quân xâm lược. Vì vậy, không ngại khó khăn, gian khổ nơi biên viễn, ông đưa dân đi khai hoang, mở đất cho người dân trồng trọt phát triển kinh tế. Tấm lòng yêu nước và chăm lo đời sống cho người dân của ông đã được nhân dân ghi nhận và biết ơn. Để các thế hệ sau biết đến và tri ân Trần Văn Thành, người dân An Giang đã xây dựng các cơ sở thờ Trần Văn Thành ở nhiều nơi, cùng với việc tổ chức lễ hội hàng năm. Đây là một hiện tượng hàm chứa trong đó nhiều ý nghĩa về văn hóa nhằm phát huy giá trị của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là một sinh hoạt văn hóa tổng hợp gồm tinh thần và vật chất chứa cái linh thiêng và đời thường. Yếu tố vật chất bao gồm thời gian, địa điểm, sinh hoạt, ẩm thực, nhân sự,.. yếu tố phi vật chất của tín ngưỡng là hệ ý thức, là huyền thoại,...làm nên nguồn động lực tinh thần cho người dân. Chính tầm quan trọng của tín ngưỡng và lòng tôn kính Trần Văn Thành sâu sắc làm động lực cho người dân An Giang tôn thờ ông như một vị thần hay một vị thánh. Sự tin tưởng và tình cảm yêu thương của người dân dành cho Trần Văn Thành không phai nhạt. Điều này được thể hiện trong lễ hội của Trần Văn Thành, người dân đến với lễ hội ngày một đông. Người dân đến với lễ hội thực hành các nghi thức cúng, dâng lễ vật cho Trần Văn Thành là để tưởng nhớ, tạ ơn Trần Văn Thành đã phù hộ và giúp đỡ cho người dân An Giang. Người dân xem Trần Văn Thành như phúc thần nên có việc gì khó khăn hay vui mừng đều chia

sẽ hoặc xin ý kiến. Nhất là những ngày vào mùa, người dân thường đến đền thờ nhờ Trần Văn Thành giúp cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cây cối tươi tốt,...

Mỗi mùa lễ hội đến, người dân tham gia bằng cả tâm lòng và như được sống lại trong không khí lịch sử hào hùng của dân tộc. Hình ảnh hiên ngang, anh dũng và sự bất tử của Trần Văn Thành trở thành tấm gương sáng cho các thế hệ. Đền thờ của Trần Văn Thành trở thành nơi sinh hoạt văn hóa của cộng đồng và cũng là nơi gìn giữ cách đối nhân xử thế của người dân vùng sông nước, theo lời nhắc nhở của cha ông “uống nước nhớ nguồn”. Từ thực tế cho thấy:

Niềm tin được xuất phát từ lòng tôn kính và biết ơn, vì vậy hành vi đền ơn đáp nghĩa, ứng xử cũng rất cụ thể, thiết thực, thích hợp để bày tỏ lòng tôn kính và biết ơn. Niềm tin vào “cái thiêng” thuộc về bản chất con người, nó ra đời và tồn tại, phát triển cùng với con người, nó là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của mỗi người, cũng giống như đời sống vật chất, đời sống xã hội tinh thần, tư tưởng và đời sống tình cảm (Nguyễn Thị Đức, 2017, trang 192).

Tín ngưỡng vùng đất này vừa kế thừa những di sản tinh thần, văn hóa lâu đời của dân tộc, vừa phát huy và tiếp nhận những nhân tố mới từ thực tiễn lịch sử, sáng tạo nên những nếp sinh hoạt văn hóa nhằm đáp ứng những nhu cầu của đời sống tình cảm, tâm linh của cộng đồng cư dân nơi vùng đất mới An Giang. Cái gốc bền vững của con người An Giang vẫn được giữ gìn, vun đắp, bảo lưu, nhưng đồng thời cũng không có chấp, bảo thủ trong khi tiếp nhận những cái hay, cái đẹp của cư dân bản địa để làm phong phú, đa dạng thêm kho tàng văn hóa dân tộc (Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, 1994). Đặc biệt, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành không nằm ngoài tính chất của tín ngưỡng dân gian, đó chính là tính nghi lễ - tính thiêng, không có tính thiêng thì không thành lễ hội, tính thiêng chi phối gần như tất cả các yếu tố trong tổng thể lễ hội. Một trong những cơ sở quan trọng hình thành nên lễ hội là niềm tin của người dân vào sự linh thiêng của vị thần và thực tiễn của lễ hội, sự linh thiêng ấy được gói gắm vào trong các lễ nghi và các hành động hội. Tính thiêng đã nối kết lễ hội qua các thời kỳ và tồn tại cho đến hiện nay qua nhân vật lịch sử Trần Văn Thành.

Không gian tổ chức lễ hội Trần Văn Thành là không gian thiêng của đền và các dinh ông Thê, thời gian tổ chức lễ hội là thời gian thiêng được người dân lựa chọn gắn với một chi tiết thiêng, gắn với một thời điểm thiêng của Trần Văn Thành khi chống giặc Pháp ở trận Bảy Thưa. Trần Văn Thành thất bại nhưng không hi sinh mà bay về

trời. Tính chất thiêng này bao trùm lên toàn bộ lễ hội Trần Văn Thành và niềm tin của người dân về Trần Văn Thành bất diệt. Việc tổ chức lễ hội Trần Văn Thành chính là duy trì không gian thiêng, thời gian thiêng, những hành động mang tính thiêng để con người thăng hoa trong thực hành tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành, bồi đắp các giá trị tinh thần và vật chất cho cuộc sống thực tại của người dân.

Trần Văn Thành gắn liền với những truyền thuyết phi thường về đánh giặc Pháp. ông là nhân vật lịch sử, bên cạnh những sự kiện có thật, người dân đã thêm dệt thêm nhiều chi tiết hoang đường, hư cấu làm cho vẻ đẹp của Trần Văn Thành trở nên linh thiêng. Nội dung của tín ngưỡng, lễ hội Trần Văn Thành đều dựa trên nội dung của các truyền thuyết lịch sử ấy. Lễ hội lịch sử diễn lại những sự việc trong truyền thuyết về nhân vật được thờ. Đó là những sự kiện liên quan đến cuộc đời Trần Văn Thành, là sự kiện quan trọng nhất, nổi bật nhất trong cuộc đời chiến đấu và hi sinh vì nhân dân của người anh hùng này. Những sự kiện đó được cách điệu hóa, biểu tượng hóa thành hình tượng nghệ thuật để khắc sâu vào lòng người. Vì vậy, những người tham gia vào lễ hội, hoặc những ai xem hội, bất kể già, trẻ, biết chữ hay không biết chữ, trình độ cao hay thấp,... đều có thể hiểu được biểu tượng đã nói về cái gì.

Ngoài ra, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành còn thể hiện tính quần thể, tính biểu dương và hiệu triệu, tính tượng trưng – biểu tượng, nghi thức hóa các hành động trong lễ hội. Các nghi thức tế lễ kết hợp chặt chẽ với các trò chơi phân hội thể hiện sự gắn kết cộng đồng và đã làm nên ý nghĩa văn hóa thiêng liêng của lễ hội Trần Văn Thành. Nó đã trở thành một loại hình sinh hoạt văn hóa cộng đồng phổ biến và đậm đà bản sắc dân tộc, là tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hóa phi vật thể, làm giàu và phát huy giá trị nền văn hóa An Giang. Lễ hội phản ánh những sinh hoạt, những khát vọng cùng tài năng của người dân về nhiều mặt của đời sống. Đồng thời, thông qua lễ hội trí tuệ, đạo lý, tình cảm, khuynh hướng thẩm mỹ của người dân được tỏa sáng.

Trong tín ngưỡng, tính cố kết cộng đồng còn biểu hiện qua việc mọi người cùng chung một vị “*Thần*” là Trần Văn Thành. Trần Văn Thành có ảnh hưởng rất lớn trong việc liên kết cộng đồng, rèn đúc nên bản lĩnh, nhân cách và tâm hồn con người vừa mang tính truyền thống, vừa hiện đại. Mỗi người trong cộng đồng chịu sự chi phối của nhau tạo ra sự liên kết giữa các thành viên cùng hưởng thụ văn hóa tín ngưỡng. Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành như một chất keo gắn kết người đi hội cùng nhau và gắn kết trong cộng đồng. Họ chia sẻ với nhau những thuận lợi và khó khăn trong cuộc sống

để cùng nhau vượt mọi thách thức. Các giá trị văn hóa của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được gìn giữ và bảo tồn truyền từ đời này sang đời khác, thông qua sự liên kết bền chặt của cộng đồng. Ngoài ra, Trần Văn Thành có vai trò quan trọng trong Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương nên được mọi người trong đạo kính trọng. Đây là một chất kết dính trong cộng đồng được lan rộng trong tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành.

Lễ hội gắn với tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành còn mang ý nghĩa về phương diện du lịch tâm linh. Người dự lễ hội còn có nhu cầu tham quan, văn cảnh. Trước những áp lực, những căng thẳng trong cuộc sống hiện nay như áp lực công việc, bệnh tật, tai nạn, thiên tai,... nhiều người dân có nhu cầu tìm nơi yên tĩnh, bình an để thực hiện những chuyến du lịch hành hương, du lịch tâm linh nhằm thư giãn sau những ngày lao động vất vả. Các khu di tích lịch sử, di tích văn hóa, các đình, đền, ngôi chùa, miếu trở thành nơi lựa chọn của đông đảo nhân dân. Cứ đến ngày kỷ niệm Trần Văn Thành hằng năm, các nơi thờ tự ông ở An Giang đón nhiều đoàn du lịch tâm linh, hành hương từ các nơi về dự lễ hội. Ngoài ra, việc khai thác hợp lý các di tích thờ Trần Văn Thành tại tỉnh An Giang trong lĩnh vực du lịch tâm linh rất có giá trị, góp phần phát triển văn hóa, kinh tế tỉnh nhà. Việc giới thiệu các di tích – nơi thờ tự Trần Văn Thành đến với nhân dân cả nước và thế giới là việc làm có ý nghĩa và cần thiết. Hiện nay, một số cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, khu di tích ở An Giang là những điểm tham quan, văn cảnh của khách thập phương.

Các giá trị văn hóa của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được sáng tạo theo ý tưởng của người dân, nhờ đó mà nội dung tín ngưỡng tác động mạnh mẽ và sâu sắc vào đời sống tâm linh, góp phần việc hun đúc tính cách và tâm hồn con người. Việc tổ chức lễ hội tưởng niệm, tôn vinh, thờ phụng Trần Văn Thành hiện nay không đơn thuần chỉ là nghi lễ thấp hương, dâng hương trang nghiêm, khẩn nguyện, mà thường được đi liền với việc tổ chức các sinh hoạt văn hóa. Một loại hình sinh hoạt mang yếu tố dân gian được phổ biến trong đời sống xã hội đương đại.

Những hoạt động của tín ngưỡng đã ghi dấu ấn tâm linh sâu sắc cho mỗi người giữa cộng đồng mình đang sống, sự cân bằng đời sống tâm linh nhờ cái thiêng trong tín ngưỡng đã giúp cho người lao động thấy cuộc đời tốt đẹp hơn, dù sự thăng hoa chỉ là khoảnh khắc khác thường, ngắn ngủi, song đó là khoảnh khắc thực sự quan trọng và cần thiết được tích lũy từ niềm mong đợi trong một năm dài và đã được thể hiện đúng lúc nên hiệu quả là rất lớn. Đồng thời, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là loại hình

sinh hoạt văn hóa của cộng đồng dân tộc. Nó được người dân sáng tạo gắn với bản sắc văn hóa dân tộc và trở thành tài sản chung cho cộng đồng góp phần làm giàu văn hóa Việt Nam. Với vai trò đó, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được tồn tại trong thời gian chống Pháp cho đến nay đã trải qua nhiều giai đoạn lịch sử nhưng giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng vẫn được giữ gìn. Sự tồn tại của tín ngưỡng là một minh chứng cho vai trò của nó rất quan trọng đối với cuộc sống của người dân.

Mặt khác, các hoạt động tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành kế thừa phong tục tập quán, thể hiện hiệu quả đời sống văn hóa tinh thần của người dân trong tổ chức các nghi lễ và hưởng thụ các hoạt động văn hóa. Chính sự tái hiện sinh hoạt tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành của người dân trong lễ hội là quá trình bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng. Sự bảo lưu văn hóa tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành của người dân luôn có sự chọn lọc trước sự biến đổi không ngừng của xã hội. Văn hóa tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành sẽ tự đào thải, sàng lọc qua những lần tổ chức lễ hội những gì không còn phù hợp với cuộc sống của con người hiện đại. Vì vậy, lễ hội là một tấm gương sáng phản chiếu và loại trừ những tập tục lạc hậu, lỗi thời cùng các hiện tượng mê tín dị đoan, lợi dụng lễ hội để trục lợi cho cá nhân hay lợi ích nhóm. Nhờ lễ hội và có lễ hội, các giá trị của văn hóa truyền thống của cộng đồng, dân tộc được bảo lưu truyền lại cho thế hệ sau trong trạng thái sáng tạo phù hợp với tâm lý con người hiện tại. Từ đó, tín ngưỡng và cơ sở tín ngưỡng trở thành bảo tàng văn hóa sinh động chứa các giá trị văn hóa “sống” được con người sử dụng, trao truyền qua các thế hệ, thời đại.

Tiểu kết chương 3

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành có một vị thế đặc biệt trong lòng người dân ở tỉnh An Giang. Tín ngưỡng này có những nét tương đồng và dị biệt với một số tín ngưỡng khác như tín ngưỡng thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Trung Trực. Những nét riêng của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành tạo ra sự đa dạng văn hóa cho vùng đất An Giang.

Các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã tích hợp đạo lý truyền thống của dân tộc với quan điểm giáo dục tín đồ của Đoàn Minh Huyền về học Phật, tu Nhân và làm tròn, làm tốt Tứ đại trọng ân - tôn chỉ kết hợp đạo với đời của Bửu Sơn Kỳ Hương. Đây còn là điểm khác biệt cơ bản của tín ngưỡng Trần Văn Thành so với tín ngưỡng tôn thờ các nhân vật lịch sử khác trên vùng đất An Giang. Tín

ngưỡng thờ nhân vật có công đức to lớn với đất nước là di sản văn hóa to lớn và có tính đặc trưng trên khắp nước ta và ở An Giang - vùng đất "địa linh nhân kiệt".

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành có vai trò to lớn trong đời sống tinh thần của người dân An Giang. Trong việc thực hành tín ngưỡng, lễ hội là nơi sáng tạo của con người và kết tinh nét đẹp của phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp. Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã góp phần bảo lưu văn hóa dân tộc; vừa là môi trường sáng tạo ra văn hóa, vừa là môi trường tốt nhất để lan truyền giá trị văn hóa truyền thống và phát huy trong đời sống xã hội hiện đại.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã mang lại những giá trị về giáo dục lòng yêu nước, đạo lý truyền thống dân tộc, và quan trọng nhất là củng cố niềm tin của con người vào những gì tốt đẹp, tác động đến hành động tích cực của người dân địa phương hiện nay. Đó cũng là nét văn hóa đẹp được bảo tồn và lưu truyền trong lễ hội Trần Văn Thành, có ý nghĩa to lớn và thiết thực đối với niềm tin của người dân An Giang trên lộ trình phát triển kinh tế - văn hóa hiện nay.

KẾT LUẬN

An Giang là địa phương hội tụ các điều kiện tự nhiên: địa hình núi non, kênh rạch rất đặc thù trong vùng đất Tây Nam Bộ, cũng là vùng đất gắn bó với nhân vật lịch sử Trần Văn Thành. Trong mối quan hệ đa chiều với môi trường, môi sinh và văn hóa “*uống nước nhớ nguồn của dân tộc*” Việt Nam, người dân An Giang đã thiêng hóa người anh hùng có công mở đầu cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Đó là ông Trần Văn Thành và người dân tín ngưỡng, lập cơ sở thờ cúng ông ở nhiều nơi trong tỉnh An Giang. Để tìm hiểu và nghiên cứu tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành ở tỉnh An Giang, chúng tôi đã đặt ra và giải quyết các vấn đề sau đây:

1. Xác định ông Trần Văn Thành là người đầu tiên khởi nghĩa chống quân Pháp xâm lược ở đất An Giang. Cuộc khởi nghĩa đã được người dân tỉnh An Giang ủng hộ và nhanh chóng trở thành làn sóng chống Pháp. Hình ảnh đó của Trần Văn Thành lan tỏa và không ngừng phát triển theo quy luật vận động của văn hóa dân tộc (công ơn – tín ngưỡng – ghi nhớ). Người dân An Giang đã phát triển công – ơn đó của ông Trần Văn Thành thành một giá trị văn hóa tâm linh đáp ứng nhu cầu của con người. Chúng tôi khẳng định luận điểm trên là nhờ đã tổng quan các tài liệu liên quan đến văn hóa Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Trần Văn Thành. Các tài liệu này đóng góp tích cực vào việc làm rõ ông Trần Văn Thành (thân thế và sự nghiệp).

2. Xác định tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành là giá trị văn hóa tinh thần của người dân An Giang. Nó được tàng ẩn trong các thành tố của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành (Truyền thuyết, cơ sở thờ tự, lễ hội). Để nghiên cứu làm rõ các thành tố của tín ngưỡng, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực địa ba lần vào dịp lễ hội Trần Văn Thành ở An Giang. Ngoài ra, chúng tôi đi vào các dịp lễ tết trong năm. Việc đi thực địa này, chúng tôi đã mắt thấy, tay sờ, tai nghe về công trạng và niềm tin tín ngưỡng của người dân nơi đây kể lại. Khẳng định nội dung nghiên cứu chắc chắn hơn, trên cơ sở các lý thuyết đã trình bày, chúng tôi xây dựng khung phân tích nội dung cần làm rõ cho luận án. Đó là giá trị văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần được thể hiện trong lễ hội và sự tác động qua lại với mối quan hệ biện chứng trong đời sống cộng đồng.

Những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần trong lễ hội Trần Văn Thành hiện hữu trong thời gian thiêng và không gian thiêng qua phần lễ và hội. Các lễ vật dâng cúng Trần Văn Thành được người dân quý trọng như là vật thiêng. Đó là sự tri ân, tưởng nhớ Trần Văn Thành. Đồng thời, các hoạt động hội thể hiện tín ngưỡng của

người dân với Trần Văn Thành. Sự song song của lễ và hội trong lễ hội Trần Văn Thành đã tạo ra một bức tranh tín ngưỡng sinh động và đó là sản phẩm văn hóa của người dân An Giang.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành tồn tại đến nay đã được 150 năm và khẳng định được giá trị văn hóa của tín ngưỡng. Đó là việc xây dựng các cơ sở thờ tự (đền Trần Văn Thành, Dinh Sơn Trung, các Ông Thờ,...) khang trang và cũng là nơi dung hợp các yếu tố văn hóa tạo ra giá trị văn hóa mới cho đất An Giang. Các cơ sở thờ tự này là nơi diễn ra lễ hội Trần Văn Thành với quy mô hoành tráng. Các nghi lễ thờ cúng trong lễ hội được người dân lưu giữ và truyền qua nhiều thế hệ như một “*bảo vật sống*”. Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã trở thành văn hóa truyền thống “*uống nước nhớ nguồn*” của người dân An Giang.

Lễ hội diễn ra cũng là lúc người dân địa phương, các vùng lân cận mang lễ vật dâng cúng ông Trần Văn Thành và ôn lại lịch sử hào hùng của cuộc khởi nghĩa. Với chiến công và truyền thuyết, Trần Văn Thành đã trở thành một tấm gương sáng về lòng yêu nước, thương dân đến giây phút cuối cùng. Với sự dũng cảm, bản lĩnh, Trần Văn Thành đã sống mãi trong lòng người dân hôm nay.

3. Xác định vai trò của tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đối với người dân An Giang rất quan trọng. Tín ngưỡng này đã cho người dân niềm tin tích cực vào cuộc sống. Việc thờ cúng Trần Văn Thành trong tâm thức của người dân như thờ cúng tổ tiên. Việc làm này thể hiện niềm tin vào tín ngưỡng thờ ông Trần Văn Thành. Tín ngưỡng Trần Văn Thành điều chỉnh hành vi và nhận thức của người dân tốt hơn và lối sống đẹp hơn theo quan niệm học Phật, tu Nhân mà Trần Văn Thành đã kế thừa của Phật Thầy Tây An.

Tín ngưỡng Trần Văn Thành còn được biểu hiện qua nghi thức lễ hội gắn kết tinh thần cộng đồng của người dân An Giang. Sự gắn kết tạo ra sức mạnh đồng hướng tới lối sống văn minh. Đó là lối sống, cách ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với thần thánh trong lễ hội, thể hiện văn hóa dân tộc. Tình cảm cộng đồng của người dân An Giang được bồi đắp, nâng lên với tinh thần và ý thức tự quản để phát huy giá trị tín ngưỡng trong cộng đồng truyền từ đời này sang đời khác.

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành đã tạo ra một hệ thống giá trị văn hóa làm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của người dân về sự hưởng thụ và sáng tạo lễ hội góp phần tích cực vào việc phát triển xã hội. Các giá trị văn hóa đó đã làm phong phú thêm đời

sống văn hóa tinh thần của người dân. Cộng thêm chính sách phát triển tín ngưỡng của tỉnh An Giang đã giúp cho tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành phát triển đúng hướng, phù hợp với tinh thần hưởng thụ giá trị văn hóa tâm linh và góp phần phát huy tích cực tác dụng của lễ hội vào đời sống của người dân.

Trần Văn Thành đã tiếp nối được truyền thống yêu nước và mở đất của ông cha như: Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Trung Trực trên vùng đất quê hương An Giang. Sự tiếp nối của ông đã đem đến cho An Giang tinh thần chống Pháp kiên cường và nhiều vùng đất hoang vu thành nơi trồng trọt màu mỡ tiêu biểu là vùng Bảy Thưa, Láng Linh. Những nơi có dấu tích Trần Văn Thành đi qua mang lại cho người dân cuộc sống ấm no, hạnh phúc (vùng đất ba Ông Thè).

Tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được người dân An Giang bảo tồn và phát huy tốt trong đời sống tâm linh cùng đồng bào các dân tộc cộng cư và đã trở thành nét văn hóa đẹp của người dân An Giang. Ngày nay, Trần Văn Thành đã trở thành ngọn đuốc sáng về lòng yêu nước, góp phần giáo dục cho thế hệ trẻ về tinh thần yêu nước và xây dựng đất nước. Vì vậy, tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành với ý nghĩa tốt đẹp trong đời sống tinh thần của người dân nhằm phát huy mặt tốt để giúp con người duy trì văn hóa truyền thống, đạo lý nhân văn của dân tộc và giữ gìn văn hóa địa phương.

4. Bức tranh tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành được chúng tôi nghiên cứu và thực hiện thấy được ý nghĩa lịch sử, văn hóa của người dân An Giang. Khi thực hiện đề tài này, chúng tôi gặp nhiều khó khăn về tư liệu. Chúng tôi phải khảo sát lấy tư liệu thực tế về cơ sở thờ tự và niềm tin của người dân đối với ông Trần Văn Thành. Lễ hội Trần Văn Thành diễn ra cùng một lúc ở nhiều địa phương nên gặp nhiều khó khăn cho việc khảo sát. Tuy nhiên, chúng tôi cố gắng thực hiện bước đầu nghiên cứu tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành theo một hệ thống dựa vào các phương pháp nghiên cứu và lý thuyết cấu trúc chức năng và vùng văn hóa để làm nổi bật tín ngưỡng này. Chúng tôi hi vọng kết quả luận án này góp phần xiển dương tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành trong đời sống của người dân An Giang. Luận án còn là sự tri ân sâu sắc của chúng tôi đối với ông Trần Văn Thành. Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng: *“Luận án còn nhiều khoảng trống mà khi thực hiện chúng tôi chưa có điều kiện tìm hiểu, đào sâu”*. Chúng tôi hi vọng bước đầu hoàn thành công trình này làm bước đệm cho nghiên cứu sâu tín ngưỡng thờ Trần Văn Thành góp phần tạo dựng bản sắc văn hóa tỉnh An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

- [1] Đào Duy Anh (1996, tái bản), *Từ điển Hán - Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Toan Ánh (2005, tái bản), *Tín ngưỡng Việt Nam*, (Quyển hạ), Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Võ Thanh Bằng (2008), *Tín ngưỡng dân gian ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Chí Bền (2013), *Lễ hội cổ truyền của người Việt, cấu trúc và thành tố*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Chí Bền (2018), *Văn hóa Việt Nam, nghiên cứu và tiếp cận*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Belik, A.A (2000), *Văn hóa học – Những lý thuyết nhân học văn hóa*, xb Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
- [7] Lê Ngọc Canh (1999), *Văn hóa dân gian - những thành tố*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [8] Đặng Minh Châu (2016), *Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, luận án tiến sĩ tôn giáo học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [9] Võ Phúc Châu (2011), *Truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918)*, Nxb Thời Đại, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] Cao Xuân Dục (2002), *Quốc triều sử toát yếu, phần Chánh biên*, (bản dịch của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn), Nxb Văn học, Hà Nội.
- [11] Đinh Thị Vân Chi chủ biên (2015), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về đời sống văn hóa, môi trường văn hóa*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Đăng Duy (1997), *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*, Nxb Hà Nội.
- [13] Nguyễn Thị Đức (2017), *Tục thờ Bác Hồ ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [14] Bảo tàng An Giang (2012), *Di tích lịch sử - Văn hóa An Giang*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang.
- [15] E.B Tylor (2019), *Văn hóa nguyên thủy* (Huyền Giang dịch), Nxb Trí Thức, Hà Nội.

- [16] Nguyễn Văn Hầu (1956), *Đức Cố Quán hay là cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa*, Tác giả tự xuất bản - Tài liệu lưu hành nội bộ tại đền thờ Trần Văn Thành.
- [17] Nguyễn Văn Hầu (1999), *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [18] Kỷ yếu hội thảo khoa học (1994), *Thân thế và sự nghiệp của Chương Cơ – Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh*.
- [19] Kỷ yếu hội thảo (2010), *Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa và Lễ hội văn hóa truyền thống huyện Châu Phú*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch An Giang, Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, An Giang đồng tổ chức.
- [20] Kỷ yếu hội thảo khoa học (2014), *Nhân vật lịch sử Trần Văn Thành*, Hội khoa học lịch sử tỉnh An Giang và Huyện ủy Châu Phú tổ chức.
- [21] Hồng Hạnh (2008), *Dấu xưa Nam Bộ*, Nxb Văn Nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [22] Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền (2016), *Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (1650 - 1700), với công cuộc khai sáng miền Nam nước Việt cuối thế kỷ XVII*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [23] Nguyễn Hữu Hiếu (2010), *Diễn trình văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
- [24] Nguyễn Hữu Hiếu (1997), *Truyện kể dân gian Nam Bộ*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [25] Hồ Hoàng Hoa (1998), *Lễ hội – một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [26] Lê Như Hoa chủ biên (2001), *Tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội
- [27] Cao Đức Hải (2010), *Quản lý lễ hội và sự kiện*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội
- [28] Võ Hoàng Khải (2019), *Tín ngưỡng thờ anh hùng Nguyễn Trung Trực trong đời sống văn hóa cư dân Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Trường đại học Trà Vinh, bản thảo
- [29] Nguyễn Minh Khải (2013), *Tín ngưỡng tôn giáo và thực hiện chính sách tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.

- [30] Phan Văn Kiến và Võ Thành Phương (2009), *Lịch sử địa phương An Giang*, Tài liệu dạy – học tại các trường Trung học thuộc tỉnh An Giang.
- [31] Lê Văn Kỳ (1996), *Mối quan hệ giữa truyền thuyết người Việt và hội lễ về các anh hùng*, Nxb Khoa học xã hội.
- [32] Lê Hồng Lý chủ biên (2008), *Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng*, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, Viện Văn hóa.
- [33] Hồ Liên (2002), *Đôi điều về cái thiêng và văn hóa*, Nxb Văn hóa Dân tộc.
- [34] Luật Tín ngưỡng – Tôn giáo (Luật số 02/2016/QH 14) ngày 18/11/2016.
- [35] Thu Linh, Đặng Văn Lung (1984), *Lễ hội truyền thống và hiện đại*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [36] Nguyễn Quang Lê (2012), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [37] Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Thạch Phương, Nguyễn Quang Vinh (1992), *Văn hóa dân gian người Việt Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội .
- [38] Phan Huy Lê chủ biên (2016), *Vùng đất Nam Bộ, quá trình hình thành và phát triển* (2 tập), Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
- [39] Ngô Văn Lệ (2010), *Đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng cư dân Nam Bộ*, Đề tài nghiên cứu khoa học nhánh thuộc đề tài cấp bộ, trường Đại học Khoa học Xã học Nhân văn Thành Phố Hồ Chí Minh.
- [40] Huỳnh Lứa (2000), *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, Nxb Khoa học xã hội.
- [41] Nguyễn Đức Lữ (Chủ biên) (2005), *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [42] Sơn Nam (1988), *Lịch sử An Giang*, Nhà xuất bản Tổng hợp An Giang.
- [43] Sơn Nam (1994 tái bản), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Văn Nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [44] Sơn Nam (2015 tái bản), *Tìm hiểu đất Hậu Giang & lịch sử đất An Giang*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [45] Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.

- [46] Phạm Quỳnh Phương (2010), *Đức Thánh Trần trong xã hội Việt Nam đương đại: tăng quyền và xung đột, sự đa nghĩa của một hiện tượng văn hóa*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 3, trang 30 - 40.
- [47] Phan Quang (1981), *Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội.
- [48] Nguyễn Phan Quang (2000), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1884*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [49] Nguyễn Ngọc Quang chủ biên, (2016), *Văn học dân gian An Giang*, quyển 1, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [50] Đỗ Văn Rỡ (1997), *Nghi thức lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [51] Dương Văn Sáu (2004), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Nxb Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- [52] Võ Văn Sen chủ biên, (2016), *Nam Bộ Đất và Người*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [53] Vũ Thanh Sơn (2013), *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ: sách tham khảo*, quyển 2, Nxb Quân đội Nhân dân.
- [54] Trần Đăng Sinh (2002), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt vùng đồng bằng Bắc bộ hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [55] Schaefer, R.T (2004, tái bản 3/ 2005), *Xã hội học*, (bản dịch của Huỳnh Văn Thanh), Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [56] Hà Hùng Tiến (1997), *Lễ hội và danh nhân lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội.
- [57] Phạm Minh Thảo và Phạm Lan Oanh (2015), *Tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan*, Nxb Chính Trị Quốc Gia – Sự Thật, Hà Nội.
- [58] Nguyễn Phương Thảo (1997), *Văn hóa dân gian Nam Bộ - Những phác thảo*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
- [59] Lê Thị Thanh Thảo (2021), “*Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân dân ở tỉnh Tiền Giang*”, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Trà Vinh.

- [60] Tôn Việt Thảo (2018), “*Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở An Giang*”, Tạp Chí: *Tôn Giáo*; số 7, 85 – 99.
- [61] Huỳnh Quốc Thắng (2003), *Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [62] Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [63] Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2013), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh
- [64] Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa, tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [65] Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [66] Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan, đồng chủ biên (2015), *Folklor - một số thuật ngữ đương đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [67] Ngô Đức Thịnh (2019), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [68] Vĩnh Thông (2015), *An Giang núi rộng sông dài*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [69] Vĩnh Thông (2021), *Đình và làng Bình Thủy*, Nxb Thông tin và Truyền thông.
- [70] Mai Thị Minh Thuy (2017), *Tín ngưỡng thờ Ông Địa – Ông Tà của người Việt ở An Giang*, Nxb Mỹ Thuật, Hà Nội.
- [71] Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường và Hồ Tường (1993), *Đình Nam Bộ, tín ngưỡng và nghi lễ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [72] Huỳnh Ngọc Trảng và Phạm Thiều Hương (2020), *Tổng tập văn học dân gian Nam Bộ*, tập 1: *Truyện kể dân gian*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh
- [73] Trần Thuận (2014), *Nam Bộ - Vài nét lịch sử văn hóa (I)*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [74] Trần Thuận (2016), *Nam Bộ - Vài nét lịch sử văn hóa (II)*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [75] Trần Thuận (2016), *Bản sắc văn hóa lễ hội*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

- [76] Tạ Chí Đại Trường (2007), *Thần, người và đất Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [77] Tôcarev, X.A (2001), *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, bản dịch của Lê Thế Thép, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [78] Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, *Địa chí An Giang*, 2013
- [79] Viện Thông tin Khoa học xã hội (1997), *Tôn giáo và đời sống hiện đại, Tập 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [80] Lê Trung Vũ – Thạch Phương (2015), *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

B. Tài liệu nước ngoài

- [81] Alexander Soucy (2012), *The Buddha Side: Gender, Power, and Buddhist Practice in Vietnam*, University of Hawai'i Press
- [82] Comrey, Andrew. L (1973), *A First Course in Factor Analysis*, New York, Academic Press.
- [83] Shawn Frederick McHale (2004), *Print and Power: Confucianism, Communism, and Buddhism in the Making of Modern Vietnam*, University of Hawaii Press.
- [84] Philip Taylor (2007), *Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-revolutionary Vietnam*, Institute of Southeast Asian Studies.
- [85] Roger L. Worthington & Tiffany A. Whittaker (2006), *Scale Development*
- [86] Robert J. Topmiller (2006), *The Lotus Unleashed: The Buddhist Peace Movement in South Vietnam*, University of Kentucky Press.
- [87] Do Phuong Quynh (1995), *Traditional festivals in Viet Nam*, Thế giới Publishers.

C. Tài liệu điện tử

- [88] Phan An (2009), *Người Việt Nam Bộ từ góc nhìn tôn giáo*; <http://www.vanhoahoc.edu.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/1029-phan-an-nguoi-viet-nam-bo-tu-goc-nhin-ton-giao.html>; ngày 03/02/2009
- [89] Mai Văn Hai, Mai Kiệm (2012), *Các hướng tiếp cận trong nghiên cứu xã hội học văn hóa*, <http://vanhoanghean.vn/component/k2/30-nhung-goc-nhin-van-hoa/4048-cac-huong-tiep-can-trong-nghien-cuu-xa-hoi-hoc-van-hoa>, truy cập; ngày 3 / 6 / 2020.

- [90] Dương Anh (2018), *Lễ hội kỳ yên đình Bình Thủy*, <http://disanso.vn/disanvanhoa/di-san/le-hoi-ky-yen-dinh-binh-thuy/>, ngày 15 / 5 / 2021.
- [91] Trịnh Minh Chánh (2013), *Lễ hội tưởng niệm anh hùng dân tộc Trương Định tại Gò Công Tiền Giang từ góc nhìn văn hóa du lịch*; Tạp chí Khoa học Văn hoá và Du lịch, số 12 (66), tháng 7 năm 2013).
- [92] Nguyễn Minh Hoan (2023), *Một thoáng Đất và Người An Giang*; <https://hoinongdanag.org.vn/wps/portal/nong-nghiep-nong-thon/mot-thoang-dat-va-nguoi-an-giang-1256>; ngày 13/02/2023
- [93] Ca dao (2023), <https://cadao.me/dat-an-giang-phu-sa-mau-mo/>, ngày 20/9/2023

PHỤ LỤC 1. HÌNH ẢNH
KHÔNG GIAN CỦA LỄ HỘI TRẦN VĂN THÀNH
QUA KHẢO SÁT 2 CƠ SỞ THỜ TỰ Ở TỈNH AN GIANG
*** Hình ảnh ở phụ lục phần lớn do Nghiên cứu sinh (NCS) tự chụp**

ĐỀN THỜ TRẦN VĂN THÀNH



Hình 1: Đền thờ Trần Văn Thành – Châu Phú – An Giang, 2018, Tư liệu của đền.



Hình 2: Cổng chính đền thờ Trần Văn Thành, 2018, NCS



Hình 3: Sân đèn thờ Trần Văn Thành sau cơn mưa, 2018, NCS



Hình 4: Không gian công viên đèn thờ Trần Văn Thành, 2018, NCS

DINH SƠN TRUNG



Hình 5: Cổng chính Dinh Sơn Trung, 2018, NCS



Hình 6: Sân Dinh Sơn Trung, 2018, NCS



Hình 7: Cảnh Dinh Sơn Trung, 2008, <https://thamhiemmekong.com/thong-tin-du-lich-mien-tay/dinh-son-trung-den-tho-anh-hung-dan-toc-tran-van-thanh.html>



Hình 8: Cảnh Dinh Sơn Trung, 2018, NCS

LỄ HỘI TRẦN VĂN THÀNH QUA KHẢO SÁT 2 CƠ SỞ THỜ TỰ Ở TỈNH AN GIANG

ĐỀN THỜ TRẦN VĂN THÀNH



Hình 9: Chuẩn bị kiệu rước bà Nguyễn Thị Thạnh, 2022, NCS



Hình 10: Đội Long Mã dẫn đầu đoàn rước kiệu bà Nguyễn Thị Thạnh, 2022, NCS



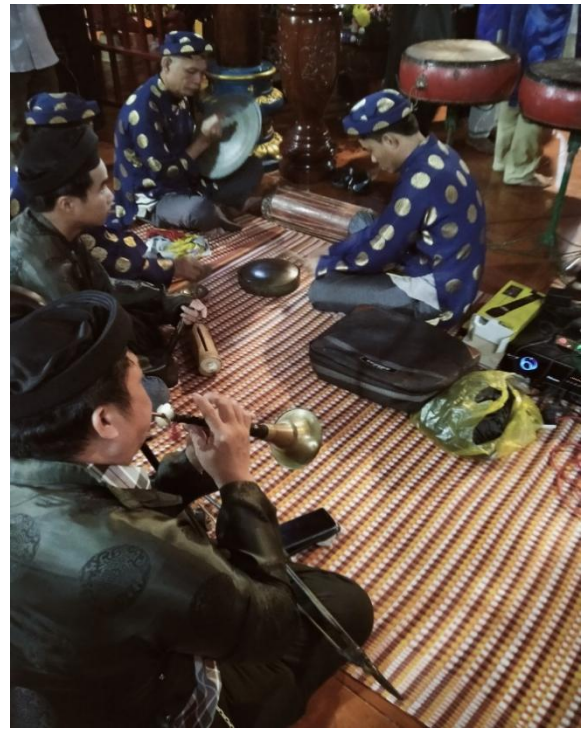
Hình 11: Đoàn rước kiệu thỉnh bà Nguyễn Thị Thạnh Vào đền thờ Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 12: Lễ cúng sau khi rước kiệu về tại ngôi thờ Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 13: Cảnh chuẩn bị Lễ cúng Tiên
vãng, 2022, NCS



Hình 14: Ban nhạc lễ phụ vụ cúng tế tại
đền thờ Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 15: Chuẩn bị mâm lễ vật cúng trên
các ngôi thờ tại đền Trần Văn Thành,
2022, NCS



Hình 16: Chuẩn bị thức ăn phụ vụ lễ hội
tại đền thờ Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 17: Người dân cúng bái tự do, 2022, NCS



Hình 18: Ngôi thờ Phật Thầy Tây An, 2022, NCS



Hình 19: Ngôi thờ Trần Văn Thành đặt trước sân đền trong lễ hội, 2022, NCS



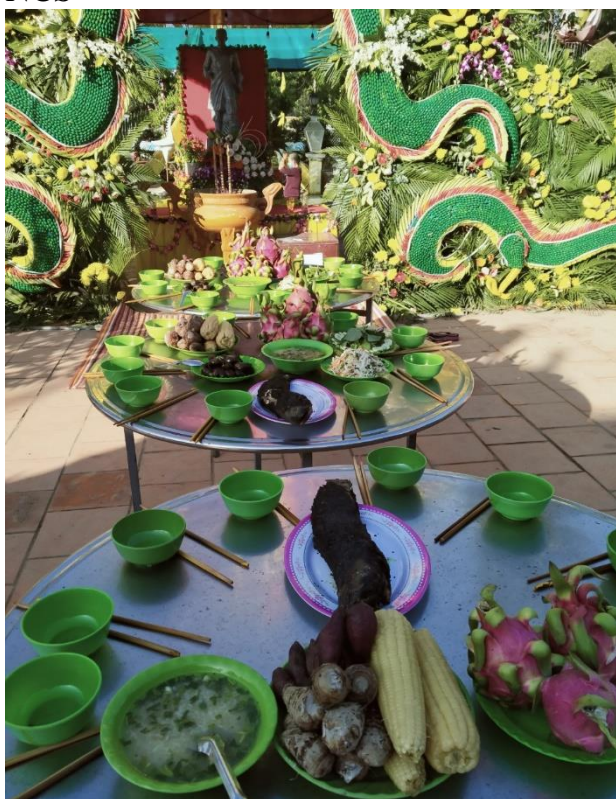
Hình 20: Người đi hội xem **Múa lân** biểu diễn trước nhà lưu niệm, 2022, NCS



Hình 21: Âm thực cúng trong lễ hội, 2022, NCS



Hình 22: Âm thực cúng trong lễ hội, 2022, NCS



Hình 23: Lễ vật người dâng cúng Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 24: Làm bánh xèo phục vụ người dân tại đền thờ Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 25: Người dân ăn cơm trưa tại đền thờ Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 26: Người dân phục vụ ăn uống tại đền thờ Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 27: Đoàn từ thiện phục vụ ăn sáng tại đền thờ Trần Văn Thành, 2022, NCS

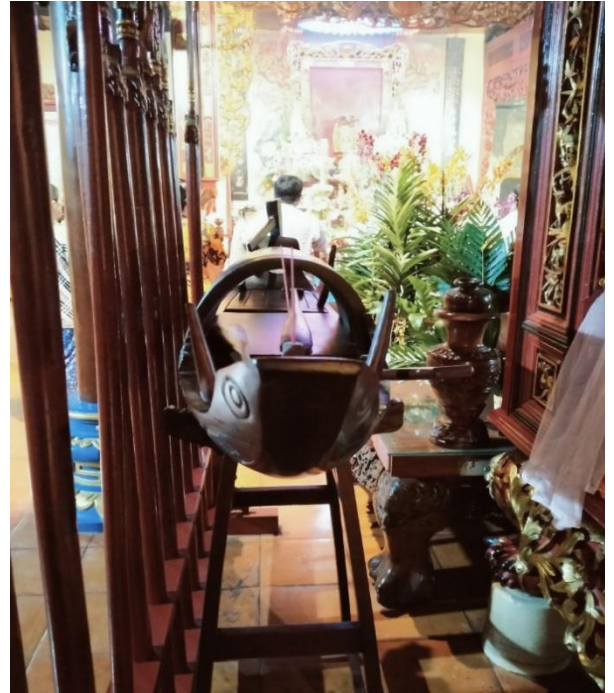


Hình 28: Người dân bái lạy Trần Văn Thành vào lễ 30 - 4, 2022, NCS

QUẢN CƠ TRẦN VĂN THÀNH - VẬT THIÊNG



Hình 29: Tượng Trần Văn Thành trong ngôi thờ tại đền, 2022, NCS



Hình 30: Chiếc ghe phục vụ chiến đấu tại đền, 2022, NCS



Hình 31: Tượng Trần Văn Thành tại quê nhà (Cồn Nhỏ), 2022, NCS



Hình 32: Ngôi thờ Trần Văn Thành tại đền, 2022, NCS



Hình 33: Tượng Trần Văn Thành ở khu nhà lưu niệm, 2022, NCS



Hình 34: Kiệu rước bà Nguyễn Thị Thanh, 2022, NCS



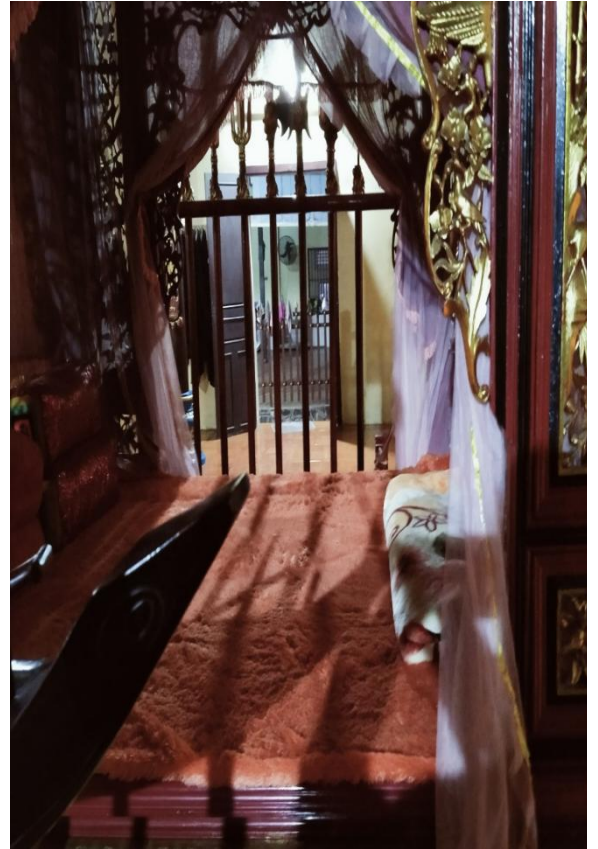
Hình 35: Tượng Trần Văn Thành ở khu nhà lưu niệm, 2022, NCS



Hình 36: Cột cờ trước sân đền, 2022, NCS



Hình 37: Tượng Trần Văn Thành tại đền, 2022, NCS



Hình 38: Chiếc giường của ông Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 39: Ngôi thờ Trần Văn Thành ở Dinh Sơn Trung, 2022, NCS



Hình 40: Thờ Ông Thở, 2022, NCS

DINH SƠN TRUNG



Hình 41: Ngôi thờ bà Nguyễn Thị Hạnh tại Dinh Sơn Trung, 2022, NCS



Hình 42: Ngôi thờ ông Nguyễn Trung Trực tại Dinh Sơn Trung, 2022, NCS



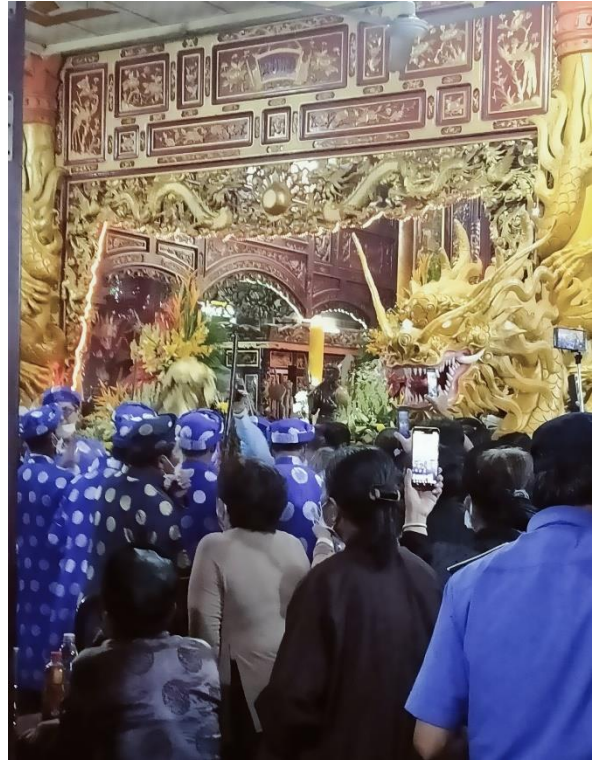
Hình 43. Các nguyên liệu được chuẩn bị cho ngày hội, 2022, NCS



Hình 44: Người dân đến tham dự lễ tại Dinh Sơn Trung, 2022, NCS



Hình 45: Người dân tập trung đông tại Lễ Lau Kiếm của Dinh Sơn Trung, 2022, NCS



Hình 46: Làm lễ rửa kiếm ở Dinh Sơn Trung, 2022, NCS



Hình 47: Bảo vệ tháp hương tại Lễ Lau Kiếm, 2022, NCS



Hình 48: Người dân tập trung xung quanh nơi làm lễ, 2022, NCS

DINH ÔNG THỂ



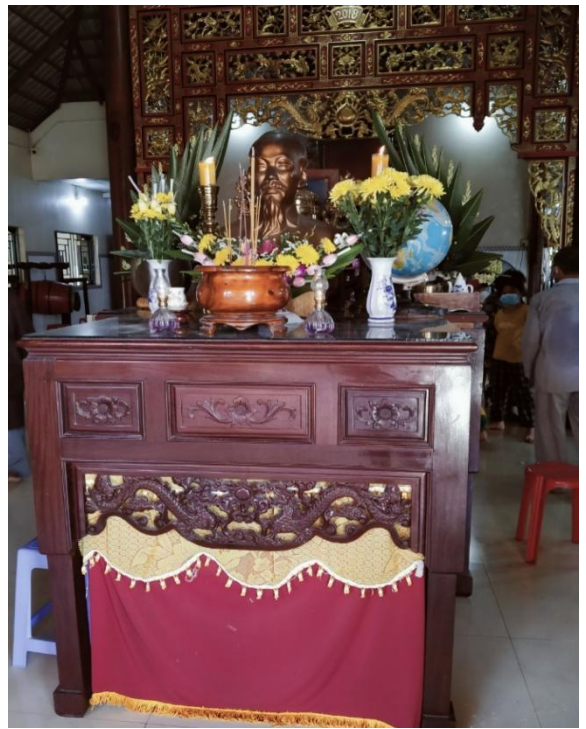
Hình 49: Mặt trước Dinh Ông Thê số 2, 2022, NCS.



Hình 50: Ngõ thờ Phật Thầy, 2022, NCS.



Hình 51: Chính điện thờ ông Thê Dinh số 2, 2022, NCS



Hình 52: Ngõ thờ chủ tịch Hồ Chí Minh, 2022, NCS



Hình 53: Mặt trước Dinh Ông Thẻ số 3, 2022, NCS



Hình 54: Cổng Dinh Ông Thẻ số 3 tại xã Vĩnh Thạnh Trung, 2022, NCS



Hình 55: Không gian bên trong Dinh (Nhà khách), 2022. NCS



Hình 56: Không gian bên trong Dinh, 2022, NCS



Hình 57: Chùa Bồng Lai, 2022, NCS



Hình 58: Ngôi thờ Tam Bảo, 2022, NCS



Hình 59: Ngôi thờ Sư Ông Cừ, 2022, NCS



Hình 60: Người dân cúng bái tại Dinh, 2022, NCS



Hình 61: Người dân thắp hương cúng bái tại Dinh, 2022, NCS



Hình 62: Ông Thể, 2022, NCS



Hình 63: Ông Thể, 2022, NCS



Hình 64: Chính điện Dinh Ông Thể, 2022, NCS

MỘT SỐ HÌNH ẢNH KHÁC



Hình 65: Sơ đồ tổ chức Ban Quản lý Dinh Sơn Trung, 2022, NCS



Hình 66: Biển ghi công trình tượng đài Chánh Quản cơ Trần Văn Thành, 2022, NCS



Hình 67: Biển ghi Tượng đài Đức Quản Cơ Trần Văn Thành tại đền (Phú Tân), 2022, NCS

PHỤ LỤC 2. CÂU HỎI PHÒNG VẤN

CÂU HỎI PHÒNG VẤN BAN QUẢN LÝ - NGƯỜI THAM GIA DỰ LỄ HỘI

Đối tượng gồm: Ban Quản lý đền, dinh và người dân đi lễ hội Trần Văn Thành, ở độ tuổi từ 30 đến 70 tuổi. Mỗi đối tượng chúng tôi sẽ chọn câu hỏi phù hợp.

Ban Quản lý

***Nội dung hỏi:* Về thân thế và sự nghiệp ông Trần Văn Thành**

1. Ông Trần Văn Thành sinh năm nào? ở đâu? Gia đình được mấy người con?
2. Ông Trần Văn Thành có tham gia làm quan không? Ông làm quan ở thời vua (triều đại) nào? Giữ chức vụ gì?
3. Ông Trần Văn Thành có thân thế và tài năng đặc biệt gì?
4. Quá trình hoạt động khởi nghĩa chống Pháp của ông Trần Văn Thành khi nào?
5. Có những truyền thuyết nào về ông Trần Văn Thành?
6. Ông Trần Văn Thành và Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có mối quan hệ như thế nào?
7. Ông Trần Văn Thành được người dân tín ngưỡng như thế nào ?

***Nội dung hỏi:* Quá trình xây dựng cơ sở thờ tự Trần Văn Thành**

8. Quá trình hình thành cơ sở thờ tự này như thế nào?
9. Cơ sở thờ tự Trần Văn Thành được ai xây dựng đầu tiên?
10. Đền thờ hiện tại được xây dựng khi nào?

***Nội dung hỏi:* Về việc lễ hội Trần Văn Thành**

11. Lễ hội diễn ra vào những ngày nào? Trước lễ hội có những hoạt động nào? Số lượng tham gia ra sao?
12. Người dân đi lễ hội chủ yếu là dân địa phương hay còn có các tỉnh thành khác?
13. Thường người dân đến lễ hội nhằm mục đích gì?
14. Lễ hội được các mạnh thường quân hỗ trợ gạo, rau, củi, nước uống,... ra sao? Người dân tình nguyện phục vụ lễ hội có đông không?
15. Các món ăn trong lễ hội để phục vụ cho người dân tham dự là chay hay mặn? Các lễ vật cúng Trần Văn Thành có gì đặc biệt?
16. Các đoàn tham gia lễ hội thường đến từ tỉnh nào? Các đoàn đến cúng ông Trần Văn Thành bằng các lễ vật gì?
17. Cơ sở thờ tự Trần Văn Thành có gì nổi bật hơn các cơ sở thờ tự khác trong vùng?

18. Người dân cúng lễ vật có đa dạng không? Người dân cúng xong mang về hay để lại đèn?
19. Các vật cúng trên bàn thờ người dân có xem là vật thiêng không ?
20. Có phân biệt lễ vật dâng cúng Trần Văn Thành không ?
21. Lễ hội có ca, múa, hát hay biểu diễn loại hình nghệ thuật nào không chú? Các trò chơi có hay không? Thường là trò chơi gì?
22. Lễ hội có hội thi gì không? Thành phần tham gia là ai?
23. Lễ hội có hội chợ các gian hàng không?
24. Hãy cho biết xu thế phát triển lễ hội trong thời gian tới ?

Người dân tham gia lễ hội

25. Đến lễ hội khi nào? Từ đâu đến? Đã được bao nhiêu tuổi?
26. Đến lễ hội một mình hay đi với người thân bạn bè?
27. Anh / chị có thường đi đến đền của Trần Văn Thành không?
28. Anh / chị đi đến cơ sở thờ tự Trần Văn Thành bao nhiêu lần ?
29. Thấy phần lễ và phần hội có những đặc điểm gì nổi bật không?
30. Nhà có thờ Trần Văn Thành không ?
31. Anh /chị đi lễ hội Trần Văn Thành có mang lễ vật gì cúng không ?
32. Anh / chị có biết người dân tham gia lễ hội Trần Văn Thành mỗi năm là bao nhiêu không?
33. Anh / chị có tham gia lễ hội thường xuyên không?
34. Đến đền Trần Văn Thành như hôm nay nhằm mục đích gì ?
35. Lễ hội Trần Văn Thành năm nay có thay đổi gì so với trước không?
36. Anh / chị có biết những truyền thuyết về Trần Văn Thành không?
37. Kiến trúc cơ sở thờ tự có gì đặc biệt?
38. Nhận xét cuộc khởi nghĩa của Trần Văn Thành như thế nào?
39. Theo ông / bà năm nay lễ hội diễn ra như thế nào? Có gì mới hơn không?
40. Ông / bà thấy không khí lễ hội như thế nào?
41. Các lễ nghi ở đây có phong phú không? Lễ vật thường có gì?
42. Ông / bà đi lễ hội có xin ông Trần Văn Thành việc gì không?
43. Theo anh / chị lễ hội năm nay có chương trình văn nghệ nào hay?
44. Anh / chị có làm từ thiện không? Hay tham gia đoàn làm từ thiện?
45. Hàng năm, ông / bà có đóng góp cho việc tổ chức lễ hội không?

46. Theo ông / bà nghi thức trong lễ hội có yếu tố tâm linh không?
47. Ông / bà có tin ông Trần Văn Thành hi sinh trong khởi nghĩa chống Pháp?
48. Ông / bà có xem lễ vật của ông Trần Văn Thành là vật thiêng không?
49. Theo anh / chị thì tính hấp dẫn của lễ hội là gì?
50. Anh / chị có nhận xét gì về việc tổ chức ăn uống không?

PHỤ LỤC 3. TRÍCH BIÊN BẢN LIÊN QUAN NỘI DUNG LUẬN ÁN

Người trả lời: Ông N.V.S (Ban Quý tế Dinh Sơn Trung)

Thời gian: lúc 7 giờ 35 phút, ngày 19 tháng 2 (âm lịch) năm 2016

Địa điểm: Tại Dinh Sơn Trung – xã Vĩnh An - huyện Châu Thành – tỉnh An Giang

Biên bản phỏng vấn số 1

Nội dung phỏng vấn

Hỏi: Dinh tổ chức lễ hội vào ngày nào vậy chú? Ngày lễ hội ở đây có trùng với đền thờ Trần Văn Thành ở Châu Phú không vậy chú?

Trả lời: Dinh cũng tổ chức lễ hội vào ngày 20, 21, 22 tháng 2 (âm lịch) đó cháu. Vì đây là ngày anh hùng dân tộc Trần Văn Thành về trời nhưng vẫn tiếp tục phù hộ cho nghĩa quân và người dân đánh Pháp ra khỏi bờ cõi.

Hỏi: Ngày lễ hội trùng như vậy thì khách đến viếng cúng hay tham quan đông không chú? Lượng khách viếng có bị phân tán không chú?

Trả lời: Cháu biết không? Ngày thường, dinh đã có nhiều người dân đến viếng đông. Ngày lễ hội, dinh đón tiếp lượng khách về đây cúng viếng, tham quan đông lắm khoảng 5000 lượt khách trong ba ngày diễn ra lễ hội. Khách ở đây tín ngưỡng Đức Cố nhiều lắm nên họ dự ở đền xong là lại xuống đây thắp nhang cho Cố xong rồi mới về. Khách đông lắm.

Hỏi: Chú ơi! Khách đến viếng dinh có mang lễ vật cúng không chú?

Trả lời: Lễ vật cúng kể cả ngày thường hay lễ hội người dân đi đến dinh đều mang. Nếu họ không có mang trái cây hay bánh kẹo thì cũng góp ít tiền. Số tiền góp này tùy thuộc vào từng khách có người góp ít, người góp nhiều. Nhiều khách mang lễ vật nhưng vẫn góp tiền thêm để xây dựng cơ sở vật chất. Chính nhờ sự quan tâm và lòng ngưỡng mộ Đức Cố nên người dân sẵn sàng góp tiền của, công sức xây dựng dinh khang trang như hiện nay.

Hỏi: Các món ăn dâng cúng cho Trần Văn Thành là mặn hay chay vậy chú?

Trả lời: Ở đây cúng món chay không đó cháu, không có cúng mặn như ở đền. Sở dĩ cúng chay là vì dinh được xem như là nhà của anh hùng dân tộc Trần Văn Thành và cũng giống như ngôi chùa mà Đức cố xây dựng Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Cúng chay từ trước đến giờ và được người dân ủng hộ nên hàng năm vào ngày lễ hội người dân mang nhiều rau củ quả đến chế biến món ăn chay dâng lên Đức Cố. Mặc dù món chay nhưng các món ăn phong phú lắm.

Hỏi: Dinh có đồ vật nào của Trần Văn Thành để lại không chú?

Trả lời: Có nhiều lắm cháu ơi, dinh có cả tủ trưng bày hiện vật của ông bà Cố. Trong các hiện vật của Đức Cố, có mấy hiện vật được người dân nhớ rất rõ là cặp kiếm, chiếc ghe và chiếc giường. Vì đây là những hiện vật gắn liền với Đức Cố và được người dân xem là vật thiêng. Đặc biệt là cặp kiếm và chiếc xuồng có nhiều câu chuyện linh thiêng được người dân tin. Vì vậy, các hiện vật này đều là vật thiêng.

Hỏi: Nghe chú nói từ nãy giờ cho thấy Trần Văn Thành được người dân ở đây kính trọng và yêu mến lắm.

Trả lời: Cháu nói đúng đó, người dân kính trọng và tin tưởng Đức Cố không phải một ngành nghề mà nhiều ngành nghề khác nhau như làm ruộng, buôn bán, đi biển,... Mỗi khi họ cần làm việc gì đều đến xin ý kiến Đức Cố và mong Đức Cố phù hộ cho họ làm được việc một cách tốt đẹp. Ở đây, người dân đặt niềm tin vào Đức Cố cao lắm nên tình cảm họ dành cho Đức Cố sâu sắc. Tôi làm ở dinh đã nhiều năm nên tôi rất hiểu người dân và niềm tin của họ đối Đức Cố.

Hỏi: Dinh được xây dựng được bao nhiêu năm mà người dân biết đến dinh nhiều vậy chú?

Trả lời: Dinh ban đầu được xây dựng thô sơ với nguyên liệu xây cất ở tại địa phương này. Mảnh đất xây cất dinh này là do ông cả để lại và dinh ngày càng được mở rộng xây cất khang trang. Cơ sở như hôm nay được xây dựng vào năm 2000 nhưng không một lúc là xây dựng hết như thế này đâu mà có tiền đến đâu xây đến đó. Nhờ sự ủng hộ tiền của người dân nên dinh được khang trang như hôm nay. Vì vậy, dinh được như hôm nay là nhờ công sức, tiền của người dân rất lớn. Dinh là đời sống tinh thần của người dân vì họ rất vui khi thấy cơ sở thờ tự Đức Cố đẹp và sang trọng. Tôi trông coi dinh cũng thấy làm vui khi người dân đến đây dâng, cơ sở thờ tự nghiêm trang và là niềm hạnh phúc của người dân.

Hỏi : Việc cúng chay có ý nghĩa gì ?

Trả lời : Sở dĩ cúng chay là vì dinh được xem như là nhà của Trần Văn Thành và cũng giống như ngôi chùa mà Trần Văn Thành xây dựng Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Cúng chay từ trước đến giờ và được người dân ủng hộ nên hàng năm vào ngày lễ hội người dân mang nhiều rau củ quả đến chế biến món ăn chay dâng lên ông Trần Văn Thành. Mặc dù món chay nhưng các món ăn phong phú lắm. Nó đóng vai trò thể hiện lòng hiếu kính đối với ông Trần Văn Thành và một tình yêu quê hương ruộng đồng tha

thiết. Vật phẩm cúng có giá trị vật chất không cao nhưng chứa đựng tục lễ của các dinh và người dân đất An Giang. Đó không chỉ là một mỹ tục mà còn là đạo lý dân tộc “uống nước nhớ nguồn”,

Trân trọng cảm ơn chú!

Cuộc phỏng vấn kết thúc lúc 9 giờ, ngày 19 tháng 2 (âm lịch) năm 2016.

Biên bản phỏng vấn số 2

Người trả lời: N. M. Đ (Phó Chủ tịch xã Vĩnh An, kim quản lý Dinh Sơn Trung)

Thời gian: lúc 10 giờ 45 phút, ngày 19 tháng 2 (âm lịch) năm 2016

Địa điểm: Tại Dinh Sơn Trung – xã Vĩnh An - huyện Châu Thành – tỉnh An Giang

Nội dung phỏng vấn

Hỏi: Xin chú cho biết kiến trúc dinh có gì đặc biệt?

Trả lời: Kiến trúc dinh được xây dựng gần giống như kiến trúc đền thờ Trần Văn Thành. Dinh thờ có 2 phần: phần chính điện thờ Đức Cố Quân Trần Văn Thành là nhân vật phụng thờ chính của dinh, phần hậu điện thờ các vị anh hùng cứu nước, những người có công với dinh và thờ Đức Phật Thầy Tây An,... Đặc biệt, dinh có một quần thể kiến trúc xung quanh ngôi thờ Trần Văn Thành rất đặc sắc. Chính quần thể kiến trúc này làm cho dinh có phong cảnh đẹp trở thành điểm du lịch tâm linh. Dinh có cầu long phụng, khu lò rèn vũ khí của binh Gia Nghị, ngôi thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ,... Ngoài ra, dinh còn có nhà nghỉ cho khách phương xa và nhà giữ xe cho khách. Đối diện với dinh là kiến trúc ngôi thờ Bà Cố Quân trên đồng ruộng mênh mông và kiến trúc tháp cao vút.

Hỏi: Theo quan sát, cháu thấy trong dinh có ngôi thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ và rùa hồ Hoàng Kiếm. Tại sao dinh có sự đặc biệt này vậy chú?

Trả lời: Thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ để người dân hướng về cội nguồn của dân tộc Việt Nam là con rồng cháu tiên. Đây cũng là nơi thuận lợi cho người dân đồng bằng sông Cửu Long muốn thắp hương cho Lạc Long Quân và Âu Cơ mà không phải đi Hà Nội. Một công trình về nguồn nhằm giáo dục cho thế hệ trẻ. Hồ Gươm là một giá trị lịch sử để làm tăng thêm cảnh đẹp của dinh. Tóm lại, dinh mang nét đẹp văn hóa tổng hợp tạo ra kiến trúc dinh đa dạng và phong phú.

Hỏi: Khi tổ chức lễ hội, phần lễ có gì đặc biệt hơn so với các cơ sở thờ tự khác của Trần Văn Thành không chú?

Trả lời: Dinh có phần lễ đặc biệt hơn những nơi khác được nhiều người dân chứng kiến và tham dự. Đó là phần lễ lau kiểng được tiến hành vào lúc 12 giờ đêm. Đây là lễ rất quan trọng nên gồm nhiều thành phần tham dự: phía chính quyền có đại diện các ban ngành, học trò lễ, người dân tham dự,... Nghi thức lau kiểng rất tôn nghiêm và linh thiêng nên lễ rất trang nghiêm. Mặc dù giờ rất khuya nhưng người dân tham gia đông lắm, lễ diễn ra thu hút người dân.

Trân trọng cảm ơn chú!

Cuộc phỏng vấn kết thúc lúc 11 giờ 48 phút, ngày 19 tháng 2 (âm lịch) năm 2016.

Biên bản phỏng vấn số 3

Người trả lời: N. T. N (40 tuổi, Buôn bán tạp hóa), ở Châu Thành, An Giang

Thời gian: lúc 7 giờ 40 phút, ngày 30 tháng 4 năm 2017

Địa điểm: Tại Dinh Sơn Trung – xã Vĩnh An - huyện Châu Thành – tỉnh An Giang

Nội dung phỏng vấn

Hỏi: Chị tham gia lễ hội Trần Văn Thành được bao nhiêu năm rồi? Chị đi với mục đích chính gì?

Trả lời: Chị tham gia lễ hội đã được 5 năm rồi em. Từ khi chị biết lễ hội này, chị năm nào cũng đi. Chị đi đến đây để thắp nhang cho người anh hùng có công với vùng đất này theo truyền thống của ông bà là uống nước nhớ nguồn. Chị đến để cầu cho gia đình được mạnh khỏe, làm ăn phát tài, gặp nhiều may mắn. Chị tin tưởng ở Đức Cố lắm nên năm nào cũng được Đức Cố giúp đỡ, mùa màng bội thu. Hàng năm, chị đi trả lễ cho Đức Cố và dâng lễ vật cúng Đức Cố. Ngoài ra, chị còn đóng góp gạo, rau quả cho lễ hội. Chị rất vui khi được làm những điều tốt lành đó em.

Hỏi: Chị làm nghề gì? Chị đến đâu cầu nguyện cái gì cho nghề của chị?

Trả lời: Chị buôn bán tạp hóa và lúc rảnh phụ chồng chị làm ruộng. Chị đến dinh xin Đức Cố cho mua mai bán đắt, nhiều người đến mua hàng của chị để hàng hóa của chị bán trôi chảy. Ngoài ra, chị còn nhờ Đức Cố cho sức khỏe, ruộng đồng một năm trúng mùa. Nói chung là chị đi nhờ Đức Cố phù hộ mua bán, mùa màng đạt và gia đình nhiều sức khỏe.

Hỏi: Người ta mua bán thường đi chùa để xin may mắn, vậy chị có đi không?

Trả lời: Chùa thỉnh thoảng đi thôi em. Dinh của Đức Cố là chị đi thường lắm. Dinh là nơi tín ngưỡng của người dân nơi đây, trong số đó có chị. Vì vậy, chị tin tưởng Đức Cố sẽ giúp cho bà con ở đây, những người đã tin vào Đức Cố.

Hỏi: Khung cảnh dinh và lễ hội ở đây chị thấy như thế nào?

Trả lời: Em ơi, khung cảnh ở đây chị thấy đẹp lắm. Em cũng thấy rồi đó, không gian rộng, gió mát, sông nước bao phủ, công trình kiến trúc chùa đồ sộ là nơi diễn ra lễ hội. Với cảnh vật này, lễ hội diễn ra thật sang trọng và linh thiêng. Sự tổ chức lễ hội nghiêm túc của dinh làm cho lễ hội tôn nghiêm, người dân càng thêm tin vào lễ hội.

Trân trọng cảm ơn chị!

Cuộc phỏng vấn kết thúc lúc 9 giờ, ngày 30 tháng 4 năm 2017.

Biên bản phỏng vấn số 4

Người trả lời: N. T. C (42 tuổi, nghề nghiệp tự do), ở Kênh Vĩnh Tế, An Giang

Thời gian: lúc 13 giờ 35 phút, ngày 30 tháng 4 năm 2017

Địa điểm: Tại Dinh Sơn Trung – xã Vĩnh An - huyện Châu Thành – tỉnh An Giang

Nội dung phỏng vấn

Hỏi: Xin cô cho hỏi, cô ở địa phương đây hay nơi khác tới vậy cô?

Trả lời: Em ở nơi khác tới đó anh. Em ở Cà Mau và em đi cùng ba mẹ đến đây. Cả nhà em năm nào cũng đi lễ hội Đức Cố.

Hỏi: Em có hay đến dinh thờ Trần Văn Thành không?

Trả lời: Em ở xa nên không tiện đi lại thường xuyên. Với lại, em đi làm nên không có thời gian rảnh nhiều. Một năm em đi một lần vào ngày lễ hội của ông.

Hỏi: Em thấy lễ ở đây như thế nào?

Trả lời: Lễ hội ở đây tổ chức được người dân tham gia nên lễ hội lớn. Số lượng người đi quá đông, thức ăn uống làm nhiều quá trời. Cái hay là lễ hội diễn ra nhộn nhịp, trật tự như một thói quen.

Hỏi: Em và gia đình đi lễ hội có mang lễ vật dâng cúng Trần Văn Thành không em?

Trả lời: Đi hội viếng Đức Cố nên phải có chừ anh, nếu không có trái cây thì cũng nhang đèn để thể hiện tấm lòng của mình với Đức Cố. Vì vậy, nhà em có ít trái cây mua ở chợ dâng cúng Đức Cố.

Hỏi: Khi thắp nhang cho Trần Văn Thành, em có cầu xin gì không?

Trả lời: Em chỉ xin Đức cố cho sức khỏe, làm việc thuận lợi, cha mẹ khỏe mạnh không bị bệnh. Đặc biệt, mỗi lần đi lễ hội về, em thấy vui, tâm hồn yên ổn.

Hỏi: Em có tham gia phần hội của dinh thờ Trần Văn Thành không?

Trả lời: Em không bỏ phần nào. Em ở trong dinh nên phần hội nào cũng xem. Từ hội diễn cho đến hội ẩm thực. Em thấy phần hội phong phú quá. Các tiết mục biểu diễn hay và đa dạng. Phần ẩm thực phong phú quá, các món ăn được nấu cầu kỳ, trang trí đẹp. Em rất thích phần hội ở đây.

Hỏi: Em thích nhất là tiết mục văn nghệ nào trong phần hội diễn?

Trả lời: Các tiết mục ở đây được nghệ sĩ biểu diễn rất hay. Trong các tiết mục đó, em thích nhất là tiết mục nói về anh hùng dân tộc Trần Văn Thành trong quá trình kháng Pháp. Hình ảnh Đức Cố oai phong lãnh đạo nghĩa quân kháng Pháp và sắp xếp công việc kháng Pháp thật hay.

Hỏi: Khi đi lễ hội, em tín ngưỡng Trần Văn Thành là anh hùng dân tộc hay người lãnh Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương?

Trả lời: Em tín ngưỡng hết vì ba mẹ em nói có thờ có thiêng, có kiêng có lành. Với lại, Trần Văn Thành là anh hùng dân tộc, đồng thời là một thủ lĩnh của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương để thấy được tài năng của ông. Vì vậy, em tín ngưỡng hết.

Trân trọng cảm ơn em!

Cuộc phỏng vấn kết thúc lúc 14 giờ 30, ngày 30 tháng 4 năm 2017.

Biên bản số 5: Người trả lời: P.V.T (Ban Quản lý đền)

Thời gian: lúc 9 giờ 35 phút, ngày 19 tháng 2 (âm lịch) năm 2018

Địa điểm: Tại đền Trần Văn Thành – Châu Phú – An Giang

Nội dung hỏi

Hỏi: Xin chú hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của ngôi đền thờ Trần Văn Thành?

Trả lời: Nơi đây ngày trước là căn cứ của nghĩa quân dùng để chống giặc Pháp và cũng là trại ruộng. Khi Quân cơ Trần Văn Thành mất tích hơn 20 năm, con của Đức Cố là Trần Văn Nhu cùng mẹ và người dân xây dựng ngôi đền này. Ngôi đền xây dựng với mục đích nhớ ơn người có công với vùng đất An Giang. Trần Văn Thành tham gia Bửu Sơn Kỳ Hương và được nhiều tín đồ tín nhiệm. Năm 1938, tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương đóng góp công sức, tiền của xây dựng lại ngôi đền cho đẹp. Đến năm 1948, pháp tấn công đốt đền chỉ còn lại 4 cây cột ở chính điện. Vào năm 1952, nhân dân quanh vùng chung góp tiền

của xây dựng lại ngôi đền khang trang. Khi đánh đuổi được giặc Pháp, hơn 10 năm sau, đền được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo quyết định số 235/VH – QĐ ngày 12 tháng 12 năm 1986. Từ đó, ngôi đền được chính quyền địa phương và nhân dân quan tâm nhiều hơn nên đóng góp tân trang lại ngôi đền thêm đẹp.

Hỏi: Xin chú cho biết cách chuẩn bị cho lễ hội Trần Văn Thành?

Trả lời: Công tác chuẩn bị lễ hội rất kỹ. Vì sau mỗi mùa lễ hội, Ban Tổ chức họp rút kinh nghiệm cho mùa lễ hội sau. Thăm chí, chúng tôi bắt tay ngay vào những khâu làm mất nhiều thời gian mới được sản phẩm phục vụ cho lễ hội như điêu khắc, tạo hình nghệ thuật trên cây,... Trước ngày lễ hội khoảng ba tháng, các anh em chúng tôi đã phân công và lên kế hoạch thực hiện lần lượt cho từng khâu phục vụ lễ hội. Vì vậy, công tác tổ chức, chuẩn bị cũng khá phức tạp nhưng năm nào cũng diễn ra lễ hội nên quen. “Đền thờ Trần Văn Thành ở An Giang này chuẩn bị rất kỹ cho lễ hội. Ban Tổ chức của chúng tôi họp nhiều lần để đưa ra phương án tốt cho lễ hội và cái hay ở lễ hội này là người dân trong vùng tự nguyện tham gia rất đông. Ai nấy cùng chung tay lo lễ hội còn hơn lo đám giỗ của người thân trong gia đình. Vì vậy, lễ hội tổ chức được thành công cao”.

Hỏi: Mỗi khi lễ hội đến, đền có chỉnh sửa hay làm mới lại không chú?

Trả lời: Từ khi xây dựng đền lại cho đến giờ, đền không có xây dựng mới thêm mà chỉ chỉnh sửa chỗ nào hư hỏng hoặc không phù hợp. Mỗi khi lễ hội đến, người dân ở đây đến phụ lau chùi, cắt cây cảnh, sắp xếp lại bàn ghế, chén đĩa cho gọn. Mọi người cùng nhau quét mạng nhện và rửa các li cúng trên bàn thờ.

Hỏi: Các vật cúng trên bàn thờ người dân có xem là vật thiêng không chú?

Trả lời: Có chứ. Mỗi khi lấy rửa phải thắp nhang xin các vị rồi mới được lấy. Vì các hiện vật cúng đó là của các vị mà. Khi rửa, người dân cẩn thận lắm không để bị hư hỏng hay bị nứt. Rửa xong, họ phơi một cách trang trọng.

Hỏi: Các lễ vật người dân đem đến thắp cho Trần Văn Thành thường là lễ vật gì chú?

Trả lời: Các lễ vật người dân mang cúng cho Đức Cố đa dạng lắm. Vì người dân khắp nơi đến thắp hương cho Đức Cố, có người mang theo lễ vật của vùng quê họ đến, có người mua đem đến cúng. Trái cây, hoa tươi là đa dạng nhất. Họ tạo thành giỏ, thành mâm rất đẹp nhìn vào là biết vật cúng. Lễ vật có khi là heo quay hay heo trắng đem đến cúng. Lễ vật nhiều nhất là vào ngày lễ hội. Họ đi từng đoàn mang theo nhiều lễ vật cúng. Ngày bình thường thì lễ vật ít hơn, người dâng trong vùng đến cùng nhiều, khách phương xa có nhưng không nhiều. Tóm lại, lễ vật cúng rất phong phú.

Trân trọng cảm ơn chú!

Cuộc phỏng vấn kết thúc lúc 11 giờ, ngày 19 tháng 2 (âm lịch) năm 2018.

Biên bản số 6: Người trả lời: T.M.H (Phó Ban quản lý thường trực)

Thời gian: Lúc 14 giờ 10 phút, ngày 20 tháng 2 (âm lịch) năm 2018

Địa điểm: Tại đền Trần Văn Thành – Châu Phú – An Giang

Nội dung phỏng vấn

Hỏi: Thưa chú, xin chú cho biết lượng khách đi lễ hội mỗi năm là bao nhiêu?

Trả lời: Đền không biết rõ chính xác nhưng lễ hội có số người đến mỗi năm khoảng 3000 đến 4000 người. Người dân ở nhiều nơi đến chứ không phải đều là dân của địa phương.

Hỏi: Chú hãy cho biết người dân đến lễ hội Trần Văn Thành nhằm mục đích gì?

Trả lời: Theo tôi, người dân đến đây với mục đích lớn nhất là quý mến Đức Cố và lòng biết ơn ông hi sinh cả đời vì nước để hôm nay mọi người được ấm no. Ngoài ra, người dân còn có nhu cầu về tâm linh, giải trí và du lịch.

Hỏi: Lễ hội Trần Văn Thành có phần lễ và hội diễn ra như thế nào chú?

Trả lời : Lễ hội diễn ra trong ba ngày, mỗi ngày đều có đang xen phần lễ và phần hội nhằm thu hút người dân. Trong đó, phần lễ người dân tham gia đông nhưng rất nghiêm túc, trang nghiêm. Phần hội gồm nhiều trò chơi như bắt vịt, cà kheo,... được sự tham gia nhiệt tình của người dân. Vì vậy, phần lễ và hội được người dân quan tâm nhiều nhất.

Hỏi: Trong phần lễ và phần hội có những đặc điểm gì nổi bật không chú?

Trả lời: Phần lễ có nhiều nét nổi bật là ảnh hưởng của Bửu Sơn Kỳ Hương nên các nghi lễ có ít hơn lễ hội Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang. Phần hội tổ chức lớn giống như các lễ hội khác trong vùng như cũng sân khấu hóa, các hội thi, hội diễn,... Cái đặc điểm nổi bật nhất trong phần lễ và hội là gắn liền với anh hùng Trần Văn Thành mà được người dân yêu quý. Lễ hội Nguyễn Trung Trực đãi ăn chay còn lễ hội Trần Văn Thành ăn mặn. Mỗi mùa lễ hội làm khoảng 15 con heo và ăn uống như tiệc.

Hỏi: Đền thờ có phân biệt lễ vật dâng cúng Trần Văn Thành không chú?

Trả lời: Mỗi năm, ngày hội của Đức Cố được người dân hưởng ứng rất đông. Bà con cô bác ai cũng tôn kính Đức Cố Trần Văn Thành nên đem vật phẩm dâng cúng, ai có vật cúng nào thì cúng vật cúng đó. Ở đây, đền không phân biệt người cúng nhiều hay cúng ít mà chỉ quan tâm người dân đến lễ hội, đến với Đức Cố bằng cả tinh thần, niềm

tin và sự tôn kính. Vì vậy đến với ngày hội của Đức Cố, người giàu hay nghèo có thể tham gia được hết không phân biệt vật chất to hay nhỏ.

Hỏi: Kinh phí tổ chức lễ hội là tiền tự bỏ ra hay người dân đóng góp vậy chú?

Trả lời: Kinh phí tổ chức lễ hội trước kia người dân đóng góp nhiều nhưng trong những năm gần đây tiền tự chi thu và sự đóng góp nhân dân rất ít. Vì tiền có kinh phí nên hạn chế tiếp nhận của người dân.

Hỏi: Xin chú hãy cho biết xu thế phát triển lễ hội trong thời gian tới?

Trả lời: Hàng năm, chúng tôi tổ chức lễ hội Trần Văn Thành như thường lệ. Ban Tổ chức nghiên cứu để có một lễ hội vừa đáp ứng nhu cầu của người dân, vừa thích nghi sự tiến bộ của xã hội đương đại.

Hỏi: Anh hùng Trần Văn Thành có công phát triển Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương như thế nào chú?

Trả lời: Đức Cố là đại đệ tử của Phật Thầy Tây An. Từ khi Đức Cố tham gia học đạo với Đức Thầy, Đức Thầy luôn xem Trần Văn Thành là một đại đệ tử tin cậy nhất. Vì vậy, Trần Văn Thành làm nhiều việc quan trọng giúp nước như: Việc cặm thẻ để bảo vệ đất nước, đưa Trần Văn Thành đi khai hoang vùng Láng Linh là nơi trọng yếu để chống giặc Pháp. Đặc biệt, Đức Cố được Phật Thầy Tây An giao cho ấn để tiếp quản và phát triển đạo. Anh hùng dân tộc Trần Văn Thành đã làm tốt việc đạo và đời để lại trong lòng người dân sự tôn kính. Ngày nay, tín đồ Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương luôn biết ơn công lao của Trần Văn Thành đã phát dương đạo.

Hỏi: Anh hùng Trần Văn Thành được người dân tín ngưỡng như thế nào chú?

Trả lời: Chú có biết không, tín ngưỡng anh hùng dân tộc Trần Văn Thành được người dân tin tưởng, tôn kính. Sự tích hợp ở Trần Văn Thành vừa là một đấng anh hùng, vừa là một cao đồ hay một vị Phật trong Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương nên được người dân rất tín ngưỡng. Chính vì người dân tín ngưỡng Đức Cố nên mùa lễ hội nào người dân tham gia rất đông. Không phải chỉ có lễ hội, ngày thường dân chúng vùng này cũng đến thấp nhang cầu xin may mắn, an lành và mùa màng được bội thu. Vì sự tích hợp ở Trần Văn Thành nên người dân đến tham quan, cúng viếng rất đa dạng: trai, gái, già, trẻ, các ngành nghề khác nhau.

Trân trọng cảm ơn Chú!

Cuộc phỏng vấn kết thúc lúc 15 giờ 20 phút ngày 20 tháng 2 (âm lịch) năm 2018.

Biên bản số 7:

Người trả lời: T. T. T (Làm vườn), 57 tuổi, quê ở Châu Đốc

Thời gian: lúc 10 giờ 10 phút, ngày 21 tháng 2 (âm lịch) năm 2018

Địa điểm: Tại đền Trần Văn Thành – Châu Phú – An Giang

Nội dung phỏng vấn

Hỏi: Xin cô cho biết, cô có thường đi đến đền của Trần Văn Thành không cô?

Trả lời: Tôi là người dân An Giang nên mỗi năm lễ hội đến tôi đều đến đền và phụ làm công quả.

Hỏi: Mỗi năm cô đi đến đình bao nhiêu lần cô có nhớ không cô?

Trả lời: Ngoài lễ hội ra, tôi đến đền cũng thường. Tôi không nhớ rõ bao nhiêu lần. Vì tôi đi thường xuyên lắm nên không nhớ hết.

Hỏi: Nhà cô có thờ Trần Văn Thành không cô?

Trả lời: Nhà cô không có lập bàn thờ thờ anh hùng dân tộc Trần Văn Thành. Vì vậy, cô không có thờ Đức Cố. Nhưng niềm tin trong cô với Đức Cố rất cao nên có việc gì khó khăn cô đến đền xin là Đức Cố giúp cho. Mọi việc khó khăn mấy cũng có hướng giải quyết tốt đẹp là do Đức Cố chỉ bảo cho.

Hỏi: Cô đi đến đền Trần Văn Thành có mang lễ vật gì cúng không cô?

Trả lời: Cô đến đền thường nên chỉ mang lễ vật cúng vào ngày rằm hay mùng một hàng tháng. Lễ vật cô mang đi đến đền là trái cây để thắp hương cho Đức Cố. Cô đi ra chợ thấy trái cây ngon, đẹp là cô mua nên mỗi lần đi cô mua trái cây khác nhau. Khi nào trái cây vào mùa rẻ cô mua nhiều còn giá cao cô mua ít thể hiện tấm lòng là chính.

Hỏi: Khi tham gia lễ hội, cô có tâm đắc yếu tố hay chi tiết nào trong lễ hội không cô?

Trả lời: Mỗi khi đến lễ hội, cô đều đi hội và không có năm nào cô bỏ. Vì vậy, cô thấy thích lễ hội đáp ứng được niềm tin của con người đối với Đức Cố. Những dịp như thế này là lúc con người thể hiện niềm tin, sự tự hào có một người anh hùng của vùng đất An Giang. Ngoài ra, cô thấy khâu tổ chức lễ hội rất tốt theo một trình tự. Người dân tham gia hội thấy vui và hài lòng. Lễ thức không cầu kì nhưng chứa đựng cả tâm tình của người đi hội với Trần Văn Thành. Thức ăn được đền đãi cho người dân ăn rất chu đáo. Mọi người rất vui vẻ khi đến lễ hội này.

Hỏi: Cô có biết lễ hội của Trần Văn Thành diễn ra vào ngày tháng năm nào không cô?

Trả lời: Cô có biết đó con. Đó là các ngày 20/ 21/ 22 tháng 2 âm lịch hàng năm được tổ chức tại đền này. Năm nào cô cũng đến phụ dọn dẹp khi đến lễ hội nên cô biết rõ

lắm. Nhưng ở đây không phải một mình cô nhớ ngày lễ giỗ đâu con mà phần lớn người dân ở đây đều nhớ.

Hỏi: Cô có thấy lễ hội sử dụng những yếu tố công nghệ không cô?

Trả lời: Công nghệ thì cô biết nhưng không nhiều nhưng cô thấy có. Vì lễ hội càng ngày Ban Tổ chức càng làm đẹp từ khâu trang trí cho đến các tiết mục lễ và hội. Các trò chơi cũng có dùng công nghệ như chơi cờ tướng trên màn ảnh rộng. Phần lễ giờ đôi khi không phải người đọc văn tế nữa mà thay vào đó bằng máy đọc,... Tất cả, các yếu tố đó chỉ có trong thời gian gần đây nhưng mà có sự kết hợp đó cô thấy đẹp và hiện đại quá.

Hỏi: Cô có biết vì sao người dân tham gia lễ hội Trần Văn Thành đông như vậy không?

Trả lời: Theo cô thấy lễ hội miền Tây quê mình thu hút nhiều người tham gia lắm như lễ hội Bà Chúa Xứ,... Họ tham gia hội với nhiều nhu cầu khác nhau, có người đi chơi, có người đến để cầu xin, có người đến để nghiên cứu như cháu đây. Tất cả cái đó làm cho lễ hội thêm đông người tham dự. Riêng lễ hội Trần Văn Thành là lễ hội gắn với lịch sử, cái cụ thể là chống giặc Pháp. Đây là mong ước của người dân An Giang lúc bấy giờ. Trần Văn Thành đã tạo ra được lòng tin và trang sử vàng cho quê hương nên người dân vô cùng biết ơn. Lễ hội đến tham gia để thể hiện lòng thành kính với Đức Cố.

Trân trọng cảm ơn cô!

Cuộc phỏng vấn kết thúc lúc 11 giờ 15 phút, ngày 21 tháng 2 (âm lịch) năm 2018.

Biên bản số 8: Người trả lời: T. T. T (Làm ruộng), 35 tuổi, quê ở An Giang

Thời gian: Lúc 9 giờ 10 phút, ngày 30 tháng 4 năm 2022

Địa điểm: Tại đền Trần Văn Thành – Châu Phú – An Giang

Nội dung phỏng vấn

Hỏi: Xin cô cho biết, cô có đến đền Trần Văn Thành thường không?

Trả lời: Tôi còn nhỏ ở địa phương đây nên đến đền thường xuyên. Nhưng khi tôi tốt nghiệp và lên Thành phố học rồi làm việc ở đó. Hôm nay, tôi đến đền vì được nghỉ lễ nên đến viếng đền Đức Cố.

Hỏi: Mỗi năm đền tổ chức lễ hội cô có về tham gia không?

Trả lời: Tôi làm việc cho công ty nên phải đảm bảo thời gian của công việc. Vì vậy, tôi ít khi được tham gia lễ hội như hồi còn trẻ nhỏ.

Hỏi : Cô đến đền Trần Văn Thành như hôm nay nhằm mục đích gì cô?

Trả lời: Tôi về quê hương lần nào cũng chạy đến viếng Đức Cố. Mong Đức Cố phù hộ cho được khỏe mạnh và ban cho sức khỏe để lao động.

Hỏi: Cô thấy lễ hội Trần Văn Thành từ năm 2015 – nay có thay đổi gì so với trước kia không?

Trả lời: Tôi cũng không biết sự thay đổi nhiều nhưng gần đây tôi nghe mẹ tôi nói lại là: người đi lễ hội đông hơn, lễ hội tổ chức lớn hơn. Người đi hội văn minh, không chen lấn hay xô đẩy nhau lúc làm lễ. Các đoàn đến lễ hội càng đông và niềm tin của người dân đối với Đức Cố ngày càng nhiều.

Hỏi: Cô mang lễ vật gì cúng cho Trần Văn Thành?

Trả lời: Nhà tôi có một mảnh vườn nhỏ trồng được một ít cây trái. Tôi chăm sóc từng trái một để không bị hư hay méo mó. Tôi lấy bao lưới sạch bọc từng trái cho côn trùng không đốt được. Khi đến ngày giỗ Đức Cố, tôi ra vườn chọn từng trái ngon hái bỏ vào giỏ cẩn thận rồi mang sang đền sắp lên mâm thắp nhang cho ông. Mặc dù, giá trị vật chất của giỏ trái cây không cao nhưng tôi thấy rất vui nên tôi làm việc này hàng năm Trân trọng cảm ơn Cô!

Cuộc phỏng vấn kết thúc lúc 11 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 4 năm 2022

Biên bản số 9: Một số nội dung phỏng vấn nhanh người đi lễ hội (2023)

Hỏi: Đoàn đi lễ hội mang lễ vật gì cúng ông Trần Văn Thành?

Trả lời: Anh Năm (45 tuổi) đại diện đoàn Đồng Tháp đi viếng Trần Văn Thành cho biết: “Chúng tôi đến lễ hội Trần Văn Thành mang theo hoa quả của quê nhà như thanh long, quýt, nhãn, xoài cát,... và một số loại bánh. Các loại này chúng tôi mua ở các cửa hàng hay ở chợ. Chúng tôi chọn loại quả và gói lại thành gói quà như thế này để dâng cúng cho trang trọng”.

Hỏi: Chú Mười, chú có biết về sự hi sinh của Trần Văn Thành?

Trả lời: Chú nghe nói: Đức cố quản trong bộ đồ màu điều đã biến mất trước mắt quân Pháp trong lần xung trận cuối cùng.

Hỏi: Xin bác Hai cho biết lễ hội cúng giỗ ông Trần Văn Thành lần thứ 148 này có giống như cúng giỗ ông bà tổ tiên không?

Trả lời: Đối với chúng tôi, việc thờ Đức Cố quản giống như thờ tổ tiên, cha mẹ. Là lòng biết ơn đối với người đã cho mình thân xác, tâm hồn, được sống áo ấm cơm no, bình yên và hạnh phúc. Việc tôn thờ Đức cố quản là thể hiện tứ đại ân mà bất cứ tín đồ

hay người dân An Giang bình thường đều rất coi trọng. Hàng năm, tới ngày giỗ, người dân chúng tôi đều gát công việc làm ăn để đi dự. Gia đình nào không đi được thì làm Lễ giỗ tại nhà để tỏ lòng biết ơn và nguyện noi gương tốt của ông.

Còn cô Út (40 tuổi) quê ở Tân Châu cũng có đồng quan điểm như sau:

Đức Cố là thần hộ mạng của người dân nơi đây. Mỗi khi có điều gì khó khăn chúng tôi cầu nguyện ông phò hộ để vượt qua. Đối với chúng tôi, ông vừa là thần vừa cũng rất gần gũi như ông bà, cha mẹ. Cho nên ngày giỗ hàng năm những người tụ về làm giỗ tự xem mình là “con cháu” của ông. Tôi lấy làm vui vì mỗi năm tổ chức Lễ giỗ, các “con cháu” của ông về dự rất đông, năm sau đông hơn năm trước.

Hỏi: Anh có thấy giáo lý của Phật Thầy Tây An khác với các tôn giáo khác không?

Trả lời: Anh Ba (38 tuổi) quê ở thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang nhận xét như sau:

Tôi có tìm hiểu và đọc sách về giáo lý của một số tôn giáo khác như: Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành,... Tôi thấy giáo lý (Sám Giảng) của Phật Thầy Tây An để lại cho đời sau rất lạ và hay. Đó là cách viết giáo lý theo thể thơ lục bát. Thơ luôn có vần điệu dễ nhớ, dễ thuộc trao truyền nhau rất dễ. Tôi thấy đây là sự thành công của Phật Thầy Tây An mà Trần Văn Thành đã xiển dương thành công đó đến với người dân An Giang.

Hỏi: Năm nay, đoàn từ thiện món gì vậy chú?

Trả lời: Chú Hai (40 tuổi) đại diện cho đoàn làm từ thiện đến từ huyện Châu Thành tỉnh An Giang nói về việc làm của đoàn như sau:

Mỗi năm, mùa lễ hội về là chúng tôi họp nhau và đưa ra kết hoạch làm từ thiện, coi như là một loại lễ vật dâng cúng Đức cố quản. Chúng tôi phải góp công sức, tiền của lại và tính toán nấu món ăn, nước uống. Như năm nay, đoàn của chúng tôi làm bánh xèo chay trước để Đức cố, sau phục vụ bà con đi lễ hội. Làm được chúng tôi vui lắm! Chúng tôi nguyện cầu Đức cố linh thiêng ban cho phước lành, khỏe mạnh, làm ăn thành công có chút tiền và mỗi năm được làm từ thiện như thế này.

Hỏi: Cô có thấy ông Trần Văn Thành đáp ứng được nhu cầu tâm linh không?

Trả lời: Cô Bốn ngụ ở Chợ Mới tham dự lễ giỗ ở Dinh Sơn Trung khẳng định:

Tôi rất tin vào sự linh thiêng của ông. Hàng năm giỗ ông, tôi đều làm mấy mâm xôi, trái cây dâng cúng để cầu bình an, khỏe mạnh. Tôi đã lớn tuổi rồi nên không mong tiền tài mà chỉ mong có sức khỏe để năm nào cũng dự lễ cúng Ông. Muốn được Ông chúng giám phải có thiện tâm, về nhà làm được nhiều chuyện tốt đẹp. Làm chuyện tốt

đẹp theo Ông là tích phước cho con cháu. Chú thấy đó, nếu bà con không có niềm tin sao đi đông dữ vậy!

Cùng nhận định ông Trần Văn Thành linh thiêng mà chúng tôi thu thập qua các chuyến khảo sát đã chứng minh phần nào nhận định trên:

Mỗi lần đi Lễ giỗ tôi thấy mấy chuyện đau buồn của gia đình tôi không là gì cả so với cuộc đời và sự hi sinh của Đức cố quản. Khi tôi lạy và nguyện trước bàn thờ của ông, tự nhiên tôi thấy có sức mạnh, đầu óc sáng suốt, tinh thần thoải mái. Sau đó làm ăn đỡ hơn, gia đình vợ con cũng vui vẻ hơn. Nên năm nào tôi kẹt không đi được thì vợ con tôi cũng phải đi cúng ông.

Và một ý kiến của ông Chín (70 tuổi) ở huyện Chợ Mới như sau:

Nhà tôi làm ruộng, chỗ đất đó không tốt, hay bị mất mùa. Con cái học hành không giỏi, chưa tới lớp 5 đã nghỉ rồi! Cả đời tôi và bà xã quần quật mà vẫn không dư dả. Hồi đó nhiều lúc nghĩ quẩn tôi muốn bỏ đi tu cho rồi. Bí bách quá tôi đến cầu xin Đức cố phò hộ cho tôi. Ngày nào đi ngang chùa tôi đều ghé đốt nhang cầu nguyện. Từ đó, dần dần gia đình tôi bớt khó khăn. Mấy đứa nhỏ lớn lên cũng sống đàng hoàng, tử tế, có công ăn việc làm. Tất cả đều nhờ Đức cố phò hộ. Cho nên, năm nào tôi cũng đi Lễ giỗ của ông. Tính đến nay cũng hơn 40 năm rồi!

Hỏi: Anh có biết truyền thuyết nào về ông Trần Văn Thành không?

Trả lời: Ông T.T.D (32 tuổi), làm ruộng, quê ở Châu Phú, An Giang cho biết: “ Tôi thuộc thế hệ hậu bối nên không biết hết về những câu chuyện các vật linh thiêng mà ông Trần Văn Thành sử dụng trong khởi nghĩa. Tôi có nghe ông bà kể về sự huyền bí của chiếc ghe chừ cũng không biết là có đúng như vậy không? Khi tôi tham gia lễ hội, tôi mới thấy người dân tin ngưỡng ông Trần Văn Thành quá lớn. Tôi mới nghĩ về những điều ông bà tôi kể lại và tôi tin vào sự huyền bí của ghe cũng giống như bao người đi lễ hội đây”.

Hỏi : Anh thấy Dinh Ông Thê có gì đặc biệt ?

Trả lời: Một người dân (anh Nguyễn Văn Ba (45) quê ở Thành phố Hồ Chí Minh) đi lễ hội cho rằng: Cái lạ của Dinh Ông Thê số 2 này là kiến trúc rất độc đáo. Kiến trúc này có thể ẩn chứa nhiều bí ẩn linh thiêng mà người dân bình thường như tôi hiểu rất đơn giản là trừ tà ma chứ không giải thích được hết văn hóa của bát quái ấy. Với kiến trúc này, tôi thấy rất tâm linh. Phần lớn, người đi lễ hội ở đây cũng nghĩ như tôi. Ông Thê được thờ ở đây rất lạ. Đó là một vật hằng ngày người ta nhìn thấy nhưng có một sức mạnh vô biên là giúp người dân được bình an. Yếu tố tâm linh này đã thu hút được người dân như tôi.

PHỤ LỤC 4. MỘT SỐ CƠ SỞ THỜ TRẦN VĂN THÀNH

Số thứ tự	Tên cơ sở thờ tự Trần Văn Thành	Địa điểm (tỉnh An Giang)
1	Chùa Vườn Bông	Xã Bình Thạnh Đông, Phú Tân
2	Đền thờ Trần Văn Thành	Xã Bình Thạnh Đông, Phú Tân
3	Đền thờ Quán Cơ Trần Văn Thành	Xã Thạnh Mỹ Tây, Châu Phú
4	Đền thờ Đức Quán Cơ Trần Văn Thành	Xã Vĩnh An, Châu Thành
5	Dinh Sơn Trung	Xã Vĩnh An, Châu Thành
6	Dinh Cố Quán Trần Văn Thành	Xã Phú Bình, Tân Phú
7	Dinh ông Thê	Xã Cần Đăng, Châu Thành
8	Dinh ông Thê	Thị trấn Cái Dầu, Châu Phú
9	Dinh ông Thê	Xã Vĩnh Thạnh Trung, Châu Phú
10	Dinh Hưng Trung	Xã Bình Chánh, Châu Phú
11	Bửu Hương các	Xã Thạnh Mỹ Tây, Châu Phú
12	Nam Long tự	Xã Đào Hữu Cảnh, Châu Phú

PHỤ LỤC 5. CÁC BÀI VĂN CÚNG

BÀI NGUYỆN CÚNG BÀ TIỀN GIẢNG

Nam mô a di đà phật

Cúi kính dâng hương trước án tiền.

Oai linh phổ chiếu độ nhân dân.

Hôm nay là ngày mùng 4 tháng 5 năm ... là ngày kỉ niệm Lần Thứ 149 Đức Bà Cố. Nay là lễ cúng tiền giảng. Chúng con ban bảo vệ hợp cùng nhân dân. Đại biểu đồng đảng hiện diện trong buổi cúng, đồng thiên tâm khẩn nguyện. Kính cầu oai linh Đức Ông Cố Bà Cố, Đức Ông Bà Bồn Láng. Trăm quan các Ngài. Thập đội quân cơ binh Gia Nghị. Các anh linh liệt sĩ hi sinh vì tổ quốc. Phong hoà vũ thuận. Nhân dân trong Bồn Láng được vạn sự lành. Phổ độ cho bá tánh vạn dân, tiêu tai tịnh sự, giải thoát mê ly. Nam mô a di đà phật.

BÀI NGUYỆN HƯƠNG CÚNG CHÁNH

Nam mô a di đà phật

Trước án tiền chánh điện. Khẩn nguyện oai linh Đức Ông Cố, Bà Cố. Đức Ông Bà Bồn Láng. Trăm quan các Ngài. Thập đội quân cơ binh Gia Nghị. Các anh linh liệt sĩ hi sinh vì tổ quốc.

Hôm nay là ngày mùng 5 tháng 5 năm... nay nhằm lễ chánh cùng kỉ niệm Đức Bà Cố lần thứ... Ban bảo vệ cùng nhân dân chúng con, chung sức chung lòng, tề tựu về ngôi chánh điện đền thờ tổ chức mua sắm lễ vật. Thứ phẩm chí nghi, tuy lễ dầu đơn bạc nhưng hết dạ kính thiên. Ngưỡng vọng ân đức các ngài, đồng lai phối hưởng, cảm ứng chứng minh. Kính cầu oai linh đức Ông Bà Cố. Đức Ông Bà Bồn Láng. Trăm quan các Ngài. Thập đội quân cơ binh Gia Nghị. Các anh hùng liệt sĩ hi sinh vì tổ quốc. Gia hộ cho quốc thái dân an, mưa hoà gió thuận. Nhân dân trong Bồn Láng được vạn sự lành. Phổ độ cho bá tánh vạn dân, tiêu tai tịnh sự, giải thoát mê ly. Chúng đồng thiên tâm vong báo. Nam mô a di đà phật.

BÀI NGUYỆN HƯƠNG CÚNG NGỌT

Nam mô a di đà phật

Hôm nay là ngày mùng 4 tháng 5 năm... lễ cúng kỉ niệm Đức Bà Cố lần thứ... Chúng con ban bảo vệ cùng bà con nhân dân có thiết lễ vật dâng cúng ngọt. Nay chúng con đồng thiên tâm kính thỉnh. Đức Ông Cố Bà Cố. Đức Ông Bà Bồn

Láng. Trăm quan các ngài. Thập đội quân cơ binh Gia Nghi. Các anh hùng liệt sĩ hi sinh vì tổ quốc. Lai lâm chứng giám. Đồng lai phục vì phối hương, lễ vật dâng cúng. Cầu oai linh ân đức của các Ngài, gia hộ cho quốc thái dân an. Nhân dân trong Bồn Láng được vạn sự lành, phổ độ cho bá tánh vạn dân, tiêu tai tịnh sự, giải thoát mê ly. Nam mô a di đà phật.

**BÀI NGUYỆN HƯƠNG TIỀN GIẢNG CHÁNH CÚNG ĐỨC CỐ
+ BÀI NGUYỆN HƯƠNG TIỀN GIẢNG**

Nam mô a di đà phật

Cúi kính dâng hương trước án tiền.

Oai linh phổ chiếu độ nhân dân.

Hôm nay là ngày 21 tháng 2 năm... ki niệm Đức Cố lần thứ... năm. Nay là lễ cúng tiền giảng, chúng con ban bảo vệ hợp cùng nhân dân, đại biểu đồng đảng, hiện diện trong buổi cúng đồng thiên tâm khẩn nguyện. Kính cầu oai linh Đức Cố, Đức Ông Bà Bồn Láng. Trăm quan các Ngài. Thập đội quân cơ binh gia nghi. Các anh linh liệt sĩ hi sinh vì tổ quốc. Lai lâm chứng giám, lễ vật dâng cúng. Cầu oai linh ơn đức của các Ngài. Gia hộ cho quốc thái dân an, phong hòa vũ thuận. Nhân dân trong Bồn Láng được vạn sự lành, phổ độ cho bá tánh vạn dân, tiêu tai tịnh sự, giải thoát mê ly. Nam mô a di đà phật.

+ BÀI NGUYỆN HƯƠNG CHÁNH CÚNG

Trước an tiền chánh điện. Khẩn nguyện oai linh Đức Cố, Bà Cố, Đức Ông Bà Bồn Láng. Trăm quan các Ngài. Thập đội quân cơ binh gia nghi. Các anh linh liệt sĩ hi sinh vì tổ quốc.

Nam mô a di đà phật

Hôm nay ngày 22 tháng 2 năm... nay nhằm lễ chánh tế kỷ niệm Đức Cố lần thứ... ban bảo vệ cùng nhân dân chúng con, chung sức chung lòng. Tề tựu về ngôi chánh điện đền thờ. Tổ chức mua sắm lễ vật, thứ phẩm chí nghi. Tuy lễ dầu đơn bạc, nhưng hết dạ kính thiên, ngưỡng vọng ân đức các ngài đồng lai phối hưởng, cảm ứng chứng minh. Kính cầu oai linh Đức Cố. Đức Ông Bà Bồn Láng. Trăm quan các Ngài. Thập đội quân cơ binh Gia Nghi. Các anh lính liệt sĩ hi sinh vì tổ quốc. Gia hộ cho quốc thái dân an, mưa hoà gió thuận. Nhân dân trong Bồn Láng được vạn sự lành. Phổ độ cho bá tánh vạn dân, tiêu tai tịnh sự. giáp thoát mê ly. Chúng con đồng thiên tâm vọng bái. Nam mô a di đà phật.

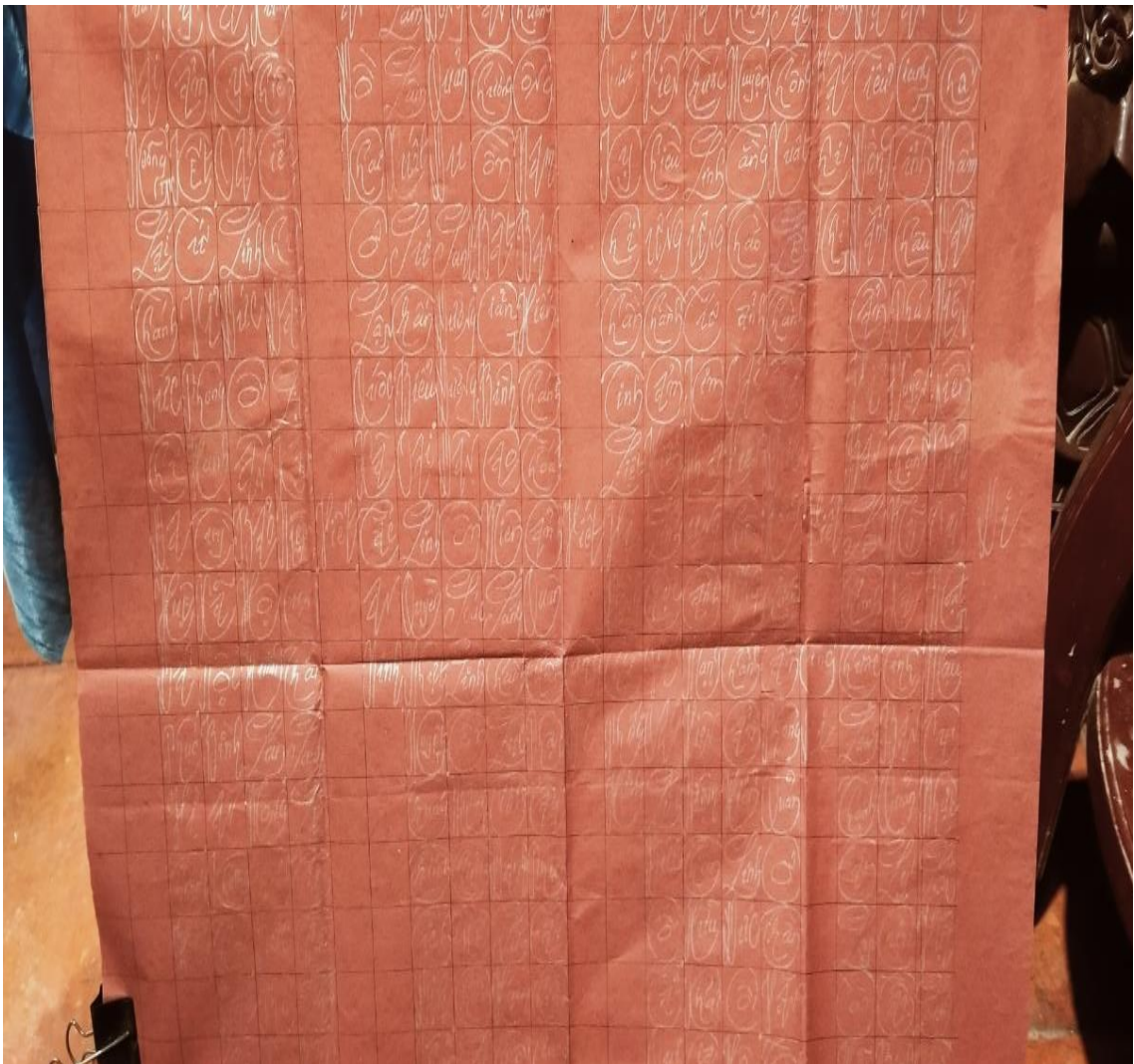
+ BÀI NGUYỆN HƯƠNG CÚNG NGỌT

Nam mô a di đà phật

Cúi kính dâng hương trước án tiền.

Oai linh phổ chiếu độ nhân dân.

Hôm nay là ngày 21 tháng 2 năm... lễ cúng kỷ niệm Đức Cố lần thứ... năm. Chúng con ban bảo vệ và bà con nhân dân có thiết lễ vật dâng cúng ngọt. Nay chúng con đồng thiên tâm kính thỉnh. Đức Ông Cố, Bà Cố, Đức Ông Bà Bồn Láng. Trăm quan các Ngài. Thập đội quân cơ binh Gia Nghị. Các anh linh liệt sĩ hi sinh vì tổ quốc. Lại làm chứng giám, đồng lai phục vì phối hưởng lễ vật dâng cúng. Cầu oai linh ơn đức của các ngài gia hộ cho quốc thái dân an, nhân dân trong Bồn Láng được vạn sự lành. Phổ độ cho bá tánh vạn dân tiêu tai tỉnh sự giải thoát mê ly. Nam mô a di đà phật. Phổ độ cho bá tánh vạn dân tiêu tai tỉnh sự giải thoát mê ly. Nam mô a di đà phật.



Hình 68: Văn khấn Trần Văn Thành ở Bửu Hương Tự, 2022, NCS

XÁ NGHI HƯƠNG ÁN TIỀN

Thượng	Hương		
Hưng	Bình	Thân	(lạ 2 lạ)
Cúc	Cung	Bái	
Hưng	Bình	Thân	
Giai	Qùy		
Nghệ	Nhạc	Sở	
Tác	Nhạc		
Cung	Nghinh	Tiền	Giảng
Hưng	Bình	Thân	(lạ 2 lạ)
Cúc	Cung	Bái	
Hưng	Bình	Thân	
Giai	Qùy		
Châm	Tửu		
Hưng	Bình	Thân	(lạ 2 lạ)
Cúc	Cung	Bái	
Hưng	Bình	Thân	
Giai	Qùy		
Châm	Tửu		
Hưng	Bình	Thân	(lạ 2 lạ)
Cúc	Cung	Bái	

NGHI CÚNG NGỌT

Ban	Bảo	Vệ	Tựu	Vị		
Quý	Bô	Lão	Tựu	Vị		
Cửu	Soát	Té	Vật			
Bài	Ban	Ban	Tề			
Kích	Thoát	Bác Nhã	Thần	Chung	Tam	Chuyên
Ban	Bảo	Vệ	Phục	Vị		
Nghệ	Quán	Tỷ	Sở			
Quán	Tỷ					

Phế	Cân
Giai	Quý

TUẦN TRÀ

Nghệ	Trà	Tôn Sở	Tư Tôn	Giã	Cử	Mịch
Điểm	Trà					
Hưng	Bình	Thân				
Tạ	Oai	Linh	Đức	Cố		
Cúc	Cung	Bái	(lạy 4 lạy)			
Hưng	Bình	Thân				
Lễ	Thiên					
Xảo	Thối					

CHUNG HIẾN LỄ

Nghệ	Tửu	Tôn sở	Tư tôn	Giã	Cử	Mịch
Giai	Quý					
Châm	Tửu					
Nghệ	Thần	Vị	Tiền			
Thượng	Tửu					
Hưng	Bình	Thân				
Cúc	Cung	Bái	(lạy 2 lạy)			
Hưng	Bình	Thân				
Nghệ	Kinh	Trà				
Điểm	Trà					

NGHI CÚNG ĐÌNH (TIỀN GIẢNG)

Ban	Quý	Tế	Tự	Vị		
Ban	Bảo	Vệ	Tự	Vị	Chùa	
Quý	Bô	Lão	Tự	Vị		
Quý	Thân	Hào	Nhân	Sĩ	Tự	Vị
	Sát	Tế	Vật	(chùa)		

Bài	Ban	Ban	Tề			
Nghệ	Quán	Tây	Sở			
Quán	Tây					
Phé	Cân					
Giai	Quỳ					
Phàn	Hương	Phát hương				
Nguyễn	Hương	Thu hương				
Nghệ	Hương	Án	Tiền			
Thượng	Hương					
Nghệ	Nhạc	Sở				
Tác	Nhạc					
Cung	Nghinh	Oai	Linh	Đức	Bà	Cố
Hung	Bình	Thân	(lạy 2 lạy)			
Cúc	Cung	Bái				
Hung	Bình	Thân				
Giai	Quỳ					
Phé	Cân					
Giai	Quỳ					
Phàn	Hương	Phát hương				
Nguyễn	Hương	Thu hương				
Nghệ	Hương	Án	Tiền			
Thượng	Hương					
Nghệ	Nhạc	Sở				
Tác	Nhạc					
Cung	Nghinh	Oai	Linh	Đức	Bà	Cố
Hung	Bình	Thân				